

Văn hữu

QUÊ HƯƠNG
NGƯỜI
CỘNG SẢN
Ở ĐÂU?

TẠI SAO CỘNG SẢN BÀNH TRƯỚNG ? —
QUỐC MINH ★ GÁI THỜI LOẠN —
VI HUYỀN ĐẮC ★ NHỮNG KINH
NGHIỆM CHỐNG CỘNG — SUZANNE
LABIN ★ CÂU CHUYỆN MỘT BÀN
TAY — TƯỜNG LINH ★ BÓNG TỐI
THỨC DẬY — ĐỨC QUANG ★ TRONG
Ý MÙA THU — HOÀI KHANH ★
NHỜ TÀU — CÔ TUYẾT HƯƠNG ★
BÊN THỀM — TRỤ VŨ ★ THEO DÕI
MỘT CUỘC TRANH LUẬN — QUỐC
MINH ★ TỒNG THỐNG KENNEDY LÀ
AI ? — T. V. L. ★ NỤ HOA VÀNG
NGÀY XUÂN — KIM TUẤN ★ KHOA
HỌC VÀ TÔN GIÁO — SĨ TRUNG ★
NẠN NHÂN MẮN — HOÀNG LAN ★
NHỮNG VẤN ĐỀ THỜI ĐẠI .

XUÂN KHÔNG MÙA

kịch thơ thời đại của TIỂU DẤN

V ă n H ữ u

DO VẤN HÓA VỤ ÁN HÀNH

Tòa soạn và Trị sự : 15 đại lộ Lê Lợi, Saigon

Đ. T. : 25.802

Giám đốc : NGUYỄN DUY MIỄN

Ban biên tập : VÕ PHIẾN — SĨ TRUNG

THƯỢNG SỸ — TRẦN VĂN LONG

Với sự cộng tác của Quý Bạn :

Phần đặc biệt

QUẦN PHONG

VỊ VŨ

HỮU VĂN

PHONG VŨ

VI HUYỀN ĐẮC

Phần sáng tác

TƯỜNG LINH

TIỂU DÂN

TRỤ VŨ

Có TUYẾT HƯƠNG

ĐỨC QUANG

HOÀI KHANH

KIM TUẤN

Phần tin tức

và tài liệu : SĨ TRUNG — HOÀNG LAN — THƯỢNG SỸ

ĐOÀN THẾ NHƠN — TRẦN VĂN LONG

Phần ấn loát do :

Nhà in NGUYỄN-ĐÌNH VƯỢNG

38, Phạm ngũ Lão — Đ.T. Saigon 315

Bài vở thư từ gửi cho : HÀ SĨ-TRUNG

Tiền bạc bưu phiếu gửi cho : NGUYỄN CỬU VINH

MỤC LỤC

— <i>Bạn đọc viết</i>	VĂN HỮU	trang 3
— <i>Về vấn đề chống Cộng</i>		5

PHẦN THỨ NHẤT (đặc biệt về Người Cộng Sản)

— <i>Quê hương người Cộng Sản ở đâu ?</i>	VỊ VŨ	9
— <i>Những tổ chức Cộng Sản trá hình</i>	HỮU VĂN	30
— <i>Tại sao Cộng Sản bành trướng</i>	QUẦN PHONG	35
— <i>Gái thời loạn</i>	VI HUYỀN ĐỨC	45

PHẦN THỨ HAI (Sáng tác văn nghệ)

— <i>Chuyện một bàn tay</i>	TƯỜNG LINH	67
— <i>Nụ hoa vàng ngày Xuân</i>	KIM TUẤN	83
— <i>Bóng tối thức dậy</i>	ĐỨC QUANG	85
— <i>Nhỡ tàn</i>	CÓ TUYẾT HƯƠNG	93
— <i>Trong ý mùa Thu</i>	HOÀI KHANH	105
— <i>Bên thềm</i>	TRỤ VŨ	106
— <i>Xuân không mùa</i>	TIÊU DÂN	107

PHẦN THỨ BA (tín tức và tài liệu)

— *Theo dõi một cuộc tranh luận (Quốc Minh) — Gió Đông... Gió Tây... — Tổng Thống Kennedy là ai ? (T.V.L.) trang 152 — Các nhà thiên văn Pháp đã chụp ảnh đám mây khinh khí vận chuyển giữa lòng sông Ngân Hà cách trái đất 300 triệu cây số (N.T.) trang 160 — Khoa học và Tôn giáo, trang 162 — Một vấn đề trọng đại của nhân loại cần được giải quyết : Cái đói (Hoàng Lan) trang 164 — Hộp thư, trang 173...*

Bạn đọc viết

« **Phân đặc biệt hơi nặng** ». — « ... Đường lối Văn-Hữu thật rõ ràng, mỗi phần được biên soạn công phu ; tôi ước mong quý tòa soạn vẫn giữ nguyên hình thức ấy để Văn-Hữu có được một sắc thái riêng biệt trong vườn hoa tạp chí hiện nay.

Tôi và các bạn tôi ở Kontum thường theo dõi V.H. để làm sưu tập một tạp-chí đẹp và giá trị, song tiếc làm sao V.H. ra không được đều đặn làm chúng tôi chờ đợi quá lâu. Chúng tôi mong rằng sẽ không xảy ra tình trạng này nữa vì với khả năng của quý tòa soạn, chẳng lẽ Văn-Hữu không ra kịp hằng tháng hay sao ?

Trong số 8, bộ môn điện ảnh được mở xẻ một cách sâu rộng song các vấn đề đề cập đến xẻ thấy đi vào đại cương nhiều nên phần đặc biệt ấy có hơi khô một tí. Chúng tôi không dám đi vào chủ trương đường lối của quý tòa soạn, song với thiện chí xây dựng một độc giả trung thành của Văn-Hữu, tôi mạo muội đề nghị một vài sửa chữa như trên, ước mong nó không phải vô bổ. »

ÔNG LÂM-VĂN-TỬ — Kontum

« **Thư-Mục rất bổ ích** ». — « ... Trong số các tạp chí hiện có, không có một tờ báo nào có một mục tổng kết hoạt động văn nghệ một cách tương đối đầy đủ như quý báo. Mục mà tôi thú hơn cả là Thư-Mục của Văn-Hữu. Đối với những người theo dõi hiện tình văn nghệ nước nhà, cũng như những ai muốn tìm hiểu sinh hoạt của những nhà làm văn nghệ, Thư-Mục là một phương tiện hữu hiệu giúp tài liệu cho việc sưu tầm. Muốn làm một bản tổng kết những ấn loát phẩm trong năm, chỉ còn căn cứ vào bản kê sách xuất bản đăng trong Thư-Mục.

Vì nhu cầu bổ ích đó, tôi mong Văn-Hữu không lý do vì hủy bỏ Thư-Mục ấy... »

ÔNG LÝ-KIM-PHIỆT — Bắc Mỹ Thuận,

« Thêm sáng tác phần hai ».— «...Văn-Hữu có một phần nặng nhất là phần 1 (đặc biệt) ; đọc phần này. độc giả cần đến óc nhận xét để tiếp thu những ý nghĩa gói ghém trong những bài khảo luận. Để tiếp liệu màu sắc cho phần ấy, tôi đề nghị quý báo tăng cường phần hai bằng những sáng-tác phẩm văn-nghệ nhẹ nhàng, những thi phẩm êm dịu. Phần sáng-tác ấy giải tỏa tinh thần căng thẳng của độc giả sau khi đọc qua phần đặc biệt. Ngoài ra, tôi đề nghị quý ông thêm ít truyện dịch danh văn quốc tế để làm giàu thêm vườn hoa văn nghệ nước nhà. Cũng như một bạn đọc ở số trước. tôi nhận thấy phần sinh hoạt văn hóa ngoại quốc hãy còn thiếu sót nếu không nói là nghèo quá...»

MỘT BẠN ĐỌC ở Hương-Quảng

— « Không có những chuyện và tranh khôi hài ».— «...Không ai chối cãi được tính chất đứng đắn của Văn-Hữu, chính bộ mặt đạo mạo ấy mà V.H. chiếm được nhiều cảm tình của độc giả và khác biệt với các báo hiện nay. Nhưng toàn bộ tờ báo thiếu mất chất sinh động làm tươi trẻ các trang báo. Tôi mạn phép được yêu cầu các ông cho thêm những chuyện vui cười ý nhị trong nước như ngoại quốc và một số tranh khôi hài đặt dưới các bài báo hay ở các phụ trang khắp tờ báo. Nếu không gì trở ngại và các ông không cho tôi là một độc giả quá tham lam, tôi xin đề nghị thêm phần minh họa các sáng tác phẩm ở phần hai đề bài báo được linh động hơn...»

ÔNG ĐOÀN-MINH-TRIẾT — 184/48 Văn-Đồn Saigon



Tòa soạn Văn-Hữu xin chân thành cảm tạ tấm nhiệt tình của quý bạn đọc bốn phương đã có lòng yêu gửi thư về chúng tôi tỏ bày cảm tưởng hoặc khen hoặc chê, nhưng tất cả đều hướng về tác dụng xây dựng nội dung và hình thức Văn-Hữu. Thay mặt bộ biên tập, chúng tôi chân thành gửi lời cảm tạ tất cả bạn bạn đọc. Chúng tôi mong được các bạn tiếp tục gửi thư về tòa soạn, những ý kiến của quý bạn là những khuôn mẫu xây dựng Văn-Hữu ngày thêm hoàn mỹ.

VĂN HỮU

Về vấn đề chồng cộng

CHỒNG CỘNG hay không ? Câu hỏi tưởng không cần đặt ra cho người Việt - Nam nữa. Nhưng mỗi người trong chúng ta có một lý do riêng để lựa chọn tự do, thù ghét cộng sản.

Có người vì kinh nghiệm bản thân, vì chính mình và những người thân yêu của mình đã không thể chịu nổi những dày xéo nhục mạ dưới chế độ ấy. Có người vì trước đã từng tin theo cộng sản, nhúng tay vào những cuộc sát hại tàn nhẫn, về sau tỉnh lại, sinh ra ghê tởm hành động của mình và ghê tởm cái lý thuyết đã đưa mình đến tội ác. Có người không chịu được những mưu trá xảo quyệt, lừa nhân của cộng sản. Có người không thể để trí óc mình bị mê lú đi trong một chế độ độc tài nhất định điều khiển luôn đến cả đời sống tư tưởng và tình cảm của mỗi cá nhân. Có người vì lý do tôn giáo. Có người vì lý do quyền lợi. Có người lại không chấp nhận chế độ ấy sau những nghiên cứu lý luận rất tỉ mỉ công phu. v. v...

Mỗi người một lý do, nhưng tất cả đều có lý. Giả sử có ai đem tổng hợp được tất cả ý kiến của

mọi người lại, ta sẽ có một bản cáo trạng đầy đủ. Một công trình như thế vượt quá khả năng của một nhóm Văn Hữu. Nó cho ta cái ý niệm về sự mêhông của đề tài mà ta đang đề cập đến. Ở đây ta chỉ trình bày một vài khía cạnh của chủ nghĩa cộng sản mà thôi, mong rằng những nhận xét của người này có thể bổ túc cho quan điểm của người kia, để phong phú kiến thức, kiên định thêm lập trường trong một giai đoạn có nhiều sự kiện hệ trọng. Giai đoạn mà chính phủ tuyên bố tổ quốc lâm nguy, mà cộng sản đã tấn công xâm phạm biên giới nước ta, đang gây khủng hoảng nặng nề ở nước láng giềng là Lào, mà toàn quốc đang chuẩn bị bầu cử vị lãnh đạo để tiếp tục sự nghiệp chiến thắng cộng sản, thống nhất đất nước.

Trong một giai đoạn như thế nên trong những ngày xuân, Văn Hữu vừa cầu chúc bạn đọc vui vẻ an lành, vừa không ngần ngại đưa bạn đọc vào những suy tưởng về vấn đề lý tưởng của dân tộc.

VĂN HỮU

Phân thứ nhất

Phần thứ nhất của Văn HỮU số 9 này được hoàn thành với sự cộng tác của các bạn : Quân Phong — Hữu Văn — Vị Vũ — Phong Vũ — Vi Huyền Đắc — Suzanne Labin...

VỊ VỮ

Quê hương người cộng sản ở đâu ?

NGỎAI những biệt-danh khác, Chủ-nghĩa Cộng-sản quốc tế đôi khi còn được gọi là Chủ nghĩa Tâm Vô : vô gia đình, vô tôn giáo, vô tổ quốc.

Đối với hai cái « vô » đầu, những người Việt-Nam nào đã khách-quan ghi-nhận những hành động của « đảng Lao-động Việt-Nam » trong 10 năm khỏi lửa vừa qua và những biến cố gần đây ở Trung-Cộng, Tây-Tạng đều phải thừa nhận là có thực.

Tuy nhiên đối với cái « vô » thứ ba, thì một số người vốn ưa bình tĩnh và tri trọng trong vấn đề phê phán, hình như vẫn ít nhiều giữ tâm trạng nghi vấn. Thái độ đó không phải là hoàn toàn vô lý. Bởi vì, nếu có những đảng Cộng sản phản bội tổ quốc họ thực sự, thì bên cạnh đó vẫn có những đảng Cộng-sản ở những nước nhược tiểu tại Á-châu và Phi-châu đã và đang hỏ hào tranh đấu để giành lại hoặc giữ vững nền độc lập cho tổ quốc họ.

Để có một kết luận chính xác về vấn đề này, Văn hữu trân-trọng hiến quý bạn đọc tài liệu dưới đây.

CHÚNG ta biết, lý-tưởng mà Marx nêu lên để làm cứu cánh cho cuộc tranh-đấu cuối cùng, « sau khi vô-sản thắng tư sản là một xã hội đại đồng, không giai cấp, không quốc-gia, chỉ liên kết với nhau vì sự làm việc, sẽ thay thế cho xã-hội tư-bản hiện tại trong đó người bóc lột người, và các giai-cấp, các quốc-gia tranh giành nhau chỉ tử. Sự thống-trị của một chính-quyền bày đặt ra để kiềm hãm nhân-dân sẽ nhường chỗ cho sự liên-hợp bình-đẳng của một cộng-đồng những kẻ sản-xuất. Mất hết đặc-quyền công-dân, con người sẽ trở về với chức vụ chính-yếu của kẻ lao-động để nhân-tính-hóa vũ-trụ, và nhờ vũ-trụ con người sẽ trở thành đại-đồng. Trật-tự chính-trị tiêu-diệt, nhường chỗ cho trật-tự kinh-tế; quyền cai-trị luôn luôn bạo-ngược của người nhường chỗ cho sự

quản-lý — tất nhiên hòa-bình — của sự vật ».

Sự phân-tích tỷ-mỷ sau đây sẽ bày tỏ tính-cách hư-ảo của biện-chứng-pháp đưa đến xã-hội lý-tưởng kia; nó sẽ chứng-minh sự lầm lỗi căn-bản của chính-sách ấy, và cho ta thấy rằng không thể hoàn toàn hủy bỏ chính-trị để chuyên lo kinh-tế mà không làm tử thương xã hội loài người: sau cùng nó sẽ vạch trần việc xã hội đại đồng không thể nào bảo tồn các sắc thái dân tộc được một khi chính quyền quốc gia không còn nữa.

Nhưng những ngày mai-hậu sau cuộc « tranh đấu cuối cùng » không làm chúng ta quan tâm bằng giai đoạn chuẩn bị của nó. Vậy chúng ta chỉ nên nghiên cứu vai trò dành cho quốc gia trong thời gian giao thời chuyển nhân loại từ tình trạng hiện tại sang xã hội lý tưởng.

MỘT VIÊN ÁNH TƯƠI SÁNG HAY HOÀN TOÀN ẢO MỘNG ?

THEO chủ-nghĩa Cộng sản đồ hình sự diễn tiến lịch-sử và biện-chứng dễ gây ra cuộc biến đổi, rất là đơn-giản: muốn hủy bỏ sự chiếm hữu ích kỷ của tư-bản mà uy-quyền chính-trị che chở, không có đường lối nào khác ngoài sự

đấu tranh chính-trị gọi là cách-mạng. Các giới vô-sản nô-lệ phải nổi dậy chống bọn chủ nhân tư-bản và chiếm đoạt chính-quyền. Một khi nắm được chính-quyền, vô-sản sẽ dùng nó để phá hủy hoàn toàn chế-độ sản-xuất tư-bản — Đồng

thời, sẽ tiêu-trừ tất cả những nguyên nhân đã làm phát sinh sự đối kháng giai-cấp và như vậy vô-sản cũng sẽ chấm dứt sự thống-trị của giai-cấp mình để cuối cùng đưa đến sự hủy diệt chính-quyền quốc-gia. Nhưng sự thực-hành chương-trình ấy gặp phải một sự-kiện quan-trọng : nhân-loại chia ra nhiều dân-tộc khác nhau về ngôn-ngữ, chủng-tộc và văn-hóa. Sự sai biệt ấy phân cắt đã tiến của cách-mạng vô-sản, nhưng trái lại giúp ích cho việc phân các mục-phiêu ra từng giai-doạn. Nó có thể là một trở ngại hoặc là một phương tiện cho cuộc tranh-đấu cuối cùng. Lợi dụng sự sai biệt ấy đến tột độ, Marx, rồi Lénine

và Staline đã chế định một chiến thuật mềm dẻo lạ lùng, khiến người quan sát phải kinh ngạc (vì hình như nó phục hồi tạm thời giá trị của ý tưởng quốc-gia ?), nhưng chiến thuật ấy vẫn không trái với đường lối chủ chốt duy nhất. Chiến thuật ấy không phải bí mật gì, nó đã được Staline trình bày rõ ràng trong quyển sách nhan đề « Những nguyên tắc của chủ nghĩa Lénine » (Les principes du Léninisme) mà đảng Cộng-sản Pháp đã xuất-bản. Chúng ta chỉ cần đọc cần thận chương « Vấn đề Quốc-gia » là có thể vào thẳng trung tâm vấn đề đương thảo luận.

LỖI NHẬN ĐỊNH THẾ GIỚI VÀ CHIẾN LƯỢC ĐẦU TRANH CỦA CHỦ NGHĨA CỘNG SẢN QUỐC TẾ

TRƯỚC mắt Lénine, Staline hay bất cứ một đảng viên Cộng-sản nào, thế giới bày ra cảnh-tượng như sau : « một bên là Liên-bang Xô-viết, quê hương của chủ-nghĩa xã-hội, ở đó phe vô-sản chiến thắng bắt đầu xây-dựng chế độ Cộng-sản, đồng thời vẫn gắng sức giúp đỡ thợ thuyền các nước khác chiếm đoạt chính-quyền quốc-gia đương áp bức họ ; còn bên kia là các nước tư-bản,

Trong các nước tư-bản, giai-cấp vô-sản dĩ nhiên bị nô lệ hóa, nhưng các nước ấy cũng chia làm hai hạng :

Một hạng gồm một số ít quốc-gia văn minh, nắm giữ kinh tế tài chính và bóc lột đại đa số nhân dân trên hoàn cầu ; và một hạng là các dân-tộc bị áp-chế và bóc lột ở các thực-dân-địa và các nước lệ thuộc.

Hạng thứ nhất là chẳng hạn như các nước Pháp, Anh, Mỹ

v.v... hạng thứ nhì, trái lại, bao gồm không những các thuộc-địa của mấy nước kia, mà còn những quốc-gia tuy độc-lập về hình thức mà về kinh-tế và tài-chính vẫn còn phụ thuộc các nước văn-minh, như Trung-Hoa quốc-gia và mấy nước Nam Mỹ ».

Khi đã chia thế giới thành khối Cộng-sản và khối tư-bản, và khối này lại chia ra nước áp-chế và nước bị áp-chế, thì thái độ của những đảng viên Cộng-sản về vấn đề quốc gia cũng phải nhân đó mà sai biệt nhau, chia làm nhiều cấp bậc từ dưới lên đến chỗ cao tột : Chủ-nghĩa quốc tế thật sự, tích-cực và xây-dựng.

Vì thế, đường lối rõ ràng cho các đảng viên Cộng-sản

trong thế giới tư bản, là phải có những thái-độ khác nhau, tùy theo mình là người ở nước áp chế, hay nước bị áp chế, ngõ hầu đưa các nước ấy đi đến cuộc cách mạng thế giới.

Ở một nước áp chế, người Cộng-sản phải theo phe các thuộc địa hay các dân tộc thiểu số bị nước mình bóc lột, đề chống lại nước mình, giúp đỡ họ tách rời nước mình và tổ chức thành quốc-gia độc lập. Làm như vậy, người cộng-sản là *chống quốc-gia*. Trái lại, nếu người Cộng-sản là dân một nước bị áp chế thì phải tranh đấu chống cường-quốc đó hộ đề nước mình được thoát ly. Trong trường-hợp này, người Cộng-sản là *quốc-gia*.

MỘT CHÍNH ĐẢNG THÂN ANH SÔ VÀ LIÊN BANG SÔ VIỆT

ĐỀ được trung thành với đường lối ấy, người Cộng-sản không cần đếm xỉa đến đức tính của những nhân vật hay đảng phái mà mình chống đối hay liên hiệp. Ở nước Anh, nước Pháp, chẳng hạn, người Cộng-sản phải tranh đấu với chính-phủ áp chế, mặc dầu những chánh khách theo chủ nghĩa xã hội như Henderson

hay Blum đương nắm giữ chính quyền. Trái lại, Ở An-gê-ri, người Cộng-sản có thể liên-kết với những đảng phái đương tranh đấu cho độc-lập quốc-gia.

Như vậy, khi thì chống quốc-gia, khi thì quốc-gia, trong hai trường hợp ấy, người Cộng-sản đều giúp vào công cuộc

làm các nước tư bản suy yếu : người Cộng-sản tranh đấu chống Đế-quốc để giải phóng vô sản.

Đó là phương diện thứ nhất của chiến-thuật Lênine và Staline trước vấn đề quốc gia. Nó phù hợp với thời kỳ mà Liên-bang Xô-viết bị các nước tư bản đe dọa nên cố tìm cách gây khó-khăn để tự vệ và chống lại mọi can thiệp của họ. Lúc ấy, chủ nghĩa quốc tế của Cộng-sản tiêu cực hơn là tích cực. Nhưng rồi Liên-bang Xô-viết càng trở nên mạnh mẽ, vững chãi trong nền độc-lập thì chủ nghĩa quốc-tế ấy cũng dần dần biến đổi và càng trở nên tích cực hơn.

Thực vậy, lý tưởng Cộng sản buộc đảng viên ở mỗi nước phải vừa tích cực tranh đấu chống đế quốc chủ nghĩa của các nước tư bản, vừa tích cực làm việc để liên kết các dân tộc lại trong một nền kinh-tế thế giới duy nhất do Liên-bang Xô-viết điều khiển.

Là dân một nước tư-bản, người Cộng-sản không những phải chống lại Chánh - phủ nước mình vì nó áp bức những nước yếu hơn, mà còn phải thôi thúc Chánh - phủ mình cộng tác, liên minh với Liên-bang Xô-viết nữa. Là dân một nước bị áp bức đã

thu hồi độc lập, người Cộng-sản cũng phải làm mọi cách để khiến nước này không những liên minh với liên-bang Xô-viết, mà còn tự do kết hợp đến mức đồng hóa với nó nữa. *Người Cộng-sản là quốc-gia khi nước mình chưa độc lập, trở thành quốc-tế khi nước đã độc-lập, và chủ nghĩa quốc-tế ấy chỉ nhằm một điều : sát-nhập nước mình vào trong Liên-bang Xô-viết.*

Tóm lại chủ nghĩa Cộng-sản quốc-tế, với hình thức, chống quốc gia hoặc quốc gia tùy theo thời cơ, tựu trung chỉ là một chủ nghĩa quốc gia « thân xô-viết ».

Lênine đã viết : « *Người xã-hội dân-chủ (NGƯỜI CỘNG SẢN) ở một nước nhỏ có bổn phận đưa trọng tâm hoạt động của mình vào phần thứ hai của đường lối chúng ta : sự đoàn kết tự-nguyện của các quốc gia. Người xã hội dân chủ có thể vừa chủ trương độc lập cho nước mình, vừa chủ trương tháp nhập nó vào một nước lân cận X, S, hoặc Z v.v... mà vẫn không vi phạm nhiệm vụ của con người quốc-tế. Nhưng trong mọi trường hợp, y phải tranh đấu chống lại ý tưởng quốc-gia hẹp hòi, đề tiện, chống lại khuynh hướng biệt lập, đứng riêng rẽ, để có thể nhìn*

xem cái toàn thể, cái khái quát của phong trào, để đặt quyền lợi riêng tư tùy thuộc quyền lợi chung ».

« Những người không đào sâu vấn đề sẽ cho là một chuyện mâu thuẫn, khi họ thấy những người xã hội dân-chủ ở những nước thống trị đòi hỏi : « tự do phân ly », và những người xã hội dân chủ ở những nước bị trị lại đòi « tự do liên kết ». Nhưng chỉ cần suy nghĩ một ít thì thấy rằng trong tình trạng ấy, không có và không thể có đường lối nào khác để đi đến chủ nghĩa quốc-tế và sự dung hợp các quốc-gia ».

Nhưng những người đào sâu vấn đề sau Marx, Lénine, và Staline nhờ ánh sáng những nguyên tắc lý trí tự nhiên về trật tự quốc-tế đã dễ nhận thấy rõ ràng đâu là điều mâu thuẫn làm cho chủ nghĩa Cộng-

sản là chống quốc-gia từ căn bản và việc áp dụng chiến thuật kia tất nhiên sẽ đem đến những kết quả nào.

Sự mâu thuẫn không phải là cách chơi nước đôi của người Cộng-sản, khi thì quốc gia lúc nước mình là tư bản, khi thì quốc gia đề bênh vực nước mình bị áp chế, rồi lại quốc tế đối với nước mình khi đã độc lập, và cuối cùng lại quốc gia đối với Liên-bang Xô-viết. Một sự đổi thay thái-độ như thế rất hợp lý đối với những người mà bất cứ ở đâu và lúc nào cũng hoạt động để xúc-tiến cuộc cách mạng vô sản và thực hiện một xã hội không giai cấp không quốc gia. Bởi vì, như Staline đã nói : « vấn đề quốc gia chỉ là một phần của vấn đề chung trong cuộc cách mạng vô sản, một phần của vấn đề vô sản chuyên chính ».

HỦY BỎ QUỐC GIA : MỘT ĐIỀM MÂU THUẪN LỚN CỦA CHỦ NGHĨA CỘNG SẢN

ĐIỀM mâu thuẫn thực sự nằm ở giữa thái độ mập mờ này và sự hủy bỏ chính quyền mà cộng sản phải thực hiện, ở giữa cái gọi là tình huynh-đệ các dân tộc, lấy tình ái-quốc

bề ngoài làm căn bản — (hai cái bình phong lưu động để che đậy sự mập mờ kia) — và kết quả mà tình huynh đệ ấy tất nhiên phải đem đến.

Thật vậy, khi người ta còn nói đến « sự » độc-tài của vô sản như Marx và Lénine đã nói, nghĩa là nói một cách trừu tượng và số đơn, người ta có thể tưởng-tượng rằng nó có khả-năng hủy-bỏ chính quyền : Người cộng-sản loại trừ mọi vấn đề quốc gia để chỉ kể sự tương-quan giữa chính trị và kinh tế, và nhắc lại mãi đường-lối của bản Tuyên-ngôn Cộng-sản : « *vô sản chiếm đoạt chính quyền, tự lập thành quốc-gia, phá tan chế độ tư bản, nguồn gốc sinh ra sự đối kháng giai cấp, và do đó phá tan sự thống trị của chính giai cấp mình.* » Nhưng trước khi kết-quả không thể có được của một biện-chứng pháp hư ảo phát sinh thì ảnh hưởng đầu tiên của việc giai cấp vô sản chiếm đoạt chính quyền sẽ là gì ? Là làm phát sinh một chủ nghĩa đế quốc, và một chủ nghĩa quốc gia hẹp hòi của một dân tộc. Ấy là những điều đã xảy ra thực sự ở Liên-bang Xô-viết, nơi chủ nghĩa Cộng-sản đã hiện hình, và sẽ không khỏi xảy ra bất cứ nơi nào mà chủ nghĩa này xuất hiện như là kết quả của một cuộc tiến hóa địa phương. Nếu như thế, thì không thể còn vấn-đề hủy bỏ quốc gia nữa và tình huynh đệ giữa các

dân-tộc chỉ là một sự giả dối lừa bịp mà thôi.

Trên mặt lý thuyết, những người cộng-sản quả quyết rằng một dân-tộc cần không có chính quyền mới tồn tại được. Nhưng đồng thời họ cũng tuyên bố rằng hiện nay thực tế, nếu hủy bỏ nền độc tài ở Liên-bang Xô-viết là làm cho nước Nga và lý-tưởng vô-sản phải tiêu-diệt hoặc ít ra cũng suy yếu đi. Vì vậy họ chủ trương « dung-hòa hai ý-kiến nói trên vì tinh-thần tiểu tư sản còn tồn tại và sự hiện có của các nước phát xít, tư bản là những nguyên nhân khiến Nga cần phải duy-trì Chính-quyền quốc-gia và họ hứa sẽ hủy-diệt chính quyền này sau ngày tranh đấu cuối cùng ». Được, nhưng phỏng như tất cả các nước đều theo chủ-nghĩa cộng-sản và các chính quyền tư bản đã được chế độ độc tài thay thế thì sự đồng nhất hiến chế đó liệu có hủy bỏ được những sự tranh giành chống đối giữa các nước ấy, không những về chính-trị, mà còn về kinh-tế, về quốc-gia dân-tộc, và nhân-sự nữa không ? Và liệu Liên-bang Xô-viết có dành để vận-mạng nước mình hòa hợp, lẫn lộn với các nước khác trong cái vương quốc ảo ảnh ấy không ?

LỜI KẾT ÁN CỦA MỘT ĐẢNG VIÊN CỘNG SẢN CAO CẤP

NHUNG, chúng ta không cần dò xét ngày mai của cuộc chiến đấu cuối cùng nữa. Trong khi chờ đợi ngày vinh quang huyền bí đó, cái bình minh cứu thế của nó ở Liên-bang Xô-viết cũng đã gây ra những hậu quả quan trọng cho những người Cộng-sản trên toàn thế giới rồi. Thật vậy, trong các xứ gọi là tư bản, chủ-nghĩa đế quốc của « nền độc-tài vô sản thứ nhất » đã biến người Cộng-sản thành những đại-diện của chủ-nghĩa đế-quốc thế giới hoặc theo một danh từ đã trở thành cổ-diễn, đoàn quân thứ năm của chủ nghĩa quốc-gia Xô-viết (*Cinquième colonne du nationalisme Soviétique*). Suy nghĩ về vai trò của đảng Cộng-sản Pháp trong những năm tiền-chiến và những sự trở mặt phản bội của họ, hồi tháng ba năm 1936, tháng tám năm 1939 và tháng sáu năm 1941, Léon Blum trong cảnh tỉnh-mịch của khám đường, đã đi đến kết luận này :

« Như vậy, rõ ràng là đường lối lãnh đạo của đảng cộng-sản Pháp không thuộc về họ, mà do nước ngoài bắt buộc. Họ nhắm mắt tuân theo mệnh-lệnh, không phải của một tồ-

chức quốc-tế, mà của một cường quốc, một Chính-phủ. Chính-phủ này tự ý biến đổi các mệnh-lệnh đó tùy theo quyền lợi quốc gia của mình. Vậy đảng ấy không phải là một chính đảng quốc-tế mà là một chính đảng quốc gia ngoại quốc. »

Lời nhận xét gồm ghê của một « đồng chí Mác-xít » lừng danh ! những lời chửi rửa, phủ nhận, hoặc viện - dẫn trường hợp những đảng viên Cộng-sản Pháp bị Quốc xã Đức bắn chết, cùng những lời tuyên bố nhiệt thành ái quốc mà bọn cộng-sản đã đem ra đề cổ chống lại các lời xác nhận trên kia của Léon Blum cũng không làm sao xóa bỏ nó đi được. Bởi vì, nó không chỉ là một kết luận và một sự giải minh xác thực những sự kiện chắc chắn mà là một sự suy luận diễn dịch của chính lý thuyết Mác-xít nữa. « Chính đảng của ngoại quốc » chỉ có thể thay đổi tinh chất ấy khi Cộng-sản không còn là Cộng-sản nữa !

Nói như vậy thì những người chết trong lúc kháng chiến không phải chết cho nước họ sao ? Không, khi họ

còn đầy lòng tin cộng-sản và theo nó mà hành động, thì họ chết cho Liên-bang Xô-viết và cuộc cách mạng vô sản trước khi chết cho nước họ. Và hiện nay, nếu có những người cộng sản tự xưng là ái quốc, ta cho họ là những người nói dối. Vì lòng ái quốc của họ luôn luôn có thể bị hư hỏng ; vì khi mà họ tuân theo những lãnh tụ sẵn sàng đào ngũ để trung thành với Liên-bang Xô-viết thì học ững có thể đủ can đảm mà đặt tình thương Liên-bang Xô-viết lên trên tình thương nước họ.

Phỏng như mai đây đảng Cộng-sản ở một nước nào đó chiếm đoạt chính quyền nước ấy, kết quả của sự lệ thuộc quê hương xã hội (Nga) của nước đó sẽ ra sao ? Cho dù quyền lợi của nước ấy và của Liên-bang Xô-viết có thể giống nhau ở nhiều điểm, nhưng những việc tất nhiên của chính trị quốc-tế không bao lâu sẽ gây ra nhiều điều lo lắng cho các nhà lãnh tụ cộng-sản nước này. Thật vậy, họ sẽ phải quyết định nhiều điều, trong đó họ cần cân nhắc quyền lợi của nước họ và quyền-lợi của Liên-bang Xô-viết, và chỉ chọn được một bên mà thôi. Tất nhiên họ chia làm hai hạng : hạng cộng-sản hơn ái quốc

(nghĩa là thân Xô-viết) và hạng ái quốc hơn thân Xô-viết. Nếu hạng thứ nhất, tức hạng cộng-sản chân chính, không ái quốc, thắng hạng thứ hai (ái quốc, cộng-sản không chân-chính) thì ta có thể đoán biết họ sẽ bắt xứ sở họ phải chịu đựng thứ độc tài nào và họ sẽ nhắm mắt dẫn quê hương đi phiêu-lưu đến đâu (Tình trạng hiện nay của Bắc-Việt và Trung-Hoa).

Những nét chính của cuộc phiêu-lưu ấy đã được Cộng-sản phác họa trong hình-thể của thế-giới quốc - tế. Bởi vì, trước mắt những người Cộng-sản, thế giới chia làm hai phần : một bên là quê hương của chủ-nghĩa xã-hội, bên kia là thế-giới tư bản, và sự mạng của vô sản là phải tiêu diệt tư bản, và dù sớm hay muộn, sự va chạm giữa hai khối thế nào cũng xảy ra. Hơn thế nữa, theo lý thuyết Mác-xít, vô-sản ở tất cả các nước phải nỗ lực làm việc để thúc đẩy cuộc tranh đấu có lẽ « cuối cùng » ấy chóng thực hiện. Cố nhiên, trước khi phát khởi cuộc tấn công tối hậu, vô sản vừa phải gắng chiếm lấy những yếu điểm và căn-cứ phát xuất tốt hơn hết, vừa phải cố tỏ ra mình là nạn nhân của những đàn áp bất công và là những

kẻ bênh vực tự-do của các dân-tộc, bênh vực dân-chủ, pháp-luật và công-lý v. v... Như vậy, bất cứ cơ-hội nào và lúc nào có sự tranh chấp giữa đốc tài cộng-sản và các nước khác, người ta cũng có thể biết trước rằng cuộc tranh đấu ấy hoàn toàn không phải là của vô sản chống tiểu tư-sản,

mà là cuộc tranh đấu của các nước tự xưng là vô sản chống những nước họ gọi là tư-bản. Chủ-đề tuyên truyền mà Hitler, và Mussolini thường dùng hồi tiền chiến, nay được cộng-sản đem dùng lại. Không cần phải tinh mắt mới thấy rằng Cộng-sản đã đem phổ biến nó rồi.

MỘT GIẢ THUYẾT

CUỘC chiến-đấu lớn lao này đã thực là cuộc chiến-đấu «cuối cùng» chưa? Người Cộng-sản có thể hy-vọng chút gì chứng-kiến cuộc chiến-thắng của họ kết-thúc giai-đoạn giao-thời, và nhìn thấy cảnh bình-minh tình huynh-đệ giữa các dân-tộc trong xã-hội Cộng-sản không? Chúng ta hãy thử xét cái giả-thuyết xem ra thuận lợi nhất cho niềm hy-vọng đó.

Giả sử trong cuộc chiến-đấu này, các nước vô-sản toàn thắng, ngự-trị trên các nước tư-sản bằng một nền độc-tài vô-sản, làm chủ-hầu cho quốc-gia vô-sản và dân-tộc Nga thì cũng chưa giải-quyết được gì. Vì rằng, trong giai-đoạn mới của kỳ giao-thời này, quốc-gia thống trị kia sẽ phải chọn một trong hai đường lối chính-trị: hoặc lợi-dụng các nền

độc-tài chủ-hầu để củng cố nền thống-trị hoặc để cho các chủ-hầu kia tự-do thực sự để có thể tiêu-biêu cho những quyền-lợi quốc-gia của họ.

Về trường-hợp thứ nhất, thế-giới do chủ-nghĩa Cộng-sản tạo ra, sẽ chẳng khác gì cái thế-giới mà nhà độc-tài Đức Quốc-xã Hitler hằng mơ tưởng. Những nước chủ-hầu vô-sản sẽ phục-tòng mệnh-mệnh của Nga-Sô, cũng như các quốc-gia do bọn Laval, Quisling, Inquart cầm đầu đã phục-tòng Hitler vậy. Rồi những người đại-diện Đế-quốc Nga cũng đem dùng lại luận-điệu của sách Mein Kampf cho mình: những nước tùng-phục sẽ được đưa đến một nền văn-minh đáng quý hơn quyền tự-do xưa kia của họ.

Ở trường-hợp thứ hai, nguồn

lợi kinh-tế của các nước sẽ mãi mãi không sao khỏi sai-biệt nhau cũng như ngôn ngữ, đất-dai và văn-hóa của họ vậy, và vì thế các nước vô-sản ấy trở lại chống đối nhau, để lập nên những liên-bang mới.

Thời trung - cổ, thế - giới phong - kiến luôn giao - động giữa quyền thống-trị duy-nhất của đế-quốc La-mã và sự phân-tán của các quốc - gia đang thành hình.

Đến thời-kỳ tự-do, kinh tế nếu có sự thống-nhất của các quốc gia dưới quyền một nước bá chủ, cũng chỉ thực-hiện tạm thời để rồi phân-tán ra theo sự tình cờ của các cuộc liên-minh. Thời kỳ Cộng-sản cũng vậy ; sự cộng - đồng lý-tưởng và sự đồng-nhất về hình-thức chính-trị không thể nào phá tan sự sai-biệt giữa các quốc-gia. Trừ phi nền độc-tài đó xem nhẹ các quyền-lợi của dân tộc mình và muốn để các quốc gia vô sản khác được tự do.

Trong cả hai giả-thuyết trên, chúng ta thấy rằng kinh-tế không đủ để thống-nhất nhân-loại cũng như ta không thể hy-vọng gì vào việc hủy - bỏ quốc gia. Như vậy, ta thấy rằng không thể nào vượt qua giai-đoạn cuối cùng cũng thời kỳ

chuyển-tiếp để bước sang xã-hội Cộng-sản không giai cấp và không chính quyền.

Và thế-giới Cộng-sản này sẽ mang đặc tính nào, phỏng sử tư-tưởng Mác-Xít thắng, hoặc trái lại các quốc gia tư-sản thắng và được tổ chức theo các nguyên-tắc của chủ nghĩa tư-bản ? Vấn đề bên này hay bên kia thắng thực ra không quan-trọng như lúc mới nhìn qua. Vì tư-bản hay Mác-Xít đều đồng ý về địa-vị tối-thượng của kinh-tế. Vậy ngay bây giờ ta có thể nhìn thấy nền độc-tài vô-sản hoặc những « khu-vực kinh-tế đại qui-mô » sẽ đưa chúng ta đến tương lai nào. Sự tranh giành giữa « hai hay ba khối » của thời-đại này sẽ có tính cách *kinh-tế* hơn là *chính trị* và *quốc gia*.

Đại-dề, chúng ta có thể nói rằng, trong thế giới phong-kiến, các cường-quốc muốn đặt chủ-quyền trên người và vật, thì chỉ hành-động bằng cách ép-buộc hoặc thuyết-phục các người khác, kể như là những nhân-vật chính-trị cá-nhân, thí dụ : bắt vua chúa hoặc liên-kết bằng những cuộc hôn-nhân. Trong thế-giới tự-do, các dân tộc đã có chủ-quyền và trở thành quốc-gia, thì phải ép buộc hoặc thuyết phục các đoàn-thể chánh-trị, như :

chiến tranh giữa các quốc gia hoặc dùng tài-chính vận-động báo chí và các đảng phái... Các công tác vĩ-đại đó đòi hỏi những tài nguyên kinh-tế ngày một dồi-dào, nên các nước tư bản tìm cách xâm chiếm các nguyên-liệu và các thị-trường tiêu-thụ. Đến giai đoạn suy yếu của chủ nghĩa tự-do kinh tế, kỷ-nguyên của độc - tài Cộng-sản hoặc của « các khu-vực kinh-tế đại-quy-mô » sẽ chỉ có thể đẩy cuộc diễn-biến đó xa hơn — ít ra trong bao lâu người ta chưa thừa nhận giá-trị con người và cứu-cánh

siêu nhiên của nó. Để thiết-lập nền thống-trị cũng như để mở màn cuộc chiến-đấu của họ, chúng ta sẽ thấy khối Cộng-sản hành-động bằng cưỡng ép hoặc thuyết-phục con người, kè như là những con vật kinh-tế. Một mặt họ hứa hẹn cho mọi người ấm no, hạnh-phúc, mặt khác kỹ-nghệ-hóa các dân-tộc bán-khai, phong tỏa kinh tế, lưu đầy công-nhân, lao-công cưỡng-bách ở các trại tập-trung vĩ-đại, trong đó giá trị con người chỉ bằng súc vật, tóm lại một cuộc nô-lệ-hóa phản-nhân-tính hoàn toàn.

« HỦY BỎ QUỐC GIA » CÓ PHÙ HỢP VỚI BIỆN CHỨNG PHÁP DUY VẬT VÀ LỊCH SỬ KHÔNG ?

HÃN Mác không tiên-đoán được và cũng không muốn có những điều như vậy. Vì bị hoa mắt bởi cuộc thống - nhất bề mặt và chủ-nghĩa quốc-tế hời-hợt, do chủ nghĩa tư bản thực-hiện hồi đó, Mác vội tin ngay rằng sự thống-trị của vô-sản (ở một hay nhiều nước ? Ông không bao giờ đặt thành vấn đề) có thể xóa nhòa được những sai-biệt giữa các quốc gia. Đến nỗi Ông đã điềm tĩnh viết :

« Khi việc người bóc-lột người được xóa bỏ, thì việc các quốc gia bóc-lột lẫn nhau

cũng xóa bỏ được. Sự tương phản giữa các giai-cấp trong nước mất đi, thì sự đối-ky giữa các quốc gia cũng mất theo »

(Tuyên ngôn Đảng Cộng sản)

Nhưng duy-vật biện-chứng cũng như lịch sử đều phản-kháng sự lạc-quan quá đơn-giản đó.

Trước hết, hãy nói đến biện chứng pháp. Theo như mối tương quan bền-chặt liên kết chính trị, kinh tế và quốc gia để làm thành cơ-cấu của xã-hội loài người, thì một xã hội hoàn toàn kinh tế sẽ đương nhiên

là một xã hội trái với nhân tính.

Sau đó là lịch sử, một khoa học phê phán các tư-tưởng bằng cách đem chúng đối-chiếu với sự thực hiện do chúng dẫn-khởi. Trên thực-tế, chủ-nghĩa mác-xít chỉ mang tính cách trọng-yếu của một vũ-tru-quan khi nào chủ nghĩa cộng-sản đã được thực-hiện trong một quốc gia. Nhưng nếu đặc-điểm này làm cho hành động của chủ nghĩa đó có hiệu quả thì đồng thời cũng hạn chế nó lại. Vì cũng như chủ nghĩa Đức-quốc-xã hay chủ nghĩa tự do của thời cách - mạng Pháp, chủ nghĩa Cộng-Sản phải đem hình thức chính-trị độc-

tài bắt buộc các nước khác phải theo mới có thể bành-trướng được. Nhưng làm như thế, các nước đó cảm thấy mình bị đe dọa, nên phải đứng lên bảo-vệ nền độc-lập của mình. Chuyện thần - thoại về một xã-hội không giai-cấp, không quốc-gia đối với họ chỉ là một hình-thức đế-quốc của Nga được che đậy khéo-léo mà thôi. Đến nỗi, kết-quả nhanh chóng nhất của sự bành trướng của chủ-nghĩa Cộng-sản là sự đe dọa của một cuộc chiến-tranh thế-giới mà ngày nay chúng ta tưởng-tượng có lẽ là cuộc « *xung đột cuối cùng* » nhưng theo một chiều hướng hoàn toàn khác hẳn mà Mác đã không đoán trước được.

« HỦY BỎ QUỐC GIA » : MỘT NGUYÊN NHÂN GÂY NÊN SỰ BẤT LỰC CỦA CHỦ NGHĨA CỘNG SẢN

KHÔNG khó-khăn gì, nếu bây giờ chúng ta muốn khám phá đến tận cội rễ sự bất-lực của chủ-nghĩa Cộng-Sản trong việc thực hiện chủ-nghĩa đại-dồng. Mặc dù thừa nhận hay phủ nhận sự sai-biệt giữa các quốc-gia, một xã - hội không giai-cấp, không quốc-gia sẽ là một xã-hội vô-tôn-giáo. Đó là cái nút của mọi mâu-thuẫn do chủ-nghĩa Cộng-sản sinh ra và là nguồn gốc của mọi xung-

đột nó sẽ đưa đến. Thật vậy, khi mà vấn - đề căn - bản về vận-mệnh của con người chưa được giải-quyết, thì không thể giải-đáp một cách chắc chắn bất cứ một vấn-dề nào thuộc về nhân loại, kể cả vấn-dề quốc - gia. Nguyên - tắc của Marx, chiến-thuật của Lénine và Staline, hoạt-động của đảng Cộng-sản ở các nước vì sai lầm ở điểm khởi-phát ấy, nên chỉ làm cho các vấn-dề quốc-tế rắc

rồi thêm chứ không êm - dịu được, chỉ trói buộc các quốc-gia và dân-tộc chứ không giải-phóng.

Cuộc xung đột giữa đảng Xã-hội và đảng Cộng-Sản cho phép chúng ta nhận thấy dễ dàng mối giây liên-hệ sâu xa ấy.

Chúng ta biết, chính vì vấn-đề quốc-gia mà đảng Xã-hội không chịu hợp nhất với đảng Cộng-sản; các đảng viên Xã-hội đòi điều-kiện tiên-quyết này : *« không liên-hệ với một chính phủ ngoại quốc, không chịu ảnh - hưởng của chánh-phủ ấy và được hoàn toàn tự-do chỉ-trích cũng như phê-phán. »*

Để biện minh cho điều quyết định đó, trong bản phúc trình, Daniel Mayer đã viết một câu mà trước mắt ông, có lẽ chỉ là một sự so sánh, nhưng nó lại mang một giá trị hoàn toàn khác hẳn như chúng ta sẽ thấy : *« Mối liên-hệ của các đảng viên Cộng Sản Pháp đối với Nga-Sô còn đi xa hơn sự lệ-thuộc nữa, đó là mối liên-hệ của một tín đồ đối với Thượng-đế »,*

Cách vài ngày sau, Jacques Duclos không ngần ngại bài-xích câu so sánh đó của D. Mayer bằng một câu so sánh khác :

« Chúng ta đã quá thấm-nhuần triết lý duy-vật nên không thể còn sót lại một dấu vết nào của triết-lý cổ điển nữa... Còn về sự liên hệ của các đảng viên Cộng-Sản đối với Nga-Sô, thì chúng ta không cần dấu điểm làm gì, cũng như biết bao nhiêu người và là những người ưu-tú của tất cả các nước suốt thế kỷ thứ 19, đã không che đậy lòng yêu-mến của họ đối với nước Pháp của Đại-Cách-Mạng .

Chính lòng mộ-mến đối với nước Pháp cách-mạng đó do những phần tử tiền bộ của tất cả các nước đã biểu-dương, mà phát sinh câu truyền-tụng danh tiếng này : *« Mỗi người có hai quê hương, quê hương mình và nước Pháp »* ; tuy thế, họ vẫn là những người con ưu-tú của quê-hương họ.

Phải mù quáng lắm mới không nhận thấy rằng Nga-Sô đã mang lại cho thế giới một cái gì mới mẻ, đó là nền văn minh xã-hội chủ-nghĩa (báo *L'Humanité* ngày 18-8-1945).»

Léon Blum liền đưa ra « câu đáp của lịch-sử » để chống lại sự so sánh đó và xác-định rất đúng đắn sự khác biệt giữa hai hoàn cảnh :

« Trong thế kỷ XIX, ngoài nước Pháp, ở các nước khác

không bao giờ có những đảng Cộng-Hòa được thành-lập và không ai gia-nhập một tổ-chức quốc tế mà trụ sở đặt tại Pháp, do nước Pháp và chính phủ Pháp lãnh đạo, hoặc bị ràng buộc thực-sự vào nước Pháp và Chính-phủ Pháp bởi một mối liên-hệ chỉ huy và từng phục theo hệ-thống giai-cấp cả.»

Và ông ta ném mũi tên trả lại cho Duclos bằng cách vặn y câu hỏi sau đây :

«Nếu giả sử tại nước Đức năm 1948 có những chính đảng bị ràng buộc với nước Pháp và chính phủ Pháp giống như mối liên hệ hiện đương kết-chặt đảng Cộng-Sản Pháp với Liên-Bang Xô-Việt, thì Karl Marx và Engels sẽ nghĩ như thế nào ? Nếu ở nước Nga vào đầu thế kỷ này cũng có tình trạng như vậy thì Lénine sẽ nghĩ thế nào ? Và nếu cũng một tình trạng đó xảy ra tại Liên-Bang Xô-Việt ở giữa hai trận Thế-chiến, thì Staline sẽ nghĩ thế nào ? (Le Populaire 22-8-1948).»

Câu trả lời thực là chí-lý. Nhưng một học-thuyết vốn tự hào là biện-chứng và lịch-sử thì cũng đòi hỏi không những câu phúc đáp của lịch sử mà còn của biện-chứng-pháp nữa. Thực thế, tại sao khi so sánh

cuộc cách mạng Nga với cuộc cách - mạng Pháp, J. Duclos chỉ có việc nhắc lại câu thành-ngữ thời-danh : « Mỗi người có hai quê hương, quê hương mình và nước Pháp » mà vẫn không nói tiếp thêm theo lẽ đương nhiên : « Mỗi người có hai quê hương, quê hương mình và Liên-Bang Xô-Việt ? » Nhà lãnh-tụ Cộng - sản rất tinh tế nên không thể không nhận thấy rằng câu nói đó không phù-hợp với thực-tế cũng như biện-chứng-pháp và cần phải đảo nó lại. Nhưng ông không dám nói lên và hẳn chúng ta thừa hiểu lý do. Vậy chúng ta hãy nói thế ông và nêu lên câu khẩu-hiệu xác thực của một chính đảng lớn câu khẩu hiệu mà lịch-sử cũng như biện chứng pháp đều đòi hỏi : *Mỗi người có hai quê hương, Liên Bang Xô Việt và quê hương mình* ». Việc thay đổi vị-trí đơn-giản đó, việc đảo lộn đòi buộc tất cả các đảng viên Cộng-Sản chính-tông phai yếu mền Liên Bang Xô Việt trước quê-hương mình như vậy, đã phò-diễn đúng-dẫn một thực-trạng. Ở đây, biện-chứng-pháp biểu-thị cách hoàn hảo chủ - trương của Đảng Cộng-Sản cố tình làm hư hỏng tự căn-bản toàn thể vấn-dề quốc-gia và do đó làm nổi bật tính-chất phản-

quốc-gia của học-thuyết cũng như chiến - thuật của Đảng Cộng-Sản, về phía người Nga bắt người các nước khác tận

tụy hy-sinh cho dân tộc Nga trước quê-hương họ, cũng như về phía những người chấp-nhận điều bắt buộc đó.

NGUYÊN NHÂN LÒNG SÙNG MỘ CỦA ĐẢNG VIÊN CỘNG SẢN ĐỐI VỚI NGA SÔ VÀ LIÊN BANG SÔ VIẾT

TUY nhiên, vì lý do nào người đảng viên Cộng-Sản mộ mến vô điều kiện cái quê hương xã-hội chủ nghĩa như vậy? Daniel Mayer đã phân biệt sự kiện đó cách chính xác: « *lòng mộ mến đó đối với Liên-Bang Xô-Viết là lòng mộ mến của một tín đồ đối với Thượng-đế* ». Vì đã chấp-nhận thuyết duy-vật, tất nhiên người Cộng-sản nghĩ rằng đã hủy-diệt mọi dấu vết hữu-thần ở trong mình; Vâng, cho là như thế. Nhưng họ vẫn giữ trong tâm-hồn một vài tia sáng nhân tính chứ? hơn nữa — và đây là niềm vinh dự của những chiến sĩ thành tâm — nếu họ từ chối cuộc sống vị kỷ, hẹp hòi và ước mong hiển thân cho một công cuộc xã-hội cao cả, tất họ phải tìm cách làm thỏa mãn hai đòi hỏi này: hy sinh cho một lý tưởng vượt tầm mức mình và đồng thời minh-định lý tưởng đó bằng một đối tượng thấy được, sờ mó được và có thể trở thành một tâm-điểm hội-

tụ, một phương-tiện thống-nhất. Đòi hỏi *siêu việt* và đồng thời đòi hỏi *nhập thế*, đó là dấu vết không thể hư mất được của Thiên Chúa trong mỗi một người, cho dù là duy-vật đến mức nào chăng nữa.

Đối với người công giáo, Giáo hội ứng đáp với hai nhu-cầu đó. Nhưng khi đã bác bỏ Giáo hội ấy cùng tất cả những gì siêu việt, thử hỏi người Cộng-Sản gặp được gì? Họ tìm được cái chuyện hoang đường một xã-hội không giai cấp, không quốc-gia và cái quê hương xã hội chủ nghĩa. Đến đổi, trong tâm hồn họ, Liên-Bang Xô-Viết trở nên một vị Chúa nhập-thể.

Vì lẽ đó, đảng Cộng-Sản có giá trị của một *thần bí*, một « *tôn giáo trần tục* », như lời Raymond Aaron đã nói cách chí lý: « *Nền văn chương Xô-Viết có nhiều chỗ chứng minh cho ta thấy rõ điều đó.* » Ở đây ta chỉ nêu lên một luận cứ đáng chú ý nhất trong

cuộc tranh-luận vừa rồi : Vấn nạn mà các đảng viên Cộng-Sản Pháp đưa ra để che đậy

các hậu quả chính trị và quốc gia do lòng sùng mộ của họ đối với Liên-Bang Xô-Viết.

SỰ KHÁC BIỆT CĂN BẢN GIỮA LÒNG MỘ MẾN CỦA ĐẢNG VIÊN CỘNG SẢN ĐỐI VỚI LIÊN BANG XÔ VIẾT VÀ SỰ TÙNG PHỤC CỦA NGƯỜI CÔNG GIÁO ĐỐI VỚI GIÁO HỘI

PIERRE Hervé đã viết nhiều bài trong báo *L'Humanité* và *Action* để nhắc đi nhắc lại rằng : « sự lệ-thuộc của các đảng viên Cộng-sản đối với Liên-Bang Xô-Viết cũng giống như sự lệ thuộc của người Công-giáo đối với Tòa Thánh La-mã. »

Ta hãy nghe tác giả đây sự so sánh đến tột mức : « Các bạn trách chúng tôi vâng lời Mạc-Tư-Khoa ư ? Nhưng chính các bạn không tuân phục La-mã là gì ? Chúng tôi vẫn chưa bày cái thuật bắt các chiến sĩ chúng tôi đặc biệt thề hứa thi hành những sứ-mệnh do Staline giao phó kia mà. Các anh trách chúng tôi là giữa đảng và tổ quốc phải chọn lấy một bên thôi. Nhưng thử hỏi giữa Giáo-hội và nước bạn, các bạn có phải lựa chọn lấy một bên không ? Và nếu có xảy ra một cuộc xung đột, thì không phải các bạn nhất quyết chọn Giáo-hội trước nước bạn sao ? Tôi thấy trước các

bạn sẽ trả lời rằng không thể có sự xung đột giữa các « quyền lợi thực sự » của nước bạn và của Giáo-hội ? Vâng cho đi như vậy. Nhưng như thế các bạn lấy quyền gì để kết-án tôi, nếu trong một trường-hợp tương tự, tôi chọn vâng lệnh Đảng hơn vâng lệnh nước tôi ? Bởi vì đức tin của tôi không kém phần mạnh mẽ hơn đức tin của bạn. Cũng như bạn, tôi tin chắc rằng không thể có sự xung đột giữa các « quyền lợi thực sự » của nước bạn và của quê hương xã-hội chủ nghĩa ».

Tại sao ta phủ nhận sức mạnh của câu vấn nạn ? Sự so sánh nhà văn Pierre Hervé vừa nêu ra xác thực hơn nhiều sự so sánh của J. Duclos, đem cuộc cách-mạng Pháp làm thí dụ để bác lại D. Mayer. Sự xác-thực và sức-mạnh đó dĩ nhiên phát xuất từ vai trò thần-bí của Liên-Bang Xô Viết và vị lãnh tụ tối cao đối với tâm hồn Cộng-Sản như chúng

ta đã nói ở trên đây. Tuy-nhiên sự sai-biệt vẫn không kém phần lớn lao và muốn làm nổi bật nó lên cũng không khó khăn gì.

Đành rằng, người Công-giáo đã nhận thấy và luôn luôn có thể nhận thấy nhiều cuộc xung đột mà hình như lòng yêu Giáo-hội và lòng yêu tổ quốc của họ tương phản lẫn nhau. Nhưng, người Công giáo cũng chắc chắn rằng, cho dù các cuộc xung đột ấy có quyết-liệt thế nào đi nữa, bao giờ cũng có một giải-pháp và giải-pháp đó tôn-trọng quyền lợi của bên này cũng như bên kia. Trái lại, cũng trong trường hợp tương-tự như vậy, người Cộng-Sản có thể quả quyết rằng không có giải pháp nào cả và mình phải hy-sinh tổ quốc vì Đảng, bằng không là tự phản-bội. Lý do rất là đơn giản : tổ quốc và Liên-Bang Xô Viết, quê hương của Xã-hội chủ-nghĩa, chỉ đối chọi nhau trên một bình-diện duy-nhất, chung cho cả đôi bên : bình diện *trần gian*. Lòng yêu mà một bên đã có ưu-tiên đòi hỏi, thì bên kia không thể có được như vậy nữa. Trái lại, tổ quốc và Giáo-hội không tương - phản nhau như thế. Dưới một khía cạnh nào đó, Giáo-hội vốn do những con người thịt xương tổ-hợp lại,

thành một xã-hội trần gian và về phương diện này một cuộc xung đột vẫn có thể xảy ra giữa Giáo-hội và một dân-tộc khác. Nhưng dưới một khía cạnh khác, cái khía cạnh quan trọng hơn hết, Giáo-Hội là một *xã-hội siêu-nhiên*, bởi vì mục đích của giáo-hội là dạy chúng ta vượt quá mức xác-thịt, để thánh hóa con người. Về phương diện này, Giáo-hội bao trùm toàn thể các dân tộc và vì thế không một xung đột nào có thể xảy ra được. Hơn nữa, do cuộc sinh-hoạt cũng như học-thuyết của mình, Giáo-hội trở thành nền-móng cuối cùng của sự tồn-tại các dân tộc và là bảo-đảm chắc-chắn nhất cho sự chung sống hòa bình.

Và tại sao Liên-Bang Xô Viết, luôn luôn cao rao chủ trương đại-dồng lại không thể đóng một vai trò như vậy đối với các dân tộc ? Chính vì quan niệm về vũ trụ của họ ngang nhiên phủ-nhận mọi cứu-cánh thiêng liêng đối với cá nhân riêng biệt cũng như đối với toàn thể nhân loại. Đó là quả báo không thể tránh được của chủ trương duy vật vô thần.

Sự khác biệt giữa La-Mã và Mạc-Tư-Khoa về tương quan cứu cánh đó, trực-tiếp phát-xuất từ việc chối bỏ tất cả

những gì thiêng liêng và siêu việt, là chính nền-tảng của chủ-nghĩa Mác-Xít. Sự sai biệt đó gây nên nhiều hậu-quả minh-chứng rõ rệt rằng trong trường-hợp xảy ra xung đột thì các « quyền lợi thực sự » của tổ quốc không thể nào đồng-nhất với các quyền lợi của Liên-Bang Sô-Viết cũng như chống đối với quyền lợi của Giáo-hội.

Thật vậy, những mệnh lệnh của La-Mã mà một người Công-giáo có thể nhận được, bao giờ cũng nhằm trực-tiếp hoặc gián-tiếp việc theo đuổi mục-đích thiêng-liêng là mục đích riêng của mình và của giáo-hội : *công bằng và bác ái tuyệt đối* ; Và các mệnh lệnh ấy luôn luôn bao hàm, về phía La-Mã, sự tôn-trọng quyền tự-do cá-nhân, nền độc-lập dân-tộc và nền tự trị quốc gia. Vì đó là những giá trị mà Phúc-âm và Truyền thống công giáo đều tôn trọng. « *Hãy trả cho César cái gì của César và trả cho Thiên-Chúa cái gì của Thiên Chúa* ». Làm sao « *các quyền lợi thực sự* » của một nước có thể bị đe dọa bởi một uy quyền luôn luôn trung thành với các nguyên tắc ấy ? Và hơn nữa, nếu vạn nhất có vị lãnh đạo Giáo-hội nào quên mất các nguyên tắc ấy và ban bố mệnh lệnh về lãnh vực chính trị phản-lại

chúng, thì các tín-hữu đương nhiên có quyền không tuân phục.

Trái lại, các mệnh lệnh của Mạc-Tur-Khoa chỉ có thể nhằm một mục đích gần gũi : lợi ích của Liên-Bang Sô-Viết. Và không có gì bảo vệ các giá trị mà đạo Thiên-Chúa cứu vãn nữa, bởi vì đối với người Cộng-Sản, cá nhân chỉ có một mục đích : phục vụ giai cấp, dân tộc chỉ có một vận - mệnh : đồng hóa với Liên-Bang Sô-Viết và chính quốc-gia cũng phải tiêu-diệt đi, không phải ở bên kia thế giới, nhưng ngay ở trần gian này.

Không có một thực-thể tuyệt đối nào để che chở lương tâm chống lại những đòi - buộc cường-bạo của độc-tài. Không thể có sự trái-ngược nào hoàn toàn hơn nữa đối với thái độ của giáo-hội.

Không cần đi sâu vào địa hạt hay biến chuyển của chính trị, bây giờ ta cũng có thể phê phán đúng đắn giá trị lời tuyên bố mà Pierre Courtade không ngần ngại đưa ra trong báo « Action » ngày 28-12-1945 :

« *Lời tố-cáo Liên-Bang Xô-Viết chủ trương đế-quốc đối với chúng tôi là một điều mâu thuẫn ngay trong từ-ngữ. Chỉ có tư-bản mới là đế-quốc.*

Những cuộc vận - động và những cố-gắng của một nước xã-hội chủ-nghĩa nhằm mục đích củng-cố việc phòng-thủ và tăng-gia thế-lực của mình đối với chúng tôi là những việc chính-đáng. Hơn nữa, khi xảy ra xung đột giữa một nước cấp-tiến và một nước không cấp-tiến, chúng tôi thấy rằng trong tất cả mọi trường-hợp, ủng hộ những đòi hỏi của nước cấp-tiến là điều dĩ nhiên ».

Người ta thường hay chỉ trích việc người công giáo tin Giáo hội là « không tì vết » và Đức Giáo Hoàng không sai lầm. Nhưng người Cộng-Sản vô thần còn tin điều đó mạnh mẽ hơn người công giáo nữa. Bởi vì họ cho những

nhà lãnh đạo Sô-Viết là tuyệt-đối không sai lầm và không khuyết điểm, ít ra trong những vấn-đề quốc-tế. Và do đó, hậu quả đương nhiên là gì ? Họ sẵn sàng ủng hộ những đòi hỏi của nước « cấp tiến », nghĩa là được tiêm-nhiễm lý-tưởng một xã hội không giai cấp và không chính quyền. « Trong tất cả mọi trường hợp », cho nên mặc dù điều yêu sách kia có hoàn toàn trái ngược với lợi ích quê hương riêng của mình cũng không sao.

Vậy chúng ta đã tự hỏi : Cộng-Sản có thể là quốc gia được không ? Pierre Courtade vừa trả lời cho tất cả những người thiện chí.

VI VŨ
biên soạn

Ghi chú :

Đến đây, hẳn có người thắc mắc : Đánh rằng theo luận lý và sự chứng minh của lịch sử, Cộng Sản không thể là quốc gia được. Nhưng tại sao trong thực tế, có trường hợp Nam-Tư ? Mặc dù theo chủ nghĩa Cộng Sản, Nam Tư đã ly khai khỏi quyền thống trị của điện Cầm-linh để giữ vững nền độc lập của mình. Như vậy, ta có thể kết luận, ít ra trong trường hợp này, Cộng Sản có thể là quốc gia.

Thắc mắc này rất đáng được đả thông cho minh bạch.

Trước tiên, chúng ta phải công nhận rằng sự ly khai của Nam-Tư là một đòn chí tử đánh vào Cộng Sản quốc tế. Nó tố

cáo trước thế giới sự phi lý của cái học thuyết muốn xóa bỏ quốc gia, một thực thể tự nhiên của loài người. Thái độ của Nam-Tur không có gì lạ lùng cả. Nhiều dân tộc khác như Hung-gia-lợi, Ba-lan v.v. đã làm như vậy. Chỉ có điều Nam-Tur may mắn hơn họ và đã thành công đó thôi. Các vụ đòi hỏi ly khai kia chỉ là phản ứng tất nhiên của ý thức quốc gia của bất cứ dân tộc nào trên thế giới. « Hãy đuổi bản tính tự nhiên đi, nó sẽ xông xộc chạy trở về » (*Chassez le naturel, il revient au galop*).

Bây giờ thì Nam-Tur đã tách khỏi khối Cộng Sản Quốc-tế rồi. Đứng trên cương vị học thuyết Cộng Sản chính thống, Nam-Tur không còn là Cộng sản nữa, mặc dù trong thực tế Nam-Tur vẫn dùng danh từ ấy để chỉ con đường mình đang đi. Mạc tư Khoa đã nhiều lần tuyên bố về Nam-Tur như thế. Làm sao có thể Cộng sản được, khi đã bác bỏ quyết nghị của đảng Cộng Sản quốc tế : « Nga Sô là thành trì cách mạng vô sản, lãnh đạo toàn bộ vô sản thế giới » ? Làm sao còn là Cộng Sản, khi đã ngang nhiên bác bỏ tin điều « Thế giới Đại đồng » của học thuyết Mác-Xít ? Bởi vì đã chủ trương dân tộc tự quyết, duy trì đơn vị quốc gia, thì làm gì có thể thực hiện một thế giới không chính quyền, không biên giới quốc gia ?

Vậy ta có thể tin được rằng hiện nay Nam-Tur chỉ mới bước cái bước thứ nhất trên đường « hóa thân » của mình. Lịch sử còn dành cho ta những bất ngờ khác. Lịch sử sẽ dẫn đến đâu ? Thời gian sẽ trả lời. Dù sao, danh từ « Cộng Sản » mà Nam-Tur hiện áp dụng cho mình, không còn có ý nghĩa nguyên thủy và chính xác của nó nữa. Nếu nội dung đã biến hóa rồi, thì đòi hỏi một danh từ khác thích hợp hơn.

HỮU VẤN

Những tổ chức quốc tế cộng sản trá hình

CÓ lẽ trên thế giới này, từ xưa đến nay, từ Đông sang Tây chưa có tổ chức nào bì kịp Cộng sản quốc tế về mặt xảo quyệt lừa manh. Một cá nhân có tám địa xảo trá cũng đủ thủ đoạn để làm những việc gian ác bịp bợm tày trời, huống chi một tổ chức quốc tế, có một quốc gia làm đầu não, lấy lẽ ác làm phương châm vì sử dụng một khả năng to tát về nhân tài vật lực !

Nhận thức được mối ghê tởm của mọi người đối với mình như vậy, trong hoạt động truyền bá chủ nghĩa, đảng Cộng sản cố dùng đủ mọi cách để che dấu chân tướng của mình. Chính ở đây, tính chất lừa manh và xảo quyệt của họ lại bộc lộ rõ ràng hơn nữa. Hình thức họ thường dùng nhất là các tổ chức trá hình.

Những tổ chức nhắm mục đích phục vụ các chủ trương chính sách của Cộng sản, nhưng không ra mặt tham dự công khai của chính phủ Nga-Sô, của đảng Cộng sản Liên Bang Sô-Viết hay bất cứ đảng Cộng sản nào chỉ là những bình phong rất lộng lẫy che dấu những hoạt động của Cộng-sản. Những người thiếu kinh nghiệm chính trị rất dễ dàng có thiện cảm và tin theo lời dụ dỗ của họ.

Mặc dù bị chi phối trực tiếp bởi guồng máy đảng Cộng-sản, các tổ chức ấy cố tạo một bề ngoài độc lập và tìm cách kết nạp rất nhiều người không Cộng-sản để tạo uy tín. Đối tượng kết nạp là các phần tử « cấp-tiến », bởi vì hạng này quá thiên tả nên không thể theo chủ trương tương đối ôn hòa của xã hội dân chủ và đồng thời còn nặng chủ nghĩa cá nhân nên không thể theo Cộng-sản. Một khi đã dụ họ vào tổ chức rồi, Cộng-sản liền dùng đủ mọi mưu mánh để kéo họ vào đảng.

Các tổ chức đó là bức màn che giấu các đảng viên Cộng-sản bí mật và những khi đảng Cộng-sản bị đặt ra ngoài vòng pháp luật thì toàn bộ đảng cũng về ẩn nấp trong đó.

Lê-ninh gọi chúng là các « đòn bẫy » hoặc những « đại chuyển động », vì chúng nối liền đảng cộng sản với quần chúng.

Thực ra, nội dung hoạt động của các tổ chức ấy không có gì mới lạ cả, nó đã được gói ghém trong huấn thị « vĩ-dại » của Lê-ninh, được mệnh danh là « Chiến-thuật Lê-ninh » :

« Không được lùi bước trước bất cứ hy sinh nào, phải vượt các trở ngại lớn lao nhất để xúi giục nổi loạn và đẩy mạnh công tác tuyên truyền một cách nhất quyết, kiên trì, bền bỉ. Phải biết dùng mọi chiến lược, mưu mánh, những cách thức hoạt động ngấm ngầm, làm thỉnh và che giấu sự thật, nhằm mục đích duy nhất là lọt vào các nghiệp đoàn, bám sát ở đó và hướng dẫn hoạt động Cộng-Sản với bất cứ giá nào. Càng tận tụy với tư tưởng Cộng-Sản bao nhiêu, càng biết áp dụng nghệ thuật chấp thuận tất cả những sự thỏa hiệp cần thiết, những hoạt động gián tiếp, quanh co, những mánh khéo hòa giải và thối lui, ngõ hầu đẩy mạnh những cuộc cọ xát, tranh cãi, xung đột... không thể tránh được ».

Chiến thuật này được các đảng viên cộng sản triệt để áp dụng từ năm 1945 và không ngớt làm cho càng ngày càng hoàn bị.

« Đảng Bón-Sơ-Vích đã phải thay đổi các chiến thuật, các phương pháp tranh đấu ; Đảng đã phải chuyển từ các hình thức hợp pháp qua các hình thức bất hợp pháp, phải bắt tay hòa giải, ký kết thỏa hiệp với các đảng khác, các phong trào khác ; phải tránh đụng độ, phải thối lui để sau đó tiến lên vững vàng hơn. Lê-ninh đã dạy cho các đảng Cộng-Sản biết xử-dụng khéo léo các hình thức chiến thuật khác nhau đó, căn cứ theo các trường hợp cụ thể của cuộc tranh đấu giai cấp ở từng địa phương — căn cứ theo từng mỗi một hoàn cảnh thực tế. »

Phạm vi nhỏ hẹp bài này không cho phép chúng tôi trình bày tất cả quá trình thành lập, cơ cấu tổ chức, những người lãnh đạo, thành phần tham gia cũng như các hoạt động của mỗi một tổ chức đó ở khắp thế giới. Chúng tôi chỉ xin hiển một bản kê danh hiệu và thời gian thành lập của các tổ chức đó.

NĂM	PHÁP	VIỆT	ANH
1945 FSM	<i>Fédération Syndicale mondiale</i>	Liên hiệp nghiệp đoàn Thế giới	WFTU : World Federation of Trade Unions
1945 FMJD	<i>Fédération mondiale de la Jeunesse Démocratique.</i>	Liên đoàn Thanh-niên dân chủ Thế giới.	WFDY World Federation of Democratic Youth.
1945 FDF	<i>Fédération Démocratique internationale des Femmes.</i>	Liên đoàn phụ nữ dân chủ quốc tế.	WIDF : Women's International Democratic Federatoin.
1946 UIE	<i>Union internationale Etudiants.</i>	Sinh viên quốc tế đoàn kết.	JUS : Intenational Unnion of Students.
1945 FISE	<i>Fédération Internationale Syndicale de l'Enseignement.</i>	Liên hiệp nghiệp đoàn giáo giới quốc tế.	WFTU : World federation of Teachers Unions.
1946 AIJD	<i>Association Internationale des Juristes Démocratiques.</i>	Hiệp hội luật sư dân chủ quốc tế.	IADL : International Association of Democratic Lawyers.
1946 FMTS	<i>Fédération mondiale des Travailleurs Scientifiques.</i>	Liên đoàn lao động khoa học Thế giới.	WFSW : World Federation of Scientific Workers.
1946 OIJ	<i>Organisation Internationale des Jurnalistes.</i>	Tổ chức kỹ giả quốc tế.	IOJ : International Organization of Journalists.
1946 OIR	<i>Organisation Internationale de Radiodiffusion.</i>	Tổ chức Vô tuyến truyền thanh quốc tế.	IPO : International Broadcasting organization.
1949 CMP	<i>Conseil Mondial de la Paix.</i>	Hội đồng Hòa bình Thế giới.	WPC : World Peuce Council.
1951 FIR	<i>Fédération Internationale des Résistants, de Victimes et des Prisonniers du Fascisme.</i>	Liên đoàn quốc tế kháng nhân, nạn nhân và tù nhân Phát Xít.	IFRF : International Federation of Resistance Fighters.
1951 CIDC	<i>Comité international pour le Développement du commerce.</i>	Ủy ban quốc tế phát triển thương mại.	ICPT : International Committee for the Promotion of Trade.
1954 CMM	<i>Congrès mondial des medecins.</i>	Đại hội Y-sĩ Thế giới.	WCD : World Congress of Doctors.

Trong bảng thống kê, có 2 tổ chức đáng được chúng ta lưu ý hơn cả là : Hội đồng Hòa bình thế giới và Liên hiệp Nghiệp đoàn thế giới.

Hội đồng Hòa bình thế giới là một tổ chức chủ yếu, bởi vì mọi tổ chức khác đều liên hệ với nó và góp phần đầy mạnh « công tác tuyên truyền hòa bình » của nó.

Tổ chức này được nhiều người không cộng sản hưởng ứng hơn các tổ chức cộng sản trá hình khác. Họ đã gia nhập vì lầm tưởng đó là một công cuộc tranh đấu bảo vệ hòa bình thực sự và ở ngoài cùng ở trên chính trị. Nhưng họ đã thất vọng rút lui khi khám phá được bộ mặt thực của nó là bảo vệ quyền lợi của Liên Bang Số Viết và của Cộng Sản quốc tế.

Mục đích sâu xa của tổ chức Hội Đồng Hòa Bình Thế giới đã được Dimitri Manuisky vạch sẵn từ năm 1930 trong buổi diễn thuyết tại Học Viện Chiến Tranh chính trị tại Mạc-tư-Khoa như sau :

« Một cuộc chiến tranh tàn sát giữa Cộng-Sản và tư bản không thể nào tránh được. Hiện nay chúng ta chưa đủ sức mạnh để tấn công. Trong 20 hay 30 năm nữa, chúng ta mới ra tay. Muốn thắng, chúng ta sẽ phải dùng phương pháp tấn công thành linh. Lúc ấy, bọn tiểu tư sản hủn dơng nằm ngủ. Vì vậy, trước hết chúng ta sẽ tung ra phong trào tranh đấu hòa bình một cách hết sức rầm rộ như chưa bao giờ có. Chúng ta sẽ tỏ những thái độ cởi mở rất hấp dẫn, những sự nhượng bộ vô cùng mềm dẻo. Các nước tư bản khờ khạo và đòi trụ sẽ sung sướng cộng lực với chính cái sẽ tiêu diệt chúng. Chúng sẽ vui thích nắm lấy cơ hội có thể gây tình giao hảo. Thừa lúc chúng hững hờ không đề phòng nữa, chúng ta tiêu diệt chúng bằng những nắm tay nắm chặt. »

Ước gì các nước trong khối Thế giới Tự do đừng bao giờ quên lời « tiên tri » thô tục đó, và đừng để bị « ru ngủ » vì các phong trào Hòa bình hiện tại cũng như các âm mưu thâm độc khác.

Nếu Hội đồng Hòa Bình Thế giới là một tổ chức chủ chốt của Cộng Sản, thì Liên Hiệp Nghiệp đoàn Thế giới là một tổ chức được thực hiện một cách rất chu đáo và được cung cấp tài chính dồi dào hơn mọi tổ chức Cộng sản trá hình khác. Thành phần gia nhập tổ chức này là những đoàn viên của các nghiệp đoàn dưới quyền điều khiển Cộng sản và có thể gây nên những cuộc rối loạn kỹ nghệ và kinh tế trầm trọng. Vì vậy nó là một tổ chức nguy hiểm hơn mọi tổ chức khác. Nó kiểm soát chặt chẽ sự hoạt động của 19 văn phòng chuyên nghiệp hoặc nghiệp đoàn quốc tế như ngày nay người ta thường gọi. Những văn phòng này tập hợp các người lao động theo nghề nghiệp chuyên

môn của họ. Các văn phòng này được thành lập vào khoảng 1949-1950 nhằm mục đích phá hoại. Các văn phòng Nghiệp đoàn quốc tế (SSI) nằm trong Tổ chức Tổng Liên Hiệp Nghiệp đoàn Tự do quốc tế (CISI)

Đọc đến đây, hẳn có người muốn tìm hiểu động cơ chính yếu thúc đẩy đảng cộng sản Nga-sô — cố dùng mọi biện pháp tổ chức những cơ cấu quốc tế như trên.

Muốn có lời giải đáp, chính xác, thiết tưởng không phải tìm đâu xa mà chỉ cần đọc lại lời nói của Lê-ninh và DiMitri Manuisky đã trưng dẫn trên đây. Chúng ta nắm được bằng chứng cụ thể về ý định của Đảng Cộng Sản muốn tiêu diệt các nước trong khối Tư-bản, nhưng không phải để giải phóng các dân tộc bị trị và giai cấp vô sản nó lệ như họ nói, mà chính là để thực hiện mộng làm bá chủ Thế giới của Nga-sô vậy.

HỮU VĂN

QUẦN PHONG

Tại sao

Cộng sản bành trướng ?

Để kích chủ nghĩa cộng sản trên lý thuyết không gì dễ bằng và đó cũng là điều mà những người chống cộng thường làm. Triết lý Các-Mác làm cơ sở cho chủ nghĩa ấy có tính cách quá « sơ đẳng », đầy mâu thuẫn, không thể nào đương đầu nổi với những lời chỉ trích của những giáo sư triết học, ngay cả của các ký giả chính trị. Giữa thời đại chúng ta không có một triết gia đứng đắn nào mà lại dám chủ trương liều lĩnh rằng vật chất là thực thể đầu tiên, căn bản ; rằng tinh thần chỉ là một hiện tượng phụ thuộc, một sản phẩm do sự tiến hóa của vật chất sinh ra. Quan niệm mác-xít cho rằng tất cả tư tưởng của chúng ta chỉ là phản ảnh đúng hệt như chụp ảnh những sự vật cụ thể ở ngoại giới, một quan niệm như thế ai cũng thấy rõ là quá thô sơ. Người mác-xít tự cho là có thể vứt bỏ hết cả mọi phương pháp phê bình nhận thức — phương pháp của Kant cũng như những phương pháp khác — bởi vì họ tin rằng cứ luôn luôn sát với thế giới vật chất là không thể có một sai lầm nào len lỏi được vào tư tưởng họ. Và dưới con mắt họ chỉ có những tương quan do hoạt động sản xuất phát sinh ra giữa con người và thế giới vật chất là « thực » mà thôi. Về cả hai phương diện trình độ trí thức và tâm lý, người mác-xít là

người của thế kỷ 19, cho nên họ tin ở « khoa học » như là tin đồn tin ở Mạc-Khải. Họ tin chắc ở tính cách khoa học của thế giới quan của họ, không biết rằng đó chỉ là một quan niệm về khoa học và khả năng khoa học đã cũ rích tự bao giờ. Triết học mác-xít có tính cách duy vật không phải bởi vì nó khoa học, mà bởi vì nó là một siêu hình học nhất nguyên. Thuyết duy vật thực nghiệm của nhà khoa học không bao giờ nhận định đến thực thể, bởi vì nhà khoa học chỉ nghiên cứu về vật chất có tính cách hoàn toàn phân lượng, mà những yếu tố trong vũ trụ phân lượng chỉ có thể kết hợp thành một khối có cái bề ngoài của một đơn vị thuần nhất chứ không thể nào cấu tạo thành một đơn vị hữu cơ được. Đối với nhà khoa học, vật chất là một thực thể khách quan mà họ xử dụng để biến hóa chế cải tùy theo nhu cầu của trí óc con người. Nhà khoa học không bao giờ tự đồng hóa mình với vật chất, và thái độ của họ đối với vật chất ám nhận ưu quyền của tinh thần. Triết thuyết mác xít cho rằng chỉ có vật chất là thực thể độc nhất, rằng tinh thần chỉ là phản ảnh của vật chất, rằng đấng Tạo hóa chỉ là là do ý thức đã thác loạn của con người bịa đặt ra, tất cả những quyết đoán ấy toàn là lợi dụng khoa học một cách man trá, toàn là có tính cách bông lông, vu vơ chứ không hề căn cứ vào một chứng cứ khoa học nào cả !

Triết thuyết mác xít lại lồng biện chứng pháp về ý tưởng của Hegel vào cái siêu hình học duy vật ấy. Như thế chỉ càng làm cho nổi bật thêm những nhược điểm của thuyết ấy và làm cho các mâu thuẫn càng thêm lớn rõ. *Chủ nghĩa duy vật biện chứng* với *biện chứng pháp duy vật*, hai cái danh từ ấy là những mớ chữ ghép lại bên nhau mà không thể có chút gì dính liú với nhau. Cũng vô lý như khi ta nói một « tảng nước đá nóng » và một « ngọn lửa lạnh » vậy. Chỉ vì về sau những người lập đi lập lại các danh từ ấy thường thường không kịp nghĩ đến ý nghĩa của nó cho nên dần dần nó thành ra một thứ công thức bùa chú không cần có nghĩa không cần có lý nữa, thế thôi.

Vì : biện chứng pháp chỉ có thể duy tâm. Mâu thuẫn nội tại, sự xung đột giữa chính đề và phản đề, sự vượt sang một tổng hợp đề, sự cấu thành một Toàn-Thể cuối cùng trong đó các mâu thuẫn xung đột đều chỉ là những khía cạnh khác

nhau và tất cả các yếu tố khác của hiện tượng luận Hegel đều không thể nào giải thích được nếu không đem chiếu hợp với cuộc sống tinh thần. *Triết thuyết mác xít đòi đặt ra một thứ hiện tượng luận của vật chất* là một điều hoàn toàn vô nghĩa lý, bởi vì nhà khoa học nào cũng thừa nhận rằng không hề có biện chứng trong vật chất bao giờ. Thì ta hãy cho thuyết mác xít là một triết lý cách mạng, và có thể hợp với biện chứng pháp đi. Nhưng chính vì nó là một triết lý, và có một biện chứng pháp nên nó mất ngay tính cách duy vật. Chúng ta chỉ cần đem ra phân tích những điều kiện đã khiến cho Lénine giành được chính quyền ở Nga hay là những điều kiện đã cho phép Staline chiếm gần nửa thế giới thì đủ hiểu rõ điều ấy.

Nếu đem các sự kiện ra phân tích, xét một cách đúng đắn thì các lý thuyết kinh tế mác xít cũng lòi ra những sơ hở không kém quan trọng. Ngày nay có nhà kinh tế học nào đúng đắn mà dám bênh vực cho thuyết thặng dư giá trị chẳng hạn? thuyết ấy lại là cơ sở của quan niệm mác xít về các mối tương quan xã hội. Các sự kiện thực tế cũng đã bác bỏ hoàn toàn các quan niệm mác xít về giá trị sử dụng và giá trị trị đổi chác, về giá trị lao động, về sự biến đổi vật giá, về tư bản bất định và tư bản hằng cửu, về sự tập trung vốn; cho đến chính những nhà kinh tế số-viết cũng chỉ tham chiếu những lý thuyết ấy một cách rụt rè và khi họ hành động họ không dám tin vào nó. Chỉ còn có một lý thuyết độc nhất của Các-Mác có vẻ được các sự kiện thực tế xác nhận, ấy là lý thuyết về sự khủng hoảng kinh tế, nhưng mà ngay cả trong thuyết này cũng phải thêm thắt rất nhiều nó mới có một giá trị khoa học.



N H U N G cộng sản rất hiệu quả trong phạm vi chính trị thực hành.

Nếu chỉ cần bác bỏ các lý thuyết triết học hay kinh tế của cộng sản mác-xít, thì chủ nghĩa này đã bị quét ra khỏi sân khấu lịch sử lâu rồi. Nhưng điểm lạ lùng là ở chỗ các nhược điểm lý thuyết ấy không ngăn nổi chủ nghĩa cộng sản

đạt một hiệu quả kinh khủng trong phạm vi chính trị thực hành. Ở đây chúng tôi dùng chữ « hiệu quả » theo một nghĩa hoàn toàn khách quan không hề xét đến *giá trị đạo đức* của cái hiệu quả cộng sản ấy.

Trong vòng 40 năm, chủ nghĩa cộng sản đã thôn tính hơn 800 triệu người, nghĩa là 40% nhân số trên thế giới. Từ sự truyền bá Thánh kinh của Thiên chúa giáo, của Hồi giáo, cho đến sự truyền bá tư tưởng tự do của cách mạng Pháp, không có sự truyền bá nào mà được nhanh chóng chớp nhoáng tới bậc đó. Dĩ nhiên người ta có thể bảo rằng các dân tộc Ba Lan, Lỗ ma Ni, Nam Tư, Bảo gia Lợi... và cả dân tộc Nga cũng không hề chấp nhận chế độ cộng sản, rằng cộng sản đặt thống trị trên đầu họ toàn bằng mưu mô xảo quyệt và bằng bạo lực. Sự thực quả như thế, tuy vậy mưu mô và bạo lực không đủ để cắt nghĩa nổi sự duy trì chế độ cộng sản tại các nước ấy ; chắc chắn là một phần khá lớn dân chúng các nước ấy tự nguyện ủng hộ chế độ và chịu những hy sinh nặng nề cho chế độ.

Và lại ở những nước cộng sản không nắm được chính quyền cũng có nhiều kẻ hướng hy vọng về chủ nghĩa cộng sản, sự kiện ấy càng thêm có ý nghĩa. Ở Pháp, và đặc biệt là ở Ý, một số lớn thợ thuyền theo cộng sản hoặc có cảm tình với cộng sản, và ngay cả những người thợ công giáo tuy họ bác bỏ chủ nghĩa cộng sản vì những lý do siêu hình, nhưng họ vẫn cảm thấy có liên hệ với nó và không tán thành các chủ trương chống cộng trên nguyên tắc. Tất cả những điều mà báo chí sách vở thuật lại về chế độ cộng sản, về các trại lao động sô-viết, về các cuộc tàn sát tôn giáo, thủ tiêu tự do, về tình trạng bần cùng của giới vô sản ở Nga, tất cả những cái đó có vẻ không làm cho giới vô sản ở Pháp, ở Ý, ở Bỉ và cả ở Mỹ ở Anh chú ý đến. « Cũng không nên cho rằng như thế là do ở một mối *« mặc cảm ganh tị của lao động »*, bởi vì nhiều nhà trí thức, nhiều bậc quý tộc và tư sản các nước cũng tự ý gia nhập vào đảng cộng sản và tích cực hoạt động cho đảng ấy. Trong một số các nước — đặc biệt là Hoa Kỳ, Anh và các nước vùng Bắc Âu — ảnh hưởng cộng sản lại rõ rệt hơn ở những tầng lớp không phải là vô sản, còn chính

thợ thuyền thì thường thường họ không có bất bình gì, nhờ họ hưởng được những quyền lợi vật chất đầy đủ do chính sách xã hội thực nghiệm và tổ chức nghiệp đoàn mạnh mẽ ở các nước ấy. Tuy nhiên những nhà trí thức theo cộng sản ấy vẫn thừa biết các nhược điểm triết lý của chủ nghĩa mác xít, cũng như những nhà kinh tế học trong số trí thức ấy thừa biết nhận định của Các-Mác về giá cả và giá trị có nhiều sai lầm. Những nhà trí thức công giáo (mệnh danh là công giáo cấp tiến) đang chơi với muốn bắt tay với cộng sản cũng thừa biết các cuộc bắt đạo ở các xứ cộng sản.



C H O rằng cộng sản quyến rũ được nhiều người chẳng qua bởi vì nó tuyên truyền khéo léo và rộng rãi, đó chỉ là cách tự an ủi dễ dãi của những phần tử chống cộng không muốn nhìn thẳng vào sự thực. Ngân quỹ mà Hoa-kỳ vãi ra để tuyên truyền ở ngoại quốc nhất định là lớn gấp mấy số tiền điện Cẩm-linh cấp cho các đảng cộng sản và các tổ chức thân cộng ; thế mà ta có thấy ai bị lôi cuốn theo đường lối của Mỹ quốc đâu. Trái lại ta có cảm tưởng rằng Mỹ càng tuyên truyền người ta càng đâm ra ngờ vực và mất cảm tình với Mỹ. Còn như cho rằng cộng sản thành công do mặc cảm « ganh tị » « so bì » của giới vô sản chống với các tầng lớp thống trị, thì tốt hơn là đừng nói ra ý kiến ấy, bởi vì chỉ cần tiếp xúc qua loa với vô sản cũng đủ thấy rằng cái « mặc cảm » ấy chẳng có ảnh hưởng gì bao nhiêu trong tâm lý của vô sản ở những chỗ sáu kín hơn trong ý thức và tiềm thức con người.



B I Ê N CHỨNG PHÁP : Sự tráo trở muôn mặt. Thoạt mới nghe qua tuy có vẻ khó tin nhưng kỳ thực có lẽ nhờ các nhược điểm và các mâu thuẫn của nó mà triết học mác xít được sự hưởng ứng của một số lớn phần tử bán trí thức ;

nền học vẫn ngày nay vì hướng về giáo dục chuyên môn sớm quá và nặng quá cho nên đào tạo ra càng ngày càng ít số người trí thức chân chính, và có khuynh hướng mỗi ngày mỗi « sơ đẳng hóa » trí thức của con người. Lý thuyết mác xít nhằm làm một phương châm hành động cách mạng hơn là có tham vọng thành ra một triết học thuần lý, cho nên nó chẳng cần cho hoàn toàn thuần lý. Tùy theo sự cần thiết, có khi thì nó dùng luận điệu duy vật siêu hình, có khi thì nó dùng biện chứng duy tâm. Chính vì lộn xộn mập mờ như thế mà một mặt đối với đại chúng thuyết mác xít có vẻ như nắm được cái giản dị và vững chắc của vật chất, một mặt đối với giới trí thức thuyết mác xít lại có vẻ như nắm được cái động lực của tinh thần. Cũng chính vì mập mờ như thế mà trong sự tranh luận tại hội nghị và trên báo chí lý thuyết mác xít khó bị đánh đổ. Nếu đối phương nêu lên những sai lầm to lớn của lối duy vật siêu hình đội lốt khoa học thì người cộng sản vội kêu rằng đó là đối phương chỉ nói đến thứ duy vật máy móc tầm thường, còn thuyết mác xít là duy vật biện chứng. Nếu ta nêu lên rằng biện chứng pháp không hề phủ nhận tính cách siêu việt của Tinh thần, trái lại còn giả định và căn cứ vào tính cách siêu việt ấy, do đó ta bác bỏ lối giải thích biện chứng mác xít về việc này việc nọ người này người kia chẳng hạn, thì người mác xít lại vẫn cứ có thể biện bác rằng đối phương chỉ nói về biện chứng pháp duy tâm còn biện chứng pháp mác xít là thứ biện chứng duy vật kia. *Muốn lột mặt nạ nguy hiểm phải vạch ra sự vô lý căn bản của những danh từ duy vật biện chứng và biện chứng pháp duy vật.*

Trên bình diện chiến thuật cách mạng của cộng sản cũng có tình trạng lộn xộn mập mờ ấy. Khi thì họ dõ giọng duy vật siêu hình và thẳng tay cứng rắn trong cuộc đấu tranh ý thức, thẳng tay sát hại tôn giáo, thanh trừng « tà thuyết ». Đến khi tình hình chính trị buộc họ phải bắt tay với các xu hướng chủ nghĩa khác thì người cộng sản lại dõ đến biện chứng pháp của họ ra, cái thứ biện chứng pháp vô cùng mềm dẻo trong đó tất cả mọi người từ kẻ duy vật, người duy tâm, cho đến các tín đồ tôn giáo cũng có thể gặp nhau. Đừng tưởng rằng thủ đoạn như thế lộ liễu quá không lừa nổi ai, trái lại kinh nghiệm đã cho thấy rằng bao giờ số người mắc mưu

cũng đông cả. Kỳ quái nhất là chính ngay phần đông những người mắc xít họ lại rất thành thực trong khi biện luận như thế, và khi chúng ta cho họ thấy rõ ý nghĩa thái độ của họ thì họ chống đối một cách chân thành : theo họ cái điều mà người ngoài xem như là một lối tráo trở dễ tiện nhất ấy họ cho chẳng có gì là lộn xộn cả ; họ nhảy từ duy vật luận siêu hình sang biện chứng pháp duy tâm, rồi từ biện chứng pháp duy tâm sang duy vật luận siêu hình một cách tự nhiên, vô ý thức.

KHAO KHÁT HY VỌNG CỦA CON NGƯỜI: Tuy vậy sự xoay trở khéo léo của lối biện chứng cộng sản cũng sẽ không thu được kết quả bao nhiêu, nếu các khuyết điểm của xã hội tư sản hấp hối không phơi bày ra một hoàn cảnh đặc biệt thuận lợi cho nó tha hồ tung hoành. Cơ sở luận lý của xã hội này cố nhiên là rất vững chắc và ta không cần đem nó ra so sánh hơn thua với các hình thái xã hội khác, nhất là với xã hội cộng sản. Nhưng mà trong tình trạng tiến hóa của các khoa học tâm lý ngày nay ta phải biết rằng chỉ riêng tính cách hợp lý của nó nhất định không thể đủ để lôi cuốn mọi người theo : *tất cả cái thực tại hiện hữu phải đập mạnh vào cảm tình hơn là vào lý trí*. Thế mà xã hội tư sản lại không còn có một lý tưởng nào để say mê nữa, không còn đưa nổi ra một thần tượng nào để kích động người ta hăm hở hoạt động nữa. Lý luận ra thì hy sinh cho bất cứ cái gì cũng là vô nghĩa lý cả, bởi vì Bergson đã cho mọi người thấy rằng đối với lý trí không có gì quý báu bằng quyền lợi của chính mình. Tuy vậy mà trong thâm tâm con người lại mơ hồ cảm thấy rằng mình không thể là con người chân chính nếu không có một cái gì để mình có thể sẵn sàng hy sinh tất cả, dù cho đến tánh mạng. Chính vì lẽ ấy mà công cuộc tuyên truyền của Mỹ ở ngoại quốc hoàn toàn thất bại, bởi vì con người thời nay mặc dầu có óc vật chất thực tế tới bậc nào cũng không thể chịu hăng hái tận tụy hy sinh để chỉ vì được sống một đời sống vật chất đầy đủ, tiện nghi hơn, tuy rằng trong thâm tâm họ tha thiết mong muốn được.

Ngày xưa Thiên chúa giáo có những cội rễ sâu xa trong tâm hồn con người và nó đã thỏa mãn được cái nhu cầu vươn lên, cái nhu cầu siêu việt của con người. Vì không thể chống

cự nổi như đang được với ảnh hưởng lan tràn mạnh mẽ của học thuyết duy lý mà ngày nay nó đã mất cái tính cách thần bí cần có của nó ngay đối với các tín đồ và các người truyền đạo, đến nỗi lắm khi nó chỉ còn là một mớ lý thuyết học thuộc lòng và một thứ luận lý công thức. Không thích ứng kịp thời theo những hoàn cảnh mới của nhân loại, ảnh hưởng của Thiên Chúa giáo hình như đã lùi bước và nhường lại chỗ trống cho một thần bí khác đến chiếm đoạt và... chính nơi chỗ ấy chủ nghĩa cộng sản đã vừa đến kịp đúng lúc.

Không phải ta không biết rằng tất cả các người cộng sản hề nghe ai cho cộng sản là một chủ nghĩa thần bí đều nhao nhao phản đối ngay. Tiềm nhiệm thành kiến của thế kỷ 19 là một thế kỷ tin sùng các tư tưởng thực nghiệm và chống lại tất cả cái gì không duy lý, người cộng sản tự cho là nhân danh khoa học họ phải chống lại mọi lý thuyết thần bí. Nhưng chỉ cần đem phân tích hơi kỹ lưỡng một chút cái tâm lý của người chiến sĩ cộng sản hay người cảm tình viên cộng sản nào là đủ thấy rõ rằng cái khoa học chủ nghĩa hư ngụy của *Tư Bản Luận* chiếm một chỗ rất nhỏ bé. Chính những luận đề trong bản *Tuyên ngôn cộng sản* đã phẫn khích tất cả cái gì gọi là « cuộc sống tinh thần » của mọi người cộng sản chân thành, mặc dù có khi họ chưa hề đọc tới bản tuyên ngôn đó, tài liệu « thần bí » nhất trong các tác phẩm của Các-Mác. Ngay giữa thời kỳ lịch sử mà con người mất lòng tin tưởng ở Thiên Chúa, mà ngay đến người công giáo cũng không còn chờ mong Chúa giáng thế nữa, giữa lúc ấy nhờ một thứ linh tính trái với mọi quan niệm lý thuyết của ông ta, Các-Mác tung ra trước những con người đang bị hoàn cảnh sinh sống khó khăn đầy dọa, một thuyết cứu thế mới, tức là thuyết cách mạng vô sản. Kể nào tưởng có thể mĩa mai, nghi ngờ cái viễn ảnh ước mơ của xã hội cộng sản mai sau trong đó mọi người sống thân ái, hoàn toàn bình đẳng, trong đó mọi người làm việc tùy sức và ăn tiêu tùy nhu cầu, kể nào cho rằng như thế là hão huyền, ấy không hiểu chút gì về bản chất sâu xa của con người.

Trời đã sinh ra con người có thể sống không cần khoa học không cần văn minh mà cũng chẳng sao, nếu cần thì con người còn có thể nhịn cơm, nhưng không bao giờ có thể sống

mà không hy vọng được. Đến thế kỷ thứ 19, niềm hy vọng của Thiên Chúa giáo đã thời hứa hẹn một cái gì cụ thể, ít ra là đối với quần chúng vô sản. Vì thế ta không lấy làm lạ thấy giới vô sản họ bám một cách tuyệt vọng vào những lời hứa hẹn của chủ nghĩa cộng sản. Người thợ, họ không thể sống mà không hy vọng, và họ không tìm thấy hy vọng ở đâu ngoài chủ nghĩa cộng sản, vì vậy bao nhiêu lý lẽ chống cộng đối với họ đều vô hiệu. Vì ta đã nhận thấy: Sau cuộc đại chiến thứ hai này những người vô sản Pháp bám vào lòng tin tưởng ở cộng sản một cách vô cùng tuyệt vọng. Có những đoàn viên trong nghiệp đoàn và cả đến những đảng viên cộng sản bị quân đội xô viết bắt được trong các trại giam hay các trại lao động Đức rồi đưa về Nga. Họ đã sống trên nội địa Nga nhiều tháng, trở về họ kể lại cho bạn bè hoàn cảnh bị thẩm và những cơ cực tồi tàn vô nhân đạo của vô sản Nga. Hầu như không có ai chịu tin họ cả và... chừng ít tháng sau thì chính họ, họ cũng không tin như thế nữa. Chuyện ấy nói ra thì vô lý, nhưng nó đúng với bản chất sâu xa của con người vô cùng, và ta không có quyền không biết đến nếu ta muốn hiểu vì sao chủ nghĩa cộng sản đã lan rộng nhanh chóng.

Tóm lại, chúng tôi cho rằng muốn chống lại cộng sản mà lo tố cáo những bất công những thiếu thốn khổ sở của chế độ ấy là vô ích. Kinh nghiệm không bao giờ chứng minh rằng con người trong thâm tâm chỉ muốn hết khổ, hết đau, chỉ muốn mưu cầu khoái lạc. Thực ra con người lúc nào cũng khao khát cái lẽ sống, tức là khao khát hy vọng hơn bất cứ mọi thứ khác, mặc dù có lúc họ không tự biết như thế.

QUẦN PHONG

(Theo tài liệu của Ignace Lepp)

NHÀ VĂN CÔNG SẢN DƯỚI MẮT P. J. SARTRE.

NHÀ văn không phải chỉ bị coi như phạm tội... họ còn là vật hy sinh trong tất cả các cuộc thanh trừng chính trị... Nếu họ turnởng cứ nhầm lẫn vào lời thụ động là được yên thân thì họ lầm. Người ta bắt họ phải tỉnh lạnh, phải sắc bén, phải sáng suốt, phải có sáng kiến. Nhưng đồng thời người ta lại làm khổ họ vì những đức tính ấy, bởi vì những đức tính ấy sẽ được họ hướng về tội ác... Họ cũng không được quá tỏ ra trắng tráo : trắng tráo cũng nặng tội như là có thiện chí... họ cũng cần tránh đừng nói quá nhiều về học thuyết... các tác phẩm của Mác cũng như thánh kinh của công giáo, bàn luận mà không có kẻ hướng dẫn thì nguy hiểm lắm. Kẻ hướng dẫn ấy, trong mỗi tiểu lộ đều có một người; nếu họ có điều gì nghi ngờ, thắc mắc, thì cứ đến kẻ ấy mà thổ lộ. Cũng đừng đưa vào trong tiểu thuyết hay trên sân khấu nhiều đảng viên cộng sản quá; những đảng viên ấy nếu có khuyết điểm thì sinh mất cảm tình; mà nếu có toàn ưu điểm thì lại chán quá... Họ có một lối thoát là tả người «anh hùng muốn thuở» thấp thoáng mập mờ, cho người ấy xuất hiện ở cuối truyện để rút ra một kết luận, hoặc là gọi lên sự hiện diện của người ấy ở khắp cả mà dùng cho người ấy lộ mặt ra, theo kiểu như Daudet đối với cô gái Arlésienne. Nếu có thể thì tránh nhắc nhở tới cuộc Cách Mạng; xưa rồi.

... Nếu nhà văn có tuân theo được hết những lời dặn dò ấy, họ cũng không được chút cảm tình gì. Họ chỉ là một miệng ăn hại mà không sản xuất gì được bằng tay chân. Họ biết thế, họ đau khổ vì tự tị mạt cảm, hầu như họ lấy làm xấu hổ về cái nghề của mình, và họ rạp đầu xuống trước thợ thuyền với tất cả sự tận tụy của Jules Lemaitre khi cúi đầu trước các tướng lĩnh hồi năm 1900.



CON NGƯỜI CÔNG SẢN DƯỚI MẮT CHARLES PLISNIER.

... **L**UCIDEL là người Mác-xít. Nguyên trước kia anh ta có theo học các vị linh mục và bị đẩy dần vì tiếng la-tinh, cho nên anh ta cảm ơn chủ nghĩa Mác-xít đã đem đến cho anh ta một thế giới được giải thích minh bạch sẵn sàng cả, anh ta lại càng cảm ơn chủ nghĩa Mác-xít đã làm cho lòng ngờ vực Chúa Trời và tất cả những gì rắc rối khó hiểu của anh ta có một ý nghĩa siêu hình. Và thế là anh ta khỏi phải di lễ và tránh khỏi mọi băn khoăn, cho đến lúc chết. Lucidel là một người sung sướng. Dưới mắt anh ta cái gì cũng giản dị.

(xem tiếp trang 63)

NGUYÊN TÁC CỦA : Có *VU VẤN HOA* tr *DƯ VĂN*

BẢN DỊCH CỦA : *VI HUYỀN ĐẮC*

Gái thời loạn

TÁC GIẢ, mới ngoài hai mươi tuổi, hiện làm cán bộ
bộ chính công học hiệu, ở Đài-loan.

*Nguyên quán của Dư-Văn ở Thẩm-Dương, thuộc miền
đông bắc lục địa Trung-Hoa.*

I

TÔI là một người con gái.

Theo người nhà kể lại, hôm đó, trước khi tôi cất tiếng khóc oa oa chào đời, ông nội tôi rất đổi bồn chồn, nóng nảy. Cụ vừa đi bách bộ ở trong phòng khách, vừa giơ tay vuốt chòm râu bạc, vừa lầm bầm nói :

— Xem nào, ta có cháu bé, không nào ! Ừ, ta phải có một thằng đích tôn, vừa trắng trẻo, vừa bụ bẫm !... À mà, ta phải tìm sẵn ngay một cái tên cho nó chứ... mà, đây rồi, phải... nhà mình vốn là một nhà « tổ tông hữu đức », phải... ta sẽ gọi nó là « TỒ-ĐỨC », vì nó chính là cái phúc đức mà tổ tông đã dành lại cho !...

Cơ chừng cụ đặc ý lắm nên cụ cười lên khanh khách.

Ấy thế rồi, khi cụ nghe thấy nói, cháu cụ chỉ là một đứa con gái, cụ vô cùng thất vọng ! Cụ bực tức đến cực điểm. Cụ giậm chân, bứt chòm râu bạc và đi ra khỏi nhà.

II

ÔNG tôi vốn là một đại biểu trung kiên của cái chế độ phong kiến. Cụ ngang nhiên bảo thủ tất cả những di sản và di độc của cái chế độ đó. Với một nhóm bạn già, cụ cơ hồ chỉ sống ở trong cái khuôn sáo của lối văn chương bát cổ. Các cụ tự cho mình có đầy một bụng kinh luân ; luôn luôn các cụ nói tới thiện đạo, nhưng khốn thay, trong óc các cụ còn đen đặc những thứ mê tín quái dị, những sự-cổ chấp, những tư tưởng cổ bản, nhiều khi bất cận nhân tình.

Ông tôi sinh trưởng ở nơi cổ hương tại tỉnh Sơn-Đông. Sau khi đi thi hương, đỗ, cụ được bổ ra làm quan tại Phụng-Thiên, và, ở nơi đây, nhân có kẻ mối lái, cụ lấy một người kỳ nữ, dòng dõi Mãn-Châu. Tới khi nhà Mãn-Thanh sụp đổ, ông tôi liền treo ấn từ quan, để đi buôn. Nhờ vào tài tháo vát, ông tôi kiếm được một số vốn khá lớn. Cụ không thuộc vào cái hạng «nhất ăn cả, ngã về không», nên, cụ đem tất cả số tiền kiếm được về nơi quê nhà, tậu ruộng, vườn, mua đất và cất nhà cho thuê. Lập xong cái sản nghiệp đó, cụ xoay về nếp sống tri thủ, với một cuộc đời tẩn tiện, thanh khô.

Ông tôi biết thủ kỷ tự túc bao nhiêu, thì bà tôi, trái lại, rất dỗi xa hoa, vì bà tôi vốn là con nhà thế gia, lệnh tộc, nên rất ưa huy hoắc tiền tài và sống một cuộc đời cực kỳ phong lưu đài các áo quần phải lộng lẫy, trăm cái, lược giắt, phải toàn thị là ngọc dát, vàng si ; giày, dép, phải thêu hoa, trổ phượng ; cái ống diếu hút thuốc bào của bà cũng phải nạm vàng, kết ngọc. Hàng ngày, bà tôi chỉ giao dịch với toàn những người giàu có, quan sang. Chuyện bà nói chỉ thuần thị những mầu đời kiêu xa của các ông Hoàng, bà Chúa, nơi cung cấm. Kể ra, bà tôi quả là một người rất thông minh, rất hào sảng và cũng rất tài trong việc bày mưu, lập kế, trái hẳn với ông tôi, vì, tiếng rằng thế, ông tôi vẫn là một người bảo thủ và đơn hậu. Như vậy, ông tôi và bà tôi đã từ lâu, trở thành hai tay « kỳ phùng địch thủ », không thể nào tương dung nhau được. Cụ bà chê cụ ông là gan lì, hẹp lượng và cổ chấp đến mực cận tào, ráo máng, không thông nhân tình. Đối lại, cụ ông cho cụ bà hay mua việc và sắc cạnh, không biết giữ phụ đạo, để đến nỗi làm tổn thương cả âm công, âm đức.

Bao giờ cũng vậy, đất chẳng chịu trời, thì, trời đành phải chịu đất vậy. Cho nên, mỗi khi cụ ông bị lâm vào cảnh lép vế, kém cạnh, và chẳng làm gì được cụ bà, cụ chỉ biết giậm chân rồi gào thét :

— Ôi đàn bà ! cái giống đàn bà chỉ là giống yêu nghiệt !

Lúc ấy, vào cái thời, Tây-thái-hậu đương « thù liêm thính chính » ; và át cả cái uy quyền thay trời trị dân của nhà vua mà làm cho thế nước ngả nghiêng, lảng quyền nhục quốc. Chính trị hủ bại không còn có sức gì cứu vãn nổi. Cụ ông được dịp dễ báo thù. Cụ liết thở vắn, than dài, rồi đem một câu ở Kinh thi ra, để dẫn chứng và nhân đó, mạt sát một cách bóng gió, cái « nửa chi tôn » của cụ :

— Loạn, phi thiên giáng, sinh tự phụ nhân ! Sự rối loạn chẳng phải tại trời, tại đất nào hết, mà là tại ở người đàn bà mà ra cả !

Đó, cha tôi đã sinh ra ở trong một hoàn cảnh như thế đó. Bà tôi thì, chứng nào, tật ấy, chẳng bao giờ ngó ngàng tới cha tôi. Suốt ngày ấy sang tháng khác, nếu cụ không đi coi hát hay đánh bài, thì cụ ôm kè kè cái điều hút thuốc bả trong tay và đi tìm các bà bạn để nói chuyện dứ không ra. Còn ông tôi, tuy trong bụng cụ đầy ắp « kinh luân » đấy, nhưng lúc nào cụ cũng buồn bực, uất ức. Vì không có cách gì phát tiết nỗi ưu tư hoặc áp dụng cái tài « tế thể, kinh bang » nên cụ đem tất cả các món đồ đồ lên đầu cha tôi. Ôi thôi ! từ « sái, tảo, ứng, đối, tiến, thoái », tới « lễ nghĩa, đạo đức » cùng là « tứ thư, ngũ kinh », ngày, đêm, cha tôi bị nhồi sọ đủ ngần ấy thức và món nào cha tôi cũng phải thuộc lòng như cháo trộn vậy. Nhân chịu sự di truyền một phần, của ông tôi, một phần nữa của bà tôi, nên, từ lúc thơ ấu, cha tôi đã tỏ ra thông minh, dĩnh ngộ. Đến khi lớn lên, cha tôi, nhờ vào một thư giáo dục khá khe khắt, cùng là cái nề nếp gia phong mà cha tôi đã trở thành một người có đủ khai minh và tư tưởng vượt mức. Thoạt đầu tiên, cha tôi đầu khảo vào trường hải quân, nhưng, ông bà tôi không bằng lòng cho cha tôi làm quân nhân, bởi vậy, các cụ liền vãi tiền ra chạy chọt, để cho cha tôi thôi học và chuyển sang ngành giáo dục. Đối với việc này, cha tôi vô cùng bất mãn và ản hận. Trước sự sắt đá của ông

tôi và sự ương ngạnh của bà tôi, cha tôi đành nuốt hận mà vàng lời các cụ.

Vốn dĩ, ông tôi không phải là một nhà buôn sành sỏi. Kiếm được đồng lãi nào, cụ chỉ biết bo bo ẩn đầy vào cái quỹ bạc, cụ chẳng chịu dời ra lấy một đồng xu nhỏ, nên, cụ làm khổ cả chính mình, lẫn cả người thân trong gia đình. Sự co quắp đó cứ thế kéo dài, người nhà chán nản, công việc buôn bán trở thành bẽ trễ và một ngày một lụn bại đi. Ông tôi buồn bực đến cực điểm, rồi, nhất đán, cụ ngang nhiên cho dẹp hết sự buôn bán lại, để đổi đồn, sang ở Thanh-Đảo. Cụ bảo, ở đó, vừa phong quang, vừa gần nơi quê nhà và sự ăn tiêu có phần rẻ hơn nhiều. Như vậy, cả nhà sẽ an an, tĩnh tĩnh, sống một cuộc đời thanh bạch, nhàn nhã.

Thế rồi, sau khi tốt nghiệp ở Đại-học, cha tôi làm bạn với mẹ tôi ở Thanh-Đảo. Mẹ tôi là người được giáo dưỡng theo tân thức hoàn toàn. Tính tình người rất đổi ôn nhu, đôn hậu; người ít nói và không ưa giằng co. Trong những giờ nhàn rỗi, người học âm nhạc. Đối với bà mẹ chồng, bao giờ người cũng giữ gìn để tránh các sự thất thố. Bởi vậy, mỗi khi bà tôi mở cái trap « thiên hô, bát sát » ra, đề đàm trường, luận đoán, người chỉ lặng thinh và đưa đà bằng một nụ cười ôn hòa, kín đáo. Vì sự cách biệt về lĩnh tình như thế nên bà tôi chẳng ưa gì mẹ tôi.

Kịp tôi khi tôi ra đời, bà tôi cho đó là một cái triệu bất tường và đấy cũng là cái cơ đề cụ tỏ vẻ bất bình. Nhưng cụ cũng không biết làm thế nào hơn, là sa sầm nét mặt xuống, rồi bảo mẹ tôi :

— Lần này đành vậy, nhưng tới lần sau, thế nào cũng phải sinh hạ lấy một đứa con trai. Bây giờ hãy gọi nó là Liên-Đệ đi. Liên-Đệ nghĩa là sau nó, nó sẽ phải có một đứa em trai. Ta xin cầu khẩn Trời Phật và van vái ông bà, ông vải phù hộ, độ trì, để cho có lấy được một thằng cháu trai !

Cứ thực tình mà nói, sự mong mỗi một đứa cháu trai của cụ bà, khác hẳn sự mong mỗi của cụ ông. Chẳng qua, cụ bà thấy cụ ông buồn lòng thì, cụ thừa cơ đề đồ dầu thêm vào lửa cháy, để có cơ mà biếm nhẽ mà làm khổ mẹ tôi, thế vậy thôi.

Trong khi đó, tôi được đặt nằm ở gần bên mẹ tôi. Thì ra, ngay lúc lọt lòng mẹ ra, tôi còn vô tri, vô khiêu, mà đã bị đẩy ải vào cái khuôn sáo của cái tệ tục « trọng nam, khinh nữ ». Thảo nào mà mẹ tôi kể lại rằng, hồi đó, tôi la khóc dữ lắm ! Những dòng lệ ứa chan hòa trên mắt tôi, chẳng qua, chỉ là những dòng lệ của chính mẹ tôi vậy.

Vả ông tôi vẫn đã có một thứ thành kiến bất hảo, đối với đàn bà, con gái, nên, việc tôi ra đời đã làm cho cụ suy hơn, quản thiệt, bằng cái mớ triết học lộn sáo của cụ. Cụ nói :

— Nuôi con gái không những vô vị, toi công, mà còn phải bồi tiền, bồi của, là đẳng khác !... Phải, mất bao nhiêu công, của, nuôi cho nó lớn khôn, rồi để nó đi về nhà người ta !... Cả ngay đến việc tế tự tổ tiên, nó cũng chẳng được ích gì, thiệt là đồ vô bổ !

Ấy cũng vì tôi, mà mẹ tôi đã phải sống âm thầm tủi nhục trong sự oan uổng, ủy khuất.

Có lẽ quá đau khổ về mụn gái là tôi mà mẹ tôi chẳng quan hoài mấy đến tôi ; quả, không khác gì bà tôi đối với cha tôi. Bà tôi lại có đôi chút tính khí của đàn ông, nên không có cái tình thái dấm đuối vì con. Ngoài ra, bà tôi rất ghét những việc nội trợ, bởi vậy, cha tôi, lúc thơ ấu, đã sống một cách tự nhiên như cây rừng, cỏ dại, và chẳng được chăm bẵm, nâng niu.

Cái cảnh tình của mẹ tôi có phần khác hẳn với cảnh tình của bà tôi. Khi mới bước chân về nhà chồng, mẹ tôi còn ít tuổi. Tâm não người đầy dẫy những ảo tưởng phượng lầu, long các. Một ít lâu sau, sau ngày cưới, bao nhiêu ảo tưởng tốt đẹp của người đều bị hủy diệt, tiêu tan hết và người đắm ra chán nản, buồn thảm ; lẽ đương nhiên, người chẳng còn quan tâm đến bất cứ một thứ gì nữa. Thế rồi, từ chỗ buồn phiền mẹ tôi đi tới chỗ oán hận. Nhất định cũng vì thế mà, lần lần, người coi tôi như một cái « của nợ », nó ở đâu nó vào, nó báo hại.

Khổ cho tôi, bà chẳng thương, mẹ chẳng yêu, rút cuộc, người nưng niu yêu quý tôi nhất, lại là cha tôi.

Cha tôi vốn thiên bẩm là một người có nhiệt tình. Và, đối với cái kinh nghiệm của chính bản thân người, người đã đau khổ vì cha quá nghiêm lệ, khắc nghiệt, mẹ hờ hững, đứng đưng. Tôi nay, người lại nhận thấy rõ, mẹ tôi không quan hoài tới tôi, nên người quyết tâm đem lại cho tôi, tất cả sự thương yêu, triu mến mà tuổi thơ ngây, bé dại của tôi, ngày đêm khao khát, thèm thuồng. Mỗi lần cha tôi bồng tôi ở trong tay, cha tôi đều cố tình dẫn dụ tôi, để tôi thốt lên gọi ông, gọi bà, rồi người không tiếc lời khen tôi là thông minh, là linh lợi, là ngoan, là khéo, là dễ thương, mà làm cho cả nhà phải cười rộ lên. Ông tôi bất đắc dĩ cũng phải để hế trên môi một nụ cười gượng, rồi cụ vừa thở dài, và chép miệng than :

— Chỉ tiếc một nỗi, nó lại là con gái !

May thay, tới khi tôi đã chập chững biết đi thì mẹ tôi sinh hạ em tôi, thằng Tồ-Đức. Bảy giờ, ông tôi mới tỏ vẻ mừng rỡ và luôn luôn vui cười. Cũng từ đó, bà tôi « tắc kị ngôn lộ », cụ chẳng còn có gì để day nghiến, dẫn vật mẹ tôi nữa.

Quả tình, thằng cu Tồ-Đức, em tôi, đã đem lại cho cả gia đình tôi một niềm hân hoan, khoái lạc, vì cả nhà tôi đã mong mỏi, chờ đợi nó. Nó đã được kiều sủng tới một mức cơ hồ như quá phận. Mẹ tôi những tưởng đã ra khỏi được cảnh hắc ám và dặt tới hồng vận. Nào ngờ đâu, Trời, Phật đã chẳng chứng sống cho thằng em tôi làm người ! Sau khi nó yêu triết, mẹ tôi, ngày đêm, than khóc đến cạn cả nước mắt. Ông tôi lại sâu mi thâm tỏa. Bà tôi lại luôn miệng day dứt, những rằng : « mẹ tôi vụng về, không biết chăm sóc con trẻ ; rồi, thuốc Tây không thể tin cậy được, đã bảo cái thuốc Tây là cái thứ thuốc giết người, mà có ai thêm dề vào tai đâu ? »... Ôi thôi ! Bao nhiêu những lời day nghiến đó, lại càng làm cho mẹ tôi thêm bội phần đau khổ, tủi cực.

Vào hồi này, tôi cũng đã lớn khôn và cũng đã hiểu biết đôi phần đối với các việc xảy ra chung quanh tôi. Sau khi bỏ mất thằng em đại Tồ-Đức, gia đình tôi lại lâm vào cái cảnh đau thương, buồn thảm. Tôi cảm thấy cả một sự sợ hãi nó xâm chiếm khối óc non nớt của tôi. Tôi thấy mẹ tôi gào khóc, tôi cũng chu chèo khóc theo. Mỗi khi tôi nhìn thấy nét

mặt héo hắt của mẹ tôi, tôi rất đổi run sợ. Tôi còn nhớ rõ mồn một, những lời cha tôi, khi người an ủi tôi :

— Nay, Li li con ! (thời thường, cha tôi không gọi tôi bằng cái tên Liên-Đệ, mà chỉ gọi tôi bằng cái nữ danh Li li, do chính người đã tự ý riêng, đặt cho tôi). Bao giờ Ba cũng yêu Li-li của Ba. Con phải một niềm hiếu thuận và kính ái Ông nội, đề một ngày kia, Ông nội cảm động mà thương con, chẳng khác gì một đứa cháu trai của cụ, nghe không con ? Con phải cố gắng tranh tiên, chứ không chịu thua kém, bất cứ ai. Có được như vậy, Ông nội mới sẽ bỏ được cái quan niệm coi rẻ đứa cháu gái của cụ !

Tôi chỉ mở to đôi mắt nhìn cha mà chẳng còn biết đáp sao.

— Li-li ! Con gặt đầu đi ! Con hãy gặt đầu cho ba rõ con hiểu ý ba ?

Cha tôi thôi thúc tôi như vậy. Tôi mơ hồ, vâng lời, gặt đầu. nhưng tôi không rõ, lúc đó, tôi có ý hội được hết những lời khuyến cáo của cha tôi hay không ?

Sau đó ít lâu, mẹ tôi lại sinh hạ một thằng em trai nữa. Vì thằng Tồ-Đức yếu triết, bà tôi cho rằng chữ Tồ không được cát lợi, nên cụ lại khôn khéo cố tìm cho được một cái tên hay, đẹp hơn. Cụ bảo :

— Cái thằng cháu bé này, nhất quyết là trời thương lại nhà ta mà ban cho, vậy ta phải gọi nó là :

« Thiên-Tứ ». Thiên-tứ nghĩa là Trời ban cho mà !

Như vậy, thằng em Thiên-Tứ của tôi chính là một liều thuốc cải tử hồi sinh cho gia đình tôi và, từ đó, cái không khí ảm đạm, buồn rầu đã vụt biến đi, để nhường chỗ cho cả một sự vui tươi, hoan hỉ.

III

ĐẾN nay, tôi đã tới tuổi đi học, nhưng ông tôi nhất định phản đối, không cho tôi cắp sách đi nhà trường. Cụ bắt tôi phải ở nhà, học : lễ, tiết, tiến, thoái : học thêu thùa, vá may ;

rồi, ngày ngày tập viết bằng bút lông, đọc sách : Tam tự kinh, sách Bách tính gia ; kế tiếp học : Thơ Đường và Thi kinh, Hiếu kinh.

Cái lối học này không phải là không có hiệu quả. Đến khi tôi lên mười, tôi đã thuộc lòng tất cả những bài cổ văn trong Quan chỉ tuyền tập ; tôi có thể đọc luôn một mạch, bốn, năm mươi thiên là thường ; bao nhiêu bài thi tứ, tôi nghe đến đâu hiểu tới đó một cách tường tận. Ông tôi và bà tôi, đề thử tài sáng láng của tôi, đã đem ra bao nhiêu đầu đề đề cật vấn tôi, tôi đều trả lời được trôi chảy ; chữ tôi viết một ngày, một tốt, một dễ trông. Bởi vậy, ông tôi rất hoan hỉ. Có khi cụ không khỏi không kinh dị về sự tiến bộ mau lẹ trong việc học của tôi. Tuy nhiên, cụ vẫn lầm bầm một mình :

— Ý ! Thiệt là đáng tiếc thay, nó chỉ là một đứa con gái !

Ấy thế rồi, bà tôi qua đời.

Ít lâu sau đó, thằng em nhỏ của tôi vừa tới tuổi nhập học. Cha tôi phải viện cớ rằng, tôi có khiếu thiên bẩm về học vấn, đề thừa với ông tôi, cho phép tôi, cùng đi nhà trường với thằng em tôi. Cha tôi đã dùng lời lẽ rất khẩn thiết và các lý luận xác đáng, nên đã làm siêudược lòng ông tôi. Tôi được cùng em tôi ngày ngày cắp sách đến trường.

Ở Quốc Dân học hiệu, tôi đã được vào lớp thứ năm. Nhân, lòng tôi tràn ngập hứng khởi, cùng là sẵn có cái vốn rất vững chắc về cổ thư, nên việc học của tôi được thuận buồm, xuôi gió, sự tấn tới như trông thấy.

Còn thằng em tôi, thì trái lại, nó rất lười biếng. Ngày nào cũng kiếm cớ nã tiển, đề tiêu nhảm và chẳng mấy ngày không trốn học. Quả tình, nó chẳng có một tý nghị lực và hòa khí nào của cha tôi cả. Cha tôi thường bảo :

— Một người, lúc thơ ấu ra sao, thì cho tới già cũng vẫn y như vậy... Người khôn, khôn từ thuở lên ba, người dại, đến già, vẫn dại !

Thằng em tôi thiệt là một đứa hư hỏng ! Nghĩ tới đó, tôi lại càng hứng chí học tập. Thấy vậy, ông tôi chỉ biết thở dài và than phiền. Cụ lại nhìn tôi rồi nói :

— Ý ! Tiếc thay, nó lại là một đứa con gái !

Cuộc kháng chiến đã đem thắng lợi lại cho đất nước, nhưng, trong tám năm trường, cha tôi tự nhận thấy đã chẳng đem được toàn lực ra giúp nước, vì cái gánh lụy gia đình. Cha tôi vẫn lấy thế làm một điều hối hận và tự hổ. Bởi vậy, khi chính phủ quyết định trừng kiến hải quân, cha tôi nghị nhiên xin trở lại phục vụ ở binh chủng đó. Tuy lúc đó, cha tôi đã tới cái tuổi « bắt hoặc » (40 tuổi) nhưng người còn kiện tráng và rất dồi sung mãn về tinh thần, cũng như về phách lực. Tôi thấy cha tôi vui vẻ vì nước găng công, tôi vô cùng bội phục người, nhưng, tôi không khỏi không ân hận rằng mình còn ít tuổi quá, và, một phần nữa, hiện thời, việc ra tòng quân để báo quốc, người con gái chẳng được dự phần. Cũng vì vậy mà chính tôi, tôi cũng phải khải nhiên thốt lên lời oán thán :

— Ý ! Tại sao ta lại sinh ra là một đứa con gái, chứ !

Có một lần, một người anh họ tôi cho tôi một cỗ bài « phác khắc » (Poker) rất đẹp, tôi chau chuốt cất ở ngăn kéo. Thắng em tôi ngổ ý xin tôi cỗ bài đó, tôi không cho, nó liền thừa lúc tôi đi vắng, đánh cắp đem đi chơi. Tôi đoán ngay ra nó và hỏi nó. Không những nó không xin lỗi, còn dõ bướng ra với tôi. Tức uất lên đến cổ, tôi chẳng còn nghĩ trước, nghĩ sau gì cả và dang tay tát cho nó một cái bạt tai. Nào tôi có ngờ đâu, ông tôi chẳng hiểu nếp tẻ ra sao, chỉ thấy thắng em tôi khóc, liền đánh tôi. Tôi cảm thấy trời quay, đất chuyển và vô cùng tủi thân, tôi khóc sụt sùi suốt cả một buổi, không ngừng. Từ đó, tôi hạ quyết tâm, phải làm làm sao, để ông tôi bỏ hẳn cái quan niệm « khinh nữ, trọng nam » của cụ.

IV

VÀO năm Dân-quốc thứ 36, trong khi đương có cuộc « Hòa đàm » tại Thượng-Hải, thì bọn Cộng-sản ở Hoa-bắc, tìm cách thâm nhập khắp các nơi. Rồi, dùng một cái, cuộc hòa đàm tan vỡ, thế là cả miền Hoa-bắc bị luàn hãm.

Thế là, mây đen bao phủ cả khoảng trời quang, mây tạnh. Ông Tư tôi cùng với người cháu đích tôn của cụ là Long-

Xương, hoảng hốt bỏ quê hương trốn đi. Tôi nhận thấy một đại họa đương xảy tới.

Quả nhiên, trong khi ông Tư tôi và anh Long-Xương tôi không có nhà, ông Ba tôi và các chú tôi bị đem ra « đấu tố ». Ông Ba tôi bị lăng nhục đến cùng độ, rồi bị giam trong đê lao mười ngày dòng dãi, vừa bị đói, bị rét, đề chuộc cái tội có máu mặt hơn người. Các chú tôi, bất luận lớn nhỏ, đều bị sai phái đi làm đầy tớ các nhà. Còn đàn bà, con gái trong toàn gia phải đi xin mà ăn. Bao nhiêu gia sản đều bị thanh toán sạch trơn. Vì uất ức đến một diêm không chịu được nữa, ông Ba tôi, như điên, như cuồng, bèn lớn giọng, thống mạ quân phi cộng. Kết quả, chúng lấy dao đâm nát bụng và ngực ông ra ; ông đã chết một cách oan uổng. Được tin chẳng lành, ông Tư tôi liền đem anh Long-Xương tôi trốn đi Thanh-đảo.

Trước sự gia biến thê thảm đó, lòng tôi đau thắt lại. Tôi căm thù bọn cộng phi. Tôi sẽ phải báo cái cừu này cho tôi hơi thở cuối cùng của đời tôi.

Lần này là lần đầu tiên, tôi đã chứng kiến sự đau khổ của ông nội tôi. Những giọt lệ tuôn ra như suối trên gò má nhăn nheo của người, làm cho tôi đau lòng, buốt ruột. Cụ nghiêng răng, giậm chân, thét lên :

— Trời giết quân Cộng phi, chúng đã hủy diệt cả gia đình nhà ta, sát hại anh em, con cháu ta. Cái cơ nghiệp đó là do công khó, công nhọc, mồ hôi, nước mắt, làm ra đấy chứ !

Kề ra, ông tôi đã chịu sống trong sự thanh khổ, cần kiệm, trong bao năm, mới gây nên cái sản nghiệp đó. Cụ đã góp nhặt từng đồng, đề gởi về quê, mua đất, làm nhà, đề tậu dần từng mảnh vườn, từng mẫu đất. Xưa nay, cụ vẫn thường nói, con cháu phải có cái bồn phận làm cho di sản của ông cha ngày thêm sinh sôi, nẩy nở. Cũng vì cái lý luận đó mà cụ đã nghiêm nhiên trở thành lặn sặc và mang lấy cái tội keo bần, tiểu mọn. Bà tôi, trước khi lâm chung cũng còn oán thán và trách móc ông tôi. Ấy thế mà nay, bỗng dưng, dùng một cái, đề cho bọn cộng phi cướp đoạt sạch nhẵn, sạch trơn đi, ông tôi không đau lòng, sót ruột làm sao cho được, kia chứ !

Rồi, cả một nửa giang sơn đất Hoa-hạ bị nhuộm đỏ, sau bao trận xích diễm, phong cuồng. Cha tôi được lệnh triệt thoái. Trước cảnh nhà tan, người chết, ông tôi đành ôm lòng thống hận quân cộng phỉ, đề ra đi. Cụ mừng mừng, tủi tủi trong khi thu góp đồ đạc để mang cả nhà đi theo cha tôi. Cụ luôn miệng oán thán :

— Đi ! Đi cho khỏi nơi đây, đi cho khuất mắt... để chờ ngày trời đoan cái lũ quỷ đỏ, ta mới trở về !

Tôi nhận thấy rõ, một ít lâu nay, tâm tình ông tôi đã chuyển biến hẳn. Cụ không còn cổ chấp như xưa. Thời thường, cụ xoa đầu thẳng Thiên-Tứ, em tôi, mà bảo nó :

— Thiên-Tứ, con phải lớn mau lên, lớn lên, để mà báo cái thù này ! Chúng đã sát hại ông Ba con, con phải ghi mối cừu hận đó ở đáy lòng !

V

THẾ là, mùa xuân năm dân quốc thứ 38, cha tôi cùng cả nhà đã đến Đài-Loan. Ông tôi cơ hồ như chết lặng người đi trong nỗi ưu tư. Bao đồ quý, vật báu, bao đồ thư, cổ tịch, chẳng mang đi được mấy thứ. Rồi, những ông bạn già mà trước đây, ngày ngày cùng cụ thảo luận về học thuật, cùng cụ thuyết cổ, luận kim, thầy đều vắng bóng. Còn lại với cụ, chẳng qua chỉ vồn vện có cái mớ kinh luân mãn phúc, với cả một nỗi huyết lệ tràn ngập tâm can, phế phủ. Tôi thường bắt gặp cụ, rầu rầu mở mấy tờ báo ra đọc một cách uể oải ; đoạn, cụ thở dài, rồi nằm ngả trên giường, và cụ đưa mắt đắm đắm nhìn qua cửa sổ, những dải mây trắng đương từ từ bay lướt trên nền trời xanh.

Sau cái cuộc gia biến, cha tôi đã tỏ ra hiếu kính ông tôi hơn xưa. Từ việc nhỏ tới việc lớn, nhất nhất cha tôi tìm hết cách, để làm vui lòng cụ, và luôn luôn, người thời thúc tôi đến bên cụ để ủy tạ cụ. Mỗi lần dặn dò tôi, người không bao giờ quên nhắc tôi :

— ... và con phải nhớ, phải tỏ ra hết lòng ái kính và hiếu thuận, một là để làm vơi được một phần nào nỗi ưu phiền

của ông, thứ nữa, là đề ông cải biến cái quan niệm chấp nệ ngày trước, nghe không con ?

Tôi quên làm sao được huấn từ của cha tôi. Lúc đó, tôi vừa lên lớp cao trung. Bao nhiêu cái sở kiến về cựu học mà ông tôi đã truyền thụ cho tôi, đã giúp ích cho tôi khá nhiều. Ở bậc nào, tôi cũng luôn luôn được thầy và bạn khoa tán. Sự kích lệ ấy làm cho tin tâm của tôi mạnh mẽ hơn lên.

Mỗi khi tôi tiếp cận với ông tôi, tôi đều sắp sẵn trước những vấn đề cần học hỏi, đề xin cụ giảng cho. Nhân, cụ nhận thấy tôi chú ý tới cựu học nên cụ rất vui lòng. Sự hứng thú làm cho cụ quên cả mệt mỏi. Cứ mỗi buổi sáng chủ nhật, tôi đi pha một bình trà thật đặc, thật ngon để dâng cụ. Thế là buổi giảng văn bắt đầu. Dần dà, tôi nhận thấy rõ, ông tôi có một cá tính thuần phác, rất đối khả ái, kính. Chẳng qua, bao nhiêu sự mê tín, cổ chấp, lặn sắc trọng nam, khinh nữ, bao nhiêu tư tưởng cổ hủ đó, đều là cái hậu quả tất yếu của cái xã hội nông nghiệp, do mấy ngàn năm lưu truyền lại. Bây giờ, muốn cải biến, không có cách nào tốt hơn, là « thực sự », cái thực sự hiển nhiên, minh xác. Kề ra, riêng cái tai họa cộng phi và các sự tiến bộ của thời đại, đã làm cho cụ tỉnh ngộ một phần nào rồi. Nay xét kỹ lại, tôi còn thấy ở cụ cái tập tính cổ hủ nó làm cho tôi đau buồn nhất, đó là việc cụ vẫn coi con gái không thể nào bằng được con trai, bất cứ về phương diện nào !

Trong các buổi giảng sách, ông tôi thường hay biện luận về các bộ cổ thư như : Tả truyện, Luận ngữ và Mạnh tử. Lúc cụ cao hứng cụ nói thao thao bất tuyệt. Tôi đã rắp tâm, đối với thiên nào cụ ưa nhất, tôi hằng cố công học thuộc lòng và đọc lên vanh vách đề cụ nghe, nên cụ rất đối hoan tâm, lạc ý. Có một lần, trong lúc vui câu chuyện, cụ vừa thở dài, vừa nói :

— Con có biết không, chỉ một nửa bộ Luận ngữ, cũng đủ đề « trị thiên hạ » ! Tiếc thay, con lại là một đứa con gái, không thì...

Tôi bèn bạo dạn thưa với cụ :

— Nhưng bẩm ông, con thiên nghĩ, con gái có khác gì con trai đâu, kia ạ ? Vả lại, nếu con không lầm, cái căn bản của sự học là cốt đề giúp ích cho đời. Sở dĩ con ra công học

tập cũng chính là để đem cái sở kiến ra ứng dụng, chứ ă!... Bầm ông, con cứ xem như cô Hách-kim-Ty, người Mỹ, chẳng hạn, cô làm một nữ kỹ giả có biệt tài; trong chiến trận vừa rồi, cô chẳng hề sợ gian nan, nguy hiểm, cô đi hết mặt trận này, tới mặt trận khác, để phỏng vấn và lấy tin sốt dẻo cho báo quán? Ấy thế rồi, chắc ông cũng đã rõ, cái vị phó sảnh trưởng của giáo dục sảnh, chẳng là một người đàn bà, là gì đấy ă? Bầm ông, bây giờ là nhị thập thế kỷ, chứ có phải như ngày xưa nữa đâu, kia ă!

— Nhưng, làm thân người đàn bà con gái mà « phao đầu, lộ diện » để làm các việc như đàn ông con trai, ông thấy, nó vẫn thế nào ấy!...

— Bầm ông, công việc « cứu quốc » vốn là một công việc tối thiêng liêng, đã là người dân, không ai là không có trách nhiệm, ví dụ như đối với đoàn thanh niên phản cộng cứu quốc, thì, bất luận, nam sinh hay nữ sinh, ai cũng đều phải tham gia, và, bầm ông, tất cả người trong đoàn, không cứ gái, trai, già, trẻ, người nào cũng phải nỗ lực để, mai ngày, đạt tới cái mục đích duy nhất : đánh bại quân địch trong việc phản cộng đại lục?

Ông tôi chỉ lặng thinh, giơ tay xoa đầu thẳng em tôi; rồi cụ thở dài.

Chẳng bao lâu sau, tôi đã tốt nghiệp ở cấp cao trung. Các bạn tôi nhao nhao bàn tán về việc xin vào đại học. Các tờ cáo thị đã được treo la liệt trên bảng đề tuyển sinh viên vào các ban: văn học, lý học, toán học, văn văn... người người đều rất đổi cao hứng, kẻ có lý tưởng này, người có chí nguyện kia, nét mặt của mỗi trang thanh niên đều đầy vẻ hân hoan, đầy niềm ước vọng. Quả tình, riêng tôi, tôi chẳng thấy hứng phấn như các bạn tôi. Tôi chỉ âm thầm một mình toan tính. Tôi tự nhận tôi không có một cao vọng nào như họ. Có người hỏi tôi:

— Li, ai ai cũng nô nức bàn soạn để chọn lấy một ban và dự bị để khảo thí, mà sao chị lại có vẻ thờ ơ, lãnh đạm như vậy, kia?

Tôi chỉ mỉm cười và chẳng đáp lời các bạn. Bởi thế, không một ai rõ tâm sự và ý định của tôi. Mùa hè như

nung, như nấu, đã qua đi, nhưng long đông chưa tới. Trong một năm, lúc này là lúc dễ chịu nhất. Các bạn đồng học của tôi đã thi vào đại học cả. Riêng tôi, tôi sẽ thôi học để đi « tông quân » !

Tông quân ? Ông tôi không khỏi vô cùng kinh ngạc, vì cụ nghĩ theo cái tập tục cổ lỗ của người dân Trung-Hoa. Cái tập tục đó đã được thốt ra thành một tục ngữ : « Hảo nam bất đương binh, hảo thiết bất đả đinh » (*Người con trai giỏi giang không ai chịu đi làm lính, sắt tốt, không ai đem đánh đinh*). Đối với người con trai còn như thế, huống hồ đối với một người con gái như tôi, có đời nào một cô khuê nữ mà lại đi tông quân bao giờ ?

Tuy ông tôi không nói ra, nhưng có một điều là, từ khi gia đình tôi bị tiêu tan vì quân cộng phi, bất cứ ai làm một việc để chống lại bọn chúng, ông tôi đều lấy làm vừa lòng, đẹp ý. Cũng vì vậy mà cụ trút lần lần được những thành kiến cố chấp đi. Tôi biết, ông tôi sống trong một cảnh tình sầu khổ, đau buồn, nên cụ luôn luôn vẫn thốt ra niềm tiếc, hận ; cụ nói :

— Chỉ tiếc rằng, cháu lại là một đứa con gái ! Con gái thì còn làm được việc quái gì, ngay đến việc tế tự ông bà, ông vải, cũng chẳng được việc gì.

Vả lại, tôi cố ý đi tông quân, cũng là để lập chí, gây một chút sự nghiệp, vì quốc gia, dân tộc. Tuy nhiên, ông tôi cứ lấy thế làm buồn phiền. Cụ bảo :

— Trời phải giết cho sạch cái quân cộng phi đi mới phải. Chúng đã làm điên đảo cả thế giới. Cũng vì lũ chúng, mà một người khuê nữ cũng phải đi đầu quân!... Phải, phải, nếu tất cả thanh niên không đi tông quân thì còn lấy ai ra làm kẻ cứu quốc, giết cộng phi, phản công đại lục, chứ !...

Rồi sau đó, tôi đã khảo thi đề vào trường võ bị, một học phủ công lập, theo một quy mô hoǎng đại. Hàng ngàn, hàng vạn thanh niên có chí đều vào đây để tiếp thụ một sự đào luyện thiệt hoàn bị. Tôi đã kiêu hãnh đứng ngang hàng với các bạn trai, để tập luyện. Gọn gàng trong bộ quân phục, vai đeo súng, tôi cùng với anh em học viên, tập đi, tập chạy, tập bò, tập bắn. « Sung tiến ! Sung sát ! » Rồi công kích, phòng

ngư, nhất nhất, tôi chẳng hề thấy kém cỏi một ly nào, bên cạnh những bạn đồng ngũ của tôi. Quả tình, từ nay, tôi không còn phải áy náy và trịnh lòng đối với cái câu : « chỉ tiếc thay, làm sao mình lại sinh ra là một người con gái, chân yếu, tay mềm ! »

VI

SAU nửa năm tại ngũ, tới kỳ nghỉ thứ nhất, tôi rất lấy làm sung sướng khi bỗng nhận thấy, thể trọng của tôi đã tăng gia khá nhiều, vóc người tôi đã cao vọt lên, thân thể nở nang, da dẻ hồng hào, với tinh thần đầy hứng phấn.

Lúc về tới nhà, thằng em tôi chợt trông thấy tôi, nó đã khoa chân, múa tay, reo lên :

— Ô ! Em trông chị khác hẳn đi, nay chị rõ là một trang quân nhân dũng mãnh oai hùng !

Kể ra, cứ bình tình mà nói, nó vẫn có phần vạm vỡ hơn tôi, nhưng, trong cặp mắt của nó, tôi đã nhận thấy một niềm tiền mộ chân thành. Tôi bèn tóm lấy cơ hội để khuyên nhủ nó. Tôi phải nói cho nó rõ về cái đạo làm người, cùng là sự quan hệ của mỗi người dân, đối với quốc gia và dân tộc. Đã là con dân, chúng ta, bất luận trai hay gái, đều phải cố gắng giúp ích cho dân, cho nước, ngày thêm hùng mạnh.

Thằng em tôi đã không dám bỏ qua những lời khuyên dụ của tôi và, ít lâu sau, nó cũng đã xin đi tòng quân. Mà tôi, bây giờ cũng đã đứng tuổi rồi. Hai bên thái dương của người đã nổi lên nhiều vết nhăn và mái tóc người đã lốm đốm với khá nhiều sợi tóc bạc. Tuy người vẫn giữ được cái vẻ đậm dạp, nhưng da dẻ người không còn son sấn, hồng hào như xưa. Mỗi khi người ôm tôi vào lòng, người nói với một giọng đầy cảm xúc mà than thở với tôi :

— Con yêu của má ! Con có nhận thấy má đã trở về với cái tuổi lão niên, rồi không?... Con ạ, mới ngày nào má đặt chân vào gia đình nhà ta, thậm thoắt đã ngoài hai mươi năm trời rồi đấy !... Nay con đã lớn khôn và con đương tiến bước trên một con đường khá bảo quý giữa đám nhân

sinh !... Con nên tự lấy làm hãnh diện và cố gắng nữa lên !... Má đặt rất nhiều hy vọng vào con.

Má tôi vốn là người rất thích âm nhạc. Tôi mong rằng, những khúc phổ mà má tôi yêu quý, sẽ có một ảnh hưởng tốt đẹp đối với tâm tình và trí não của tôi. Còn ông tôi thì nay, người đã trở nên rất dòi từ tường, hòa cát. Mỗi lần về thăm nhà, người hết sức yêu chiều tôi; có khi người làm cho tôi phải lấy thế làm một sự quá phận. Chính tại tôi đã được nghe thấy người ôn tồn bảo với Ba, Má tôi :

— Các con ạ, ta không thể không nhận rằng, nhờ ân tổ tiên, nhà ta có đủ âm công và phúc ấm... Lũ cháu có đủ gái, trai.., mà việc gì đưa trai không làm nổi, đã có đưa gái làm thay, một cách khả quan. Về tuổi già, ta lấy thế làm mừng !

Rồi, tôi hôm hết hạn nghỉ phép, tôi tự trường; ông tôi đã đưa tôi ra tới tận cổng ngoài. Năm nay, ông tôi đã ngoài tám chục, tuổi râu rìa, đầu tóc người đã bạc phau, hàm răng người đã rụng gần hết. Tôi vô hồi cảm động khi người cúi lom khom, một tay vịn vào vai tôi và bước đi, từng bước một, bên tôi, với một vẻ mặt đầy hân hoan, lạc ý. Mấy lần, tôi phải xin người hãy dừng bước, nhưng người không nghe và cố đi ra cho tới cái cổng ngoài, ra đường lộ.

Tôi đi đã xa xa, mà khi ngoảnh đầu lại, tôi vẫn thấy người đứng tựa vào cột cổng, nhìn theo tôi. Người giơ cánh tay run run lên vẫy tôi, trong khi chòm râu bạc của người phấp phới lay động dưới làn gió nhẹ của buổi ban mai. Tôi liền đứng dừng lại, hai hàng lệ ứa ra khóe mắt, bao nhiêu niềm kính ái của tôi đối với ông tôi, bỗng đột khởi trong thâm tâm tôi, nhưng, sau một phút mềm lòng, tôi cố nuốt lệ, đem hết dũng khí ra, để mạnh tiến trên bước chinh đồ mà tôi đã tự vạch sẵn lấy từ lâu

VII

SAU thời kỳ dự bị tập quân sự, tôi tình nguyện xin theo học ngành chuyên môn về « Tân văn », vì tôi hi vọng,

ngay trong cái đồ trình của cuộc cách mạng, tôi đã có thể dùng cái cây bút để thời hủy kẻ thù địch. Xưa, Nã-phá-luân đã chẳng nói : « Ở trên thế giới, có hai thứ vũ khí khá lợi hại, đó là : cây bút và cây súng ; nếu hai thứ vũ khí đó xung đột, đả kích nhau, nhất định, cây súng sẽ bị cây bút đánh bại, và phần thắng bao giờ cũng do cây bút nắm vững ! »

Vả cái thời đại này, là cái thời đại, trong đó sự « chiến đấu bằng tư tưởng » và « sự tuyên truyền » đều đã được người đời phó thác cho một cái nhiệm vụ quan trọng, nếu không phải là thần thánh. Trong khi tôi đang chnyên tâm đề học tập, thì một hôm, tôi nhận được thư của Ba tôi. Trong thư, Ba tôi chỉ cho tôi biết, ông tôi lâm bệnh, và hiện, ông tôi đã được đưa tới y viện của hải quân để điều trị. Ba tôi lại dặn thêm tôi rằng, ông tôi đã cao tuổi lắm, nếu cụ có mệnh hệ nào, thì đó cũng là một việc thiện chung và tôi cứ an tâm học tập. Tuy nhiên, tôi không thể nào an tâm được. Tôi liền xin phép nghỉ ngay tức khắc, để đáp xe tốc hành, về nhà.

Xuống bến xe Cao-Hùng, tôi vội vàng chạy bay tới y viện Hải quân. Tim tôi đập dữ dội, óc tôi xao xuyến quay cuồng, vì tôi đồ chừng, tin dữ thì nhiều mà tin lành thì ít !

Quả nhiên, tôi vừa bước vào y viện, một cô hộ sĩ, cho tôi rõ :

« Ông tôi đã qua đời ! ».....

Linh cửu của người đã được quản ở gian Thái-bình của tổng y viện hải quân. Ba tôi và em tôi đương túc trực ở đó, để thủ linh. Tôi về quá trễ, việc tần liệm đã hoàn tất từ ban chiều, lúc bốn giờ.

Ba tôi nói cho tôi hay, trước khi lâm chung, ông tôi đã gọi tên tôi và trời trăng rằng :

— Liên Đề !... Liên Đề !... Bây giờ ta mới nhận thấy rõ, cái thế giới ngày nay vô cùng hoang vĩ ; sự tiến bộ không hề sao cho siết... Cháu đã chịu được cả ảnh hưởng tốt đẹp đó, nay ta có chết đi cũng chẳng có điều gì hối tiếc ! Liên Đề ! Cháu đã có một chí hướng đấy, vậy cháu phải nỗ lực để tranh tiêu !... Và mai ngày, cháu sẽ dự phần trong cuộc phản công lực địa ; cháu phải cố thu hồi lại cái cự gia viên của nhà ta và vì ông Ba cháu, báo cái cừu, rửa hận !...

Tôi có ngờ đâu, cái hôm tôi giả ông tôi để tựu trường, chính lại là cái ngày tôi vĩnh quyết ông tôi ! Nghĩ tới đó, tôi cảm lòng không đau, nước mắt tôi cứ thế, lã chã tuôn rơi như thác lũ. Sự thương cảm của tôi đã lên đến cực độ. Khi về tới cổng nhà, tôi mơ hồ như thấy ông tôi vẫn đứng khom khom, tựa vào cột cổng, mắt đăm đăm nhìn tôi, và người giờ cánh tay run run vậy tôi ; chòm râu bạc phau của người dường như rung động, phấp phới, theo chiều gió nhẹ !

Và, từ nay, tôi không còn được nghe thấy cái giọng sang sảng của ông tôi, khi người thốt ra câu : « Khá tiếc thay, đứa cháu chỉ là một đứa con gái ! »

Vâng, cháu chỉ là một đứa cháu gái của ông, nhưng, thừa ông, cháu cũng sẽ tay bút, tay súng, để mai ngày trở thành một chiến sĩ như các bạn trai của cháu, và để nghênh kích kẻ thù địch !

VI HUYỀN ĐẮC



CON NGƯỜI CỘNG SẢN DƯỚI MẮT CHARLES PLISNIER

(tiếp theo trang 44)

Đừng có mang chuyện của Pierre, anh thợ lắp máy trong xưởng Javel, ra nói với anh ta làm gì. Anh ta sẽ bảo : « À, Pierre hả ? Tôi có biết hắn. Hắn là người cứng rắn. » Nhưng ta trông thấy rõ ràng là anh ta chẳng quan tâm gì lời Pierre. « Cá nhân không đáng kể. » Trong con mắt của Lucidel, Pierre là một bộ phận trong cái khối Vô Sản, một phần tử chứa nhiệm ý thức giai cấp cũng như thề một cục sắt chứa điện.

Cũng đừng có mang chuyện của Philippe nói với anh ta làm gì. Người chủ xưởng ấy trước kia có một đạo giúp đỡ anh ta khá nhiều và anh ta ở vào hoàn cảnh phải nhận sự giúp đỡ ấy. Philippe ngày nay cũng không đáng quan tâm nữa. « Biết ơn là một thứ tình cảm tiểu tư sản. » Philippe thuộc về giới tư bản, và nói cho đúng thì chính Lucidel cũng thuộc về giới ấy ; nhưng Lucidel đã thoát ly giai cấp rồi, dù không phải thoát hẳn trên thực tế thì ít ra cũng thoát bằng tư tưởng.

Đừng mang Lucidel ra mà nhạo báng. Mấy quyển **Tư Bản Luận** và **Chống Piérhling** được xếp trên ngăn danh dự trong tủ sách của anh ta. Gáy không sờn một mảy, lề sách không có một vết chữ ghi chủ nào. Nhưng trái lại anh ta đã đọc những ba mươi bảy cuốn sách nói về Các-Mác, do nhiều tác giả khác nhau viết ra. Và nếu anh ta không sử dụng đến biện chứng pháp vì nó tế nhị quá thì ít ra anh ta cũng đã dùng luôn luôn đến danh từ biện chứng pháp như bất cứ ai...



... **C**ALIBOT không đọc sách. Chỉ đọc có một tờ báo. Công việc của anh không phải là nghiền ngẫm suy tưởng. Anh ta chỉ có khiếu làm anh hùng.

Anh ta là người trong Đảng, cái Đảng độc nhất, viết bằng chữ hoa.

Đảng của Calibot là đảng của Vô Sản. Nhưng tiếng vô sản thỉnh thoảng anh ta mới vô tình dùng tới ; thường thường anh ta thích dùng tiếng lao động hơn. Theo anh ta thì ngoài vô sản ra còn có hạng lao động nào nữa đâu. Tin tức trong tờ báo của anh ta thỉnh thoảng cũng có nói đến những người lao động ngày nay cố gắng đạt đến địa vị cao ; nhưng Calibot không lấy làm chắc chắn. Vâng, đối với ông Jolliot-Curie,

ông Louis Aragon, là bác học và thi sĩ thì không nói làm gì. Trong giới ấy chuyện gì cũng có thể được. Nhưng nếu chúng ta nói với Calibot rằng kỹ nghệ gia Philippe làm việc mười bảy giờ một ngày, anh ta sẽ cho là ta muốn bị hoặc là đầu óc ta kém cỏi lắm.

... Anh ta là một người thần bí, thuộc về một hạng đặc biệt lẻ nhĩ, hạng những người thần bí mà tự mình không ngờ. Anh ta thờ phụng Mác, Staline, và ông Maurice Thorez mà anh ta gọi một cách thần ái là ông Maurice. Đó là Chúa Ba Ngôi. Trong đó, ngôi thứ ba được quý mến hơn cả : nó thay thế cho ngôi Chúa Con mà người ta có thể nghe được lời nói, có thể sờ được tay áo. Sự so sánh có vẻ ngộ nghĩnh. Nhưng đối với Calibot thì đúng vô cùng, đúng hơn là ta tưởng tượng.

P. V.



Phần thứ hai

*Phần sáng tác văn nghệ của Văn Hữu số 9 này được hoàn thành
với sự cộng tác của các bạn : Tường Linh — Trạ Vũ — Tiểu Dân —
Cô Tuyết Hương — Kim Tuấn — Hoài Khanh — Đức Quang...*

TƯỜNG LINH

Chuyện một bàn tay

MỘT đêm, trong căn phòng hẹp dành cho những quân nhân độc thân, tôi suy nghĩ miên man về bức thư của Khánh, người bạn tân binh ngày xưa của tôi. Đúng là Khánh, vì những kỷ niệm ngày xưa của chúng tôi không người thứ ba nào có thể nhớ và nhắc lại một cách rành mạch như thế.

Trên mặt chiếc bàn con, tờ thư được trải ra. Tôi nhìn chăm chăm vào những dòng chữ như nhà trinh thám hay một chuyên viên tự dạng đang dồn hết khả năng chuyên môn trước bút tích có liên quan đến một vụ án mạng.

Bức thư từ một địa điểm dinh-diền gửi đi, trên phong bì có đóng nhậ ấn của Ty Bưu-điện Ban-Mê-Thuộc. Với những lời lẽ trong thư, tôi tin thật là thư của Khánh. Điều làm tôi thắc mắc mãi là tại sao tuồng chữ trong thư hoàn toàn khác biệt với lối viết của Khánh đã quá quen thuộc với mắt tôi?

Khánh có lối chữ viết xiên xiên, phóng khoáng, những nét xô xuống đậm, những chữ *g*, chữ *y* Khánh kéo dài ra, đôi khi phạm đến dòng chữ thứ ba.

Bức thư này khác hẳn. Nét chữ run run, chữ to, tròn và những chữ *g*, chữ *y* lại quá ngắn.

Chẳng lẽ Khánh đã nhờ kẻ khác viết hộ một lá thư có nhắc đến nhiều kỷ niệm riêng của chúng tôi?

Thế là thế nào ?

Tôi cố cho đó là một chuyện không quan hệ, chỉ cần còn Khánh là được. Tôi tắt đèn, lên giường nằm. Bức thư của Khánh làm tôi khó ngủ. Tôi nhớ Khánh, nhớ cả những ngày hai đứa còn là tân binh đồn trú gần phi trường Phú-Bài.

Mùa đông năm ấy mưa nhiều và lạnh lắm. Có khi trọn tuần lễ chúng tôi không tập tành gì cả vì mưa liên miên, thao trường ngập nước giống như một chiếc đầm lớn.

Đêm đêm, Khánh thường viện lý do giường vải bị rách để sang ngủ chung với tôi. Tôi không thấy khó chịu vì điều đó, trái lại, chúng tôi rất thích vì được ấm hơn ngủ một mình, được nói thầm quá giờ kèn báo ngủ mà khỏi lo Thượng sĩ thường vụ « bỗ », khỏi phải chịu những câu chát ngắt hay lẽ nhè của vài bạn bên cạnh chỉ biết ngủ liền sau khi ăn cơm, sau khi bàn giao súng gác.

Khánh và tôi nằm, trùm chăn kín mít. Mười phút sau, chúng tôi được hưởng hơi ấm của chính mình phát ra. Thỉnh thoảng tôi quấy dầu — tắt của tôi — mấy sợi tóc cứng chọc vào mũi, vào mồm Khánh, Khánh cười hì hì.

Ngủ giường vải là một kỷ niệm khó quên nhất của đời binh sĩ.

Ban đầu, nhiều người hơi khó chịu vì chật chội của thứ giường không rộng quá bảy tấc. Con người như bị đóng khung trong khuôn khổ nhất định ấy. Dù là kẻ đa đoan tâm sự dễ trần trọc suốt năm canh cũng không thể lăn sang bên nào được vì chiếc « máng xối » bằng vải ấy không biết chiều bất cứ một ai.

Dần dần, người lính thấy yêu chiếc giường vải. Còn loại giường nào gọn gàng hơn nữa ? Mùa lạnh, trải một chiếc chăn đôi làm nệm. xếp hai bộ quân phục tác chiến làm gối, nhét màn thật kỹ, nằm trùm chăn kín đầu, lắng nghe mưa rơi trên mái đồn gọi thành bản nhạc buồn để dễ vào giấc ngủ. Mùa nóng, chiếc chăn đôi không dùng làm nệm nữa mà được cuộn tròn làm gối. Hai bộ quân phục tác chiến bị « giam » vào « xắc ». Giấc ngủ của người lính độc thân vẫn nồng màu như thường. Lâu ngày, người lính không còn cảm thấy chật chội nữa,

trái lại. vào những đêm mưa, họ còn muốn có người ngủ chung cho ấm.

Khánh và tôi cảm thông nhau nhiều nhờ sự ngủ chung ấy. Nhiều kỷ niệm trọn đời chúng tôi khó quên được cũng phát sinh từ chiếc giường vải trong doanh trại vào những đêm mưa.

Tôi nhớ nhất bàn tay phải của Khánh. Bàn tay ấy mập mạp, mềm mại như bàn tay con gái. Đặc biệt, ngón cái chẻ ra trông như có gắn thêm một ngón phụ. Khánh thường dấu điểm ngón tay ấy bằng cách luôn luôn co đầu ngón tay đôi vào lòng bàn tay nhưng anh chàng vẫn bị lộ tẩy khi đưa tay chào cấp chỉ huy, khi bắt tay bạn. Nhiều người tinh nghịch, khi bắt tay Khánh, họ cứ giữ chặt bàn tay ấy lại và tri hô lên: nó đây rồi! ngón tay đôi đây rồi!

Có lần tôi bảo Khánh:

— Nhờ bác sĩ chặt ngón tay dư ấy đi cậu ạ!

Khánh phản đối:

— Cậu mà cũng đề ý đến cái đẹp cái xấu bên ngoài ấy à? Mặc kệ, mình cứ đề nguyên thử có tìm được vợ hay không?

Thật ra thì tôi bàn mà chơi vậy thôi chứ chút tật tí xiu ấy chẳng ảnh hưởng gì đến cả con người dễ yêu của Khánh.

Người Khánh tầm thước và tuy chịu đựng nắng mưa nhiều nhưng vẫn chưa mờ vẻ mặt thư sinh. Khánh hay cười, hay hát. Nói chuyện, giọng đồng quê Thanh-Hóa thỉnh thoảng ca lăm vài tiếng lăm cho người nghe có nhiều cảm tình.

Bạn bè và cả mấy huấn luyện viên có tiếng là « cứng » nhất cũng khó giận Khánh được.

Nếu biết mình làm phật ý bạn, Khánh nheo mắt lại, nghiêng mặt, nhìn bạn cười phở đôi hàm răng trắng muốt và đưa tay lên chào. Chỉ cần Khánh ngoe nguẩy ngón tay đôi một tí là bạn sẽ bật cười và xí xóa hết.

Theo lời Khánh tâm sự với tôi thì ba má và hai em Khánh còn ở lại cả ngoài Thanh, từ lâu Khánh không được tin tức. Tại miền Nam, Khánh không bà con quyến thuộc gì cả.

Khánh không hề than thở hay tỏ vẻ buồn về sự bơ vơ ấy với anh em khác. Tuy nhiên, nhiều khi nói chuyện với tôi về gia đình, tôi bắt gặp đôi mắt ươn ướt buồn của Khánh và những đêm ngủ chung giường, Khánh cũng không thể giấu tôi niềm thương nhớ xa xôi lắng trong tiếng thở dài.

Khánh biết hát bộ, giọng rất hay, hát nam, hát khách gì cũng đúng điệu, đúng nhịp. Trước giờ ngủ, anh em thường yên cầu Khánh hát một đoạn tuồng. Khánh hay chọn một đoạn trong tuồng Tống-Địch-Thanh Chinh Tây. Nhộn nhất là lúc Khánh làm Trại-Ba níu áo Địch-Thanh mà đây, mà nghiêng :

« Hồi nào ông nói : một (ông) ở Đơn, hai (ông) ở Đơn, ba bốn (ông) cũng ở Đơn... Thế mà chừ ông bỏ tui ông đi là đi làm răng kia chớ ! »

Khánh cắn chặt hàm răng, miệng méo lệch sang một bên. Anh em hò reo tán thưởng :

— Hay quá ! Có duyên quá !

— Nếu là con gái chưa chồng, mình sẽ bắt cóc Trại-Ba được này lập tức !

Khánh chỉ mỉm cười tiếp tục hát say sưa.

Cuộc vui thường chấm dứt vào đoạn Khánh quay sang làm Lưu-Khánh phồng mang trợn mắt với Trại-Ba. Chúng tôi cười nôn ruột khi thấy mấy sợi găng cổ của Khánh nổi to lên và vô phúc cho kẻ nào đứng gần nhất sẽ bị Khánh coi là Trại-Ba để làm dữ và... thốc một cú đá nên thân !

Tết đến. Chúng tôi không được về phép vì mới nhập ngũ, cả Thượng-sĩ thường vụ cũng ở lại với chúng tôi, mặc dù ông có vợ con tại Đà-Nẵng.

Đêm kịch của đơn vị có mời đồng bào tham dự được quy định vào tối mùng một tết. Đêm giao thừa, chúng tôi mượn sân khấu bắt được Khánh làm tuồng.

Khánh từ chối :

— Các anh đã hành hạ người ta suốt năm rồi, bây giờ chỉ còn một đêm tất niên mà không tha cho người ta hay sao ?

Rồi Khánh nói nhỏ với tôi :

— Hát hò gì được. Mình nhớ nhà quá cậu ơi, nhất là đêm nay, đêm ba mươi tết !

Anh em bắt chấp tâm sự của Khánh, cứ ngồi trố mắt lên sân khấu, phì phà thuốc lá, chờ đợi. Có người bê cả chiếc thùng đựng đường mựn của hỏa dầu vục đem đặt trước hàng ghế danh dự làm trống chầu và mời Thượng-sĩ thường vục cầm roi chầu.

Không thể từ chối được nữa, Khánh bước lên sân khấu. Hôm ấy, Khánh mặc quần phục đạo phở úi trắng nếp, giày đen đánh bóng, mái tóc tuy hớt ngắn nhưng được chải tỉ « bi-dăng-lin » nên trông rất dễ yêu.

Sau mấy tiếng trống chầu bằng thùng sắt của Thượng-sĩ thường vục, Khánh lững thững qua lại trên sân khấu rồi cất giọng theo điệu « giáo tuồng » :

Sám Thương... à !

Mẹ là mẹ ơi ! Vọng cố địa, lệ con tuốn tằm tả ! Chiều có đặng, (con) nượp nượp ừ.. ừ., dòng châu. Con phương Nam, đặng-đặng mới tìm cừu. Mẹ quê Bắc, (con) tưởng già thêm rơi lụy í... í hồ !

Khánh hạ tiếng « hồ » xuống một bậc thật trầm, mặt Khánh cũng cúi xuống. Bàn tay phải của Khánh đưa lên ngang mắt giống hệt anh kép hát thực thụ lau lệ để diễn tả một câu hát bi ai.

« Khán giả » nhìn thấy ngón tay đôi chưa kịp bật tiếng cười thì Khánh ngẩng mặt lên. Dưới ánh đèn, hai giòng nước mắt của Khánh long lanh. Khánh khóc thật. Khánh chỉ hát được chừng ấy câu thôi. Anh em ái ngại nhìn Khánh rồi nhìn nhau. Không khí buồn lặng trùm nhanh khắp gian phòng. Cả đại đội không một tiếng xì xào. Thượng sĩ thường vục bỏ « roi chầu », quay lại phía anh em, đưa tay ra hiệu giải tán cuộc chơi.

Tôi dắt Khánh về giường của tôi. Đêm giao thừa năm ấy, hai đứa tôi không hề chợp mắt.

BA tháng theo chương trình huấn luyện tân binh, Khánh được khen về môn tác xạ. Trái lại, tôi bắn rất kém, bất cứ mục tiêu động hay tĩnh và bắn bằng loại súng gì. Cứ mỗi lần tỳ súng vào vai nâng lên ngắm, hể mắt bên trái của tôi nhắm lại thì kéo cả mắt bên phải nhắm theo. Tôi xin phép huấn luyện viên được đeo kính để khi bắn thì lấy giấy dán kín mặt kính bên trái nhưng cũng không có kết quả gì.

Thấy tôi bẽ bết quá, buổi trưa, buổi chiều, Khánh dắt tôi ra sân sau doanh trại tập cho tôi cách lấy đường ngắm. Trước mỗi bữa ăn, Khánh xin nhà bếp một nắm cơm nóng vắt lại, áp lên mắt trái của tôi. Theo lời Khánh thì làm như vậy lần lần mắt có thể nhắm được nhưng không kéo theo con bên kia.

Một buổi thi bắn dành riêng cho những tay súng « chỉ thiên » dĩ nhiên trong « bảng vàng » ấy có tên tôi mà ban huấn luyện khỏi phải mất công tìm tôi, chọn lựa. Khánh thuộc thành phần bắn giỏi nên được cất xem bia và báo cáo kết quả của mỗi xạ viên.

Đêm ấy, trước buổi sáng ra trường An-Cựu, Khánh cứ lý thuyết tác xạ với tôi trong... chiếc chăn đôi :

— Sao cậu lại dở đến mức đó ? Đừng tỳ báng súng vào vai một cách cứng nhắc. Cứ mở mắt khi đạn nổ. Lần này cố gắng lên, cứ bắn trời bắn đất mãi thì có *cả phê đậm* đấy.

Danh từ *cả phê đậm* tại một trại huấn luyện không phải là điều gặng một chút mà chịu được đau. Rất có thể không được ra khỏi cổng trại hai chủ nhật liền hay mang quân trang, vũ khí chạy bốn năm vòng trong sân trại...

Sự thật, tôi ngại phạt thì ít nhưng cố gắng vì sự chăm nom săn sóc của Khánh đối với tôi thì nhiều.

Tôi hứa ầu đê Khánh an tâm :

— Được, ngày mai mình ăn đứt cho mà xem !

Khánh cười, tin tưởng. Bàn tay phải của Khánh mò tìm bàn tay tôi. Hai bàn tay nắm chặt, ấm áp. Tôi dùng ngón tay cái khảy nhẹ ngón tay dư của Khánh. Khánh im lặng một chút là ngủ ngay. Một niềm thương dằng ngấp lòng tôi. Chẳng biết

đôi trai gái yêu nhau, một đêm được nằm gần nhau, nếu một kẻ còn thức, họ có suy nghĩ nhiều về người yêu của họ đang thiêm thiếp như tôi đã nghĩ nhiều về Khánh đêm ấy hay không?

Sáng hôm sau, chiếc G.M.C chở những tay « thiên xạ » (1) đến trường bắn An-Cự. Đêm qua có mưa lớn từ nửa đêm về sáng. Con đường còn đọng những vũng nước vàng. Tôi không nghĩ đến môn tác xạ thực hành sắp diễn ra vì tôi đã quá rõ khả năng của mình.

Nhìn con đường, tôi liên tưởng đến một chuyện ngắn của tôi viết chưa xong. Trong truyện, tôi dựng lên một sơn nữ đã bao năm sống tại thị thành nhưng lòng luôn luôn hướng về quê rừng yêu dấu. Ở đấy, mùa xuân có rất nhiều hoa lan và mùa hè rừng nở đầy hoa sim tím. Cô sơn nữ tìm cách trốn về rừng. Tôi sẽ đưa hình ảnh con đường có những vũng nước màu vàng như thế này vào truyện. Tôi hy vọng truyện của mình sẽ được độc giả hoan nghênh vì nhân vật trong truyện thật ly kỳ, xa lạ với mọi lớp « người » thông thường trong xã hội (!) Tôi thích chí vô cùng. Còn sự bắn giỏi hay bắn kém có sao đâu, vì ngoài anh em trong đơn vị, có ai mà biết được?

Chuyện của tôi mà Khánh lo lắng nhiều hơn chính tôi phải tự liệu. Khánh hỏi tôi :

— Lo nghĩ gì mà nhìn chăm chăm xuống đường vậy Thủy ?

Tôi giật mình, đối Khánh :

— À mình đang nghĩ về... *đường thẳng tưởng tượng từ mắt người nhắm, qua lỗ chiếu môn, đến đầu ruồi và đến đích !*

Khánh có vẻ bằng lòng :

— Có thể chứ ! Đừng bắn cả mấy băng đạn ra ngoài bia đấy ông Trời ạ ! Nếu không chịu cố gắng thì có bị bò suốt đời cũng chẳng có ai thương hại.

Hôm ấy chúng tôi bắn súng các-bin. Năm người bắn một

(1) Bắn trời.

lần. Tôi bắn lần đầu. Tôi vừa lấy tư thế, nhìn về bia thì Khánh chồm tới, nhắc :

— Năng nghe Thủy ! Nín thở. Bóp cò, đừng có nhắm mắt. Họ nổ mặc họ chờ rộn lên mà bắn hoảng nghe !

Tôi cương quyết :

— Yên chí ông bạn vàng của tôi ơi !

Nói như vậy chứ tôi không thể tin vào khả năng của tôi mặc dù lúc bấy giờ tôi đã nhắm được mắt trái mà mắt bên phải khỏi nhắm theo. Một trở ngại mới : mở hai mắt thì còn thấy rõ điểm đen nhưng nhắm một con thì tôi chỉ thấy lơ lơ một tấm bia trắng. Tôi không ngờ đó là bệnh cận thị của tôi thuộc thời kỳ đầu.

Khánh về vị trí quan sát. Các bạn tôi bắt đầu khai hỏa. Lòng tự ái quá mạnh, tôi liều...

Đoành ! Đoành !

Tôi cứ mở to đôi mắt nổ liên mười phát rồi bỏ súng, đứng dậy chào huấn luyện viên.

Tôi cũng không buồn chạy theo Khánh lên xem bia của tôi, nhưng lạ ! tôi thấy Khánh chỉ chỏ vào bia và lấy giấy, quẹt hồ dán vội vã. Vừa dán, Khánh vừa hô to cho huấn luyện viên ghi :

— Điểm đen : một, vòng thứ ba : bốn, vòng thứ nhì : hai !

— A !

Tôi reo lên, nửa vui mừng, nửa ngờ vực.

Nhưng, Trung sĩ huấn luyện viên mặt lạnh như tiền quay sang bảo tôi :

— Theo tôi, lên xem bia.

Ông bắt Khánh lột hết mấy miếng giấy vừa dán, thì... mặt bia bằng giấy bồi vẫn còn lành lặn. Thì ra tôi đã bắn cả mười viên đạn ra ngoài bia nhưng Khánh liều lĩnh qua mắt ban huấn luyện để giúp đỡ tôi.

Trên đường về, tôi không dám nghĩ về con đường có những vũng nước màu vàng và cô sơn nữ lý kỳ của tôi nữa,

Một không khí nặng nề bao phủ trên xe, nói đúng hơn, tôi cứ tưởng tượng những hình phạt, những giòng chữ khô khan trong tờ lệnh phạt với một ngăn trống dành cho chữ ký nhận phạt của tôi. Tôi muốn xe đi chậm lại và con đường cứ dài mãi ra để còn lâu tôi mới thấy bóng dáng doanh trại dành nhiều sự trách móc cho tôi đang nằm mờ mờ dưới màn mưa bắc.

Khánh lăm lét nhìn tôi, tuy không trao đổi với nhau một câu nào nhưng cả hai đều biết những gì sắp xảy ra mà không thể nào tránh được.

Sáng hôm sau, tôi theo Khánh lên Văn phòng đại đội ký giấy phạt. Tôi bị gác liền hai chủ nhật và Khánh phải chạy năm vòng quanh sân đồn có mang súng trường và quân dụng tác chiến. Buổi chiều, theo lệnh còi của Thượng-sĩ thường vụ, Khánh mang « xắc », súng cầm tay, chạy đủ năm vòng vì tội dối cấp trên, không trung thành với bốn phạm và dấu điểm cái kém của bạn đồng đội.

Nấp trong góc tường doanh trại, nhìn Khánh đang bị thi hành kỷ luật, lòng tôi đau như cắt ! Càng hối hận, tôi càng dẫn vật mình, vì tôi không cố gắng để lấy phiên cho Khánh.

Đêm ấy, sau phiên gác, tôi lại giường Khánh để xin lỗi và cảm ơn sự hết lòng của Khánh đối với tôi.

Vừa thấy tôi, Khánh nheo mắt, nghiêng mặt, cười hi hi :

— Thật dưới đời này không có ai ngốc và dở như cậu ! À, mà mình cũng chẳng khôn ngoan gì, giá chỉ gọi lên vài ba viên trúng gần điểm đen thì mấy ông đầu có nghi ? Tham thì tham !

Tôi chưa kịp tỏ vẻ ân hận vì tôi mà Khánh bị phạt thì Khánh tiếp luôn :

— Bậy quá ! Cậu mất liền hai chủ nhật không được lên Huế để thăm ngăm trước ly cà phê Phấn. (1)

(1) Tên quán cà phê ngon của Huế lúc bấy giờ.

Nói xong, Khánh ôm chiếc chăn len cuộn tròn lại làm gối sang ngủ chung với tôi như mọi bữa.

Đêm ấy gió bạo. Gió như muốn tốc mái tôn, từng loạt mưa ria lộp độp trên mái, hắt vào phòng ngủ. Bàn tay có ngón tay đôi của Khánh nắm chặt bàn tay tôi. Khánh ngủ sớm; một giấc ngủ ngon lành của con người vô tư lự.

Cũng từ đêm ấy, tôi xác nhận thêm một điều: mỗi tình trai, nếu được chân thành đến có thể hy sinh vì nhau thì mỗi tình đó cũng đẹp như đôi trai gái yêu nhau.

Tôi cảm thấy Khánh đẹp và đáng yêu hơn nữa. Bàn tay có ngón tay đôi của Khánh sao mà dễ thương đến thế! Bàn tay ấy làm tôi khó quên hơn bất cứ bàn tay nào có những ngón búp măng với mười móng tay ngón chuốt, tô màu.



MÃN khóa. Khánh được về đơn vị tác chiến, còn tôi vì vẫn giữ mãi kỷ lục « bắn trời » nên chỉ làm công việc văn phòng cho một binh chủng chuyên môn.

Chúng tôi viết thư cho nhau đều đặn. Tôi chờ thư Khánh như người ta nhớ những bức thư tình. Khánh viết thư khoe với tôi: những bức thư của cậu mình đóng lại thành tập và nâng niu như một gia bảo. Tôi không chút nghi ngờ về câu nói nghe như khách sáo có thể xảy ra từ một kẻ khác. Tôi tin Khánh, chúng tôi tin nhau bằng tất cả tình thương của những ngày còn sống bên nhau.

Tôi được đơn vị dành cho một căn phòng nhỏ, tạm gọi là đủ tiện nghi đối với sự sinh hoạt của một quân nhân độc thân.

Tuy thế, những đêm trước giờ ngủ, suy gẫm về cuộc đời, tôi thấy thiếu mất một cái gì mà tôi không thể thiếu. Tôi thiếu Khánh. Vàng. Tôi không còn những đêm ngủ chung với Khánh nữa. Tôi không còn được ai nắm bàn tay tôi vào những đêm mưa, không còn được nghe tiếng thở đều đặn; không còn được ngửi mùi mồ hôi, mùi tóc cháy nắng quen thuộc của Khánh. Gì nữa? Phải rồi, tôi thấy bàn tay mình bị bỏ hoang

vì không có Khánh bên mình để tôi được khảy nhẹ ngón tay dư của Khánh khi tôi còn thao thức hay những giờ thức giấc nửa khuya...

Tôi không hề nghĩ đến một mái tóc, một tà áo màu và không thấy lẻ loi vì chưa tìm được những hình ảnh ấy.

Nhiều đêm thương nhớ ngập tràn, tôi không thể nào ngủ dễ dàng như ngày xưa được. Ô hay ! Tôi đã tương tư ; tương tư một con người không khác phái, tương tư một bàn tay không mỹ miều !

Cuối năm 1955, tôi nhận được thư Khánh. Khánh đang tham gia chiến dịch miền Tây và đã thu được nhiều chiến công. Bằng đi một dạo khá lâu, tôi không nhận được lá thư nào của Khánh. Ngày tôi dời vào Sài-gòn, sau mấy lần nhấn tin trên mặt báo, tôi mới nhận được bức thư của Khánh với tuồng chữ lạ đã gây suy nghĩ cho tôi. Chúng tôi tiếp tục gửi thư cho nhau đều đặn như hồi mới mãn khóa huấn luyện tân binh. Qua những bức thư Khánh, tôi được biết Khánh đã giải ngũ, mới cưới vợ. Vợ Khánh cũng người Thanh-Hóa, hai người quen nhau từ khi Khánh nhờ sự giúp đỡ của Hội Cựu Chiến Sĩ, được vào dạy tại trường tiểu học trại dinh điền X.

Khánh không nói gì thêm và tôi không hề nghĩ rằng có một ngày nào đó tôi sẽ lên Ban-Mê-Thuột nên chẳng hỏi chỗ ở của Khánh làm gì. Tôi nghĩ là : có một địa chỉ để thư từ cho nhau thường xuyên là đủ rồi.

Nhiều lần tôi hỏi nguyên nhân lối chữ khác xưa của Khánh nhưng bao giờ Khánh cũng chỉ trả lời : chẳng có gì lạ, mình đổi lối viết cho vui vậy thôi.

Vui ? Có cái vui gì kỳ dị đến thế ? Tôi hơi bức mình Khánh vì tôi biết Khánh rất giản dị tại sao lại thay đổi chữ viết một cách vụng về như vậy ?



NON một ngày mệt nhọc, đoàn xe chúng tôi từ từ tiến vào thị xã Ban-Mê-Thuột còn kịp để nhìn ngắm chiều vương màu vàng nhạt trên những rặng hoa giấy đỏ thắm. Những có

nữ sinh miền Thượng ôm cặp lửng thừng trên hè phố nhìn chúng tôi tủm tỉm cười. Họ biết chúng tôi từ xa đến vì quần phục ai nấy đều đầy bụi đỏ ; thứ bụi đặc biệt của những con đường rừng núi cao nguyên. Chúng tôi dừng lại thì xã một đêm, sáng mai sẽ tiếp tục đi thăm các địa điểm dinh điền.

Mùa thu. Mới chập tối mà thị xã Ban-Mê-Thuột đã thấm hơi lạnh của sương rừng. Trăng thượng tuần trông như lưỡi liềm bằng vàng treo lệch một góc trời xa.

Tôi mặc nguyên quần phục tác chiến rảo bước trên đường phố rồi ghé vào một tiệm giải khát nhỏ. Vài người khách đang ngồi trầm ngâm trước ly cà phê lửa khói. Tôi gọi một ly cà phê đen. Đến xứ có nhiều đồn điền cà phê này mà không dùng một ly cà phê nguyên chất cũng như khi về mà không mua được vài dò lan rừng thì coi như thiếu tất cả.

Chủ quán là một người trai trẻ đang chăm chú viết — có lẽ anh ta tính sổ chi thu thường nhật — trên chiếc bàn đặt phía trong cùng. Nghe tôi gọi anh ta ngẩng mặt thoáng nhìn tôi, gọi chuyền vào phía trong rồi cúi xuống cặm cụi viết.

Tôi hơi ngạc nhiên vì thái độ thiếu vồn vả của chủ quán nhưng không bức mình, vì tôi đến đây chỉ cần có cà phê thật ngon mà thôi.

Cà phê Ban-Mê-Thuột thật quả là có cái phong vị quyến rũ khách đường xa. Ngụm thứ nhất làm tôi quên tất cả các tiệm cà phê của những chú ba Tàu quen thuộc tại Saigon, Chợ-lớn. Ngụm thứ hai, tôi tưởng như bao nhiêu hương vị miền sơn cước lắng trong chất nước màu đen sánh đang dần dần thấm vào cơ thể tôi. Tôi không thấy lạnh nữa.

Thỉnh thoảng, anh chủ quán ngừng viết liếc nhanh về phía tôi. Phải rồi, anh ta không tính sổ như tôi tưởng mà có thể là sáng tác hay ít ra cũng viết một bức thư dài. Chắc anh ta hơi bức mình vì thấy tôi vẫn đội chiếc mũ rừng sùm sụp, quai mũ thắt chặt dưới cằm như chiếc mũ của một viên kỵ mã.

Tôi cười thầm về sự vô ý của mình đã làm thiếu « vẻ mỹ quan » tại một quán nước về đêm.

Tôi lấy mũ xuống đúng lúc một người con gái mặc áo cụt trắng, tóc uốn gọn, từ nhà trong bước ra đứng sát anh chủ quán cất giọng đặc thồ âm miền quê Thanh-Hóa :

— Kỳ ni anh nhớ viết rõ số nhà của mình để anh ấy có đi lên miền ni thì ghé lại chơi, Ai lại có nhà cửa mà đấu bạn ?

Anh chậm rãi gạch một que diêm châm thuốc hút rồi trả lời người con gái :

— Em không hiểu. Anh có định đấu việc nhà cửa của mình với anh ấy đâu. Anh chưa nói gì qua những bức thư nhận được gần đây, anh thông cảm được nỗi buồn riêng của anh ấy. Mình khoe chuyện làm ăn, nhà cửa, dĩ nhiên anh ấy mừng cho mình, nhưng không khỏi nghĩ đến đời tư của anh đang nổi trôi và cô độc.

Người con gái không nói thêm, cúi xuống lăm nhăm đọc tờ thư viết dở.

Tôi ngửa mình tựa lưng vào thành ghế, nhìn mấy giỏ lan cài trên tường. Tôi hỏi anh chủ quán :

— Ở đây mua lan có phải chờ đợi lâu hay không ?

Anh ta đứng phắt lên nhìn chòng chọc vào mắt tôi, rồi anh bỏ bút xuống bàn, chạy ra ôm chầm lấy tôi, reo lên rồi rít :

— Thủy ! Thủy ! Cậu lên đây bao giờ ? Em ơi, Thủy đây này ! Mình đang viết thư cho cậu đây.

Tôi không khỏi ngạc nhiên rồi cũng reo lên :

— Khánh ! Trời ơi ! Sao Khánh ở đây ? Không phải ở trong trại dinh điền à ?

Tôi chìa bàn tay phải ra toan nắm thật chắc bàn tay có ngón tay đôi của Khánh cho đã, nhưng Khánh đưa tay trái ra...

Tôi định thần nhìn bàn tay quen thuộc thuở xưa, nhưng, tôi chỉ thấy cánh tay áo màu xanh buong thổng đang đồng đưa theo nhịp cử động của toàn thân Khánh,

— Khánh ! Sao lại thế này ?

Khánh dịu tôi ngồi xuống ghế, bàn tay trái của Khánh vuốt ve cánh tay áo bên trong không có gì, thông thả bảo tôi :

— Có gì mà cậu rối rít lên thế ? Những bức thư khác tưởng chữ của mình gửi cậu, mình đã viết bằng tay trái. Trong chiến dịch miền Tây, đạn súng máy của địch đã thay bác sĩ cắt đứt bàn tay có ngón tay đôi của mình, nhưng chúng cắt hơi tham lam một tí.

Tôi trách Khánh :

— Sao cậu không cho mình biết đề mỗi lần đọc thư cậu là mỗi lần mình thắc mắc ?

Khánh cười, không đáp. Tôi nhắc ghế xích lại gần Khánh hơn, đưa tay vén cánh tay áo bên phải của Khánh lên. Tay Khánh bị cưa quá cùi chỏ, thịt dồn lại to tròn gần bằng bắp thịt sát vai. Chỗ bị cưa, thịt nhăn nheo và thâm đen không giống màu da của toàn thân Khánh.

Lòng tôi se lại, đau đớn, tiếc thương ! Trong phút chốc, bao nhiêu sự mất mát của tôi từ mấy năm qua không còn làm tôi lưu ý đến nữa. Khánh vẫn nhìn tôi, cười. Hàm răng Khánh vẫn trắng muốt như xưa. Rồi như không có gì quan trọng, Khánh quay sang người con gái nầy giờ vẫn đứng ngơ ngác nhìn chúng tôi, vừa cười vừa nói :

— Quên chưa giới thiệu : đây, nhà tôi, người cùng quê, di cư hồi năm 1954. Còn đây là Thủy, người bạn mà anh thường kể chuyện cùng em.

Tôi đứng dậy chào vợ Khánh. Chị tiếp lời chồng :

— Anh Khánh nhắc đến anh luôn. Vợ chồng tôi mong có một dịp anh lên đây chơi. Bây giờ thì anh phải ở lại với chúng tôi mới được.

Tôi đáp :

— Rất tiếc vì công tác, tôi chỉ có thể ở lại đây với anh chị đến sáu giờ sáng mai thôi.

Vợ chồng Khánh lộ vẻ không vui nhưng chẳng lạ gì công tác của quân đội nên Khánh bảo tôi :

— Cậu vào giường nằm nghỉ nói chuyện chơi một đêm hãy hay. Mấy năm xa nhau rồi !

Khánh quay sang vợ :

— Em đóng cửa rồi làm món gì đi. À, Thủy cũng hên lắm, ban chiều có người vừa biếu mình nhiều thịt nai tơ.

Tôi nằm bên Khánh. Bây giờ, chiếc giường gỗ rộng, có chăn gối tử tế chứ không phải chiếc giường vải chật hẹp ngày xưa. Khánh và tôi, hai người đã có hai cuộc sống khác nhau. Chúng tôi có thể nằm bên nhau một đêm rồi ngày mai tôi ra đi, chưa biết đến bao giờ trở lại nơi này.

Tuy thế, tôi vẫn không buồn bằng nghĩ đến bàn tay đặc biệt của Khánh. Khánh nằm sát bên tôi, hơi ấm ngày xưa, mùi mồ hôi, mùi tóc quen thuộc cũ đã trở lại, nhưng bàn tay ấy đã bị vùi tại đất miền Tây với bao người trai đáng yêu của đất nước.

Khánh tỉ tê bên tai tôi :

— Thủy ạ, mình bị mất một bàn tay nhưng so với sự hy sinh của bạn đồng đội thì có thấm vào đâu ? Thiếu úy Hy này, thằng Lương này, thằng Quyền này...

Khánh ngừng nói vì tôi đâu có quen với những tên mà Khánh vừa kể thuộc đơn vị của Khánh, nhưng tôi biết họ đã như thế nào trong cuộc chiến đấu vừa qua.

Tôi hỏi :

— Khánh có thấy trở ngại cho việc làm hàng ngày vì bị mất một bàn tay hay không ?

— Có chứ, Khánh đáp, nhất là những lúc chào cờ. Mình hiện nay tuy trở về với cuộc sống dân sự nhưng tác phong nhà binh đã nhập vào gân, vào cốt của mình rồi nên khi nào thấy quốc kỳ hay gặp những vị sĩ quan và bạn đồng đội cũ cũng thích đưa tay lên. Hai nữa là viết. Viết tay trái lâu lắm và không được đẹp. Nếu viết thư cho bạn bè thân hay ghi sổ sách thì chẳng sao, có viết bằng cho học trò tập thì thật là cả một điều khó khăn ! Đến nay mình đã quên rồi. Sau nữa là thương hại cho những bạn thân lâu ngày không gặp, hễ gặp mình, họ cứ đưa tay phải ra bắt để bị... nhờ tàu !

Ngừng một lát, Khánh thêm :

— Nếu bây giờ làm Trại-Ba thì không thể tìm đâu ra ngón tay trở để xới Địch-Thanh nữa. Hồi ấy vui quá cậu ạ ! Mình nhớ ghê !

Một phút im lặng. Chắc Khánh cũng như tôi đang hồi tưởng những đêm đông quá khứ có hai tán binh ngủ chung một chiếc vườn vải...

Khánh nắm sát vào tôi. Trong lúc suy nghĩ miên man, tôi đưa bàn tay phải ra tìm bàn tay phải của Khánh để khảy nhẹ *ngón tay dư*, nhưng tôi kịp rút tay lại và cố dấu một tiếng thở dài.

Ánh lửa từ phía bếp hắt ánh sáng run run qua cánh cửa khép hờ.

Đêm thu miền Cao-nguyên về khuya, càng lạnh. Thỉnh thoảng, một chiếc lá rơi gây thành tiếng động nhẹ trên mái tôn.

Đêm ấy tôi không thể nào ngủ được, chẳng phải vì mới uống ly cà phê đen nguyên chất ban tối nhưng vì một lý do khác, một sự mất mát của tình cảm. Phải, tôi vẫn « còn Khánh », được nằm bên người bạn tán binh ngày xưa của tôi trọn một đêm thanh bình nhưng tôi cảm thấy như chính đời mình bị mất một bàn tay.

TƯỜNG LINH

LIÊN MINH TỰ DO ...Bây giờ người ta vẫn còn nghe kêu rằng tuyên truyền là dễ ghét. Đúng, nhưng đó là khi ta lợi dụng và kích thích tình cảm để truyền bá những điều dối trá. Còn nếu như ta chỉ nói những điều hợp lý và chỉ trình bày sự thực mà thôi, nhất là khi lũ bip bọm trang bị đầy đủ hơn ta để xuyên tạc sự thực, khi ấy tuyên truyền của ta thành ra một chiến dịch tẩy uế, giải độc. Đó chính là điều chúng tôi đề nghị làm cho thực qui mô, bởi vì đối phương cũng đang tổ chức cuộc đấu độc to lớn. Cho rằng trước kia đã có một Goebbels nàu la gào rồi bây giờ không thêm lên tiếng trả lời một Goebbels đỏ nữa, ấy là bỏ mặc mọi người cho tất cả những tên Goebbels... (Biện pháp chống cộng thứ hai — Suzanne Labin).

KIM TUẤN

Nụ hoa vàng ngày xuân

tôi cho em mùa xuân
mùa xuân này tất cả
lộc non vừa trẩy lá
thơ còn thương cõi đời
con chim mừng riu rít
vui khói chiều chơi vơi
đất mẹ gầy có lúa
đồng ta xanh mấy mùa
con trâu từ đời cổ
giục mở về rộn khua
ngôi để điều thẳng cánh
trong xóm vang chuông chùa
chiều in vào bóng núi
câu hát hò văng đưa
tóc mẹ già mây bạc
trắng chờ trong liếp dừa
con sông dài mấy nhánh
cát trắng bờ quê xưa...

tôi cho em mùa xuân
bàn tay thơm sữa ngọt
giãi đất hiền chim hót
người yêu nhau trọn đời
mái nhà ai mới lợp
trẻ đùa vui nơi nơi
hết buồn mưa phố nhỏ
hẹn cho nhau một lời
khi hoa vàng sắp nở
trời sắp sang mùa xuân
tôi cho em tất cả
tình yêu non nước này
bài thơ còn xao xuyến
nắng vàng trên ngọn cây...

Tôi cho em mùa Xuân
nụ hoa vàng mới nở
chiều đông nào nhung nhớ
đường lao xao lá đầy
chân bước mòn vỉa phố
mắt buồn vin ngọn cây...

LÀM SAO NHẬN RA NHỮNG TÊN TAY SAI CỘNG SẢN?

— Tán thành việc quân đội Mỹ rút khỏi Châu Âu, mà chống lại việc quân đội Xô-Viết rút khỏi Hung-gia-lợi ;

— Phản đối các minh ước liên phòng Đại-tây-dương và Thái-bình-dương, mà không phản đối khối Varsovie ;

— Bệnh vực quyền phủ quyết ở Liên-Hiệp-Quốc ;

— Tán thành việc Tây phương bỏ rơi Berlin ;

— Bệnh vực việc thừa nhận các chính quyền Pankow và Bắc-kinh.

— Tán thành chấm dứt thí nghiệm khí giới nguyên tử và giải trừ vũ trang mà không cần kiểm soát ;

— Phản đối việc đặt các giàn phóng hỏa tiễn từ Tây Âu vào đất Nga, mà tán thành các giàn phóng hỏa tiễn từ Nga sang Âu châu ;

— Phản đối Tưởng-giới-Thạch, Lý-thừa-Văn mà bệnh vực các nhà độc tài chống Mỹ ở Châu Mỹ La tinh ở Guinée, ở Trung Đông ;

— Tán thành giải phóng Kim-môn, Mã-lồ ;

— Chống Do Thái, bệnh vực Á rập, chống Anh, bệnh vực quân MauMau ; nhưng về vấn đề miền Cachemire hồi giáo thì lại bệnh vực Ấn độ chống Pakistan ;

— Tán thành « trao đổi văn hóa » mà không đòi Nga chấm dứt kiểm duyệt và phá các làn sóng vô tuyến điện của Tây phương ;

— Bệnh vực quyền độc lập hoàn toàn của các dân tộc Á-Phi đối với ảnh hưởng của Tây phương, mà không bệnh vực nguyện vọng độc lập của các chư hầu ở Đông-Á và Tây-Tạng đối với Nga-Sô và Trung cộng ;

— Phản đối tuyên cử tự do dưới quyền kiểm soát quốc tế ở Đức, mà tán thành lối lồng tuyên cử tại Việt-nam ở đó Việt-cộng có quyền kiểm soát một nửa ;

— Phản đối sự bành trướng của « đế quốc dó la », mà bệnh vực cuộc « viện trợ của đồng rúp » ;

— Phản đối các cơ sở Mỹ ở Âu-châu và Á-châu, mà không phản đối các cơ sở Xô-Viết (tức các đảng cộng sản) ở trong tất cả các quốc gia tự do ;

Theo Suzanne Labin, cứ thấy người nào đối với các vấn đề quốc tế mà có luận điệu nhất nhất phù hợp với các tiêu chuẩn trên đây thì biết đích thị đó là những tên tay sai cộng sản.

(Theo Suzanne Labin)

NGUYỄN TÁC CỦA : VINTILA HORIA (giải Goncourt 1960)

BẢN DỊCH CỦA : ĐỨC-QUANG

Bóng tôi thức dậy

NĂM giữa khoảng những đồi cây bên sông, bãi tắm đang triển miên trong giấc ngủ hiền từ dưới nắng. Trong không khí im lìm, phảng phất mùi, lá, thông. Thỉnh thoảng một tiếng gà vọng lên như sợ hãi cái quạnh hiu không một bóng người và cái tĩnh mịch giữa ban ngày ấy. Dọc theo những khe lạch âm u, từ các lùm cây trên rừng cao tỏa xuống sông một mùi hoa hoang dại và mùi ẩm thấp rừng rú.

Gã là kẻ độc nhất chứng kiến những chút dấu vết sinh hoạt còn sót lại ấy, con người độc nhất còn tỉnh thức, cái thế giới yên nghỉ xế trưa này. Cuốn sách đã rời khỏi tay gã. Cả giấc ngủ, cả thú đọc sách, không gì có thể làm dịu được lòng gã. Gã ưa thích sự quạnh hiu nhưng gã lại muốn được xẽ nổi quạnh hiu ấy với một người nào đó. Viết lách và mơ tưởng có thể an ủi gã thực đấy nhưng mơ tưởng cũng có thể làm cho gã cảm thấy cô độc như bất cứ tật xấu nào khác. Gã ngại viết lắm rồi và cũng chán ngán đọc lại những gì gã đã viết. Mỗi một cử động của gã bao trùm một vũ trụ càng ngày càng thu nhỏ như quần áo gã càng ngày càng co dúm lại. Gào thét lên ư, trời ơi, như thế lại làm cho gã xấu hổ thêm vì tiếng nói của gã tưởng chừng từ thời cổ sơ, thời ăn lông ở lỗ vọng lại làm cho gã sợ sệt. Cũng như gã đã sợ sệt những người đàn bà rất xa lạ, nhưng lại rất gần gũi với sự thêm

muốn của gã, những sự thèm muốn hết sức nồng nhiệt và hết sức mơ hồ. Gã hiểu rằng mỗi người đàn bà đều mang trong người họ một khả năng vô biên có thể làm cho kẻ khác khoái trá và đắm ra say sưa, nghĩa là hỗn loạn. Gã học lỏm được nhận xét đó trong những cuốn sách gã đọc vụng trộm và chỉ hiểu được nửa chừng. Gã đã thấy trong truyện : Nàng lúc nào cũng quần quít bên chàng, hoặc lả lướt nằm trên giường hoặc trên nệm cỏ xanh của một khu rừng thơ mộng hay ngã nghiêng trên một đám đất bằng nào đó. Mỗi họ như tan ra trong một cái hôn dài và sau đó giữa họ, không hiểu một chuyện gì thầm kín, quái đản, khó tả đã phải diễn ra vì tác giả bỏ lửng đoạn này, chỉ đề ở đây một sự im lặng bầu như « chuyện ấy » là một trọng tội. Có phải bao giờ « chuyện ấy » cũng xảy ra một cách như nhau không. Diễn tả nó ra có quá sỗ sàng hay rất êm dịu ? Tại sao, bao giờ cũng im lặng như vậy sau cái hôn ? Ý chừng sự tiết lộ của tác giả sẽ lôi cuốn người đọc vào trong những cơn điên rồ nguy hiểm ?

Một nỗi bức rứt xâm chiếm gã — giống như một sự khó chịu của bệnh tật — mỗi lần gã đọc một cuốn sách trong đó nó cho gã nhìn thấy lờ mờ cái mà người ta gọi là ái tình. Có hai cách hình dung tiếng ấy : ái tình có thể là một tình cảm êm dịu và cũng có thể là một cơn điên cuồng đã đẩy một người đàn ông đến với một người đàn bà hay đặt một người đàn bà trong đôi cánh tay (đôi cánh tay cũng là yếu tố căn bản) một người đàn ông ; nó cũng có thể là một lúc, cái lúc sau cùng quan trọng hơn hết trong sự tiến triển của tình yêu.

Gã thấy không nên lằm lẩn ái tình với làm ái tình được vì « làm ái tình » là hành động để tìm khoái lạc còn ái tình là một trạng thái sinh hoạt. Gã ước đoán rằng ái tình là một tình cảm xứng đáng, cao thượng trong khi chuyện « làm ái tình » xô đẩy những kẻ trong cuộc đến những biên giới không dám thú nhận.

Gã rất muốn — nếu có thể — cùng một lúc được thi nghiệm cả hai thứ. Gã cũng chẳng hiểu như thế có thể được không, cũng như tất cả thằng con trai khác, gã muốn mở những nẻo đường mới cho sự sống con người. Cả hai thứ

« làm ái tình » và yêu đương, gã được đọc trong tiểu thuyết đều gây ra cho gã một kinh hoàng mãnh liệt và rõ rệt hơn cả ý tưởng về sự chết.



XỎ dép xong, bước xuống cầu thang, trước khi ra khỏi khách sạn gã ném một cái nhìn lên lút về phía những tờ tạp chí bày trên chiếc bàn kê giữa phòng, những tờ tạp chí cũ kỹ in hình những người đàn bà mặc y phục ít nhiều hở hang lúc nào cũng cười như tìm kiếm con mắt thêm khát của gã.

Trời nóng nực ghê gớm tưởng chừng như trái đất là một hỏa lò đầy than đang bốc lửa. Đường vắng tanh ; những bóng hình quái dị, lóng lánh chấp chờn nhảy múa trên mặt nhựa cháy bỏng. Rừng cây im lặng nằm duỗi dài trên những quả đồi như đương say ngủ. Một chú bé bồi bàn thiêu thiêu, ngã mình trên chiếc ghế trước cửa quán giải khát trong khi ấy, ở những thùng đựng kem trong quán, những cây kem va nì, kem chanh... đương tan rữa ra vì nóng bức.

Gã rẽ sang con đường phía trái để đi đến Cap, nơi huyền ảo hơn. Con đường nằm giữa khoảng hai khách sạn và chạy thẳng tới một nhịp cầu nối liền thành phố và hòn đảo nhỏ mà ở đấy có bãi tắm, vườn hoa, hí viện, nhưng đáng chú ý trước hết là ngôi giáo đường trên mỏm đất nhô ra sông. Mái giáo đường lộ chỗ như vảy cá, những bức họa trên tường bị ám đen bởi khói đèn hương thấp trước những bức tượng có từ thế kỷ thứ 17.

Hòn đảo càng ngăn cách gã với nếp sống chung quanh. Nó đưa gã đến gần một bức tranh có thể nhìn thấy gã rõ hơn và có thể giúp đỡ gã giữa một khoảng đất bốn bề sông nước, đắm chìm giữa những cơn trớn của siêu nhiên, như một nơi tiên cảnh.

Cho đến hôm nay, tuy chưa thấy có gì xảy đến cho gã, nhưng chính gã đã đến chỗ này để trải qua những giờ lặng lẽ của buổi xế trưa như ngồi trong một giáo đường. Giáo đường của gã ở đây rộng lớn hơn và các sự linh diệu như thấp

thoáng ẩn hiện giữa bóng những cây sên già, dưới gốc thông như dáng bay kiêu hãnh của một chiếc điều hầu. Sự linh diệu mà chàng mong ước là một cuộc gặp gỡ.

Gã vẫn thường tưởng tượng ra sự linh diệu ấy với tất cả chi tiết. Gã đã thám hiểm, nó như thám hiểm một khu rừng — rất quen thuộc mà cũng rất xa lạ đối với gã — với một lòng nhiệt thành lo âu. Khu rừng không rộng là bao ; khi sự tưởng tượng của gã dừng lại ở chỗ nào thì đột nhiên khu rừng ấy cũng bị giới hạn ở đó.

Vùng thái dương vẫn mở to con mắt nhưng hình như đương ngủ vì nó vẫn nằm yên một chỗ. Ngoài sông nước chảy rào rào, dồn dập, xô trùn trên những mỏm đá, vội vàng như chạy đến nơi nào : một khu rừng, một thành phố, hay một cánh đồng bị mặt trời mê ngủ đốt cháy. Trên cây, một con sóc đương gặm một quả thông tươi và ngon lành, vì thấy lần lượt rơi xuống đường từng miếng bã được con vật nhai rất cẩn thận, còn thăm bốt bóng nhoáng. Con vật bỗng nháy nháy cặp mắt. Mặc dù ham ăn nó không quên chú mục tới gã con trai đương đi lang thang mắt đầy thèm thuồng vì một thứ đói khát. Một lo lắng thoáng hiện lên đôi mắt nó tưởng đâu cái nhìn của gã con trai dưới đường đã truyền sang mắt nó nỗi tư lự của hắn. Nó chuyển sang cảnh khác. quả thông vẫn dính sát trong cặp chân bé nhỏ và khéo léo của nó và rồi, nó lại gặm vội vàng hơn trước để chóng được no bụng. Nhưng, người ta thấy rằng nó không còn có vẻ thoải mái nữa. Gã thanh niên không chú ý đến sự thay đổi đó và nó cũng chẳng hiểu được nguyên do. Nhưng cơn đói thêm khát đương chiếm cứ tâm hồn bé nhỏ của con người ấy, trong một lúc đã đe dọa làm hỏng một trạng thái quân bình.



Gã không đi ra phía bờ sông. Cảnh sông nước có thể làm cho lòng gã dịu xuống, nhưng gã không muốn như thế. Nhiệt độ trong lòng gã rất cần cho gã lúc này. Một tiếng cười bật lên thấu đến tai gã. Gã dừng bước. Một cái im lặng nặng nề, mãnh liệt hơn cả khi trời nồng nực chiếm đoạt lấy

gã. Tiếng cười lại nổi lên, vẫn tiếng cười ấy, dẫn đường cho chân gã bước tới. Tim gã đập mạnh, mồ hôi toát ra như tắm; có lẽ đó là điềm báo trước sự linh diệu mong muốn. Gã bước mau hơn.

Hai người đàn bà, hay hai người con gái — cả hai loại này — đối với gã chỉ là một hạng cũng xa lạ, nguy hiểm, cảm đồ như nhau — đương dạo chơi dưới bóng những cây sên. Họ nói chuyện về đàn ông, về ái tình — chắc vậy — và tiếng cười của họ như gọi lại những chuyện sóng gió ban đêm của chăn gối, của những cái hôn hay một sự bí mật không tiện nói ra. Gã thấy nổi ghen với những kẻ đàn ông đã nắm được chìa khóa của sự bí mật ấy.

Hai người đàn bà đi qua bên cạnh gã, mắt họ lướt nhanh trên đôi mắt gã như không thấy có gã đứng đấy, một con sóc có lẽ làm họ chú ý hơn nhiều. Từ những chiếc váy mỏng nhún nhẩy chung quanh những cặp đùi, từ những đôi vai lỏa lồ màu da hung hung bốc ra một mùi hương bắt gã phải nhắm mắt lại. Gã quay người về phía họ. Họ vẫn bước đi, tay khoác tay, in từng dấu dầy trên đường sỏi mịn. Gã đứng lặng yên, lắng nghe ý tưởng chiếm đoạt nổi lên từ đáy lòng.

Những hình ảnh đen tối xáo động trong gã. Hai tay thọc vào túi quần, gã nhắm mắt, ngưỡng mặt lên trời. Gã muốn cầu nguyện nhưng gã không dám. Cái điều gã chờ mong, hẳn chắc Thượng đế không biết được. Gã không hiểu được rõ ràng tại sao lại như thế, nhưng cái mà người ta gọi là tội lỗi hình như ngấm ngấm có liên quan đến những gì gã đương thèm muốn nhất. Gã chắc rằng không còn lời giải thích nào khác về sự phạm tội đầu tiên của loài người hơn là chính những tấm thân lỏa lồ của A-Dong và E-Và. Tại sao cơn sốt ác liệt giầy vò gã mấy tháng nay và sự thích thú mà ái tình dĩ nhiên phải mang tới cho gã lại là một tội lỗi?

Gã nắm chặt tay trong túi quần, nghiêng rằng, trung mắt nhìn vừng thái dương để nhờ sự hun đốt bên ngoài làm dịu cơn bệnh và tránh cho gã khỏi phải vội vàng quỳ gối van xin trước những thân hình gần như lỏa lồ vừa đi qua bên cạnh gã và đã làm cho gã ước ao được nhập vào trong đó, ước ao

được tiêu tan ra trong đó như trong một đại dương. « Lạy Chúa... » — gã cầu nguyện — mắt lim rim rồi đột nhiên mở bừng ra vì không dám tiếp tục lời kinh phạm Thánh.



Lơ đảng, gã đi tới bờ sông bên kia. Bỗng gã cảm đầu chạy. Đến trước cửa khách sạn, rẽ sang con đường nhỏ xuyên qua những hàng cây, chân gã vẫn chạy mau. Một lát sau, gã đã chạy tới giữa rừng. trước mặt là cây cầu treo bắc qua giòng suối. Tiếng chân gã vang dội trong lá cây. Cây cầu rung rinh. Gã dừng lại ở khoảng giữa, tay đẩy mạnh thành cầu làm bằng giầy cáp để treo thân cầu. Cây cầu bắt đầu lắc lư, trước còn nhẹ nhẹ sau mạnh dần. Gã nhìn xuống suối. Giòng nước sâu thẳm cũng rung động ; cả lá cây xanh tươi, cả vòm trời cũng rung động.

Nhưng hình ảnh những cặp chân bước trên sỏi mịn, mùi thơm của những đôi vai — hay có thể là của những bộ ngực — vẫn chưa buông tha gã. Những thứ ấy đối với gã không phải là một hoài niệm nữa mà là một cái gì đã chiếm đoạt gã, ngự trị trong gã và không rời bỏ gã.

Gã buông tay ra. Cây cầu dần dần thôi lắc lư. Chân trời trở lại im lìm. Gã lại bắt đầu chạy rồi dừng lại cạnh khu rừng thưa, chỗ người ta có thể nhìn qua sông thấy những ngọn đồi trước mặt mà ở bên kia sông không thấy nơi này vì lá cây che khuất. Gã ngồi xuống dưới bóng cây, hai tay vòng quanh đầu gối, mắt nhìn dăm dăm. Sự yên tĩnh nơi đây thường làm dịu lòng gã trong những lúc bối rối. Phong cảnh nơi đây đối với gã rất thân mật. Gã ưa thích rừng cây và đồi núi. Nhưng lần này gã không nhìn thấy gì chung quanh gã.

Có vật gì cứng nhắc đập vào thân cây chỗ gã ngồi rồi rơi xuống cỏ. Lại một con sóc — gã nghĩ thế. Một hòn sỏi ném trúng lưng làm cho gã giật mình, đau nhói, đứng phắt lên nhìn bốn phía. Không một bóng người. Vẫn sự im lặng. Gã cũng nhặt một hòn sỏi và ném về phía rừng cây. Gã nghe

tiếng sỏi di loạt soạt trong lá, tiếng dụng mạnh từ cành này vọt sang cành khác. Thế rồi, lại vẫn sự im lặng như trước. Một con quạ bay ngang ý chừng muốn đồ xuống nơi kiếm mồi quen thuộc nhưng vì trông thấy gã nên nó phải thay đổi cuộc hành trình. Tiếng kêu hân học của nó vang dội khắp thung lũng.

— Đồ khốn kiếp.

Núi rừng lấp lại lời nguyên rửa đó. Gã trả lời :

— Hèn nhát, hãy ra khỏi chỗ ẩn núp xem nào.

Gã thấy một cánh tay vừa cầm hòn đá ném gã nhưng không trông rõ người vì khuất thân cây. Kẻ địch không muốn để lộ hình tích. Tức thì, gã cũng núp sau một cây, tìm kiếm những hòn sỏi, nhưng vẫn khôn khéo không ra khỏi vị trí phòng thủ. Lần này, một hòn đá lớn ném đúng thân cây ngay sau gã. Núp mình cẩn thận, gã dò xét, ném một hòn sỏi, nhưng còn xa đích. Thoáng thấy một cái đầu tóc hung hung vừa nhô lên, không để lỡ cơ hội, gã ném luôn một hòn nữa vào đúng chỗ ấy. Kẻ địch nép vội xuống và chửi rửa. Gã nhận ra nó chính là đứa con trai lớn hơn gã một chút mà gã đã gặp ở vườn hoa và đã có ác cảm ngay từ lúc gặp. Gã cũng không hiểu tại sao như thế, nhưng tự nhiên gã cảm thấy ghét nó quá. Nó là một tên trong hai bọn kinh địch nhau, vẫn rượt đuổi nhau trong rừng để ném đá và thường ra là đánh lộn. Gã lại tấn công. Những hòn sỏi trúng vào thân cây khô kêu chát chúa như tiếng đạn nổ. Chỉ một lát, kho vũ khí của gã đã cạn. Gã phải nhào mình ra ngoài để bới tìm những hòn sỏi trong đám cỏ thưa hay ở dưới gốc những cây hoa tím lóng lánh. Sự khờ khạo ấy làm cho gã phải trả một giá khá đắt. Gã không nghe thấy tiếng của một hòn đá ném tới trúng vào thái dương. Gã suýt chết ngất, chống một cánh tay xuống đất, bàn tay còn nắm chặt một quả thông. Gã vùng dậy ngay, tay sờ chỗ thái dương sưng vù ; máu nơi này đương chảy lạt lạt như tiếng đập của quả tim. Gã nhẩy chồm lên, vượt khu rừng thưa chạy tới trước mặt kẻ địch đương hờ hởi vì đắc thắng. Tên tóc đỏ thất sắc nhưng chưa mất hết nhuệ khí :

— Tao đã ném trúng mày. Mày còn muốn nữa hả ?

Và tên tóc đỏ cho gã xem hòn sỏi và miếng gạch vỡ lớn

màu đỏ đương cầm ở tay. Một sự điên cuồng không biết từ đâu đến bốc lên trong đầu gã. Vết thương làm cho gã đau đớn nhưng càng đau đớn hơn khi gã nghĩ rằng gã là một đứa con trai còn ít tuổi mặc quần cụt, bị đàn bà khinh bỉ, và bị quên lãng, ruồng bỏ trong cuộc sống đau khổ. Gã lao mạnh người vào tên tóc đỏ, phóng một cái đá vào ống chân và đâm mạnh vào mặt nó. Nó lảo đảo ngã xuống kêu rống lên, nằm dài trên mặt đất. Nó không bò dậy được, vẫn nằm ngửa người như lúc bị ngã hai tay ôm đầu. Ngọn đèn như búa bổ làm cho nó choáng váng chỉ nằm rên rỉ. Gã muốn nhảy lên trên người nó, kết liễu đời nó bằng những cái đập, trút lên trên chiếc thân cừ địch ấy tất cả những ghen tức, thất vọng của gã. Nhưng gã vẫn đứng yên.

Một lát sau, gã hỏi :

— Tự mày làm cho mày đau, biết chưa ?

Thằng kia không trả lời. Tiếng rên rỉ của nó như ở dưới đất phát ra. Gần đầu dãy, một con chim cu cất tiếng gáy lẻ loi và buồn bã. Người ta tưởng đó là một người bắt chước tiếng chim để khỏi khóc bằng tiếng người và nổi cô đơn và tẻ lạnh.

Gã cảm thấy gã to lớn và hùng mạnh trước nạn nhân của gã đương nằm dài dưới chân. Hình ảnh hai người đàn bà gặp hồi nãy giữa cảnh nồng nực của hòn đảo thoảng hiện ra trước mắt gã. Nếu họ được trông thấy gã lúc này, được chiêm ngưỡng vẻ anh hùng dũng mãnh của gã...

Gã đã muốn đạp chân lên bụng kẻ địch, ngoảnh mặt vào rừng gào lên tiếng gào man dại của kẻ chiến thắng. Nhưng tên tóc đỏ từ từ mở mắt gượng ngồi lên và, với cử chỉ nhẫn nại, nó phủi những lá cỏ khô bám trên vai áo. Nó nhìn gã, nhưng có lẽ vì đã nhận thấy vẻ kiêu hãnh người lớn hiện trên đôi mắt gã nên nó không dám nói với gã nửa lời, chỉ nhẹ nhàng đứng lên bước đi giữa những hàng cây, trong lúc ánh chiều sắp ngả.

Gã lại cảm thấy trở về với cô đơn...

TUYẾT HƯƠNG

Nhở tàu

Tuyết-Hương là một cây bút phụ nữ đã từng cộng tác với các tạp chí Văn hóa ngày nay, Mai và sắp đăng một truyện dài trên Bách Khoa. Nữ sĩ trẻ tuổi này có giọng văn duyên dáng, nhẹ nhàng, tế nhị, từ nay bắt đầu làm quen với độc giả Văn Hưu.

CHÍNH giờ năm phút rồi ! Nếu xe lửa chạy đúng giờ, chín rưỡi sẽ tới ga Dalat. Từ ga về đây độ mười lăm phút. Chỉ bốn mươi phút nữa Tuấn đã đứng ở trước cửa, và tiếng chuông sẽ reo vang... Nhưng tôi sẽ chạy ra đón trước khi chàng có thì giờ dơ tay ấn vào nút chuông.

— Tuấn !

Tôi vội lấy tay che miệng khi nhận biết mình vừa nói gì. Chợt ngừng lên, tôi bắt gặp bóng dáng mình trong tấm gương ở tủ áo. Má tôi đỏ hồng như khi đứng bên bếp than hồng rực. Ấp lòng bàn tay vào má, tôi cảm thấy sức nóng ở má thấm dần sang tay. Tôi lo lắng hỏi thăm :

— « Liệu Tuấn có nhận ra mình không ? »

Hơn sáu năm rồi. Ngày ấy tôi còn để tóc dài, tinh nghịch như... một cô nữ sinh đệ tứ. Bây giờ, với mớ tóc ngắn uốn cong, với vẻ dịu dàng từ tốn này, tôi cảm thấy mình là một người khác. Tuy vậy tôi tin là Tuấn sẽ nhận ra tôi ngay. Bởi vì... chàng đã nói không muốn xa tôi mà,

Tưởng tượng đến lúc chàng xách va ly đứng trước cửa, tôi lại nhớ tới ngày xưa. Cái ngày chàng còn là cậu học trò ngọc nghếch, xách một va ly to tướng đầy quần áo và sách vở, đến trước cửa nhà tôi bấm chuông.

Ngày ấy tôi đã không ra mở cửa, lại đứng nấp sau cánh cửa phòng khách để ngắm dung nhan cái người mà tối qua, khi anh tôi báo tin sẽ đến ở trọ, tôi đã hỏi :

— Người ta thế nào ?

— Cũng giống anh Phong. Anh em mà.

— Tên là gì ạ ?

— Tuấn.

— Tuấn... Chà, tên nghe oai quá. Chắc Tuấn tú lắm. Em sẽ phải gọi cái ông Tuấn tú đó bằng gì ? Bằng ông nhé.

— Người ta hãy còn nhỏ. Nhưng nhiều tuổi hơn thì cứ gọi bằng anh, xưng là tôi.

Tôi muốn xem mặt mũi cái người mà mình phải gọi bằng « anh Tuấn » ấy ra sao. Và tôi đã suýt chết sặc khi thấy một anh chàng cao lớn, một tay xách va ly, một tay cầm mũ, rụt rè mãi ngó vào trong nhà đến nỗi vấp vào bậc cửa, tí nữa thì lộn nhào. Chiếc mũ cầm ở tay rơi xuống nền nhà lăn lông lốc như quả bóng.

Mấy tháng đầu tiên, mỗi ngày chỉ hai bữa ăn tôi mới nhìn thấy mặt Tuấn. Một cái mặt lúc nào cũng cúi gầm và đỏ như mặt Quan-Công. Ngày nghỉ cũng suốt ngày ngồi trong phòng. Đến nỗi khó tính như mẹ tôi mà phải nói :

— Cậu Tuấn cứ như cô con gái cấm cung ấy. Con trai phải bạo dạn chứ. Không đi đâu thì xuống dưới nhà, ra vườn dạo chơi. Cứ ngồi một chỗ như thế yếu người ra đấy.

Để trả lời, mặt Tuấn đỏ thêm một ít. Về phần tôi, bắt đầu thấy Tuấn đáng thương, không nhại các cử chỉ và lối mời mẹ tôi ăn cơm hề cười nữa. Bố mẹ chết cả, có một người anh trai thì lại dời đi xa, phải lạc đến một gia đình ít thiện cảm với người ngoài như gia đình tôi kẻ cũng đáng thương.

Bữa cơm tôi đã chịu khó mời mỗi khi thấy Tuấn ăn ít quá. Đôi khi tặng chàng một cái nhìn thân thiện. Để cảm ơn,

mặt chàng cũng đỏ thêm một ít. Chưa bao giờ chúng tôi nói chuyện với nhau.

Mãi tới một buổi tối, tôi thức khuya học ở nhà ngoài. Đang mãi học, chợt tôi nghe có tiếng một vật gì nặng nặng rơi trên sỏi. Lắng tai nghe, không thấy gì nữa. Cho là mình nghe lầm. Nhưng một lúc sau, tôi thấy hình như có ai chạm vào cánh cửa. Lại yên lặng. Rồi có tiếng bước chân rất khẽ xa dần. Đúng là có người. Nhưng ai tới chơi vào giờ này ? Và cổng ngoài đóng, tại sao không gọi cửa mà vào được ? Chắc là trộm. Giá vào những hòm khác thề nào tôi cũng leo năm bậc thang một, lên gác gọi cả nhà dậy. Nhưng tối nay không hiểu sao tôi lại bạo dạn, cứ đứng dấn tai vào cửa mà nghe ngóng.

Không thấy gì nữa. Hay « nó » đi rồi ? Đấy, lại tiếng bước chân. Hình như người ta tiến về phía cửa tôi đứng. Thôi, đúng là trộm đang tìm cách mở cửa.

Tôi thấy lạnh ở xương sống. Nhưng chợt nhớ mọi khi mẹ tôi vẫn bảo hễ có trộm cứ đứng trong nhà lên tiếng. Thấy mình còn thức sao nó cũng bỏ chạy. Nghĩ vậy tôi dang hắng, và lên tiếng :

— Ai thế ? Ai ở ngoài ấy thế ?

Thằng ăn trộm này ghê thật, đã không chạy còn lại gần hơn. Y như nó đã đứng sát cửa. Tự nhiên tôi hoảng sợ. Vừa đúng lúc định leo năm bậc thang một lên gác cầu cứu thì có tiếng gõ cửa rất nhẹ, và tiếng nói gần như nói thầm :

— Tôi đây.

— Tôi là ai ?

— Là tôi... Là Tuấn. Cô Dung đấy phải không ? Làm ơn mở cửa cho tôi.

Bấy giờ tôi mới hết sợ, yên trí mở cửa. Hết sợ thì lại buồn cười. Trông thấy chàng, tôi vừa cười vừa hỏi :

— Cổng đóng anh làm thế nào vào được ?

Đứng xem tôi tra then vào chốt cửa, Tuấn nói rất tự nhiên :

— Tôi leo qua rào.

Nói rồi Tuấn mỉm cười bên lễn. Coi như một « kỳ công » vậy. Tôi trách nhẹ :

— Rào cao thế mà leo qua được, anh có thể làm trộm đấy.

— Tại tôi về muộn, không dám gọi cửa sợ phiền.

Gàn quá ! Tôi muốn hỏi tại sao lại về muộn thế. Nhưng thấy vẻ ngượng nghịu lúng túng của chàng thì lại thôi, để yên cho chàng lên gác. Từ hôm sau, bữa cơm nào Tuấn cũng nhìn tôi một cái trước khi ngồi vào bàn. Và thỉnh thoảng đã xuống vườn dạo chơi. Nhiều lần bắt gặp Tuấn đi lang thang ở vườn như một cái bóng, tôi cảm thấy hết cả sự lẻ loi trơ trọi của chàng. Tôi muốn mẹ tôi nhận chàng làm con nuôi, để chàng có một gia đình, được hưởng những gì ấm cúng thân mật. Tôi muốn chia sẻ vui buồn với chàng. Nhưng tôi không dám nói ra. Một hôm Tuấn xuống dưới nhà, nhìn quanh như muốn tìm gì. Tôi hỏi, chàng cho biết muốn tìm một cái chai con. Tôi đưa cho Tuấn lọ đựng mực của anh tôi. Ai ngờ anh tôi cũng cần cái lọ ấy ! Anh cáu lắm. Tuy anh không nói gì, song Tuấn có vẻ buồn.

Vẻ buồn của Tuấn làm tôi băn khoăn áy náy. Buổi chiều tôi đón chàng đi học về, hỏi :

— Chắc anh buồn anh tôi. Thật ra lỗi tại tôi...

— Ồ, có gì đáng quan tâm

— Thật không ? Nếu không có gì đáng quan tâm thật thì anh xuống dưới nhà chơi cho vui vẻ.

— Vâng.

Rồi Tuấn thản nhiên đi vào, không buồn nhìn tôi lấy nữa cái. Có thể chàng còn giận, và cũng có thể chàng là người bất lịch sự « nhất thế giới ». Vừa buồn, vừa giận. Vừa thấy Tuấn đáng thương, vừa thấy đáng ghét. Tôi nhủ thầm sẽ không bao giờ nói chuyện với chàng nữa.

Nhưng một buổi chiều thứ bảy tôi đang mài lau cửa kính thì có tiếng hỏi :

— Cô Dung chịu khó quá nhỉ.

Tôi quay lại. Tuấn đang nhìn tôi làm việc, mặt tươi tỉnh khác hẳn mọi ngày. Quên mất điều đã thề nhủ, tôi cũng cười vui vẻ :

— Anh có muốn thành ra chịu khó không ?

— Có... Nhưng tôi lười lắm.

Nói thế, nhưng một lúc sau chàng đã xắn tay áo, tìm khăn lau giúp. Tôi hỏi :

— Anh Tuấn không đi chơi à ?

— Đi chơi đâu ?

Cứ cái lối nói như « cần » người ta vậy ! Tôi hỏi nữa :

— Anh không có bạn à ?

— Có... Nhưng tôi lười lắm,

Tôi cười ngoặt ngoẹo, hỏi vặn :

— Thế tại sao anh lau cửa ?

— Muốn làm thử xem sao.

— Vậy ra anh muốn thử xem sao chứ không phải chịu khó. Vậy anh có muốn thử đi chợ xách đồ không ?

— Cũng được. Bao giờ đi cho tôi biết.

— Sáng mai. Chủ nhật nào tôi cũng phải đi chợ, thay phiên cho chị Liên.

Thế là chẳng mấy chủ nhật Tuấn không đi chợ với tôi. Không dám để chàng xách đồ, song bao giờ chàng cũng vác hộ tôi mấy gói nặng nhất. Đi thì đi, về thì về, chẳng bao giờ chàng nói chuyện ở dọc đường, chẳng bao giờ hỏi tôi có mệt không. Có hôm tôi cho là chàng ngớ ngẩn, có lần tôi lại kết luận chàng hà tiện lời nói. Đôi khi hiền lành hơn, tôi nghĩ chàng có một tâm sự buồn. Nhưng muốn nghĩ gì tôi vẫn để chàng được tự do im lặng.

Nhưng, (dời vẫn có chữ nhưng !) một lần về đến nửa đường. Tuấn đi chậm lại và hỏi tôi có mệt chân không. Tôi nghĩ thầm :

— « Chắc anh chàng mệt lắm nên mới hỏi mình như vậy. »

Tôi hỏi Tuấn có mệt không thì chàng chỉ chiếc ghế ở bờ hồ, nói :

— Không mệt, nhưng chỉ muốn ngồi xuống đây...

Tôi kinh ngạc kêu lên :

— Ngồi xuống đây sao được !

— ... Và không về nữa.

Tuấn đứng lại. Nét mặt trở nên mơ màng, xa xôi. Tự nhiên tôi cảm thấy sợ. Và tôi nói với vẻ bối rối :

— Anh ngồi đây, tôi về trước vậy nhé.

Mặt Tuấn bỗng ửng đỏ, nói vội :

— Đùa một tí. Ai lại ngồi đây bao giờ.

Rồi vừa đi Tuấn vừa nói chuyện. Lần đầu tiên chàng hoạt bát đấy.

— Cô Dung có biết trận đánh nhau này gọi là gì không?

Tôi nhìn chàng và lắc đầu :

— Chịu. Gọi là đánh nhau.

— Kể ra chỉ là giặc. Nhưng đối với một nước nhỏ như nước mình, dù người Pháp đã ở ngay trong nước, cũng nên gọi là chiến tranh. Cô có thấy không, mặt trận rộng dần...

Tuấn nói nhiều lắm. Tôi nghe rất chăm chú... không ngắt lời chàng và cũng không hiểu gì hết ! Tuấn hỏi gì cũng không biết. Cuối cùng tôi nói :

— Giặc, chiến tranh nóng, chiến tranh lạnh, dành độc lập gì nữa, tôi không hiểu bởi vì không muốn hiểu. Tôi chỉ muốn không có chiến tranh, và người Pháp đi khỏi đây. Chắc anh cho là tôi ngu và nhút nhát lắm. Nhưng tôi không muốn giết nhau, không muốn làm khổ lẫn nhau. Chết vô ích quá ! Tôi chỉ muốn hòa bình, thế thôi.

— Thế thì phải tranh đấu.

— Thì tranh đấu. Nhưng tôi không muốn đổ máu, tôi không hiểu gì hết...

— Không hiểu thì phải tìm hiểu.

— Hiểu để làm gì ?

May sao vừa về tới nhà, Tuấn lại trở lại thăm li. Nếu không chắc không thoát khỏi chiến tranh giữa tôi và chàng.

Một điều tôi đã nói trước là không muốn. Tôi làm cơm có biệt tài về món cháy và mặn. Hễ có mặt tôi ở trong bếp là y như có mùi khét lẹt. Vì vậy chủ nhật nào tôi cũng được nghe mẹ nói :

— Con gái vụng đâu mà vụng thế ! Bữa nào cũng cháy với mặn. Rồi ra ai dám rước ?

Tôi nghĩ mình đâu có vụng đến thế. Thật vậy. Nếu canh không cho quá tay nước mắm chắc rất ngon, món thịt bò xào không để quên trên bếp than hồng quá sẽ rất khéo. Tại tôi cho quá tay nước mắm, tại để quên chứ đâu phải vụng ! Vậy mà cả nhà chẳng ai bênh. Ai cũng về hòa với mẹ để pha trò mới tức chứ. Nhưng đấy là chuyện về trước. Bây giờ hễ món nào mẹ kêu vụng, không ai ăn, dù cháy khét hay mặn đắng chính tôi không nuốt nổi, vẫn hết như thường. Cứ món nào bị chê là y như Tuấn ăn cho bằng hết. Ăn một cách ngon lành, vui thích chứ không phải miễn cưỡng hay... làm phúc đâu. Tại vì cơm cũng hết nhiều hơn.

Tôi cho là vì ngon miệng nên Tuấn ăn được. Nhưng chị tôi không đồng ý, bảo rằng phải ăn nhiều cơm cho trôi cái mặn đắng và cháy khét. Đã hết đâu. Chị còn bảo Tuấn thương hại tôi. Im đi thì hậm hực, mà cãi với chị bao giờ tôi cũng đuối lý. Theo ý tôi, chả ai dại ngu đến nỗi thương hại kiểu ấy.

Chị chỉ cười rất đáng ghét và nói một cách rất đáng tức :

— Thương thì ngu đến nỗi ấy đấy.



THẮM thoát đã sắp tới nghĩ hè. Tuy bạn học thi, song tôi vẫn nhận thấy dạo này Tuấn có vẻ buồn buồn. Chàng hay xuống dưới nhà, nhưng chỉ ngồi yên lặng, không làm và cũng không nói gì hết. Thỉnh thoảng lại thở dài. Đôi khi tôi bắt gặp Tuấn ngồi nấp sau cánh cửa sổ nhìn tôi đi lại ở ngoài sân. Vẻ buồn buồn của chàng làm tôi áy náy, không yên tâm và cứ băn khoăn thế nào. Mà có gì áy náy, băn khoăn, sao tôi cũng phải hỏi :

— Chị ạ, anh Tuấn dạo này làm sao mà có vẻ buồn quá

— Anh ấy nhớ nhà chứ gì.

— Chả có lẽ. Sắp được về nhà rồi, việc gì phải buồn.

— Hay nhớ ai. Nhớ « sẵn ».

Càng ngày tôi thấy chị đáng ghét. Cứ cái lối trả lời khiêu khích như vậy ! Song tôi cố nén tức, hỏi thêm một câu cho trí tò mò được thỏa mãn :

— Cho rằng nhớ ai, hết hè lại gặp chứ sao ?

— Nhớ không gặp nữa thì sao ?

Tôi không thèm hỏi nữa. Không hỏi, song vẫn áy náy, vẫn băn khoăn. Sau cùng, không được, tôi đã hỏi Tuấn :

— Anh nghĩ gì thế ?

Tuấn không trả lời. Chỉ cười đầu. Tôi lại hỏi :

— Anh có chuyện gì buồn phải không ?

Tuấn nhìn tôi. Cái nhìn làm tôi bối rối và có cảm giác sợ sợ như hôm nào, lúc đi chợ về tới bờ hồ. Tôi đã bỏ đi chỗ khác.

Tối hôm ấy, sau khi ăn cơm, tôi ra đóng cổng ngoài. Khi trở vào, chợt thấy bóng người thấp thoáng dưới gốc cây mít, cạnh rào. Tôi vội dừng lại. Nhờ ánh đèn ngoài đường chiếu vào, nhận ra Tuấn tôi mới hoàn hồn, hỏi :

— Anh Tuấn làm gì ở ngoài này thế ?

— Tôi... à, không. Ở ngoài này chơi thôi.

— Anh ác quá. Làm tôi hết cả hồn, tưởng là trộm. May sao vẫn ông trộm hôm nào.

— Chắc có ghét thằng ăn trộm ấy lắm.

Tuấn cười. Tiếng cười của chàng làm tôi ngạc nhiên. Nhưng chàng đã nói sang chuyện khác :

— Đã tới hè. Tôi sắp về...

— Anh có mong về không ? Tôi ước được đi xa để mong...

Tôi ngừng giữa câu, kinh ngạc khi nhận biết Tuấn nhìn mình rất lạ. Cái nhìn làm tôi bối rối, sợ hãi hơn những lần

trước. Tôi muốn bỏ vào trong nhà. Nhưng Tuấn đã bước lại gần, nói rất nhanh và nhỏ :

— Dung, tôi không muốn xa Dung !

—Ồ, Anh Tuấn...

Tôi kêu lên và bỏ chạy vào trong nhà. Mặc Tuấn đứng ngẩn ngơ như người nhớ tàu dưới gốc cây mít. Đêm hôm ấy, tôi lại mơ thấy gặp Tuấn dưới gốc cây mít, trong vườn tối um. Tôi lại thấy chàng nhìn tôi, tiến lại gần và nói :

— « Dung, tôi không muốn xa Dung ! »

Tôi sợ hãi kêu lên. Thì ra một giấc mơ. Tim tôi còn đập rất mạnh. Trong đêm tối, nửa bàng khuâng, nửa kinh hãi, tôi muốn có người để nói chuyện. Tôi có cảm giác bơ vơ lạc lõng. Nhìn chị nằm bên đang say giấc ngủ, tôi muốn gọi chị. Nhưng tôi chỉ nằm yên. Yên lặng không nhìn, không nói với bất cứ ai cho tới ngày Tuấn đi.

Tuấn đi rồi, đôi lúc tôi thấy nhà vắng vẻ và hay buồn vô cớ. Có nhiều lúc tôi nhớ mong vợ vẫn, những lúc ấy tôi muốn Tuấn trở về. Tôi mong chóng hết hè, hy vọng chàng sẽ tới. Nhưng mỗi lần nghĩ đến Tuấn, tôi lại nhớ tới câu nói tối nghĩa của chị :

— « Nhớ không gặp nữa thì sao ? »

Tại sao lại nhớ không gặp nữa ? Không hiểu, nhưng tôi không hỏi. Tự nhiên tôi thấy có nhiều thứ không nên hỏi, đừng cho ai biết. Cũng như đêm nào nhìn chị ngủ say tôi muốn gọi để nói chuyện cho hết bàng khuâng, cho đỡ bơ vơ lạc lõng mà tôi chỉ nằm yên.

Rồi hè hết, niên học mới bắt đầu. Vẫn không thấy Tuấn. Cuộc đời cứ trôi đều đều, bình thản như không có gì đáng chú ý, như Tuấn chưa hề đến nhà tôi. Nhưng tôi vẫn nghĩ đến chàng, vẫn văng vẳng bên tai một câu nói trở nên tha thiết :

— « Dung, tôi không muốn xa Dung ! »

Ngày tháng qua, tôi vẫn mong chàng đến, hy vọng chàng trở lại. Vẫn cảm thấy nhà vắng vẻ, hay buồn vô cớ... Cho tới một ngày kia, khi tôi cắt bỏ mớ tóc dài, bắt đầu đòi mua dép

cao gót, chỉ mặc áo may vừa người, làm bếp không mặn và cháy nữa. Ngày ấy tôi đã tìm ra lý do sự mong nhớ, duyên cớ sự buồn vợ vẫn : « Tôi cũng không muốn xa Tuấn. » Thời gian vẫn qua. Từ Bắc vào Nam, từ Saigon lên Đalat, càng ngày tôi càng mong chàng đến, hy vọng chàng trở lại. Càng ngày tôi càng cảm thấy nhà vắng vẻ, hay buồn vợ vẫn. Buồn bao nhiêu không muốn xa Tuấn bấy nhiêu. Đôi lúc buồn quá, tôi muốn có người để nói chuyện, để hỏi thăm Tuấn. Nhưng cũng như ngày xưa. Chỉ muốn chứ không thể nói hay hỏi. Có nhiều thứ không nên nói cho ai biết. Nhiều thứ đừng nên hỏi bất cứ ai. Và cũng như ngày xưa Tuấn ngồi sau cánh cửa nhìn tôi đi lại ở ngoài sân, bây giờ tôi cũng hay ngồi sau cánh cửa, nhưng chỉ nhìn một bóng người khoác áo thời gian.

Thế rồi có một hôm Tuấn gửi thư, cho biết ngày sẽ tới...



TUỞNG tượng tới lúc trông thấy chàng xách va ly đứng trước cửa, tôi chạy ra đón. Tôi sẽ chạy ra trước khi chàng có thì giờ dơ tay ấn vào nút chuông, tôi sẽ không để chàng vấp vào bậc thềm và đánh rơi mũ như ngày nào. Tôi sẽ gọi tên chàng. Gọi một cách tỏ hết sự tưởng nhớ trong bấy lâu, không chút dấu điểm, không chút dè dặt. Rồi chúng tôi sẽ nhìn nhau, nhìn lâu bằng quãng thời gian xa cách. Một cái nhìn thay cho bao lời nói đã để dành trong bấy lâu. Tôi sẽ dơ tay chàng nắm lấy. Chúng tôi cùng đi vào. Tay trong tay, chúng tôi đi thẳng tới con lầu đưa tôi bên hạnh phúc.

Có một con tàu chuyên môn đi đón những kẻ yêu nhau thành thật tới bến hạnh phúc. Lần này tôi quyết không để lỡ chuyến tàu ấy.

Kim chỉ phút của chiếc đồng hồ treo tường đã quay được một phần tư vòng. Có tiếng xe đỗ trước cửa. Không cần biết xe ai, tôi chạy vội ra hiên. Tiếng mở cửa rồi đóng. Có bóng người thấp thoáng trước cửa. Đúng rồi. Chưa trông thấy người tôi đã chắc là đúng. Tim tôi đập loạn lên. Con đường từ bậc thềm tới cổng hôm nay sao dài quá ! Tôi chạy

nhanh đến nỗi khi tới nơi phải vịn vào cửa. Y như khi hãm phanh xe đạp vậy. Nhìn qua khe cửa, tôi thấy một người hơi cúi xuống. Đúng Tuấn của tôi rồi. Kia, chàng đã ngừng lên. Trông chàng có vẻ già dặn hơn, đẹp trai hơn nữa. Nhưng đúng là người tôi vẫn mong chờ, vẫn tưởng nhớ. Thời gian có thay đổi gì đâu.

Cánh cửa vừa mở, tôi định reo lên cái tiếng siết bao thiêng liêng, êm dịu đã thầm gọi bao lâu nay thì chợt nhận thấy ở sau Tuấn còn có ai nữa. Tuấn đã nhận ra tôi. Chàng gọi một cách mừng rỡ :

— Cô Dung !

Tôi chỉ hơi gật đầu. Còn đang mãi nhìn người ở sau chàng hiện dần ra. Một người đàn bà trẻ và đẹp, « sắp » có con. Tự nhiên tôi nhủ thầm :

— « Chắc chị dâu Tuấn. »

Tôi niu vào ý tưởng đó như người sắp chết đuối vớ được cái phao. Tôi muốn nhìn lại chàng và gọi tên nhưng mắt vẫn không rời người đàn bà. Cái người tôi không muốn biết ai, không có can đảm tìm hiểu người ta là ai. Vẫn biết rồi sẽ biết, song tôi muốn dời cả cuộc đời để dừng tới lúc sẽ biết ấy. Linh tinh đang nói, nhưng tôi đã bịt tai lại. Có cách nào diễn tả nỗi tâm trạng của tôi lúc ấy chẳng ?

Một cơn gió lạnh lướt qua. Những cánh anh đào nở muộn rơi lả tả trên mặt đường, via hè. Màu hồng dịu của anh đào khi tàn ủa trở nên đỏ sẫm và tai tái. Tuấn và người đàn bà đứng trước mặt tôi. Trông dáng họ đứng bên nhau, tôi cảm thấy cái phao mình vừa nắm được sắp nổi tung. Rồi chính Tuấn đã làm phao nổi, khi chàng quay nhìn người đàn bà đứng bên, nói một cách âu yếm :

— Đây, cô Dung mà anh vẫn nói chuyện với em.

Tôi nhìn Tuấn, nhìn người đàn bà. Nhưng chỉ thấy màu đỏ tai tái của những cánh anh đào vừa rụng, nằm lẫn lộn trên via hè, trên mặt đường. Tôi có cảm tưởng đó là những mảnh vỡ của trái tim tôi.

Mặt trời miền núi thán nhiên trải trên cảnh vật những tấm lụa vàng vá vuu, chỗ đậm chỗ nhạt. Nhìn màu vàng của

nặng, tự nhiên tôi không muốn chết đuối. Tôi nhìn Tuấn, gọi tên và kêu cứu. Chỉ một hơi thở dài thoát ra. Tôi thấy người đàn bà nhìn tôi và níu tay Tuấn. Kỳ lạ chưa ! Tôi thấy rõ ràng cách người ta níu tay Tuấn giống hệt như khi tôi vớ được cái phao níu lấy. Cũng cái dáng sợ chết, muốn, kêu cứu như tôi. Chắc không ai lôi được Tuấn ra khỏi bàn tay ấy, cũng như không ai lôi được cái phao ra khỏi tay tôi.

Chóng mặt, mệt rã rời. Tôi dựa vội vào cánh cửa. Tôi nhìn Tuấn đứng trước mặt, nhìn Tuấn khoác áo thời gian ngồi sau cánh cửa. Tôi nhìn như người sắp chết đuối dương mắt nhìn sự sống một lần cuối cùng, trước khi buông tay chìm vào lòng nước. Bên tai tôi văng vẳng một tiếng nói đã trở nên xa xôi mơ hồ, xa xôi và mơ hồ như tiếng nhạc của thần tiên xuống đón một linh hồn về trời :

— « Dung, tôi không muốn xa Dung ! »

Tất cả đều trở nên xa xôi, mơ hồ. Sau cái xa xôi mơ hồ ấy, bóng một con tàu vùn vụt chạy. Tôi chỉ đứng yên nhìn nó chạy. Không thể níu lại, cũng như không thể níu thời gian lại.

Như một người đến bến trễ, nhớ chuyến tàu cuối cùng phải trở về nhà, sống như vẫn sống, tôi nói một cách an phận và biết điều :

— Mời anh chị vào chơi trong nhà.

Đi trở vào, không tư tưởng thành hình trong trí óc. Ngơ ngẩn và luyến tiếc. Tâm trí còn mơ tưởng bóng một con tàu không gặp.

Thì ra chuyến tàu đưa tới bến hạnh phúc chỉ đến đón có một lần. Tôi đã để nó đi qua từ bao giờ. Bây giờ muốn gặp mới biết đã trễ.

TUYẾT HƯƠNG

HOÀI KHANH

Trong ý mùa thu

RỪNG hoang mang, nhớ mưa chiều
Ghềnh xa rầu rợn hiu hiu tiếng buồn
Chiều nay muốn ý tha phương
Nghe đồng vọng lại dưới nguồn suối xanh
Nghe thu làm lá rơi cành
Nghe uơn ướn lệ dưới thành mi đau
Ai nghìn xưa, ai nghìn sau ?
Tháng năm vàng xuống bờ lau tội tình
Thương làm sao nỗi thân mình ?
Mà thương cho cả thế tình cũng đau !



Bàn tay nhỏ quá đi rồi
Trái tim cũng lạnh cả trời mệnh mang
Đem theo trăng nhớ rừng ngàn
Là đem trăng cả điệu đàn quanh hiu
Là say trong vạn hồn chiều
Nghe mùa gầy đổ dưới nhiều bến sông
Đón mùa còn một tấm lòng
Tình ơi như lũ nước ròng nữa sao ?

TRỤ VŨ

Bên thêm

Tôi không dám động nữa
Sợ tan ánh trăng rằm
Tôi cũng không dám thờ
Hình em e biến tằm

Tôi cũng không dám hôn
Sợ tuổi mười lăm mất
Tôi cũng không dám ôm
E mộng thành sự thật

Tôi cũng không dám ngừng
Những dòng tình lệ lại
Vì em sẽ quay lưng
Khi thuyền tôi lơi mái

Tôi cũng không dám ngỏ
Những câu chuyện của lòng
Tôi sợ mà em rõ
Mất em chẳng còn trong

Tôi sợ em từ chối
Mà sẽ bảo rằng không
Tôi sợ em nghe vội
Sẽ nói: « Em vui lòng »

Tôi sợ em từ chối
Lá thu sẽ rụng bằng
Tôi sợ em nghe vội
Còn chỉ tuổi mười lăm ?

TIỂU DẪN

Xuân không mùa

*Tiểu tự lòng dầu khan bất cải
Gia sơn hồi thủ cánh tiểu nhiên (1)*

DƯƠNG-THẠC

THỜI GIAN : Từ tối ba mươi đến lúc giao thừa.

KHÔNG GIAN : Câu chuyện xảy ra tại một biệt thự sang trọng, gần một con đường náo nhiệt nhất Đô-thành.

NHÂN VẬT : **Tùng** : 35 tuổi, nhà kinh doanh, yếu vợ kín đáo.

Liên : 29 tuổi, vợ của Tùng, yếu chồng lãng mạn.

Hoàng : 32 tuổi, bạn học cũ của Tùng nhiều tình cảm.

Thúy : 25 tuổi, người yêu của Hoàng hay suy nghĩ.

LỚP I

Cảnh nhà giàu tân tiến, nhưng lối trang hoàng, bài trí nói lên sự đều hòa miễn cưỡng về tâm hồn giữa hai vợ chồng chủ nhân. Giữa nhà, một bộ xa lông tối tân có lọ hoa thanh nhã, hai bên tường, tranh ảnh đẹp, treo đúng chỗ. Phía trong, ở giữa, bàn thờ uy nghiêm. Bên trái, một bàn viết đồ sộ nằm ở hướng cửa thông qua nhà ngang, trên bàn đầy hồ sơ giấy tờ. Bên phải cửa phòng hé mở cho thấy hình dáng một tủ sắt lớn bên trong.

(1) Cụ Huỳnh-Thúc-Kháng dịch : Năm theo đường cũ xoay vần mãi
Núi khuất, nhà xa, thôn thức đường.

LIÊN — rồi TÙNG

Liên (ngồi ở xa lòng, một tập an bum, đặt trên đầu gối, nhìn về phía trong). Chưa xong à ? Ăn mút uống trà rồi hăng đi anh nhè !

Tiếng Tùng (vọng ra từ trong phòng) Sắp xong ! À, quần áo anh đem ít thôi, em nhè !

Liên (nhún vai) Tùy anh.

Tiếng Tùng (càu nhàu) Cái kẹp này dày cộm, bức quá !

Liên (nhấn mặt) Anh đi thăm thầy me rồi vào ngay chứ đem theo giấy tờ công việc làm gì ! Làm cả năm rồi, nghỉ mấy ngày Tết chứ anh !

Tiếng Tùng (cười) Ăn Tết chứ ! Nhưng trong lúc đi đường, không làm gì, anh xem lại ít việc đang làm.

Liên (thở dài nhẹ) Thôi, thôi. Ông tương ơi ! Xong chưa ?

Tùng (xách chiếc va li ra, đặt gần xa lòng) Đây ! Ra đây rồi (nhìn sững trên bàn)Ồ ! Mút đâu ? Anh vội đi mà !

Liên (liếc nhìn chồng, dịu dàng) Thì đợi anh ra đã chứ ! Nào, anh ngồi đi. Em lại dọn mút (thong thả đặt an bum xuống bàn, đi vào trong).

Tùng (nhìn theo há miệng toan nói, lại thôi. Một lát) Em ! Em đâu ?

Tiếng của Liên (từ trong vọng ra) Em đây ! Em ra bây giờ !

Tùng Một đĩa mút thôi mà ! Gì mà chậm thế !

Tiếng của Liên (kêu lên vui vẻ) Ối Giời ! Gọi nhắng lên thế ! Em ra đây !

Tùng (nhóm lên rồi ngồi xuống)Ồ Đâu nào ?

Liên (bưng một đĩa mút ra) Đây rồi, Ngài ơi ! (đặt đĩa mút lên bàn, chọt kêu) Quên ! Còn bình trà ! (chạy vào lại).

Tùng (lắc đầu lăm bằm) Liên sẽ quên luôn cái gì nữa đây ?

Liên (bưng bình trà và khay tách, đặt xuống bàn, sửa lại đĩa mút) Anh ăn mút (Tùng cầm một nhánh mút gừng) Anh xem nước đường vừa không ?

Tùng (nhắm nháp mỉm cười) Vừa lắm ! Liên của anh làm mứt thì khỏi phải nói.

Liên (mắt sáng lên) Anh nói gì ?

Tùng (Dịu dàng) Anh bảo em làm mứt thì khéo đứt đi rồi.

Liên (tươi cười) Hình như anh nói khác mà !

Tùng (vẫn dịu dàng) Anh chỉ nói thế.

Liên (vẫn tươi cười) Vâng, cũng ý đó nhưng hình như anh nói cách khác.

Tùng (hơi cau mày rồi dịu dàng) Thì nói thế nào chả là nói ! Em ăn mứt đi chứ.

Liên (cầm mấy miếng mứt bí) Vâng. (trầm ngâm) Anh này, anh hiểu không ? Từ lâu lắm rồi, em mới được nghe anh nói những lời như anh đã nói ban nãy...

Tùng (vuốt tóc Liên) Ồ, em cứ nghĩ...

Liên ...Cho nên em muốn được nghe lần nữa những lời không mấy khi được nghe... Chúng ta già đi nhiều, anh hiểu không, trong khi chúng ta còn trẻ...

Tùng (bật cười) Thì chúng ta vẫn còn trẻ, ít nhất là em, nhưng (thoảng suy nghĩ) Anh thông cảm... Suốt năm bận bịu công việc, không mấy có thì giờ săn sóc em.

Liên (ngâm nghĩ) Rồi sang năm và những năm sau nữa vẫn thế (thở dài) và rồi em chỉ đành tự an ủi với một vài lời tử tế cuối năm của anh...

Tùng (hơi cau mày) Kia em nói gì mà buồn thế ? (nhìn đồng hồ) Thôi bây giờ anh phải... (đưa tay vói lấy bình nước trà).

Liên (nhanh nhẹn đỡ lấy bình trà) Anh ăn nữa. Để em rót (rót chậm chậm trà vào tách).

Tùng (nhấp trà nhăn mặt) Nóng quá cho anh chai nước lọc đi !

Liên (hơi cau mày rồi dịu dàng) Anh đùa thế ! Uống trà nóng mới ngon chứ ! Thiết Quan Âm đấy anh ạ. Thơm không ?

Tùng (sốt ruột) Thơm ngon lắm nhưng bây giờ anh phải đi (dậm đứng lên).

Liên (tươi cười đứng lên trước) Khoan đã anh ạ (Tùng ngồi lại) Anh đem gì về biếu thầy mẹ ?

Tùng (hơi bực mình) Thì những món quà mà chúng ta đã sắm! Mứt, rượu, pháo, bánh, hạt dưa...

Liên Gì nữa ? (Tùng cau mày lặng yên, Liên mỉm cười) Anh này em có ý kiến thế này, anh bảo sao?... Hay là.., anh ở nhà đến mừng ba, mừng bốn anh sẽ ra thăm thầy me. Có lẽ thầy me em cũng hiểu là anh bận quanh năm, Tết ở nhà với em... Thầy me không chấp trách anh đâu !

Tùng (đứng phắt dậy cười gằn) Như thế sao phải. Em nên nhớ rằng suốt năm anh không có dịp về hầu thăm thầy me.

Liên (buồn rầu) Cứ như thế này thì anh không còn thì giờ nào dành cho chúng ta cả. Anh phải nghĩ lại đi. Em tin thầy me chỉ muốn cho chúng ta có hạnh phúc.

Tùng (nắm va-li lắc đầu) Không được ! Anh phải đi cho đúng đạo nghĩa rề con. Cả năm đã không về rồi !... (bước tới trước Liên, dịu dàng) Em ở nhà nhé ! Muộn là chiều mai mừng một anh về.

Liên (đứng lên) Cả năm chỉ có thiêng liêng có phút giao thừa. Cũng như năm qua em phải đón Xuân một mình !

Tùng (mỉm cười ôn tồn) Phút giao thừa ở nhà thầy me anh sẽ nghĩ đến em, tâm hồn anh sẽ ở bên em.

Liên (lim dim mắt mơ màng, yên lặng một lát) Anh nhất định đi ?

Tùng (dịu dàng) Anh đi ngay bây giờ. Thôi em ở nhà (bước ra thật nhanh).

Liên (thở dài quay lại nhìn gian phòng) Vàng, anh về thật sớm nhé. Em kính gửi lời... (quay ra im bật, tiếng động cơ xe hơi nổ rồi vút ra) Đi mất rồi còn gì ! (ngồi xuống ngã mình trên thân ghế).

LỚP II

TIỀN — bót TÙNG thêm THÚY

Thúy Làm gì đấy chị Liên ?

Liên (ngồi ngay lại, vui vẻ) Thúy đấy à ? Làm gì đâu ! Đang vắng, Thúy đến phải lúc quá !

Thúy (ngồi xuống hỏi nhỏ) Anh đâu ?

Liên Đi rồi, mới vừa đi thì Thúy qua.

Thúy (hơi cau mày) Tết anh vẫn không ở nhà !

Liên Anh Tùng ra thăm thầy me tôi. Cả năm anh bận, Tết phải về thăm, anh bảo không cò dịp nào nữa.

Thúy Bao giờ anh về ? Ăn Tết ngoài ấy à ?

Liên Anh ấy định trưa hay chiều là chiều mai mồng một về. Nhà thầy me tôi không xa đây lắm. Nhưng biết chừng đâu, nói nhất định thế rồi gặp trở ngại nhị định cũng nên.

Thúy (nhìn Liên đăm đăm) Hình như chị buồn !... (thấp giọng) cũng phải. Em thông cảm.

Liên Thúy giữ lời hứa hôm trước nhé. Ở chơi với tôi đêm nay. Ta cùng rước Xuân.

Thúy Vâng, Xuân về nhà trọ chẳng bao giờ vui. Em kinh nghiệm rồi. Thành thử hôm trước em nghe chị bảo, em vui lắm. Nhưng chốc nữa em về có tí việc rồi qua lại.

Liên Được. À, rước Xuân một mình ở nhà trọ như Thúy nó thế nào nhỉ ? Thúy bảo kinh nghiệm là kinh nghiệm ra sao ?

Thúy (mơ màng) Khó nói quá ? Để em liệu cách... Này chị Liên ! Có bao giờ chị ngồi yên, trước phút giao thừa, lắng nghe mùa Xuân đi tới ? Mấy năm rồi, em đã có như thế và điều đáng nói là không bao giờ tâm trạng này của em trở thành quen thuộc đến chán chường... Thế này... Chị hẳn nhớ rằng trước phút giao thừa có một sự yên lặng đầy ý nghĩa...

Liên (mơ màng) Đúng thế,

Thúy ...Trong nhà người ta đi, lại nhẹ nhàng, nói năng nhỏ nhẹ, ngoài đường bao nhiêu âm thanh ồn ào, hỗn độn cũng tắt biến đi từ lúc nào... Chị Liên ạ em thấy hình như mỗi năm chỉ có lần này, một sự đồng tình lớn lao diễn ra.

Liên Giữa trời đất và con người ?

Thúy Vâng. Thế rồi mình ngồi trong yên lặng rình rập ? Đón chờ Xuân. Đúng hơn là đón chờ tiếng pháo đầu tiên báo hiệu Xuân về...

Liên (mỉm cười) Tôi cũng có tâm trạng ấy nhưng... Chưa chắc người khác thấy như vậy. Người ta lo cúng kiến rồi đốt pháo. Ai rảnh rang như mình Mấy năm nay Xuân chỉ chính thức về với tôi khi anh Tùng về cùng, đốt tiếng pháo đầu tiên (ngậm ngùi) Thành thử Xuân về trong trời đất lắm lúc chưa phải đã chính thức về với mình.

Thúy (thở ra) Thế là em khỏi nói thêm. Chị đã có những cảm nghĩ như em... Lạ lòng chị nhỉ, tại sao mà tiếng pháo reo vui chỉ tỏ đậm thêm nỗi vắng lạnh trong lòng mình ? (cúi đầu suy nghĩ, chợt kêu lên) Ua ! Mà sao chị lại đồng tâm trạng như em được ?

Liên (cười buồn) Đó là vấn đề khác. Có dịp. Thúy sẽ hiểu hơn về chúng tôi. Nhưng chưa chắc Thúy và tôi đồng tâm trạng đâu nhé ! Tôi mong Thúy cho biết Thúy nghĩ gì, nghĩ đến ai trong giờ phút Xuân về.

Thúy (mơ màng) Chị cũng thế nhá !

Liên (cười) Vàng. Rồi đến lượt tôi. (cười to) Nhân loại bao giờ cũng yêu chuộng công bình ! Có đi có lại...

Thúy (cũng cười) Chị cứ nói thế ! À... chị hỏi... vậy... mỗi năm sắp đến phút giao thừa em nghĩ đến thầy me em, những bạn bè thân quyến đã mất hay còn mà sống xa cách...

Liên (mỉm cười) Ông bà cụ mất rồi còn bạn bè thân quyến thì... vàng, có thể như thế nhưng Thúy còn nghĩ đến cái gì nữa, thiết tha hơn, quan trọng hơn...

Thúy (đỏ mặt, lẩm bầm) Không hiểu em có nên nói với chị không ?

Liên (thân mật nắm cánh tay Thúy siết mạnh) Sao lại không ? (cười) Rồi đến lượt tôi (mơ màng) không hiểu vì đâu mà tôi thấy cần cởi mở nỗi lòng !... (lẩm bầm) Tùng không bao giờ chịu hiểu !

Thúy Chị nói gì ? Không à ? (suy nghĩ) Chị à, cách đây ba năm em có quen biết một người. Người ấy hơn em bảy tuổi. có nhiều linh tốt hợp đối với em. Chúng em yêu nhau nhưng rồi tình yêu vấp phải trở lực cổ điển ; trước khi gia đình em gặp nạn hỏa tai thiêu rụi gia tài, thầy me em khá giàu còn anh ấy thì nghèo...

Liên (lắc đầu thở ra nhè nhẹ) Bức tường vạn lý !

Thúy Vàng. Hỏi em không được, anh ta ra đi lập nghiệp, hẹn ngày trở về đủ giàu sang để làm vừa lòng thầy mẹ em. Một năm sau, anh về đúng vào lúc giao thừa, vẫn tay trắng. Thầy mẹ em bắt đầu cảm động vì quyết tâm chờ đợi của em. Em van nài anh ấy đặt lại với gia đình em vấn đề cầu hôn.

Liên Phải lúc quá !

Thúy (mỉm cười buồn) Chúng ta không hiểu đàn ông. Xin lỗi chị, em nói một cảm nghĩ của em như thế... Anh ấy không làm theo ý muốn của em và của chị. Anh ra đi trở lại...

Liên (lầm bầm) Cũng chạy theo đồng tiền !

Thúy (buồn rầu) Vàng. Rồi từ đó đến nay anh ta bất tin.

Liên (yên lặng ngẫm nghĩ. Một lát) Tôi tưởng như đoán hiểu lòng Thúy phần nào. Cứ mỗi năm đến phút giao thừa, Thúy chờ Xuân với hy vọng đón người về...

Thúy (lắc đầu) Em tưởng không hẳn đúng thế (ngậm ngùi) Thật em cũng chưa nhận rõ lòng em. Anh ấy có yêu em không ? Nếu yêu thì sao cứ để thời gian trôi mất mà không ngại em thay dạ đổi lòng ? Tin em trung thành ư ? Sao không ngại em có thể hoài nghi về sự đổi thay nơi anh ấy ?

Liên (buột miệng) Như anh Tùng !

Thúy Chị bảo anh Tùng như thế nào ?

Liên (mỉm cười buồn bã) Chưa đến tôi. Hằng tiếp tâm sự của Thúy, Thúy à... Tôi thấy Thúy băn khoăn nhiều mà còn băn khoăn như thế thì Thúy còn...

Thúy (nhìn Liên van nài) Thôi chị ạ, Chị đừng nói thêm nữa, em van chị (giọng đầy nước mắt) Em cứ một năm đợi một mùa Xuân... (lắc đầu) không bao giờ đến ! (cúi đầu yên lặng một lát, đứng dậy) Thôi bây giờ em về đã chị nhé !

Liên Ủa ! Thúy !

Thúy (mỉm cười) Chốc nữa em sang. Em đã nói với chị ban nãy mà...

Liên Nhưng...

Thúy Không. Chị đừng nghĩ gì cả. Câu chuyện tuy có gọi cho em buồn, nhưng rồi cũng làm cho em bớt khổ. Được nói với chị... (cao giọng) Về nhé ! Chốc nữa ! (nhìn đĩa mứt vui vẻ) Kia ông bà đã thưởng Xuân sớm hơn mọi người rồi đấy à ?

Liên (mỉm cười buồn) Không, à vâng... Tôi cố giữ anh Tùng ăn mứt trước khi anh ấy đi... (tần ngần, trong khi Thúy đi ra) Thúy à, Thúy còn nhớ câu thơ « Đầy đĩa mùa đi nhạc hải hà » ? Tôi thấy mùa Xuân... (ngẩng lên) Ừ ! (thở ra) Thúy đi rồi ! Thêm một người không có mùa Xuân !

LỚP III

LIÊN bớt THÚY, thêm HOÀNG

Hoàng Thưa bà, ông Tùng có nhà không ạ ?

Liên (giật mình, đứng lên) Thưa, nhà tôi đi vắng ; xin lỗi, ông là... ?

Hoàng (tươi cười) À ra chị là chị Liên,.. tôi là Hoàng. Phạm-lương-Hoàng bạn học cũ rất thân của anh Tùng.

Liên (tươi cười) À vâng, anh Hoàng. Tôi vẫn nghe anh Tùng nhắc nhở đến anh. Mời anh ngồi. (đứng dậy bưng đĩa mứt đi, rót trà vào tách) Mời anh xơi nước.

Hoàng (ngồi xuống) Vâng. Cảm ơn chị. Anh Tùng đi đâu, bao giờ về chị ?

Liên Thưa, anh ấy định trưa hay chiều mai về, nếu không có gì trở ngại, Anh ấy về thăm thầy me tôi.

Hoàng Lâu lắm rồi, kể cũng đã sáu, bảy năm tôi không gặp lại anh Tùng, Ngày lễ thành hôn của anh chị, tôi ở Lào, có đăng báo chia vui. Tôi không biết địa chỉ.

Liên Vâng. Cảm ơn anh. Chúng tôi có được đọc (thở ra, lầm bầm) Ngày thành hôn ! Xa quá rồi !..

Hoàng (Không hiền) Vâng, dễ được ba năm rồi !

Liên (mỉm cười) Thưa, ba năm hai tháng rưỡi.

Hoàng (kêu lên vui vẻ) Vàng ! Vàng ! Đúng rồi ! Anh chị thành hôn vào giữa mùa Xuân.

Liên (hơi cau mày định nói gì rồi yèn lặng, thở ra. Một lát)
Thưa anh ở đâu về đây ?

Hoàng (tươi cười) Có lẽ chị ngạc nhiên về sự đến thăm của tôi vào giờ này. Tôi ở Nam-Vang về mấy hôm nay chị ạ. Mấy hôm nay tôi đi tìm một người thân ở lục tỉnh. Không được. Về Saigon ăn Tết một mình buồn quá, tôi mới hồi thăm tìm tới đây. Bản ý tôi định đến thăm anh chị ngày mai kia.

Liên Vàng. Anh đến chơi sớm càng hay. Mời anh ở đây với chúng tôi đợi anh Tùng về.

Hoàng Cảm ơn chị. Để tôi xem lại.

Liên Anh xoi nước... Anh làm ăn ở Nam-Vang có phát tài không ?

Hoàng Cảm ơn chị. Kể cũng có tiền (thở ra, lẩm bẩm) Tiền mà làm gì ? (cao giọng) Sắp đến cúng giao thừa chị nhỉ ?

Liên Vàng. Nhưng không có anh Tùng, tôi làm qua loa... Mai anh ấy về cúng mừng một. Anh Tùng cúng kiến kỹ lắm.

Hoàng Tôi không quen cúng nhưng quen đón giao-thừa à quên, đón Xuân...

Liên Ở các nơi xa quê hương phải không anh ?

Hoàng Vàng, phần nhiều là mùa Xuân trên đất khách (thở ra)
Đêm giao thừa !...

Liên (chỉ tập am-bum trên bàn) Cách đây hai năm chúng tôi có nhận được tấm hình mùa Xuân ở Vạn-Tượng anh gửi cho một người quen đem về. Dán trong an-bum này.

Hoàng Vàng... à, anh chị có đề ý điều gì trong tấm ảnh ấy không ?

Liên (mỉm cười) Chúng tôi chỉ thấy cảnh đẹp.

Hoàng Mùa Xuân trong tấm hình ấy không có con người tham dự chị ạ. Cảnh không mà thôi !...

Liên À.

Hoàng (thở ra) ...Tôi sợ có tôi vào thì hỏng cả cảnh Xuân...

Liên (ngắm nghĩ rồi dịu dàng) Hình như anh có điều gì không vui.

Hoàng (mỉm cười buồn rầu) Có lẽ tôi làm phiền chị ở giờ phút đón Xuân.

Liên (mơ màng) Đón Xuân (ôn tồn) Thưa có, gì đâu mà anh ngại !

Hoàng (trầm ngâm) Chị... tôi có đường đột quá không, nếu tôi nói rằng tôi rất tiếc anh Tùng không có ở nhà ở giờ phút đón Xuân ?

Liên (hơi bối rối) Không à quên... à không có gì... chỗ thân tình... anh Tùng nhớ và hay nhắc đến anh...

Hoàng (cảm động) Chúng tôi thân nhau lắm. Đòi tôi chỉ quý hai người : Tùng và... (kêu lên) À, bây giờ thì đến ba đây vì được gặp chị một người đáng quý trọng

Liên (mỉm cười) Anh khéo lắm ! (suy nghĩ) Anh Hoàng ! Sao anh bảo tẩm hình chụp cảnh Xuân đẹp nhờ không có anh tham dự vào đó ?

Hoàng Tôi sắp hỏi chị... Vì sao chị không giữ anh Tùng ở nhà để chung vui giờ phút đón Xuân ?

Liên (bối rối) Tôi... tôi... (gượng cười) Nhưng anh chưa trả lời câu hỏi của tôi.

Hoàng (bối rối) Tôi..., à... tôi...

(Mấy phút yên lặng nặng nề)

Liên (dịu dàng) Anh Hoàng, nếu tôi không lầm thì anh có điều gì buồn vì mùa Xuân.

Hoàng (yên lặng trầm ngâm rồi chậm rãi) Vâng. Chị đoán không lầm. Vừa rồi tôi có nói đã về tìm một người thân... Người ấy là một người thiếu nữ... Ba năm rồi tôi ra đi... Hai năm rồi tôi không gặp lại...

Liên Vì sao anh phải ra đi ?

Hoàng Thiếu nữ ấy không bao giờ đòi hỏi. Cô ta chống lại là khác. Nhưng tôi, tôi không muốn lập gia đình mà chỉ đem lại cho người yêu một mối tình suông.

Liên (cười gằn) Phải có tiền, thật nhiều tiền !

Hoàng (không đề ý) Vàng, đúng như thế. Người ta không chỉ sống bằng tình yêu... (*Liên* thở ra) Nhưng mấy năm trời liên tiếp, tôi thất bại mãi... Ồ, chị không ở vào hoàn cảnh của tôi để tưởng tượng tâm trạng của kẻ bị thua, đêm giao-thừa, trên đất khách ! Xuân về nhưng chẳng phải về cho mình...

Liên (buột miệng) Sao anh đi về quách cho xong ! (ngẫm nghĩ) Vả thiếu nữ ấy không bao giờ đòi hỏi...

Hoàng (lắc đầu buồn bã) Tôi không dám về !... Vì tôi sợ về không trả lời được câu hỏi « Anh đã làm gì được cho em ? »

Liên (cau mày rồi ôn tồn) Anh đoán sai tâm lý thiếu nữ ấy chẳng ? Đừng về phụ nữ tôi không nghĩ như vậy.

Hoàng (giơ tay) Không ! Không phải câu hỏi của thiếu nữ, chính tôi đặt cho tôi câu hỏi ấy, trên tinh thần xây dựng hạnh phúc của chúng tôi !

Liên (lắc đầu) tôi không hiểu anh !

Hoàng (trầm ngâm) Có thể là như thế. Chị ạ, đi như vậy, tôi thành thật nghĩ rằng đó là tôi yêu thiếu nữ ấy. Vì cô ta, vì hai chúng tôi, tôi phải đạt được một cái gì...

Liên (cười chua chát) Một cái gì làm cho cả hai cùng đau khổ.

Hoàng (thở dài) Vàng, nhưng đấy là vì yêu...

Liên (lầm bầm) Vì yêu...

Hoàng Một thứ tình yêu có trách nhiệm...

Liên ...Tình yêu có trách nhiệm...

Hoàng Vàng. Vì tình yêu của người tình khác mà tình yêu của người chồng hay sắp làm chồng khác.

Liên A !

Hoàng (mơ màng) Thật ra tôi có nhiều lúc muốn quay về... Tôi cũng có một quả tim biết thêm thưởng hạnh phúc như ai..., Lắm lúc tôi muốn đá hất tất cả, quay về sống bên cạnh người yêu... Tôi thấy người ta đi lại đủ đôi, tôi thấy người ta khi đau ốm có vợ hay chồng chăm nom từng miếng cơm, chén thuốc bỗng nhiên tôi đau khổ cho tôi... Sao tôi lại lủi thủi một mình trên đường đời ?...

Liên (tầm bằm) Không một người đàn bà nào muốn cho các anh như thế cả !

Hoàng (cương quyết) Nhưng người đàn ông muốn ! (ngừng một lát) Xin lỗi chị... Tôi muốn nói rằng chúng tôi khác các bà các cô ở chỗ đó. Tôi nói gì ? À..., Vàng... Tôi đau khổ nhưng rồi tôi nghĩ đến tương lai của tình yêu, đến trách nhiệm của tôi và cố gắng vượt qua...

Liên (suy nghĩ) Anh vẫn nghĩ đến người anh yêu khi anh muốn sống xa cách như thế à ?

Hoàng (mơ màng) Hình ảnh của người ấy luôn ở trong tâm trí tôi, thúc đẩy khuyến khích tôi làm mọi sự...

Liên (mơ màng) Anh Tùng !

Hoàng Chị bảo gì ? Anh Tùng về à ?

Liên (đứng lên mỉm cười) Không (đưa tay bóp trán) Nặng cái đầu quá (dịu dàng) Anh Hoàng ngồi chơi tí nhé. Tôi xin lỗi vào trong một chút (bước đi vừa nói) À, chốc nữa có một bạn gái đến chơi. Cô ấy sẽ cùng chúng ta đón Xuân đấy anh ạ.

Hoàng (nhìn theo mỉm cười) Ai thế chị ?

Liên Mọi thiếu nữ đẹp, hiền chưa có gia đình (đi khuất).

Hoàng (mỉm cười lẩm bằm) Dễ thương chúa Xuân ! (cúi đầu mơ màng).

LỚP IV

HOÀNG — THÚY — RỜI LIÊN

Thúy (kêu) Chị Liên ơi ! Chị Liên (nhìn Hoàng phía sau) Ủa !

Hoàng (quay lại đứng phắt dậy) Thúy ! Trời ! Thúy !

Thúy (run lên lùi lại, vịn vào tường) Hoàng ! Anh Hoàng !

Hoàng (bước nhanh tới đưa hai tay) Anh tìm em đến tuyệt vọng từ bao nhiêu ngày nay.

Thúy (giơ tay tỏ ý không muốn Hoàng đến bên mình) Em bắt đầu tin rằng tình ta đã hết (cố gắng thản nhiên) Mời anh

ngồi, đây là nhà anh Tùng, chị Liên (bước nhanh vào, buông mình xuống ghế, nhìn vào trong) Chị Liên đâu anh ?

Hoàng (bước lại đứng sau chiếc ghế trước mặt Thúy, hai tay vịn vào thành ghế) Em Thúy ! Em giận anh ?

Thúy (nhìn vào trong) Chị Liên đâu rồi mà lâu ra quá nhỉ !

Hoàng (thở ra) Chị ấy hơi vàng đầu.

Thúy (nhóm dậy) Em phải vào thăm...

Hoàng (nhìn Thúy bằng đôi mắt van lơn) Thúy !

Thúy (ngồi xuống lại, nhìn xuống đất) Anh tìm em làm gì nữa ?

Hoàng (tròn mắt há miệng rồi cố gắng dịu dàng) Em Thúy, anh thông cảm rằng em giận anh nhiều nhưng...

Thúy Anh sắp nói rằng vì em mà anh bỏ phí cả một quãng thời gian ?

Hoàng Vì em và anh ! Vì hạnh phúc của đôi ta ! Em Thúy ! Xin em hiểu cho rằng lần này anh về...

Thúy (cay đắng) Để ra đi lần nữa, sau khi giới thiệu một tương lai sáng đẹp... (nghẹn ngào) và người ở nhà cứ việc đợi chờ !...

Hoàng (cầm động đi lần lại ghế, ngồi xuống) Không, Thúy ạ ! Lần này anh về và không đi đâu nữa. Anh quyết tìm em...

Thúy (nhìn Hoàng rất nhanh rồi cúi xuống) Giả như anh có quyết định ấy sớm thì có lẽ đã là điều hay. Bây giờ em...

Hoàng (nhìn Thúy trừng trừng) Em sao ? Em đã có nơi nào ? Trời ơi ! Phải thế không Thúy ?

(Thúy nhìn lên mỉm cười rồi vụt buồn rầu trở lại, Liên vừa lo ra, chợt đứng sững nhìn hai người rồi đứng nấp một bên bàn thờ. Suốt thời gian Hoàng, Thúy nói chuyện thì Liên lắng tai nghe, thái độ từ ngạc nhiên đến tò mò rồi thông cảm.

Thúy (cúi đầu, ngẫm nghĩ rồi chậm chậm) Anh đã làm nên sự nghiệp hay vẫn thất bại ?

Hoàng Kể ra không hẳn thành công, cũng không hẳn thất bại. Anh cũng có kiếm được ít nhiều để lo về tương lai

nhưng... nhưng em chưa trả lời câu hỏi của anh. Em... em bây giờ ra sao ?

Thúy (buồn rầu) Em muốn nói với anh một sự thật...

Hoàng (lo lắng) Trời !

Thúy Bấy lâu nay em đã có thời giờ suy nghĩ... Em đã thấy rằng quan niệm của hai ta về hạnh phúc có chỗ khác nhau. Anh cho tiền bảo đảm hạnh phúc...

Hoàng (toan cãi) Em cho anh...

Thúy Anh cho em nói hết... Em nghĩ về hạnh phúc khác anh... Ba năm dài đã giúp cho em thấy rõ anh và em. Cho nên từ khá lâu em đã định...

Hoàng Trời ơi ! Em đã định thế nào ? Anh van em nói ngay đi ! Em cứ nói ngay là em đã định từ hôn với anh hay hơn thế em đã có nơi nào ?

Thúy (nghe ngào) Không !

Hoàng (vui mừng) À !

Thúy (hạ thấp giọng) Em quyết ở vậy.

Hoàng Trời ! (đứng lên đi qua đi lại. Liên thụt vào) Em Thúy ! Em đùa hay nói thật ?... (đứng lại nhìn Thúy dăm dăm) Mong em cho anh biết ngay đi, nếu lời em nói đúng với lòng em thì...

Thúy (ngước lên liếc Hoàng rồi cúi xuống) Thì sao ?

Hoàng (cười cay đắng) Thì anh sẽ đi... đi đâu chưa biết nhưng chắc chắn là đi khỏi cuộc đời của em...

Thúy (ngước lên nhìn rồi cúi xuống mỉm cười) Thế thì anh nên lên đường cho sớm !

Hoàng (tái mặt, hai tay vịn vào thành ghế, yên lặng một lát rồi cố gắng giữ giọng bình tĩnh) À !... Anh hiểu... Lòng Thúy đã đổi thay rồi !... (Cúi xuống nhìn Thúy dăm dăm) Em Thúy có thể như thế không ? Có thể rằng bao nhiêu dự tính về hạnh phúc tương lai đã tan vỡ như bọt xà-bông ? Có thể rằng (nghe ngào) người như em mà thay lòng đổi dạ ?

Hoàng (tiếp)... Em Thúy ! Anh nhìn em lần cuối để rồi mang đi hình bóng của em... Và anh chỉ xin em một lời

cuối... Phải chăng những lời vừa rồi hoàn toàn đúng với lòng em ?

Thúy (cúi đầu nói trong hơi thở) Anh đã nghe rõ rồi !

Hoàng (đau đớn nhìn Thúy đang cúi đầu với cái nhìn dài) Thế là hết. Thôi chào và vĩnh biệt Thúy (bước ra mấy bước vụt quay lại nhìn vừa lúc)...

Thúy (đứng phắt dậy, kêu nho nhỏ) Anh Hoàng !
(Hai người nhìn nhau mấy phút kông nói một lời rồi Hoàng bước nhanh đến. Thúy ngã vào lòng Hoàng). Liên nhỏ mình ra dòm tỏ vẻ hài lòng rồi thụt vào).

Thúy (gỡ tay Hoàng nhìn vào trong) Anh ngồi vào ghế, chị Liên ra bây giờ đây (ngồi xuống ghế mình).

Hoàng (ngồi vào ghế, tươi cười) Anh sung sướng !

Thúy (mỉm cười) Em cũng thế, nhưng...

Hoàng Em buồn và giận anh nhiều lắm, chắc ?

Thúy (suy nghĩ) Em không giấu điều đó nhưng điều quan trọng là thế này...

Hoàng Anh xin nghe. Điều gì ?

Thúy Kể ra không phải em đã nghĩ như thế này ngày trước. Chỉ thời gian sau này, mòn mỏi trong đợi chờ nhứt là khi em đi làm tự sống, em mới thấy... Anh Hoàng, anh hiểu sai đánh giá sai người đàn bà.

Hoàng (mỉm cười ôn tồn) Anh hiểu.

Thúy (mỉm cười) Anh có nhớ ngày xưa một mình anh và em nép mình bên này bụi cây nhìn trộm quang cảnh yêu đương của một đôi thanh niên nam nữ bên kia ?

Hoàng (mơ màng) Một đôi bạn rất trẻ bắt bướm, cười vang...

Thúy Vâng. Anh còn nhớ nhĩ ! Một buổi sáng mai nắng đẹp, khá không anh ? Có ta đòi bắt cho được con bướm màu nguyệt bạch trong đàn bướm đang bay lượn quanh những cánh hoa dại. Thanh niên hăng hái làm vui lòng người yêu và trải qua bao nhiêu cố gắng, xuýt ngã mấy lượt, bắt được con bướm nguyệt bạch cho thiếu nữ.

Hoàng Người đàn ông yêu thì nhận tất cả khó khăn về phần mình !

Thúy ...Nhưng thiếu nữ biết thêm mà không biết giữ ; để cho con bướm vượt khỏi tay mình bay đi...

Hoàng (lầm bầm) Rồi thiếu nữ dẫm chân, nững nịu bắt đèn thanh niên ấy, và cậu ta đã phải van vỉ, đồ dành mãi...

Thúy (mỉm cười) Vâng, Như thế đấy, anh ạ, câu chuyện sau này làm cho em suy nghĩ. Sau này tức là ngày gia đình em phá sản, thầy me em mất, em đi dạy học để nuôi sống lấy thân... (giọng nghiêm trang) Anh Hoàng, vì sao các anh lãnh phần bắt bướm mà lại lãnh luôn trách nhiệm mất bướm ?

Hoàng (thành thật) Anh đã nói rồi. Vì yêu, các anh xử sự như thế. Các anh phải chịu trách nhiệm về hạnh phúc gia đình.

Thúy (lắc đầu) Em nghĩ khác. Em cho rằng anh khinh em, vô tình hay hữu ý các anh khinh người đàn bà...

HoàngỒ !

Thúy Cho nên sau này càng suy nghĩ càng thấm, em buồn cho em và giận anh vô cùng, (mơ màng) Đêm giao thừa, năm xưa, nếu em kịp nghĩ thì em đã không cho anh ra đi trở lại... Chúng ta đã đánh mất mấy năm trời !

Liên (lầm bầm một mình) Thúy ăn nói hay quá ! Khó hiểu thế nào ! Sao lại khinh đàn bà ? Mình vào mới được ! (suy nghĩ) Vào lúc này chắc không trở ngại cho họ (tăng háng rồi bước vào).

Hoàng Chị Liên (đứng dậy) Chị mệt thế nào mà ở trong ấy mãi ?

Thúy Chị Liên (đứng dậy).

Hoàng (bối rối) Đây là... (chỉ Thúy).

Thúy (đỏ mặt)... Đây là... (chỉ Hoàng).

Liên (xua tay tươi cười) Khỏi ! Khỏi giới thiệu. Tôi hiểu hết rồi. Rất vui (ngồi) Kia mời anh và Thúy ngồi (hai người ngồi xuống) Tôi ra đây đã lâu nhưng không muốn làm trở ngại câu chuyện của hai người mỉm cười Anh Hoàng và Thúy tha lỗi cho nhé !

Hoàng ThúyỒ ! Chị Liên cứ nói thế !

Liên (tươi cười) Thật là hay ! Hữu duyên thiên lý năng tương ngộ ! Tết này vui lắm (bảo Thúy) Giữ cho chặt nhé ! Đừng dễ sảy tay nữa !

Thúy (bối rối) Chị bảo gì ?

Liên (vui vẻ) Con bướm màu nguyệt bạch ấy mà !

Hoàng (mỉm cười) Chị Liên tinh tế quá !

Liên (cười) Ngược lại ! (ng nghiêm trang) Tôi vào đề phải về, một điều mà tôi không thể hiểu... (nhìn Thúy tươi cười) Sao Thúy bảo là anh Hoàng vô tình khinh Thúy khi anh ấy tự gánh lấy trách nhiệm về hạnh phúc gia đình ?

Hoàng Vàng. Chính tôi cũng đang băn khoăn !

Thúy (mỉm cười) Em cũng không hiểu ý nghĩ em sai hay đúng, nhưng nó chân thành.

Hoàng Nhưng... (cầm động) Vì em, vì tương lai hạnh phúc của chúng ta, mà anh ra đi, mà anh làm việc. Bây giờ em lại bảo...

Thúy Em không chối cãi điều đó.

LiênỒ, thế thì tại sao... (cúi đầu trầm ngâm rồi kêu lên) Trời ! Nếu Thúy nói về anh Hoàng như thế, thì anh Tùng thế nào ? (đau khổ) Trời ơi ! Anh Tùng khinh tôi !

Hoàng Chị Liên ơi !

Thúy (mỉm cười) Anh Tùng rất quý trọng chị.

Hoàng (giận) Nhưng sao anh lại không quý trọng em ?

Liên (vẫn buồn rầu) Nếu Tùng mà khinh tôi thì... (nghe ngào) Hết ! Hết tất cả (thần thức) Tôi có thể nhận tất cả khổ tâm trừ điều đó !

Hoàng Em Thúy nên nghĩ lại để đừng vô tình làm phiền lòng chị Liên (cầm động) Và phải nghĩ lại về anh... Anh có khi nào...

Thúy Thì em có bảo anh Tùng khinh chị Liên đâu ! (nhìn Liên giọng bí mật) Anh Tùng quý trọng chị lắm. Chị không nên ngờ oan cho anh ấy.

Liên (mỉm cười buồn rầu) Sao Thúy quả quyết như thế ? Để làm vira lòng tôi ? (lắc đầu) Tôi buồn !

Hoàng Tôi cũng buồn !

Liên (mơ màng) Trước đây tôi đau khổ. Tôi thấy mình cô độc trong lúc anh Tùng cứ mãi miết kinh doanh... tôi thù oán, khinh ghét tiền bạc đã cướp mất hạnh phúc gia đình... Tôi nhận rằng Tùng không yêu nên không đoái hoài lo lắng... (nhìn Hoàng) Nhờ anh Hoàng tôi bắt đầu hy vọng... Xuyên qua tình yêu của anh đối với Thúy, tôi hiểu thêm Tùng... Tôi bắt đầu thấy tình yêu có trách nhiệm của người chồng... Tôi thấy đời đáng sống hơn xưa. Nhưng bây giờ...

Hoàng (mơ màng) Mấy năm trời phiêu lưu trên đất khách, chỉ nhờ có hình ảnh người tôi yêu quý mà tôi chịu đựng và vượt qua bao nhiêu khổ cảnh. Trời ơi ! « Anh đã làm gì được cho em ? » Tôi đã phải bỏ ra mấy năm trời để trả lời cho được câu hỏi mà tôi tự đặt cho tôi. Nhưng bây giờ...

Thúy (tươi cười) Chị và anh Hoàng có quyền thắc mắc nhưng xin khoan giận em (nhìn Hoàng) em sẽ trình bày với anh những điều em nghĩ (nhìn Liên) Anh Tùng sẽ giải đáp cho chị.

Liên Anh Tùng ! (buồn rầu) Anh Tùng vẫn vắng mặt đêm giao-thừa này !

Thúy Em tin anh Tùng sẽ về cùng chị đón Xuân.

Liên Sao Thúy biết ? Thúy bí mật thế nào ấy ?

Thúy Em cầu mong như thế.

Hoàng Em nói đi. Anh nóng lòng quá. Vì sao anh yêu mà em bảo vô tình khinh bạc ?

Liên Tôi cũng nóng lắm. Thúy nói đi. Anh Tùng nào chắc đã về !

Thúy (lắng tai nghe, đưa tay) Xin yên lặng ! Có tiếng xe hơi !
(Ba người cùng lắng tai. Tiếng xe hơi từ xa lại, rõ dần).

Liên Trời ! Anh Tùng về. Anh Tùng về chẳng ?

(Tiếng xe đến gần. Tùng lái xe, quẹo vào nhà, hãm ngắt rồi hấp tấp chạy vào).

LỚP V

· LIÊN — HOÀNG — THÚY — thêm TÙNG

Liên (đứng phắt dậy kêu lên vui sướng) Trời ơi ! Anh Tùng về thật ! (chạy ra vừa lúc Tùng chạy vào).

Tùng Em Liên ! Anh sợ về không kịp đón Xuân với em ! (ôm Liên hôn ở đầu mỗi tóc tai, Liên ngạc nhiên nhưng sung sướng ôm ghì lấy chồng, trong khi đó trong xa-lông, Hoàng lại ngồi ở thành ghế, cạnh Thúy. Từ đây, trong lúc Tùng, Liên đang nói chuyện thì Hoàng, Thúy cũng nói chuyện vui nhau. Khán giả chỉ thấy điệu bộ và vẻ mặt vui buồn của họ).

Liên (mở mắt vẫn ôm chồng) Em sung sướng quá !

Tùng (cảm động) Anh có lỗi với em nhiều !

Liên Chính em mới có lỗi với anh. Em cứ ngỡ rằng anh không yêu em...

Tùng Em hiểu cho lòng anh, anh sung sướng lắm. Nhưng anh vẫn có lỗi...

Liên Bỏ qua đi anh, Em hiểu anh yêu có trách nhiệm nên lo làm ăn.

Tùng Không được. Anh phải nói. Em cho anh nói (cảm động) Em Liên, anh không ngờ anh đã vô tình (nhấn mạnh) Vô tình hành động như khinh em hay nói đúng hơn khinh giá trị người đàn bà...

Liên (bước lui một bước)Ồ ! Anh nói như Thúy !

Tùng (tiến tới nắm tay vợ âu yếm) Em Liên, cả buổi tối nay đi đường, anh đã suy nghĩ. Tại sao trách nhiệm hạnh phúc gia đình là trách nhiệm chung mà anh chỉ lo có một mình ? Tại sao anh không san sẻ với em một phần trách nhiệm ? Nếu chúng ta nghèo, em có thể đi làm góp sức với anh, hiện chúng ta có tiền, em có thể ngoài chuyện nhà, lo công việc xã hội... Tại sao anh không để em hiểu biết, thông cảm nếu cần góp ý về công việc làm của anh và tại sao anh không mấy may quan tâm đến những công việc của em mà chỉ hiết làm tiền ? (nghe nài) Em ! Vô tình anh đã hạ giá trị con người của em...

Liên (cúi đầu suy nghĩ) Em có nhiều thì giờ rảnh quá !...

Tùng Mà anh thì có ít thì giờ rảnh quá !...

Liên (mơ màng)... Có lẽ vì thế mà em nghĩ nhiều, quá nhiều về tình yêu nên hẹp hòi đối với anh...

Tùng (mơ màng) Còn anh... anh không có thì giờ... anh đã chủ quan không dành thì giờ hợp lý vào tình yêu nên bỏ phí gia đình... (ôm Liên) Em Liên ! Năm mới, con người anh sẽ đổi mới !

Liên (nhắm mắt nói chậm chậm) Em cũng thế (suy nghĩ chợt kêu lên) À ! Cái gì làm cho anh suy nghĩ để trở về đây với em ?

(Hoàng-Thủy nắm tay âu yếm đi lần ra lộ).

Tùng (dịu dàng) Thủy ! Nhờ Thủy. Ban tối vừa đến đầu đàn, anh gặp Thủy. Thủy đã vì tình bạn đối với vợ chồng ta mà nói chuyện với anh. Thủy chỉ đòi điều làm cho anh suy nghĩ. Và anh đã trở về (nhìn thấy Hoàng, kêu) Ủa ! Hoàng ! Về lúc nào ? (nhìn hai người) A !...

(Tùng chạy lại bắt tay Hoàng. Liên chạy lại nắm tay Thủy).

Hoàng (chỉ Thủy, bảo Tùng) Người xưa và vợ sắp cưới hiện nay !

Tùng A ! Hay lắm ! Thủy xứng đáng lắm.

Liên (bảo Thủy) Thủy ơi ! Hiểu những điều Thủy chưa nói ban nãy rồi ! Cảm ơn Thủy nhiều về vấn đề anh Tùng trở về với tôi !

Hoàng Chuyện gì thế ?

Thủy (cười nháy mắt với Liên) Không có gì cả. Năm mới anh Tùng chị Liên yêu nhau còn hơn năm xưa.

Liên (bảo Thủy) Thủy à ! Bây giờ tôi mới hiểu về chỗ tôi không làm gì cho hạnh phúc gia đình (run giọng ân hận) Chúng ta có nhiều thì giờ quá để yêu...

Tùng (bảo Hoàng) Còn chúng ta làm việc máy móc đến không kịp yêu...

Hoàng (chưa hiểu) Nhưng Thủy đã làm gì cho anh Tùng về ?

Thúy (tiến lại gần Hoàng) Anh Hoàng, khoan hỏi. Em còn thì giờ để nói chuyện với anh. Hình như đã đến gian-thừa !...

Tùng (tiến lại gần Liên) Em Liên ! Giao-thừa !

(Bốn người cùng lắng tai nghe. Xa xa có tiếng pháo. Dần dần tiếng pháo chung quanh nổ dòn).

Liên (ngã đầu vào vai Tùng) Anh !

Tùng (âu yếm) Em !

Liên Lần này Xuân về cả trong lòng em !

(Tùng cúi xuống hôn Liên, Hoàng, Thúy nắm tay, nhìn nhau âu yếm, tiếng pháo càng dòn dã).

HẾT

TIÊU DÂN

CỘNG SẢN VỚI BÁO CHÍ ...Họ (cộng sản) thường chú ý nhất là các mục thời sự quốc tế và phê bình sách, diễm phim. Vai trò truyền của những người phê bình đó rất quan trọng bởi vì ý kiến của họ làm cho một số lớn độc giả đọc những tác phẩm có lợi cho đường lối Xô-Viết và không để ý tới những tác phẩm bất lợi.

Một phương pháp khác mà cộng sản thường dùng để vận động báo chí các nước tự do là **Thư bạn đọc**. Một số tay sai chực sẵn hễ khi nào tờ báo đăng ra điều gì chống cộng tức thì họ gửi tới mỗi người hàng chục lá thư phản đối và họ tự xưng là « độc giả trung thành của qui báo », nếu tờ báo nhượng bộ **Mạc-Tư-Khoa** thì họ gửi thư khen ngợi. Bởi vì bên phía hàng ngũ chống cộng không có ai làm trái lại cả, cho nên rốt cuộc những lá thư man trá một chiều ấy ảnh hưởng khá nhiều tới đường lối các tờ báo thành thực tưởng rằng mình đang « cảm thông với quần chúng độc giả ».

Suzanne Labin

CÁCH MẠNG ĐƯỜNG LỐI NGOẠI GIAO CỦA TÂY PHƯƠNG ...Đề dương đầu với các tòa đại sứ cộng sản đã hóa thành những pháo đài trong cuộc đấu tranh chính trị, không có lý gì các tòa đại sứ Tây phương cứ mãi mãi là những xa-lông khoản đãi và đón tiếp bàn những chuyện xa vời... (Biện pháp chống cộng thứ nhất — Suzanne Labin).

CHỈ CẦN ĐỌC

ĐÊM XUÂN TRẮNG SÁNG

của **VÕ PHIẾN**

*LÀ CÁC BẠN ĐÃ CÓ ĐỦ
CÁ MỘT MÙA XUÂN*

Nhà xuất - bản Nguyễn - đình Vượng
38 Phạm ngũ Lão Saigon Đ. T. 315

HÃY TÌM ĐỌC :

« KỸ THUẬT PHÁ HOẠI CỦA CỘNG SẢN TẠI TIỆP KHẮC »

256 Trang — 28 Đồng

Cuốn « Kỹ Thuật Phá Hoại của Cộng Sản tại Tiệp Khắc » của tác giả Josef Korbel, là một cố gắng để công hiến độc giả kết quả của một cuộc tra cứu về trường hợp nước Tiệp Khắc, một quốc gia đã chọn thuyết sống chung làm một phương sách để giải quyết sự xung đột giữa các lực lượng dân chủ và cộng sản trong quốc nội. Kết cục là một thảm trạng đối với mọi người yêu chuộng tự do. Câu chuyện về Tiệp-Khắc nhất định sẽ làm cho những ai còn ham muốn con đường chung sống hòa bình, cần phải suy nghĩ lại.

Cuốn sách này không chủ trương xác định rằng mọi trường hợp chinh phục của cộng sản đều giống như cuộc đảo chánh của cộng sản trên đất Tiệp-khắc. Song le, hầu hết những phương pháp tiếm quyền cổ truyền của Cộng Sản đều được phản chiếu không ít thì nhiều trong câu chuyện này.

Phần thứ ba

Phần thứ ba của Văn HỮU số 9 này được hoàn thành với sự góp tin tức tài liệu trong và ngoài nước của các bạn : Quốc Minh — Đoàn thể Nhơn — Sĩ-Trung — Trần văn Long — Thượng Sĩ — Võ Phiến.

QUỐC MINH

Theo dõi một cuộc tranh luận

Từ tháng 10 năm 1960 giữa các tạp chí trong nước có một vấn đề được đặt ra, gây nên một cuộc thảo luận khá sôi nổi, và có lúc muốn trở nên gay gắt. Đó là vấn đề « luân lý và văn học » thoát tiên do ông Nguyễn Văn Trung nêu lên trên «*Thế kỷ hai mươi* » số 4, vào đầu tháng 10 năm 1960.



NGUYỄN-VĂN-TRUNG : « *Hãy làm sáng tỏ một ngộ nhận* ».

Một sự kiện đáng tiếc thường xảy ra là : mặt sát những người làm văn dám tạo ra những tác phẩm vô luân lý, phạm thuần phong mỹ tục. Đó là do một sự ngộ nhận lớn lao, kinh khủng, nên phơi nó ra ánh sáng.

Giữa luân lý với văn chương có quan hệ như thế nào ?

« Có thể nói nhà văn cũng như nhà luân lý triết lý, cùng có một đối tượng chung là *cuộc đời*, những thái độ sống, nhưng mỗi người đứng ở quan điểm riêng để nhìn hoặc lãnh hội nó. » Nhà văn nhằm *thể hiện* cuộc đời trước hết. Đánh rằng trong cách thể hiện cuộc đời của nhà văn thế nào cũng bao hàm một sự lựa chọn, một ý nghĩa, — ý nghĩa vẫn có đấy, nhưng trong tình trạng bao hàm. Trái lại với nhà luân lý hay triết lý, ý nghĩa đó trở thành đối tượng lãnh hội *trực tiếp* để hiểu và trình bày cho người khác. »

Văn chương như thế có bao hàm luân lý triết lý, vậy ta có quyền đứng ở quan điểm luân lý để phê bình một tác phẩm văn chương. Nhưng « với điều kiện cốt yếu là không bao giờ coi quan điểm luân lý triết lý là độc nhất. » Vì như vậy ta sẽ « bỏ mất tác phẩm văn nghệ với tư cách là một tác phẩm văn nghệ ». « Muốn lãnh hội văn chương, trước hết phải tìm hiểu tác phẩm với tư cách là một tác phẩm văn chương nhằm biểu lộ một ý hướng nghệ thuật với những kỹ thuật diễn tả riêng biệt của nó », « phải vào trong tác phẩm » để khai triển ý nghĩa của ý hướng sáng tạo văn nghệ của tác giả. » Và lại « thế nào là một hành động có hay không có luân lý và do đó thế nào là một tác phẩm văn chương có luân lý hay phạm thuần phong mỹ tục ? » « Sách đạo đức dạy rằng ngoại tình là một hành động vô luân lý vì phạm đến sự trung tín trong đạo vợ chồng. Thật rõ ràng minh bạch ! Nhưng sự rõ ràng đó trở nên không chắc chắn mơ hồ, đôi khi đến tối tăm nếu phải phán đoán trong những trường hợp cụ thể. Trong đời sống thực tế, phải trái, tốt xấu, luân lý hay vô luân lý không rõ rệt như Ngày với Đêm, như Đen với Trắng, nhưng như tranh tối tranh sáng, hay như Trắng Đục, Đen Nhạt... Đến nỗi đôi khi không còn phân biệt một cách rõ rệt đâu là giới hạn của Trắng Đen hay của Ngày và Đêm ». Ấy, trong đời sống thực tế nó khó phân biệt như vậy, mà văn chương thì lại chuyên nhìn vào đời sống cụ thể, vào trường hợp những « người cụ thể có một tính tình, hoàn cảnh sinh sống riêng biệt, đã hành động ngoại tình trong những điều kiện riêng biệt ». Xét đến cùng những cái cụ thể và riêng biệt ấy, có khi ta thấy tội nhân lại không có tội gì mà hóa ra nạn nhân. « Xác định luân lý một hành động trong hoàn cảnh cuộc đời là một khó khăn và tế nhị ».

Mà « cho dù chúng ta công nhận những hành động của các nhân vật được mô tả trong văn chương rõ ràng và vô luân lý đi nữa, như thế có đủ để quyết định rằng nhiệm vụ phê bình tác phẩm trên quan niệm luân lý đã chấm dứt không ? » — Không ! Cái cốt yếu là ý định của tác giả khi nói lên những hành động ấy. Tác giả có thể mô tả những hành động tội lỗi vô luân lý trong tác phẩm mà ý định không xấu : những hành động tội lỗi vô luân ấy chỉ là chất liệu mà tác

giả dựa vào để nói lên cái gì khác, « và đã hắt người đọc phải tìm hiểu được ý định, *cái gì khác* đó mới gọi là hiểu tác giả, đồng thời tác phẩm văn học. » Cái gì khác đó có khi là ý định tố cáo những giả dối, những sa đọa thối nát của cuộc đời, có khi là ý định nói lên một ý tưởng về cuộc đời, về thân phận con người.

Chỉ nhìn thấy chất liệu mà không tìm hiểu ý định của tác giả trong việc sử dụng những chất liệu đó là sự ngộ nhận lớn lao, kinh khủng.



BÙI-TUÂN : « *Đừng phủ nhận luận lý* ».

Trên Văn Đàn số 22, cuối tháng 10-1960, ông Bùi-Tuân liền cả tiếng phản đối luận điệu của ông Nguyễn văn Trung, có lối diễn giải lưu loát một cách « nguy hiểm ».

Về vấn đề thế nào là một hành động có hay không có luân lý và do đó thế nào là một tác phẩm văn chương có luân lý hay phạm thuần phong mỹ tục, ông Bùi Tuân lấy làm ngạc nhiên vì lối lập luận của ông Nguyễn-văn-Trung. « Ông Trung đưa ra một ví dụ « không toạc móng heo » về câu chuyện ngoại tình. Vả lại « nếu trong thực tế, tội ngoại tình kia có những trường hợp giảm khinh như ông Trung đã biện hộ thì đó những lý do đưa ra để bào chữa cho một người đã có tội chứ những lý do ấy tự nó không thể thay đổi một việc xấu ra không xấu được ». Ông Trung cho rằng không có luân lý phổ biến gồm những nguyên tắc khách quan, tổng quát, nhưng mỗi người trong hoàn cảnh cụ thể và riêng tư, phải tự đề ra một tiêu chuẩn chỉ đạo cuộc đời mình. Như thế không được ! Sự thực vẫn có một « thứ luân lý tự nhiên mà Tạo Hóa đã in sâu vào tâm khảm của mọi người. Xóa những tiêu chuẩn ấy đi không giải quyết được gì cả còn làm rối beng lên là khác. »

Ông Trung lại biện hộ cho việc mô tả hành động khiêu dâm trong tác phẩm, đòi đọc giả gắng tìm hiểu ý định của tác

giả. Như thế cũng không được! Tác giả có ý định thì phải rõ rệt ngay, không được đánh đố để độc giả đi tìm vất vã, hiềm nghèo.

Cuối cùng ông Bùi Tuân mách ngay rằng ông Nguyễn văn Trung đã mang lầm kính của Sartre và Camus, và đáng trí quá, cứ để nguyên kính ấy ngồi nói chuyện. Ông Tuân khuyên ông Trung gỡ cái kính xuống.



NGUYỄN-ĐỨC-TRỌNG Với « *bệnh cuồng dục của cô Thoa.* »

Cũng trên Văn Đàn số 22, ông Nguyễn-đức-Trọng nêu lên trường hợp một truyện ngắn của Thạch-Chương đăng ở tạp chí Sáng-Tạo, mà ông coi như là một cách hưởng ứng lập luận của học giả Nguyễn-văn-Trung trên Thế Kỷ Hai Mươi.

Trong truyện « Tinh cầu », Thạch-Chương đưa ra một cô Thoa, thoát tiên mới trình diện đã có cử chỉ quái gở: « Thoa tỳ bụng vào góc bàn và nằm nguyên như vậy... trong niềm hoan lạc điên dại làm tê liệt mọi thớ thịt, mọi tế bào, mọi huyết quản... »

Ông Nguyễn-đức-Trọng bảo... « rõ rệt là Thoa đang ở trong một cái thế lầy lưa của một kẻ mắc chứng tự dâm. » Con gái lành mạnh ai lại nằm tỳ bụng vào góc bàn mà hoan lạc điên dại như thế. Rồi Thoa còn mơ cái này cái nọ, toàn những chuyện dâm đẳng, xấu xa, quái đản.

Ông Nguyễn-văn-Trung khuyên đọc tác phẩm đừng ngừng lại ở chất liệu, hãy cố tìm hiểu ý định của tác giả. Vậy không hiểu nhà văn Thạch-Chương có ý định gì khi mô tả một cô Thoa cuồng dục ?



MAI: « *Vạch rõ chân tướng hai loại người.* »

Tạp chí MAI số 8 ra ngày 25-10-1960, phê phán về cuộc xung đột giữa văn học luận lý. Theo sự phân xét của tạp chí

ấy cả hai loại người đang « khuấy động » « mặt hồ tương đối yên tĩnh của ngành phê bình văn học những ngày gần đây » đều không tốt đẹp gì. Họ đều thuộc về thứ lực lượng cũ trong xã hội.

Thật vậy, « phê bình văn học là sự biểu hiện thành những hình thái ý thức của sự giao tranh xã hội giữa hai lực lượng ». Trong sự giao tranh xã hội có hai lực lượng : một lực lượng cũ, quản trị chế độ, có tính cách thoái bộ, lo bênh vực nền luân lý cũ kỹ, một lực lượng mới, tiến bộ, đấu tranh cho một nền luân lý chưa chính thức, chưa lỏng kết thành những công thức rõ rệt nhưng mà mới mẽ, tiến bộ, mà các nhà văn chân chính tất phải thể hiện được.

Đó là « lý thuyết », còn trên thực tế có phức tạp hơn. Trong lực lượng cũ có loại hoàn toàn bảo thủ, lại có loại phát sinh từ trong lực lượng cũ mà lớn lên lại cảm thấy « ngột ngạt trong bầu không khí củ kỹ nhiễm độc từ lâu và cố vùng vẫy để tự giải thoát ». Loại đó lại chia làm hai hạng, một hạng thiên về cuộc sống cảm giác thì thác loạn, dờ dĩnh dờ say, cô độc, phóng túng, lập dị, truy lạc, nôn mửa, kêu gào dâm dật... và tự biện hộ bằng những tin điều văn nghệ tự do, bản khoán siêu hình v.v... một hạng thiên về hoạt động trí tuệ, làm những lý luận gia, những triết lý gia dờ dĩnh dẫn lối cho hạng trên.

Như vậy, cả hai loại nhà văn khốn khổ : một loại thì « mang kính đeo râu » bênh vực luân lý, một loại lại « ra sức chứng minh một cách nông cạn tính chất phi luân của xã hội, gieo rắc hoang mang, xáo trộn, bằng những cố gắng tuyệt vọng của mình » đều thuộc về lực lượng củ nên sự bênh vực và chống đối luân lý của họ đều không có giá trị gì. Rốt cuộc luân lý vẫn có giá trị, nhưng chỉ khi nào nó là thứ luân lý mới và tiến bộ, được bênh vực và thể hiện do những nhà văn thuộc lực lượng mới và tiến bộ mà thôi, lực lượng đang lên, lật đổ thống trị, lập trật tự xã hội mới.



NGUYỄN-VĂN-TRUNG : với « bầu không khí ngột ngạt »...

Trên Hiện Đại số 7, tháng 10-1960, ông Nguyễn-văn-Trung viết cho ông Nguyễn-Sa một lá thư công bố ở mục « Khuôn

mặt thời gian ». Trong thư, ông Nguyễn-v-Trung phàn nàn rằng « bầu không khí sinh hoạt văn hóa », ở ta hiện nay « là bầu không khí ngột ngạt của thứ chiến tranh lạnh » trong đó thiếu « tinh thần tôn trọng người khác và yêu chuộng sự thật ». Đồng nghiệp thì kéo bè kéo phái, mở « chiến dịch tiêu diệt nhau ». Lời nói thì bị từ chối, không được hiểu đúng như ý nói, không được « lắng nghe và đón nhận ».

Như thế nên ông Nguyễn-văn-Trung không muốn nhận là « nhà triết học », ông chỉ muốn nhận là nhà « philosophe » theo cái nghĩa cũ của nó là người yêu đạo, hướng về đạo.

Trong bầu không khí ngột ngạt này chưa có thể tranh đấu cho Chân lý Đạo đức được, còn phải tranh đấu để tạo điều kiện cho việc hướng về Chân lý, tranh đấu để mở đường cho sự tự do lựa chọn.



VĂN-ĐÀN : « chống hiện sinh ».

Lập tức sau đó, Văn Đàn số 23, ra vào đầu tháng 11-1960, trả lời lại ông Nguyễn-văn-Trung.

Trước hết Văn-Đàn phân tích « không khí sinh hoạt văn hóa báo chí hiện nay ». Từ nửa năm nay (theo Văn-Đàn) có bốn tờ báo xuất hiện là Hiện-Đại, Văn-Đàn, Sáng-Tạo, Thế-Kỷ Hai Mươi. Trong 4 tờ ấy, ngoài Văn Đàn ra, thì 3 tờ kia có khuynh hướng hiện sinh (hai tờ rõ rệt, 1 tờ « phảng phất mùi vị »). Văn-Đàn tuyên bố trắng ra là chống hẳn lại chủ nghĩa hiện sinh « cũng như lật cả hình thức, tư tưởng tự do quá trớn, vong bản, phi luân lý trong văn nghệ », phơi bày trên Sáng-Tạo, Thế Kỷ Hai Mươi. Giữa lúc Văn-Đàn đang chống báng mạnh mẽ như thế thì ông Nguyễn-văn-Trung nhảy vào vòng chiến làm một kẻ « rất lợi hại », mà lại đứng về phía hiện sinh, bởi vậy nên Văn-Đàn phải chống lại ông.

Chống nhau như thế là tự do. Ông Nguyễn-Văn-Trung « chạy theo trào lưu hiện sinh, đó là quyền tự do của ông. » Văn-Đàn lại có quyền tự do « chống lại sự lan tràn của những ý tưởng lầm lạc bất cứ từ đâu lại », Ông Nguyễn-Văn-Trung

không nên vu khống đó là chiến dịch tiêu diệt đồng nghiệp, mà cả ông Nguyễn-Sa cũng không nên « mắng phủ đầu » kẻ phê bình mình là « loài bò sát ».



NGUYỄN-VĂN-TRUNG : « Tôi lại bị hiểu lầm nữa ! »

Tiếp theo đó, trên Văn-Đàn số 24 ông Nguyễn-văn-Trung lên tiếng trả lời ông Bùi-Tuân.

Ông Nguyễn-văn-Trung phàn nàn rằng ông đã có lần xin đừng ai hiểu lầm ý ông nói, thế mà ông Bùi-Tuân vẫn cứ tự tiện hiểu lầm, rồi kết án. Làm như vậy, ông Bùi-Tuân chỉ kết án những điều tự mình nêu ra chứ không kết án được ông Nguyễn-văn-Trung. Tất cả có ba điều hiểu lầm :

1) Ông Nguyễn-văn-Trung không hề bảo không có luân lý khách quan. Kể bảo như thế là Camus và Sartre, ông Trung chỉ là kẻ thuật lại. Còn riêng ông Trung thì ông « không chối luân lý khách quan » nhưng ông không kịp phê bình quan điểm phủ nhận vì sợ đi lạc ra ngoài lãnh vực bài báo đó thôi. Và lại Camus với Sartre chối luân lý khách quan là đề đề cao luân lý hoàn cảnh, chứ không hề bảo rằng không có luân lý, không có gì hết.

2) Đưa ra trường hợp người ngoại tình có thể là nạn nhân không tội, ông Nguyễn-văn-Trung không hề chối cãi rằng ngoại tình không phải là một tội lỗi. « Xét một người có thực sự đáng tội hay không khác hẳn vấn đề có những nguyên tắc để xét đoán hay không. » Người đó có thể vì hoàn cảnh này hoàn cảnh kia, lý do này lý do nọ được xét như không có tội, nhưng mà tội ngoại tình thì tự nó vẫn cứ là xấu. Điều ông Nguyễn-văn-Trung muốn nhấn mạnh « về sự phán đoán căn cứ vào hoàn cảnh, là rất khó xác định tội, vô tội một cách đúng đắn tuyệt đối ».

3) Điều hiểu lầm thứ ba là nói chung về tạp chí Văn-Đàn : bài báo của ông Nguyễn-văn-Trung không có « ý định phê bình hay bênh vực ai hoặc một nhóm nào. »

Tuy vậy trước khi đăng bài trả lời của ông Trung, tòa soạn báo Văn-Đàn đã có mấy lời mào đầu nói rằng mình không hề hiểu lắm bao giờ, chỉ có ông Nguyễn-văn-Trung bị ngòi bút của ông phản bội mà thôi.



VĂN ĐÀN lại chống hiện sinh.

Trên Văn-Đàn số 25 thêm giáo sư Anh-Chức góp ý vào cuộc bút chiến mà không hề đổ dầu vô lửa. Ông Anh-Chức nêu lại 2 vấn đề :

- 1) Tương quan luân lý và nghệ thuật.
- 2) Tương quan giữa luân lý khách quan và luân lý chủ quan (hay luân lý hoàn cảnh).

Về vấn đề thứ nhất ông Anh-Chức nói rõ ra là nghệ thuật phải tôn trọng luân lý. « Con người trước hết là một sinh vật luân lý do luật luân lý chi phối ; đời sống, hạnh kiểm, hành vi của con người đều do một lý tưởng luân lý hướng dẫn, và phải tuân theo một số nguyên tắc bắt buộc »... « Văn nghệ là một trong những hoạt động tinh thần cao quý nhất của con người, thì cũng phải chịu như những hoạt động khác, ở dưới quy luật của luân lý ». Văn nghệ có cứu cánh riêng là phát huy cái đẹp, nhưng đó không phải là cứu cánh tối hậu. « Đối với người sáng tạo, thì chính tác phẩm do họ sáng tạo cũng phải đi vào đường lối của luân lý. » Nhưng không bắt buộc tác phẩm văn nghệ toàn nói cái tốt, toàn trình bày những tình cảm tốt. Người ta có thể giữ được tính cách luân lý, miễn là có thiện ý và có một tâm hồn trong sạch. « Nghệ sĩ hãy thành thật yêu chuộng đạo đức rồi muốn diễn tả gì tùy ý. »

Về vấn đề thứ hai thì ông Anh-Chức cho rằng « luân lý : xây dựng trên lý trí, có một tính chất khách quan, bắt buộc ; nó đặt ra những quy tắc có giá trị phổ quát. Nhưng các quy tắc phổ biến, tổng quát ấy cần được áp dụng vào các hoàn cảnh cụ thể »... « Vậy thì « hoàn cảnh » (cụ thể, hiện hữu) cũng không làm thương tổn tính cách khách quan của luân lý. Về lại « luân lý chủ quan » luôn luôn phải tham chiếu luân lý

khách quan đề tự kiểm điểm, cũng như sự kiện phải đối chiếu với lý tưởng đề tự phê phán. Đưa sự kiện lên thành một giá trị, xem hoàn cảnh như một quy tắc tuyệt đối, hay lấy luân lý chủ quan thay thế cho luân lý khách quan, dùng luân lý chủ quan làm thương tổn luân lý khách quan, chắc chắn là lầm lạc và tất nhiên đi đến chỗ mất tin tưởng, đến luân lý hiện sinh vô thần ».



BÚT NHỌN tố cáo mầm phản loạn.

Cũng trên Văn-Đàn số 25, ông Bút-Nhọn kịch liệt đả kích quan niệm văn nghệ của ông Thạch-Chương trong bài « Giới thiệu một nhận thức siêu thực về nghệ thuật » đăng trên Sáng-Tạo số 5 bộ mới.

Ông Thạch-Chương đã trình bày các tính chất của « nghệ thuật trắng » mà tính chất đầu tiên là phản lý trí. Vậy quả ông là kẻ mất lý trí. Tính chất thứ hai là xem « thiện và ác chỉ là một ». Vậy quả ông gây mầm phản loạn trong thiên hạ, vì không phân biệt thiện ác là phản lại luật lệ xã hội, phản lại hiến pháp của quốc gia. Tính chất khác là xem điên loạn như một hành vi nhân loại chính đáng, một sự phát triển tự do mà không ai có quyền chà đạp. Vậy ông có lẽ là một người điên đáng nhốt vào nhà thương Biên-hòa. Tính chất khác nữa là « biểu tỏ mãnh liệt trong tình yêu ngọt ngào của xác thịt, hay tình điên ». Vậy ông Thạch-Chương thật là lý lợm ngoài sức tưởng tượng. Nghệ thuật theo ông Thạch-Chương không phụng sự chân, thiện, mỹ, mà lại phụng sự hư, ác, xú. Quả đúng là thứ nghệ thuật dã thú. Ông Bút-Nhọn không thể không lên tiếng « đề tố cáo một âm mưu » dã thú hóa con người » !



Cuộc tranh luận vẫn còn tiếp diễn, chúng tôi sẽ lần lượt tóm lược các ý kiến để bạn đọc theo dõi.

Gió Đông... Gió Tây...

TRONG NƯỚC

HỘI HỌA

— Hội Văn Hóa Việt-Nam đã tổ chức lần thứ năm cuộc Triển lãm hội họa và sơn mài tại phòng Thông tin Đô thành từ 22-12 đến 1-1-61.

Trên 50 nghệ sĩ tham dự với 130 họa phẩm sơn dầu, bột màu thủy mặc, sơn mài.



— Từ 22-12-60 đến 31-1-61 tại trụ sở Pháp văn Đồng Minh hội trưng bày họa phẩm của Bùi-văn-Dương, nguyên đã có tranh dự triển lãm quốc tế ở Ba Lê năm 1931. Ông đã đoạt một huy chương và 4 giải nhất về trang trí về gian hàng Việt-Nam.

Lâu nay ngoài các tác phẩm vẽ trên lụa và thủy thái họa

ta được thưởng thức đặc biệt một loại tranh vẽ trên bản gỗ và loại tranh khắc trên kim khí.



— Tại Phòng Thông tin Đô thành từ 5-1-61 đến hết ngày 15 - 1 có cuộc triển lãm « Những họa phẩm mới » của Tạ Ty. Phòng tranh của Tạ Ty gồm hơn 500 bức sơn dầu lớn từ lập thể qua trừu tượng.



— Sau cuộc triển lãm Tạ Ty, tiếp ngay đến cũng tại phòng Thông tin Đô Thành cuộc trưng bày tranh của sinh viên Trần-Xuân-Vĩnh với 60 bức lớn nhỏ đủ loại sơn dầu, bột màu, tranh lụa.



— Chiều 2-2-61, tại Phòng Thông tin đã khai mạc cuộc Triển lãm Hội Họa của Lục-Minh, có tất cả 65 bức toàn tranh sơn dầu, đề tài phần nhiều là phong cảnh và các cảnh sống xã hội.



TRIỂN LÃM NHIẾP ẢNH.— Một cuộc triển lãm nghệ thuật nhiếp ảnh quốc tế mệnh danh « Các nhiếp ảnh gia của thế hệ mới » do hai hội nhiếp ảnh Passara và Fotographica tổ chức tại Milan (Ý Đại Lợi) đã khai mạc vào cuối tháng 12-60

Các nhiếp ảnh gia trẻ tuổi thuộc 24 quốc gia trong đó có Việt-Nam Cộng-Hòa đã có gửi tác phẩm tham dự.

Các nghệ sĩ Nguyễn cao Đàm Lê anh Tài, Nguyễn mạnh Đan, Đinh bá Trung, Trần Việt, Lý lan Siêu, Thiện Văn có gửi 20 tác phẩm trưng bày tại cuộc triển lãm này.



—Ông Lê anh Tài, một nhiếp ảnh gia Việt-Nam vừa được thưởng một ngân bài danh dự với tác phẩm « Vắng khách » gửi dự cuộc « triển lãm nghệ thuật nhiếp ảnh quốc tế ».



TRIỂN LÃM SÁCH HÁN TỰ
Hôm 10-1 tại 34 đường Gia Long đã khai mạc cuộc triển lãm một số sách Hán-Tự do Thư viện Trung ương Trung Hoa Dân quốc tặng Thư viện quốc gia Việt-Nam.

Số sách này gồm 1500 quyển, trong đó có bộ Nhị thập ngũ sử. Riêng bộ này đã có tới 934 cuốn.



BỘ KHÂM ĐỊNH VIỆT SỬ DỊCH RA TIẾNG VIỆT.— Viện khảo cổ hiện đang cho in bản dịch Việt ngữ quyển đầu của bộ Khâm định Việt sử thông giám cương mục dưới triều nhà Nguyễn, gồm 553 quyển chia làm ba loại.

Một quyển mở đầu trình bày tổng luận phương pháp áp dụng trong việc biên soạn các đạo dụ của nhà Vua huấn thị một vài chi tiết và cách biên soạn bản mục lục và danh sách những người biên soạn.

Năm quyển về « Phần sơ khởi » thuật lại lịch sử Việt-Nam từ thời kỳ truyền thuyết đến cuối thời kỳ ly loạn, tiếp theo cuộc khởi nghĩa của Ngô Quyền lật đổ ách thống trị

của người Tàu từ trên 10 thế kỷ trở về trước.

47 quyền về « phần chính » yếu thuật lại lịch sử Việt-Nam từ năm 968 đến cuối đời nhà Lê vào năm 1785.

Bộ Khâm định Việt sử thông giám cương mục, là một bộ sử đầy đủ nhất trong số các loại sử ký hiện hữu của nền sử học Việt-Nam.

Viện khảo cổ xuất bản cuốn đầu tiên của bộ sử này đánh dấu một giai đoạn quan trọng trên lãnh vực phiên dịch các sử liệu vậy.

NHẠC

DÀN NHẠC CỦA NGƯỜI MÙ
Hội « Bạn của người mù » đã tổ chức một dàn nhạc cho một số những người mù. Những người mù này nguyên đã học nhạc tại Trường Người Mù ở Chợ Lớn dưới sự hướng dẫn của một nhạc sĩ Việt và ngoại quốc, trong đó có bà Trần Hiệp Cương, giáo sư dương cầm tại trường Quốc gia âm nhạc và ông Morgan nhạc trưởng tại khách sạn Caravelle.

Dàn nhạc này còn được sự giúp đỡ của bác sĩ Brow đại

diện tổ chức y tế quốc tế và của tòa đại sứ Tây Đức. Tòa đại sứ Tây Đức đã tặng dàn nhạc một đại hồ cầm một phong cầm.

Một ngày gần đây, dàn nhạc của người mù sẽ có thể ra trình diễn trước công chúng.



DẪN GIẢI ÂM NHẠC.— Thứ hai 23-1 tại Trung Tâm Văn Hóa Pháp có tổ chức buổi dẫn giải âm nhạc thứ nhất, mở đầu cho ba buổi tiếp theo do ông Maurice Sausol trình bày về các nguyên tắc căn bản về nhạc mới gồm những phần :

Le doux regard d'Adam de la Halle (1240 — 1288) Rose lys : Guillaume de Machantl 1300 — 1377 Le chant des oiseaux : Clément Janequin 1495 — 1560 Penici Pu : J. de Bologne thế kỷ 14 Watet music : Haender : 1685 — 1759



DIỄN THUYẾT

— Trong những thời kỳ đen tối nhất, dân chúng Tây Bá Linh đã chứng tỏ sự can đảm và quyết định vững chắc của họ rằng thà chết còn hơn

chịu dưới ách bạo tàn cộng sản, đó là lời của bà *Anna Christine Gronholm*, tùy viên báo chí tòa Đại sứ Cộng Hòa Liên Bang Đức trong buổi nói chuyện tại Trung Tâm Văn hóa Đức về đề tài: « *Bá Linh, thành phố bị phân chia* ».

Trước hết bà *Gronholm* đã nhắc lại quy chế chiếm giữ cự thủ đô Đức quốc sau trận chiến thắng của Đồng Minh hồi năm 1945 đã chia Bá Linh thành bốn khu vực đặt dưới sự cai trị của một cường quốc đã đánh bại Đức quốc xã. Sau đó, diễn giả nói đến sự đối đãi khác biệt giữa một bên là Nga Sô, một bên là Anh-Pháp-Mỹ, dần dần đưa đến sự chia rẽ hẳn hai phần của Thủ đô.

Bà nhắc lại sự tiếp tế bằng không vận cho thành phố đơn độc này, và ý chí cương quyết của dân chúng Tây Bá Linh trong thời kỳ căng thẳng. Chính ý chí cương quyết này đã làm cho Nga sô lùi bước. Từ đó không có gì có thể ngăn cản ý chí của dân chúng Tây Bá Linh kiến thiết lại thành phố vốn bị tàn phá thành một đô thị đẹp đẽ hơn bao giờ hết.

Sự kiến tạo của thành phố cũng như sự thịnh vượng của

Tây Bá Linh đã làm cho bọn cộng sản từ lâu không quan tâm đến sự kiến thiết Đông Bá Linh rất khó chịu và lo ngại.



— Hôm 11-1, ông Nguyễn Phụng đã nói chuyện tại hội Phụ nữ Việt-Mỹ về: « Sự kết hợp của Ngũ Tuyệt » (5 môn nhạc khí) trong âm nhạc cổ truyền Việt-Nam.

Theo ông thì môn nhạc hòa tấu của Ngũ Tuyệt xuất xứ từ Trung phần, và gồm có : một đàn thập lục hay đàn tranh, một đàn nhị hay đàn cò, một đàn nguyệt hay đàn kìm, một đàn tỳ bà và một tam huyền cầm.

Trong một vài trường hợp, người ta có thể thay tỳ bà và đàn tam bằng ống địch hay sáo.

Sau khi nêu rõ điểm khác biệt giữa ống địch và sáo, ông trình bày vai trò của từng nhạc khí trong Ngũ Tuyệt, lịch sử và nguồn gốc của mỗi môn.

Sau cuộc nói chuyện, có cuộc hòa tấu nhiều bản cổ nhạc với Ngũ Tuyệt.



— Kể từ ngày 12-1-61, Hội Hóa học Việt-Nam sẽ tổ chức nhiều buổi diễn thuyết. Với những đề tài: «*Détermination de la structure des produits naturels*», diễn giả là ông *Lé văn Thới*; *Rayons*: diễn giả là ông *Hà ngọc Bích*; *Dispersion rotatoire optique*: diễn giả là ông *Nguyễn thới Lai*; *Absorption dans l'ultra-violet*: diễn giả là ông *Nguyễn văn Hoàng* v.v...



— Ông *Yves Dauge* thạc sĩ văn chương, hồi 8 giờ tối 20-1 tại phòng Lamartine trường trung học Rousseau đã nói chuyện về đề tài: «*Qu'est qu'un barbare. Recherches sur la barbarie antique et moderne*».



— Từ ba năm nay Văn khoa đại học Saigon có cấp bằng chứng chỉ ngữ học Việt Nam cho những kỳ thi văn khoa cử nhân. Đối với chúng ta, ngữ học là một môn có lẽ mới lạ. Linh mục *Lé văn Lý* đã nói chuyện tại giảng đường Đại học Văn khoa về: «*Khoa Ngữ học và tiếng nói Việt Nam*» với chủ ý gây cho người ta những ý thức thông thường về môn học mới này, đồng thời thử

hướng dẫn những tìm tòi, khảo sát về tiếng Việt theo phương pháp của ngữ vựng học.

Diễn giả trình bày nhiều điểm: Giải thích khoa ngữ học. Đây là một môn học quan trọng như xã hội học hay sử học.

Lịch sử khoa ngữ học: Từ cuối thế kỷ mười chín, người ta mới công nhận khoa ngữ học, kể cả sinh ngữ và tử ngữ. Khoa học mới mẻ này có rất nhiều hứa hẹn tiến triển về mọi phương pháp khảo sát.

Linh mục *Lý* nhận rằng tiếng Việt không được giàu như vài thứ tiếng khác, song nó cũng có những đặc tính có thể xếp ngang hàng với bất kỳ thứ tiếng văn minh nào, chẳng hạn như tiếng Pháp, tiếng Anh, Đức.

Công cuộc làm giàu Việt ngữ đòi hỏi sự hợp tác của cả mọi người, của những nhà khảo cứu, cũng như những người học hỏi.

Sau hết diễn giả kết luận rất lạc quan ở tương lai tiếng Việt, khi nói đến việc Bộ Quốc gia Giáo dục đang định thành lập một viện quốc gia ngữ học, với mục đích tìm khảo về khoa ngữ học Việt Nam.



**CUỘC THI VỀ MẪU BÍCH
CHƯƠNG VẬN ĐỘNG BẦU
CỬ TỔNG THỐNG VÀ PHÓ
TỔNG THỐNG VIỆT NAM
CỘNG HÒA 9-4-1961.**— Nhằm
mục đích vận động toàn dân
hăng hái tham gia cuộc bầu cử
Tổng thống và Phó Tổng thống
vào ngày 9-4-1961.

Văn Hóa Vụ sẽ tổ chức một
cuộc thi vẽ mẫu bích chương.

THẺ LỆ CUỘC THI :

Điều 1.— Đề tài là mục đích
nói trên.

Điều 2.— Cách bố cục và
trình bày của tác phẩm cần
phải đơn giản, dễ hiểu, thích
hợp với trình độ và tâm lý
quần chúng.

Điều 3.— Các sáng tác phẩm
dự thi sẽ do một Hội đồng
Giám khảo gồm có nhiều vị có
thành tích và uy tín chấm.
Danh sách sẽ được công bố
sau.

Điều 4.— Tác phẩm dự thi
phải gồm đủ các điều kiện sau
đây :

- 1 — Vẽ trên giấy Croquis
- 2 — Có ít nhất 3 màu
- 3 — Cỡ 45 X 60
- 4 — Số bản : 1 bản
- 5 — Sau lưng bức tranh ghi

rõ tên họ, và địa chỉ tác giả.

Điều 5.— Ngày khóa sổ ấn
định vào ngày thứ Ba 28-2-61
đúng 17g30.

Điều 6.— Kết quả sẽ được
công bố cùng với ngày phát
giải thưởng vào trước ngày
bầu cử.

Điều 7.— Giải thưởng gồm
có :

- Giải nhất 5.000\$00
- Giải nhì 3.000\$00
- Giải ba 2.000\$00

Điều 8.— Văn Hóa Vụ được
trọng quyền khai thác và phổ
biến các tác phẩm trúng giải
cho đến khi bầu cử xong.

Các bạn Họa sĩ tham dự
muốn biết thêm chi tiết xin liên
lạc với Ban Tổ chức (Văn hóa
Vụ) số 15 Lê Lợi (trên lầu)
Saigon, hoặc bằng điện thoại
số 25.902.

**CUỘC THI SÁNG TÁC VĂN
NGHỆ NHÂN DỊP BẦU CỬ
TỔNG THỐNG VÀ PHÓ TỔNG
THỐNG 9-4-1961.**— Nhằm mục
đích vận động toàn dân hăng
hái tham gia việc bầu cử Tổng
thống và Phó Tổng thống vào
ngày 9-4-1961, Văn Hóa Vụ tổ
chức cuộc thi sáng tác văn
nghệ dành cho các bộ môn :

Thoại kịch, Vè, Ca dao, Tán nhạc và Cổ nhạc (Trung Nam Bắc).

THỀ LỆ CUỘC THI :

Điều 1.— Đề tài là mục đích kể trên.

Điều 2.— Sáng tác phẩm dự thi phải có tính cách trình diễn.

Điều 3.— Cách bố cục và trình bày của tác phẩm cần phải đơn giản, dễ hiểu, thích hợp với trình độ và tâm lý đại chúng.

Điều 4.— Các sáng tác phẩm dự thi sẽ do một số Giám khảo (mỗi bộ môn có một Ban Giám khảo riêng) có thành tích và uy tín chấm. Danh sách sẽ được công bố sau.

Điều 5.— Tác phẩm dự thi phải đánh máy (hay viết tay) rõ ràng, gửi đến Ban Tổ chức (Văn Hóa Vụ 15 Lê Lợi Saigon) 4 bản, kèm một phong bì nhỏ dán kín, trong ghi tên thật, bút hiệu và địa chỉ tác giả. Tất cả đều bỏ trong một phong bì lớn, ngoài đề « *Dự thi sáng tác văn nghệ nhân dịp bầu cử Tổng thống và Phó Tổng thống* » và bộ môn dự thi.

Điều 6.— Ngày khóa sổ ấn định vào ngày thứ Ba 28-2-61, đúng 17g30.

Điều 7.— Kết quả sẽ được tuyên bố cùng với ngày phát giải thưởng vào trước ngày bầu cử.

Điều 8.— Thời gian trình diễn của sáng tác phẩm dự thi được ấn định như sau :

1) Thoại kịch từ 30 đến 45 phút.

2) Tán nhạc (đơn ca, song ca) từ 5 đến 10 phút.

3) Cổ nhạc miền Trung (ca, hò Huế) từ 3 đến 7 phút.

4) Cổ nhạc miền Nam (vọng cổ v.v...) từ 5 đến 10 phút.

5) Cổ nhạc miền Bắc (trống quân, cò lá v.v...) từ 5 đến 10 phút.

6) Vè, Ca dao: ít nhất 20 câu.

Điều 9.— Giải thưởng gồm có :

1) *Thoại kịch* : (3 giải)

— Giải nhất 10.000\$00

— Giải nhì 7.000\$00

— Giải ba 5.000\$00

2) *Tán nhạc* : (3 giải)

— Giải nhất 5.000\$00

— Giải nhì 3.000\$00

— Giải ba 2.000\$00

3) *Cổ nhạc miền Trung* : (3 giải)

— Giải nhất 3.000\$00

— Giải nhì 2.000\$00

— Giải ba 1.000\$00

4) *Cờ nhạc miền Nam*: (3 giải)

— Giải nhất 3.000\$00

— Giải nhì 2.000\$00

— Giải ba 1.000\$00

5) *Cờ nhạc miền Bắc*: (3 giải)

— Giải nhất 3.000\$00

— Giải nhì 2.000\$00

— Giải ba 1.000\$00

6) *Vè*: (3 giải)

— Giải nhất 3.000\$00

— Giải nhì 2.000\$00

— Giải ba 1.000\$00

7) *Ca dao*: (3 giải)

— Giải nhất 3.000\$00

— Giải nhì 2.000\$00

— Giải ba 1.000\$00

Điều 10.— Văn Hóa Vụ được trọn quyền khai thác và phổ biến các tác phẩm trúng giải cho đến khi bầu cử xong.

Các bạn Văn nghệ sĩ tham dự muốn biết thêm chi tiết xin liên lạc với Ban Tổ chức (Văn Hóa Vụ) số 15, Lê Lợi (trên lầu) Saigon, hoặc bằng điện thoại số 25.902.

NGOẠI QUỐC

NHẬT KÝ Ồ CHUỘT TÁC PHẨM BÁN CHẠY NHẤT : NĂM MƯƠI NGÀN CUỐN TRONG MỘT TUẦN. — Gần đây giới văn nghệ quốc tế rất sôi nổi với một cuốn sách nhan đề « Nhật ký của Anne Frank », mà tác giả là một cô gái viết thuật lại những điều nghe thấy trong thời gian tại xóm cô ở hồi Thế giới đại chiến bị bọn Đức quốc xã, chiếm đóng.

Quyền nhật ký đó bán chạy không kém gì sách của mấy

chính khách, mấy nhà văn tên tuổi, ngoài ra còn được quay thành phim chiếu bóng mà khán giả Sài-gòn đã được thưởng thức.

Bây giờ lại đến một cuốn sách khác đang làm chấn động dư luận nước Ba-Tây (Brésil) mà tác giả chỉ là một thiếu phụ rất nghèo khổ, mỗi ngày chỉ viết nhật ký cho đỡ cảnh đau buồn, không ngờ bây giờ tập nhật ký đó lại là tác phẩm bán chạy như tôm tươi, chỉ vì lời văn hết sức chân thực, tả

đúng với hình ảnh của cuộc sống hàng ngày.

Nhật ký « **Ồ CHUỘT** », — Bà Carolina Marina de Jésus là một thiếu phụ có ba đứa con của ba người chồng khác nhau. Mỗi lần sinh nở, mấy anh chồng đều bỏ đi mất để con lại cho bà nuôi trong một « **Ồ chuột** » ở San Paola. Hàng ngày bà Jésus vợ vét giấy vụn ở ngoài đường đem bán đi lấy tiền mua bánh mì nuôi con. Mỗi ngày bà lại phải đem thùng ra máy lấy nước về dùng thật là khó nhọc. Tối đến, dưới ánh đèn leo lét, trong « **Ồ chuột** » bà Jésus cặm cùi ngồi viết nhật ký, thuật lại cuộc sống nghèo khổ cực nhọc của xóm lao động bà ở.

Bà viết ký ức đầy cả 26 tập giấy trắng lượm được trong mấy thùng rác, Hàng xóm thấy bà chăm chỉ viết xúm lại mai mỉa : « con mẹ ấy lại làm ra mặt trí thức viết văn viết sách. »

Một hôm ở vùng bà có lễ khánh thành một vườn chơi trẻ em. Mấy người lớn dành nhau với trẻ nhỏ lên ngồi trên những ghế xích đu mà đùa rồn với nhau. Thấy thế, bà

thở dài nói với người bạn. Đó là loài súc vật mà tôi phải sống chung. Tôi sẽ viết lại những cử chỉ của bọn người lớn ấy trong nhật ký của tôi để cho khỏi quên. Ngay lúc ấy ông Oudalios phóng viên của một nhà báo lớn nghe thấy bèn hỏi : Nhật ký gì. Bà mỉm cười đáp : thưa ông « **Nhật kýỒ Chuột** ».

MỘT QUẢ BOM VĂN NGHỆ ĐƯỢC TUNG RẠ TRÊN ĐẤT

BÀ TÁY : Một tuần sau, nhật ký của bà De Jesus đã được ký giả Oudalios sưu tầm xếp đặt lại và đem in thành sách dày 182 trang với nhan đề **Ồ CHUỘT**. Sách vừa bày ra cửa kính hàng sách, người ta tranh nhau mua như một thứ thực phẩm khan hiếm.

Như một quả bom nguyên tử nổ tung, nhật ký của De Jesus trong một tuần lễ bán hết 10.000 cuốn, mấy ngày sau lại bán hết 20.000 cuốn nữa, hiện đã bán đến vạn thứ năm, của lần tái bản thứ ba, phá kỷ lục các sách chạy nhất trong năm.

Ngoài ra bà De Jesus còn được mời lên đài vô tuyến truyền hình để nói chuyện

cùng thỉnh giả. Như thế, đang nghèo khổ, bà đã trở nên giàu có vì một cuốn nhật ký tả chân.

ĐÔI GIÀY NGÀY LỄ GIÁNG

SINH : Đối với người giàu sang ở Ba Tây, khu vực lao động mà bà De Jesus ở là một khu vực bí hiểm, mang một cuộc sống riêng biệt, mà những người giàu sang không hề bước chân đến. Trong cuốn « Ổ chuột » tác giả thuật cho họ biết cuộc sống của xóm lao động đầy rẫy sự khốn khó, buồn khổ. Bà tả ngày sinh nhật của đứa con gái bà, không sao có tiền mua đôi giày cho nó đi, bà phải đi moi ở trong các đồng rác được đôi giày cũ bần, đem rửa sạch để mừng ngày sinh nhật của đứa con gái yêu mình. Nói đến một đứa con hai tháng bị chết, bà viết : « Nếu nó còn sống thì cũng đến chết đói... Còn gì đau khổ bằng khi đứa con mình ăn hết, rồi hỏi : còn nữa không mẹ. »

Bà viết trong cuốn nhật ký, phê bình Thủ tướng xứ Ba Tây : « Ông ấy là một người tối, nhưng lại sống trong cái lồng sơn son thếp vàng ». Rồi bà cảnh cáo : « Hỡi người tốt kia, hãy cẩn thận đó nhé,

Chúng tôi những người « Ổ chuột » là những con mèo... Và chúng tôi đói. »

Bà viết ở một đoạn khác :

« Một ngày kia, một thiếu phụ ổ chuột đến gõ cửa nhà một bà giàu có. Bà cho biết đợi một chút, sau đó bà ta ra với một gói lớn trong tay trao cho kẻ hành khất. Mừng rỡ, người đàn bà khốn nạn ôm gói chạy về ổ chuột dờ ra thì ôi thôi đó là hai con chuột chết !

RA KHỎI Ổ CHUỘT : Bây giờ đã có khá tiền, bà De Jesus dọn về nhà mới với con. Hôm dọn nhà có xe cam nhông đến cho mấy thứ đồ đạc hư cũ. Láng giềng bu quanh chiếc xe hơi, rồi một người la lên : Ê con đ... da đen (hầu hết người Ba Tây đều da đen) bộ mày tưởng lên thân, nhập vô giới quý phái sang trọng rồi hả. Mày viết về đời tui tao, kiếm được bộn tiền rồi dồng sao mày... »

Thế rồi mấy mụ lấy đá liệng vào mấy mẹ con bà De Jesus. Bà hoảng sợ ôm con nhảy lên xe tiến trên con đường sống mới, thoát khỏi hần nơi ổ chuột.



225 TRIỆU QUAN MỘT HỌA PHẨM.— Vừa rồi ở Luân-Đôn có một cuộc bán đấu giá các họa phẩm danh tiếng. Các nhà chơi tranh, các nhà triệu phú ở nhiều nước kéo đến mua rất đông. Nhưng tất cả mọi người đều phải chú ý đến một nhà tỷ phú ẩn danh đã trả giá một bức tranh của họa sĩ Hòa Lan Franz Haln thế kỷ thứ 17 là 225 triệu quan. Đó là câu nói cuối cùng, không còn ai dám nói thêm một câu nữa.

Kể từ xưa, bức tranh trên đây đứng vào hàng thứ ba các bức tranh bán đắt tiền nhất thế giới. Năm 1953, có người đã trả một tác phẩm của họa sĩ Rubens với giá 385 triệu quan.

Năm 1959, một người khác mua bức tranh « Đứa trẻ mặc áo đỏ » của Cézanne với giá 308 triệu quan.



HỘI ĐỒNG KIỂM DUYỆT Ở TÒA THÁNH VATICAN SẴN SÓC ĐẾN SỰ ĐỌC SÁCH CHO MẤY TRĂM TRIỆU DỘC GIẢ CÔNG GIÁO. — Tại Tòa Thánh Vatican, có đặt ra một ban Hội Đồng, có nhiệm vụ kiểm duyệt những tác phẩm văn chương xét ra có hại đến luân lý, đến tinh thần của con

chiến. Trước đây những tác phẩm của các nhà văn Charles Maurras, André Gide, J. Paul Sartre, Moravia Simone de Beauvoir, Kazantzaki đã bị coi là những sản phẩm văn chương đầu độc tinh thần, nên bị liệt vào những sách do tòa thánh Vatican cấm. Hiện nay, hình như có một số tác phẩm văn chương bị cấm sẽ được đem ra xét lại và có hy vọng sẽ được hưởng lượng khoan hồng. Nói về những năm gần đây, người ta thấy có văn phẩm của A. Gide hồi 1952 bị cấm, sau một năm, khi ông chết, hồi năm 1952. Tiếp đến là những văn phẩm của J. P. Sartre gồm những tiểu thuyết, sách viết về triết lý, truyện ngắn, kịch v.v. rồi đến Simone de Beauvoir với tập hồi ký tuổi trẻ. Cuốn Lolita của văn sĩ Ý-đại-lợi Alberto Moravia bán chạy vô kể cũng bị ghi vào « sổ đen » cùng với cuốn Le Guépard. Gần đây những văn phẩm của Nikos Kazantzaki cũng được hân hạnh theo số phận mấy tác giả kể trên, đó là mấy cuốn : Le Christ recrucifié và cuốn La Dernière tentation.

Ta nên biết rằng chẳng phải cá nhân của tác giả mà Tòa Thánh có ý truy tố, song chính là tác phẩm của họ vậy, vì những tác phẩm này xét ra có

hại cho nền luân lý Cơ Đốc giáo.

Đôi khi Hội đồng kiểm duyệt của Tòa thánh tỏ thái độ rộng lượng dễ dàng để tránh cho những tác phẩm khỏi bị ghi vào sổ đen, bằng cách báo trước cho tác giả mà tránh những lầm lỗi, chẳng hạn như trường hợp của Paul Chamson.

Cứ mỗi thứ bảy thì Hội đồng kiểm duyệt họp gồm một vị Hồng y thư ký, một vị bồi thẩm và ba hội viên. Một nhân viên khác phụ trách việc đưa trình Hội đồng cuốn sách mà ông ta nghi ngờ, sau khi đã đọc và phân tách tỉ mỉ. Nếu có nhiều người được cử ra đọc một cuốn sách, thì sự bí mật tuyệt đối cần phải được giữ, để cho người này không biết được việc làm của người kia hầu tránh sự gây ảnh hưởng lẫn cho nhau.

Sáng thứ hai, vị bồi thẩm họp cùng với các người đọc sách để thu lượm ý kiến của họ. Cùng ngày hôm ấy, những hồ sơ về cuốn sách được chuyển sang chín vị Hồng y, có trách nhiệm đọc những bản phúc trình và cả cuốn sách nữa. Sau đó tám ngày, chín vị Hồng y họp lại cùng với vị bồi thẩm để đối chiếu tất cả những dư luận, lời phê bình, hầu thảo một phúc trình thật hoàn toàn dâng lên Đức Giáo hoàng nghị quyết.

Cuộc hội kiến của vị Hồng y với đức Giáo hoàng được diễn ra ở phòng thư viện. Chỉ có đức Giáo hoàng mới có đủ thẩm quyền để ra lệnh cấm hay không một cuốn sách do Hội đồng kiểm duyệt của Tòa Thánh đệ trình. Sau khi suy nghĩ rất lâu, và sau khi cầu kinh, đức Giáo hoàng mới ra lệnh cấm một tác phẩm xét ra có hại cho người đọc giả công giáo về phương diện tinh thần.

Luật trong giáo hội cấm các con chiên không được mua, không được đọc, hay lưu trữ trong nhà, không được bán hay cho nhau mượn những sách : có tính cách chống đối với công giáo, hoặc tuyên truyền cho một giáo lý khác, những sách trái với đức tin, trái với luân lý, hoặc nói về phù thủy ma quái, dị đoan v.v. Theo được đúng nguyên tắc ấy, người công giáo tất nhiên không hề đọc những sách của Luther, của Staline. Chỉ các vị Hồng y và Giám mục mới có quyền đọc những sách bị cấm.

Hiện nay đức Hồng y Ottaviani đang sửa soạn một tờ trình dâng lên đức Giáo hoàng Jean XXIII đề Ngài duyệt lại một số tác phẩm trước kia bị cấm, xem có trường hợp nào được trắng bản án.

TÀI LIỆU

ÔNG KENNEDY LÀ AI ? — Theo tục lệ Mỹ, mỗi người dân thường mang 3 tên : tên đầu gọi là « Tên Thánh » « tên giữa », và « tên cuối cùng ». Tập tục đó có một vài điểm hữu ích, chẳng hạn nó giúp ta xác định thành phần xã hội của một người và biết sơ lược quá khứ của con người đó.

Tân Tổng Thống Mỹ hiện nay mang tên : « John Fitzgerald Kennedy ». Đối với bất cứ người Mỹ nào, 3 tên đó có một ý nghĩa rất đích xác và rõ rệt : Ái-nhĩ-lan, đạo công giáo và đối với người sành sỏi hơn, nó có nghĩa là đô thị Boston.

Boston, kinh đô của « nước Cộng Hòa Massachusetts » không phải là một đô thị giống như các đô thị khác của nước Mỹ. Điểm đặc sắc của đô thị này không do tính cách lâu đời bằng vấn đề xã hội của nó. Boston tự hào có một lớp thượng lưu quý tộc. Về mặt xã hội, quyền cai quản đô thị lọt vào tay một số gia đình giàu có, sống trong những ngôi nhà đặc biệt, cất vào cuối thế kỷ XVIII hoặc đầu thế kỷ XIX theo lối kiến trúc vừa đài các vừa kín đáo mà người Mỹ miền Bắc gọi là kiểu « thuộc địa » và miền Nam gọi là « kiểu Georgien » (âm chỉ vua George nước Anh), những ngôi nhà bày biện đầy những đồ đạc bằng gỗ đào hoa tằm, những chân dung tổ tiên và những cửa kính có kẻ những hình vuông.

Bất cứ người Mỹ nào, có học thức ít nhiều, đều biết tên những gia đình danh tiếng ở Boston. Những gia đình theo đạo tin lành này được nhiều thành tích rực rỡ trong địa hạt chính trị địa phương cũng như toàn quốc, đã sản xuất một số giáo sư đại học, văn sĩ và những tay thích thời thượng chuyên nghiệp, như những Lowell, những Cabot, những Lodge, mà điển hình sống động là ông Ô. Henry Cabot Lodge.

Nhưng đó chỉ là chuyện quá khứ ; trong hiện tại, giai cấp quý tộc không thống trị thành phố nữa ; uy quyền chánh trị của họ ở tiểu bang Massachusetts giảm bớt rất nhiều, và từ nhiều năm nay, những đô trưởng của Boston đều là những người Ái-nhĩ-lan,

GIÒNG DÔI ÁI-NHĨ-LAN

LAN sống di cư Ái-nhĩ-lan bắt đầu vỗ vào bãi bờ Boston vào khoảng cuối thế kỷ XIX, và đã định cư ở những khu vực gần hải cảng. Họ buôn bán, sinh sản cách mãnh liệt, và đồng thời cũng tham gia hoạt động chính trị.

Có lẽ do một vụ « đói khoai tây » nào đó, mà tổ phụ của Tân Tổng Thống Mỹ đã theo đoàn người đồng chủng vượt đại dương để đến sinh sống ở Boston. Ông mang tên là Patrick, giống như tất cả những người Ái-nhĩ-lan khác; người ta thường truyền miệng nhau rằng ông đã làm giàu nhờ mở quán bán rượu. Có thể câu chuyện viễn vong ấy đúng với thực tế, nhưng giòng dõi Kennedy đã tiến lên rất mau về địa vị xã hội cũng như tài chánh, đến đổi nguồn gốc cũ hầu như bị lãng quên hẳn, và vào cuối thế kỷ vừa qua, Patrick Kennedy đã làm chủ một gia tài khá đồ sộ. Bà vợ của ông là Pat. Mary Hickey, cũng thuộc một gia đình giàu có.

Vào năm 1898, Patrick đã tham gia mạnh mẽ các hoạt động của đô thị. Lúc bấy giờ, ông ở một ngôi nhà rất xinh đẹp cất theo kiểu « thuộc địa ». Chính nơi đây, ông đã sinh hạ được 4 người con, mà người con cả là Joseph, thân sinh của đương kim Tổng Thống.

CUỘC ĐI LÊN
CỦA GIA ĐÌNH KENNEDY

NGÀY nay ai cũng nhận thấy rằng, ngay lúc còn trẻ, Joseph, cũng gọi là « Joe » đã bộc lộ một tham vọng ghê gớm và một thiên tài rõ rệt. Nhờ gia đình giàu có, Joe đã vào học tại Harvard; mặc dù anh không được thu nhận vào những hội quán hạn chế là nền tảng của cuộc sống xã hội ở đại học đường, bởi vì anh là người Ái-nhĩ-lan, nhưng nhãn hiệu « Harvard » vẫn treo ở cổ và vì thế anh là một người « có hạng ».

Sau đó cuộc sống anh trở nên vô cùng phức tạp, bởi vì không sao kể xiết những hoạt động tài chánh của anh. Chỉ cần nhắc lại rằng vào tháng 1-1914, năm 25 tuổi, anh là một giám đốc ngân hàng trẻ nhất tiểu bang Massachusetts và có lẽ toàn thể nước Mỹ.

Vào tháng 10-1914, ông giám đốc ngân hàng trẻ tuổi kết hôn cùng lệnh nữ của ông John Fitzgerald, một người bạn cũ và là đồng chí chính trị của thân phụ mình.

Joe Kennedy thường nói : « Tôi biết nghề làm ngân hàng này có thể đưa tôi đến bất cứ nơi nào, bởi vì nó là nền tảng của những công việc to lớn. »

NHỮNG THAM VỌNG CỦA « CỤ JOE »

NHƯNG rồi, vì những thành kiến xã hội chống Ái-nhĩ-lan ở Boston quá mãnh liệt, nên Joe Kennedy nhận thấy rằng muốn thành công, ông phải đi lập nghiệp nơi khác. Đã hẳn, đó cũng là một lý do, những lý do chính của sự quyết định kia là vì đất Boston không đủ dung nạp những tham vọng to lớn của Joe.

Thế là vào những năm đầu sau trận thế chiến¹, Joe đem vợ và 9 con mà « Joe Junior » và John là 2 người con đã đi đến Nữ-ước là nơi ông có thể leo lên những nấc thang cao hơn về danh vọng và tiền tài.

John Fitzgerald Kennedy sinh vào ngày 29-5-17. Vào thuở ấy, thân phụ anh đã giàu có lắm, nhưng đến tuổi thanh niên anh, thì ông ta là một triệu phú.

Tiền bạc đưa thẳng ông vào chính giới : Ông già Joe không có gì là Ái-nhĩ-lan cả, ông mang trong mình cả một giòng máu chính trị. Năm 1932 ông tuyên bố ủng hộ Franklin Roosevelt và đó là một hành động táo bạo vào buổi ấy. Ngoài ra ông còn nhiệt tâm giúp đỡ đảng dân chủ về mặt tinh thần cũng như tài chánh. Nhờ đó ông được đề cử tham gia nhiều ủy hội chính phủ và đến năm 1938, được bổ làm đại sứ Hiệp-Chủng Quốc tại Luân-Đôn. Với chức vụ này, ông đã thành công mỹ mãn.

Nhưng sau đó, vì nhiều lý do mà Joe mất dần mối thiện cảm và tin nhiệm ban đầu của Tổng Thống Roosevelt. Trước tiên, mặc dù làm đại sứ, ông vẫn nhúng tay vào những hoạt động tài chính. Điều quan trọng hơn nữa, là ông hy vọng dùng triều đình Saint James làm bàn đạp cho ông bước vào

Bạch-Cung năm 1940. Ngoài ra, ông còn đứng về phe chủ bại trong cuộc chiến đấu của Đồng minh chống Phát xít Đức và cương quyết cản trở việc Mỹ nhảy vào vòng chiến. Không đợi lệnh triệu hồi, ông Joe xin từ chức vào cuối năm 1940.

Từ đây, ông dồn cả mọi hoạt động vào việc kinh tài và kết quả là vào năm 1957, tờ tạp chí Mỹ Fortune liệt ông vào hạng 6 người giàu nhất nước Mỹ với một gia tài độ 250 triệu mỹ kim ngang hàng với du Pont de Nemours, Howard Hughes, và nhà đại tư bản dầu hỏa Sid Richardoon.

Tuy nhiên, những bận rộn về chính trị cũng như kinh doanh không làm cho ông Joe và bà Rose Kennedy xao lãng việc chăm lo con cái. Đây lại là một đặc điểm của giòng máu Ái-nhĩ-lan. Mọi người đều quả quyết thế hệ trẻ Kennedy còn đi xa hơn và lên cao hơn thân phụ và tổ phụ nữa. Tất cả tham vọng của gia đình tập trung vào « Joe Junior ».

Từ tấm bé, anh này đã quả quyết làm Tổng Thống Hiệp-chúng-Quốc... Điều đó xem ra hiển nhiên đối với cha và mẹ anh, bởi vì anh bẩm thụ rõ ràng những đức tính cần thiết để đưa gia đình lên tuyệt đỉnh danh vọng. Anh có một phong thái uy nghi, đẹp đẽ, đầu óc thông minh và một thứ uy tín riêng biệt mà ai gần anh cũng cảm thấy.

Nhưng điều « nhơn nguyện » chưa chắc đã hợp với « thiên lý ». Anh đã chết, chết một cách anh hùng và rạng rỡ trong một cuộc lái phi cơ đi oanh tạc các vị trí quân phát xít Đức.

Gia đình Kennedy nhận được cái tin đau xót này vào lúc trung úy hải quân John Kennedy đương nằm tĩnh dưỡng tại một bệnh viện quân y ở Massachusetts. Sau khi « Joe Junior » chết, tham vọng của gia đình Kennedy lại chuyển qua John Fitzgerald, người con thứ.

JOHN FITZGERALD

CUỘC PHIÊU LƯU KIỀU RÔ-BINH-SƠN.— John Fitzgerald hoặc « Jack » như trong gia đình thường gọi — sinh ngày 29 tháng 5 năm 1917. Anh không thừa hưởng một tấm thân lực sĩ như Joe Junior. Sau khi học xong ban Trung học, anh đã

tốt nghiệp cách rạng rỡ tại đại học đường Harvard. Theo sự phân chia tham vọng và nghề nghiệp trong gia đình, John sẽ đi về ngành văn chương và triết học. Năm 1941, khi học luật xong, anh được lệnh gia nhập Hải quân và năm sau mang lon sĩ quan. Anh xuýt bị sa thải vì xương sống anh sai khớp từ mấy năm trước trong khi anh chơi banh ở viện Đại học.

Jack không chịu đầu hàng. Anh cố gắng tập luyện theo phương pháp trị liệu để sửa chữa và cuối cùng anh đã được cấp trên thừa nhận. Người ta đưa anh đến Washington để làm việc bàn giấy nhưng không chịu nổi không khí ngột ngạt của văn phòng anh đã vận động ra hành dịch ở ngoài. Cũng như bao thanh niên khác, anh được đưa đến khu vực hành quân Thái bình dương, sung vào đội tuần tiễu đóng ở một cù lao nhỏ xa lạ, gọi là Rendova, về phía nam xứ Nouvelle-Géorgie. Anh được giao quyền điều khiển chiếc tiểu đỉnh PT-109, có nhiệm vụ khám phá những đội tuần la Nhật-bồn.

Vào đêm 2-8-1943, một đêm không trăng, chiếc tiểu đỉnh của Jack Kennedy bị một khu trục hạm Nhật-bồn đánh đắm tại eo biển Blackett, gần quần đảo Salomon, cách căn cứ quân sự chừng 40 hải lý. Kết quả : 2 người mất tích, 1 người bị bỏng trầm trọng và anh lại bị sai khớp xương sống lần nữa. Anh ra lệnh cho những người sống sót bơi vào hòn đảo nhỏ cách xa chừng 3 dặm. Còn anh, anh dùng răng chặt lấy dây da chiếc phao để có thể rảnh tay dìu người bạn bị thương. Anh phải lội 3 giờ như vậy mới đến bờ.

Hòn đảo hoang vu, không có một bóng người. Kennedy để binh lính lại đó, và một mình đi tìm cứu viện, nhưng anh lội suốt đêm mà không gặp được một đơn vị bạn nào.

Sau đó, sự việc xảy ra giống như cuộc mạo hiểm của Robinson vậy. Anh và toán lính trực thuộc phải chịu đói khát và gặp nhiều nguy hiểm, trong khi đi khảo sát các cù lao lân cận. Cuối cùng, sau nhiều ngày tìm kiếm, anh đã gặp được thổ dân và được họ sẵn lòng báo tin cho căn cứ quân sự Mỹ ở Rendova. Không có gì để viết, anh đã lấy dao khắc vào một vỏ dừa.

Sau 7 ngày cố gắng và chờ đợi, đoàn cứu viện đến, Những

người sống sót được đưa về Rendova và bộ tư lệnh cho phép hồi hương.

Nhưng lạ thay ! Kennedy từ chối ân huệ đó. Anh cũng đầu luôn việc xương sống bị sai khớp và anh được giao phó một trách nhiệm điều khiển khác. Cuối cùng khi anh được về quê nghỉ phép, tình trạng sức khỏe anh rất đáng lo ngại ; lưng anh không lành, lại mắc thêm chứng sốt rét trầm trọng. Anh được đưa đi mổ lần đầu tiên tại bệnh viện quân y Boston. Anh mất một năm mới bình phục. Trong thời gian đó, anh được hải quân tuyên dương vì hành động dũng cảm vừa qua.

Năm 1945, chiến tranh chấm dứt và Jack tưởng mình đã lành, nhưng thực ra anh lằm. Anh thử đi về ngành báo chí và làm đặc phái thông tin viên cho một hãng thông tấn lớn ở Mỹ. Vì thế, người ta thấy anh tham dự hội nghị L.H.Q. lần thứ nhất tại Cựu-Kim-Sơn và hội nghị Postdam trong đoàn tùy viên báo chí của Tổng thống Truman.

KENNEDY, MỘT ROOSEVELT THỨ HAI VÌ DANH DỰ CỦA ĐỒNG HỌ

NĂM 1946, Jack bước vào con đường chính trị. Giòng họ Kennedy ước mong và đã dự kiến như thế. Chính anh cũng chọn con đường đó vì trung thành với gia đình. Sau này, có lần anh đã tâm sự với bạn bè :

— Tôi làm chính trị, bởi vì Joe đã chết ; nếu mai đây tôi có chuyện gì, thì có em Bobby tôi thay thế tôi ở Thượng nghị viện ; và nếu Bobby chết đi, Jerry sẽ kế vị anh.

Vả lại, không ai cấm ta đoán rằng Jack đã nghĩ đến thân phụ mình : ông già Joe có thể ra ứng cử Tổng thống năm 1940, nếu Franklin Roosevelt không quyết định tranh cử nhiệm kỳ thứ ba.

Theo thông lệ ở Mỹ, con đường chính trị có từng cấp bậc. Hiếm thấy người lên thẳng Thượng nghị viện mà không qua Hạ nghị viện ; Nếu người ta muốn làm đến Tổng thống — và đó là mục đích của Jack — thì việc thu thập các kinh nghiệm của cả hai viện lại càng là một điều hữu ích. Jack định ra ứng cử với tư cách đại biểu đảng Dân chủ tại khu vực bầu cử thứ

11 ở tiểu bang Massachussetts. Khu vực này gồm có xã Cambridge (tức Harvard) và 4 khu phố của Boston mà trong đó hết 3 khu do người Ái-nhĩ-lan và Ý-đại-lợi chiếm cứ.

Trong cuộc vận động tranh cử này, người ta có dịp thấy phương pháp khéo léo cũng như những tài năng xuất sắc của anh... trong vấn đề chiếm đoạt quần chúng.

Và điểm đáng nói là toàn thể gia đình đều xông vào chiến cuộc. Các cô em của anh thay phiên nhau thường trực, trả lời điện thoại, rải truyền đơn. Nhiều toán bạn bè anh vui vẻ và nhiệt thành hoạt động cho chiến dịch. Và từ trong cơ nghiệp Hyannis Port tại Cape Cod, ông già Joe luôn luôn theo dõi các hoạt động ấy với cặp mắt sành sỏi, quyển sổ chi phiếu nằm ở tầm tay viết.

Jack Kennedy đã thắng cử cách dễ dàng. Cái tin ấy được ca ngợi rộn ràng trong các quán rượu Ái-nhĩ-lan ở Boston; và người ta thấy — có lẽ là lần cuối cùng trong lịch sử chính trị của thành phố — tổ phụ Fitzgerald leo lên bàn và cất tiếng hát bài Sweet Adeline, một bài phong ca khả kính của Ái-nhĩ-lan được thịnh hành trong các khu phố Boston vào thế kỷ trước. Ông già có đủ lý do để vui mừng: người cháu nội ông bước vào hoạn lộ, năm 29 tuổi, cũng là tuổi mà ông bắt đầu cuộc đời chính trị của ông.

SỰ GIÚP ĐỠ CỦA BOBBY VÀ HÀNG TRIỆU MỸ KIM CỦA ÔNG JOE

Kỷ nguyên Washington của Jack mở đầu với những triệu bảo tằm thường. Lúc này ông dân biểu trẻ tuổi chỉ « xuất sắc » về phương diện hào hoa, lịch thiệp hay « xã hội » như người Mỹ thường nói; về phương diện chính trị ông bị mất trong số đông, nhưng chính trị lại là môn kỹ nghệ độc nhất của chốn kinh thành liên bang.

Tuy nhiên, những người chú tâm quan sát đều công nhận rằng ông không thiếu bản lãnh, không thiếu can đảm và nhất là đầu óc kháng nghị mà hình như ông thừa hưởng được của thân sinh. Ông cương quyết làm việc rất nhiều đề chuẩn bị ngày mai. Ông hấp tấp muốn đạt đến thắng lợi.

Vào năm 1952, ông bước lên cấp cao hơn. Nước Mỹ hẳn chưa quên cái năm bầu cử mà đại tướng Eisenhower đã lên kế vị Harry Truman, sau khi đánh bại các nhà bảo thủ có khuynh hướng Taft và các nhà tự do kiểu Adlai Stevenson.

Tại Massachusetts, vấn đề đặt ra cho Jack Kennedy rất là đơn giản : Đánh bại Henri Cabot Lodge. Tất cả giòng họ Kennedy lại nhảy vào cuộc tấn công với tất cả phần khởi, tất cả khả năng tài chánh và tất cả nhiệt thành. Trong cuộc tranh cử này, người ta có dịp biết đến Bobby, người em thứ và là người con út của ông già Joe. Có lẽ anh là người thông minh nhất nhưng cũng ít thiện cảm nhất của giòng họ Kennedy. Nếu anh là người cộng tác vô cùng quý báu, thì cũng là một địch thủ đáng kinh sợ. Chính anh là người giữ chức vụ tham mưu trưởng trong chiến dịch bầu cử của Jack năm 1952 tại Massachusetts, và cũng chính anh điều khiển các cuộc vận động bầu cử năm 1956 và năm 1960

Trận đánh 1952 đã được đoàn quân Kennedy tổ chức một cách hoàn hảo đến tàn nhẫn và kết quả Henry Cabot Lodge bị đánh bại bởi 70.000 phiếu trắng.

Cuộc chiến thắng thật là lạ lùng. Khắp nơi trên đất Mỹ, các đảng viên dân chủ bị đánh bại tơi bời và ngay trong tiểu bang Massachusetts, những người có khuynh hướng dân chủ muốn vào các chức vụ bầu cử địa phương cũng đều bị loại. Từ đây, các lãnh tụ đảng dân chủ mới bắt đầu chú ý đến ông và tự hỏi phải chăng ông là một tay chính trị cừ khôi bậc nhất?

Các địch thủ của Jack, thường bảo rằng sở dĩ ông thắng cuộc được là nhờ các triệu mỹ kim của ông già Joe. Vấn đề sổ sách chính trị thực khó lòng mà xác định cho mình bạch. Lúc đó, đảng Dân chủ tuyên bố đã tốn chừng 350.000 mỹ kim để bảo đảm thắng lợi cho ứng cử viên của mình. Jack Kennedy bảo mình đã xuất tiền túi ra chừng 16.000 mỹ kim, và cha mẹ, anh chị em của anh bỏ ra mỗi người độ 5.000 mỹ kim cho cuộc tranh cử. Những người bạn khác đã chính thức ủng hộ khoảng 4.000 mỹ kim cho quỹ vận động. Thực ra, tiền phí tổn còn nhiều hơn thế : riêng ông già Joe cũng đã bỏ ra chừng 2.000.000 mỹ kim rồi. Nhưng cũng nên công bình mà nhận rằng đảng

cộng hòa cũng đã hao tổn không ít, vì đã bỏ ra trên 1.000.000 mỹ kim cho cuộc tranh cử tại Massachusetts.

Một câu chuyện khác được người ta truyền miệng cho nhau sau ngày chiến thắng của Jack Kennedy : Tờ báo có ảnh hưởng Boston Post từ trước đã ủng hộ thượng nghị sĩ Lodge. Đột nhiên, vài ngày trước hôm bỏ phiếu, tờ báo đó bỗng bỏ rơi Lodge để cổ động cho ứng cử viên dân chủ. Vài ngày sau, người ta được biết rằng ông già Joe đã bằng lòng cho ông chủ nhiệm vay 500.000 mỹ kim. Những lời thanh minh đăng tải ở đây đó không thể nào làm cho người ta tin theo hoàn toàn...

T. V. L.



CÁC NHÀ THIÊN VĂN PHÁP ĐÃ CHỤP ẢNH Đám Mây KHÍ KHÍ VẬN CHUYỂN GIỮA LÒNG SÔNG NGÂN HÀ, CÁCH TRÁI ĐẤT 300 TRIỆU CÂY SỐ. — Nhà bác học thời danh nước Anh, ông A. Ch. B. Lowell, giám đốc đài thiên văn Jodrell Bank đã cho chúng ta hay, sở dĩ các nhà vô tuyến thiên văn đã khám phá ra sự hiện diện của khí khí ở khoảng cách giữa các ngôi sao, chính là nhờ các làn sóng Hertz do chất khí ấy phát ra và các kính viễn vọng có thể thu nhận được.

Thì vừa đây, khoa quang học thiên văn đã minh chứng bằng ảnh sự hiện diện của chất khí đó ở ngay giữa trung tâm Ngân hà, một tinh vân xoáy tròn ốc vô cùng vĩ đại, trong đó thái dương hệ chúng ta đương châu trần và chiếm một khu rất nhỏ hẹp. Mặc dù một mình tập hợp ít ra đến 100 tỷ ngôi sao, tinh vân đó chỉ là một ngân hà trong số không biết bao nhiêu ngân hà khác rải rác trong vũ trụ.

Sự khám phá đó là công trình của 2 nhà thiên văn phụ trách đài thiên văn Marseille, ông Georges Courtès và Paul Cruvellier, quân đốc và tùy viên của trung tâm quốc gia nghiên cứu khoa học (C. N. R. S.). Họ đã quan sát tại đài thiên văn miền Haute-Provence một trong những trung tâm thế giới của khoa Thiên thể vật lý bằng kính viễn vọng hoàn bị, nhất và lớn nhất Âu châu hiện nay với đường kính 1m, 93.

Ông Georges Courtès cho hay ông đã đạt đến những miền gần trung tâm ngân hà và cách trái đất chừng 26 ngàn năm ánh sáng, nghĩa là khoảng 300 triệu tỷ cây số.

Nói cách khác, đám mây chụp ảnh được là đám mây đã « thấy » đúng như hình ảnh của nó cách đây 26 ngàn năm. Từ mặt trời, hình ảnh phỏ diễn đúng thực thể của nó ở 8 phút trước, cho đến chòm sao Thiên Nga (Cygne) cách xa chúng ta đến trăm triệu năm ánh sáng, tất cả bầu trời đầy những ngôi sao hoặc rõ rệt hoặc lu mờ kia đều chỉ là một hệ thống những hiện tượng « trái cựa » với thời gian, bởi vì nếu người ta có thể thăm dò đến những vùng biên鄙 xa xôi của vũ trụ, thì người ta cũng chỉ chứng kiến được những biến cố xảy ra từ « nguyên thủy ».

NHỮNG TÍN HIỆU CỦA KHINH KHÍ

THẾ là khoa vô tuyến thiên văn đã thành công rất vẻ vang. Các kính vô tuyến viễn vọng có thể dò xét chiều sâu của vũ trụ xa hơn các khí cụ quang học cổ điển rất nhiều! Quả vậy, những làn bụi ở khoảng giữa các ngôi sao hút mất mọi thứ ánh sáng và chỉ để các làn sóng vô tuyến lọt qua thôi. Nhờ đó, ta có thể nhận được những làn sóng Hertz từ các miền rất xa xôi của không gian mà không một làn ánh sáng nào có thể lọt thấu chúng ta. Chính nhờ các phương pháp của ngành vô tuyến thiên văn mà giáo sư Dort và các người cùng cộng sự ở đài thiên văn Leyde nước Hòa-lan đã khám phá được một vùng khinh khí trung tính rộng mênh

mông ở trung tâm ngân hà ; Và trong khi kiên nhẫn họa bản đồ tất cả những nguồn vô tuyến (radio sources) khám phá được ở sông ngân hà đó họ có thể xác nhận rằng nó là một tinh vân xoáy tròn ốc.

Từ đó, người ta đã nhận thấy rằng những làn phóng xạ do vũ trụ tuyến phát ra hình như bắt nguồn từ các nhánh của đám tinh vân đó. Cũng chính nhờ kính khí ở khoảng giữa các ngôi sao phát ra những làn sóng vô tuyến mà chúng ta biết được nhiều điều khác nữa. Đặc biệt là đường kính khí trung tính chiếu tỏa ra trên làn sóng dài 21 phân mét, nên trong lúc đó chuyển theo tác dụng Doppler-Fizeau, có thể cho chúng ta biết thiên thể phóng xạ tiến về phía chúng ta hay lùi ra xa.

Nhờ đó các nhà bác học Hòa lan có thể xác định các vận chuyển sông ngân hà và họ nhận thấy rằng miền trung tâm của nó, trong lúc xoay mau, cũng tỏa ra, với tốc độ vận chuyển là 200 cây số giây.

Cho đến ngày nay, các viễn vọng kính không thể nào khám phá được các « trái thơm » (moyeu) của bánh xe kỳ dị có hình hạt đậu là sông ngân hà. Vì vậy sự thành công của 2 ông Courtès và Cruvellier là một điều rất đáng chú ý.

Bằng tấm hình chụp được về một thực tế xảy ra từ 26 ngàn năm ánh sáng, khoa quang học thiên văn xác nhận những khám phá vô cùng vĩ đại của ngành khoa học mới mẻ : Khoa vô tuyến thiên văn.

N. T.



KHOA HỌC và TÔN GIÁO. — Cách đây đúng 100 năm, một cuộc bút chiến sôi nổi đã diễn ra ở Anh, giữa nhà bác học Thomas H. Huxley và đức giám mục Oxford, vì vấn đề khoa học với tôn giáo.

Lần này tạp chí Arts lại đưa vấn đề ấy ra thăm dò ý kiến, và tự chọn lựa lại nhằm đúng vào cháu của T. H. Huxley là nhà sinh vật học Julian Huxley.

Julian Huxley cho rằng cuộc xung đột giữa khoa học với thần học chẳng qua là do một cuộc xung đột rộng lớn hơn, giữa nhị nguyên duy linh với nhất nguyên duy vật. Theo nhà sinh vật học này, « kho học tự nhiên có thể hoàn toàn giải thích được sự tiến hóa rõ ràng từ con vượn — người cho đến con người. Sự tiến hóa từ cái trứng vô tri vô giác cho đến con người cũng thế. Giáo hội La-mã cho rằng tất cả nhân loại đều do nơi một đôi trai gái đầu tiên sinh ra chứ không phải do ở sự tiến hóa tuần tự của một loại động vật, chắc chắn là chủ trương ấy sai lầm. Còn như giáo hội cho rằng thuyết tiến hóa chỉ cất nghĩa được sự biến đổi thân thể của con người chứ không đề cập được tới linh hồn của con người thì lại là hoàn toàn vô căn cứ ». Khoa học ngày nay cất nghĩa được cả vũ trụ và con người, Chúa bởi vậy không còn cần thiết nữa. Trái lại Chúa thành ra một vương viú nặng nề đối với sự suy tưởng của con người. Tất cả những thần thánh, tin ngưỡng, đều là sản phẩm của một hiện tượng tạm gọi là tâm lý biến thể (psychométabolisme). J. Huxley cho rằng thoát khỏi tin ngưỡng tôn giáo là cất bỏ được một gánh nặng, người ta sẽ thấy nhẹ nhàn hơn hết bao nhiêu.

Đáp lại Julian Huxley, triết gia công giáo Jean Guitton lấy làm ngạc nhiên về sự lầm lẫn của nhà sinh vật học giữa phạm vi của khoa học và của thần học, triết học.

Khoa học chỉ có thể trả lời được vũ trụ là con người thành hình *ra sao*, phát triển cách nào mà thôi. Còn như *tại sao* có vũ trụ, có con người, con người và vũ trụ sẽ đi tới đâu, sự sống có mục đích gì... những câu hỏi ấy khoa học làm sao trả lời được, nó thuộc phạm vi của triết học, của thần học. J. Guitton bảo : « Chúng ta hãy cứ cho ông Huxley có lý tất cả đi. Hãy cứ coi như khoa học dạy rằng tiến hóa là một quá trình liên tục có thể cất nghĩa được sự tiến triển từ vật chất vô tri cho đến sự sống, từ quả trứng cho đến bộ não biết suy tưởng v.v... Vậy, chúng ta hãy cứ cho ông Huxley hoàn toàn thỏa mãn trước một nền khoa học có thể giải thích được tất cả, và có thể làm cho quả trứng phát sinh ra tư tưởng đi.

Khi đó tôi, tôi vẫn không thỏa mãn chút xíu nào. Tôi vẫn chưa hiểu được vật chất, sự sống, sự tiến hóa, tự trong bản

chất nó là gì; *tại sao* có quy luật mà lại không hỗn loạn; *tại sao* phát sinh ra tư tưởng; *tại sao* tất cả những cái đó lại hiện hữu làm chi; *tại sao* có tôi; *mục đích* đời sống của tôi là gì; và *ý nghĩa* của cả vũ trụ này là gì và cái chết có ý nghĩa gì đối với một sinh vật biết tư tưởng? Trong thâm tâm mọi người đều tự nêu lên những câu hỏi như thế. Và chắc chắn rằng khoa học không bao giờ trả lời được. »

Ông Huxley cho rằng Chúa là sản phẩm của sự tiến hóa tâm lý xã hội, ông muốn cắt nghĩa cả sự tin tưởng ở Chúa. Tiếc thay, người ta cũng có thể làm ngược lại, và cắt nghĩa tư tưởng vô thần của ông Huxley một cách dễ dàng.

Ông Huxley cho rằng không còn Chúa nữa người ta sẽ khoan khoái nhẹ nhàn. « Nhưng khoan khoái trong một thế giới mà các loài cùng kể tiếp nhau tiêu diệt, mà tất cả hy vọng của hiện tại đều đặt vào một tương lai sẽ trở về hư vô, mà kẻ xảo quyệt tha hồ áp bức người nghèo hèn, mà các tiến bộ của khoa học chỉ đe dọa tiêu diệt sự sống chứ không hề soi sáng ý nghĩa sự sống — hay là khoan khoái nhẹ nhàn bởi vì người ta đã thôi không muốn cắt nghĩa, không muốn tìm hiểu về các điều bí mật nữa, như thế thì thật là quá dễ dãi. »



MỘT VẤN ĐỀ TRỌNG ĐẠI CỦA NHÂN LOẠI CẦN ĐƯỢC GIẢI QUYẾT : CÁI ĐÓI.— Ba mươi tư nhà chuyên môn của 10 quốc gia vừa mới họp nhau lại ở Dinard để bàn xét mấy vấn đề quan trọng của tương lai nhân loại. Song có một vấn đề tối quan trọng được đưa ra và làm cho mọi người phải lưu tâm đến là : có giải pháp nào khiến cho bảy giờ và 40 năm sau mỗi người đều được ăn no đủ ».

Trên trái đất, cứ trong 24 giờ đồng hồ thì có 120.000 người ra đời, nghĩa là 5.000 người mỗi giờ, hay cứ 2 giây thì có 3 người. Hiện nay dân số thế giới ước lượng 3 tỷ người đến năm 2.000, thì sẽ lên 6 tỷ, và năm 2.150, sẽ tới 18 tỷ, đó là theo cuộc điều tra về nhân chủng của Liên Hiệp Quốc.

Cuộc chạy đua ghê gớm của thời đại chúng ta là sự chiến đấu đáng sợ giữa hai khổng lồ : sản xuất thực phẩm, và sinh sản con người. Cuộc chạy đua sự thực thì bao giờ cũng có song, chính ra con người chỉ xông vào cuộc đua này chừng một thế kỷ rưỡi nay nghĩa là từ thời Malthus.

Lý thuyết của Malthus đặt trên hai công việc nhỏ này : những nguồn lợi thực phẩm tăng gia theo cấp độ tiến triển của cộng và dân số tăng gia theo sự tiến triển của cấp độ hơn. Hãy so sánh sự tiến triển :

Thực phẩm : 1 2 3 4 5 6 7.

Dân số : 1 2 4 8 16 32 64.

Bắt đầu từ thế hệ sau sự thăng bằng của dân số — thực phẩm sẽ bị tan rã, không thể cứu vãn, và nhân loại sẽ sa vào một thảm họa thê thảm.

Con người sẽ phải tự chặn đứng sự sinh sản, phải sống khắc khổ trong một tình trạng trai tịnh trước, và nếu có thể sau cả cuộc hôn nhân, và chỉ nên lấy nhau rất muộn màng.

Có một điều mà nhà kinh tế học Anh quốc Malthus chưa nghĩ đến là, theo sau sự sinh sản ghê gớm, còn có cuộc cách mạng kỹ nghệ của thế kỷ XIX. Việc cơ giới hóa nông nghiệp kèm theo nhiều tiến triển của khoa học đã nêu vấn đề đặt trên những căn bản mới. Điều chứng minh Malthus lầm là 3 tỷ người bây giờ sống khá hơn 700 triệu người ở thời ông ta.

Những thời gian lại vẫn cứ chiến đấu về phía Malthus. Ba tỷ người của thời 1960 còn có thể sống được, nhưng 18 tỷ người về năm 2150 còn có thể sống được chăng ? Trong cuộc chạy đua đường trường giữa thực phẩm và người thì thực phẩm thế nào cũng thắng một gang tay. Đó là một vấn đề sinh tử của nhân loại vậy.

Từ năm mười năm nay, tử thần đã bị đánh lùi nhờ có khoa học. Ở Ấn Độ trước kia 50% người dân chết yểu trước 20 tuổi, bây giờ có thể là 32 tuổi. Ở các xứ kém mở mang — số người chết yểu rất cao — lại là những nơi mà sự sinh sản ngày càng tăng gia, cho nên đã có câu thành ngữ rằng :

« bàn ăn của kẻ nghèo rất ít thức ăn, nhưng cái giường của họ thì lại sung túc ». Phải chăng đó luật thăng bằng của tạo hóa.

Thuyết của Josué de Castro lại phủ nhận điều này. Ông cho rằng tạo hóa không liên quan gì đến cái giường của người nghèo, họ đẻ sinh sản là vì thức ăn của họ thiếu chất dẫn bạch sinh tố. Sự sinh sản sẽ theo tỷ lệ với sự đói, mà các nước kia mở mang phải chịu khổ sở.

Có một liên quan chặt chẽ giữa sự hoạt động của buồng gan và buồng trứng: gan điều hòa kích thích tố cho buồng trứng đưa vào máu. Cho nên một trong những nguyên nhân thiếu chất dẫn bạch sinh (protéine) là sự hoạt động kém cỏi của gan không thể điều hòa được cái thừa của kích thích tố. Do đó có sự tăng gia dễ dàng năng lực sinh sản của đàn bà.

Nhân mãn không phải là nguyên nhân của đói kém, song chính sự đói và những hậu quả nó mới là nguyên nhân sinh ra nạn nhân mãn, đó là thuyết của Castro vậy.

Cũng chẳng nên kết luận một cách bi quan 18 tỷ người vào năm 2150 có lẽ chỉ có ở trên mặt giấy. Không gì chứng minh được rằng sức sinh sản — 1,5% — hiện nay sẽ không có sự thay đổi. Muốn bớt sức sinh sản chỉ cần ăn nhiều đảm bạch sinh hơn lên, theo thuyết của Castro, hoặc uống thuốc viên của bác sĩ Plucus. Bác sĩ Plucus người Mỹ mới tìm ra được một thứ thuốc chế thành viên ngăn không cho buồng trứng sinh nở nghĩa là không đẻ được. Người Mỹ coi sự phát minh thuốc viên không đẻ của bác sĩ Plucus là một trong những phát minh lớn lao trong những năm gần đây.

Malthus đã lầm, vì ông ta không tính được sẽ có kỹ nghệ hóa nông nghiệp.

Vậy trên những mảnh đất nào ở trái đất bị đe dọa bởi nạn đói?

**70% NGƯỜI Ở TRÊN THẾ
GIỚI AN KHÔNG ĐỦ NO**

NGƯỜI đàn ông và người đàn bà mỗi ngày cần phải nuôi dưỡng bằng một số thực phẩm chứa đựng 3.200 và 2.300

độ nhiệt (calories) như vậy mỗi người trung bình phải có 2750 độ nhiệt. Với tỷ lệ nào dân số thế giới đã đạt tới hay vượt cái mức ấy 27%8 còn lại 72%2 thì chia ra như sau : 12% sống với 2.200 — 2.700 độ nhiệt, trong tình trạng tiền đói, và 59,5% dưới 2.200 độ nhiệt thì tức là bị đói. Trong 100 người thì có 72 người ăn thiếu chất bổ dưỡng, nghĩa là không no.

Đó là mới nói đến « lượng », còn về « phẩm » của thức ăn mới là điều quan trọng.

17,2% dân số thế giới mỗi ngày mới được hưởng mức trung bình 30 gờ ram đảm bạch sinh. Bên « ranh giới cái đói », trong 100 người, có 83 người bị lả đi. Lại kể trong số 83 người người này có 53 người ăn không được 15 gờ ram đảm bạch sinh mỗi ngày, nghĩa là theo một chế độ thực phẩm của nghèo khổ.

Trong khi chờ đợi một tổ chức thị trường thế giới thực phẩm chung — chương trình này cũng chỉ có thể giải quyết tình trạng một phần nào, người ta tính rằng số thặng dư không thể cung cấp được đủ thực phẩm cho các nước thiếu mỡ mang — vấn đề giải quyết nạn đói trước hết là vấn đề phân phối, và chúng ta có hai lợi khi đề đối phó : tăng gia năng xuất trồng trọt của mỗi xứ, và tìm thêm đất mới để phát triển nông nghiệp.

Kho tàng thiên nhiên — dưới biển, trên đất, loài vật và cây cỏ — bao giờ, cũng vô cùng phong phú. Có 350.000 loại thảo mộc thì bây giờ người ta mới trồng được 600 loại, và trong 2 triệu giống vật, thì chỉ có 50 giống là người ta nuôi để ăn thịt được.

Nếu chỉ kể những đất đai có thể trồng trọt được mà con người biết lợi dụng, thì năng xuất có thể ngày càng tăng lên gấp bội. Từ thời Nêrou đến Napoléon năng xuất cho mỗi miền lúa mì là 7 trăm ký-lo, từ 1856 lên được 1000 ký-lo, từ 1900 thì tới mức từ 1 đến 2 tấn. Bây giờ con số ấy có thể lên tới 4 tấn.

Ở Mỹ-châu, sức sản xuất hết sức phong phú, mỗi nông gia, từ 1910, ngoài mình ra, còn có thể nuôi được 10 người nữa; hiện nay thì một người lại có thể nuôi được 20 người,

và theo các nhà chuyên môn, đến năm 1975, con số ấy có thể lên đến 42. Người nông dân Á-Phủ-Hãn, hay Y-Rắc không sao tự nuôi đủ mình, đến năm 1975, năm triệu người Mỹ có thể nuôi đủ cho 210 triệu người khác.

Thay thế cho cây tay cổ từ ngày xưa, máy cày bây giờ đã cách mạng hẳn nông nghiệp. Từ 1958, số cày máy trên thế giới là 10 triệu cái, mà 5 triệu đã dùng ở Mỹ-châu. Cày máy đã giải quyết một phần tối quan trọng trong công việc khai khẩn đất, làm bớt thị giờ, đỡ công khó nhọc.

CHINH PHỤC NHỮNG ĐẤT MỚI

BIỆN pháp đầu tiên là phải sản xuất ngay tại chỗ, biện pháp thứ hai là đi tìm những đất mới để khai khẩn.

Con sông Zambèze ở Phi Châu, dòng nước chảy xiết dữ dội đã nổi tiếng như một con ngựa bất kham bất trị, thế mà cũng bị chế ngự bởi bàn tay con người : nó bị ngừng lại ở chỗ cò hòng khi chảy qua Kasiba bởi một con đê khổng lồ xây bằng xi măng. Đến đây dòng nước bị chảy chậm lại, và biến thành một cái hồ lớn nhất thế giới : dài 270 cây số, rộng gấp 45 lần thành phố Ba Lê.

Rồi đến sa mạc Sahara, rộng gấp tám lần nước Pháp, nhỏ kém hai phần nước Trung Hoa, bây giờ đã bắt đầu hữu ích cho con người. Người ta khám phá ra rằng dưới sáu miền sa mạc Sahare vẫn có những dòng nước ngầm ngấm ngấm chảy : có chừng vài chục tỷ thước khối nước tích lũy từ hàng bao năm nay, khi nào người ra được những nguồn nước này, thì sẽ có những vòi nước phun ra mỗi phút là 2 vạn thước khối nước.

Một kế hoạch mở mang nông nghiệp sa mạc Sahara khác là làm chảy ngược hai dòng sông Niger và Sénégal. Năm triệu cây số vuông cát ở sa mạc Sahara lại còn sẽ được tưới bằng nước biển, — sau khi đã dùng phương pháp làm cho hết chất mặn do đó người ta sẽ có thêm biết bao nhiêu đất đai để sản xuất.

Ở Do Thái, những miền đất hoang vu rộng mông mênh từ xưa bây giờ cứ bị đuổi lùi dần về nhường cho những

vườn ruộng tốt tươi. Một phát minh mới của bác sĩ Do Thái Bursztyn đã đem lại rất nhiều hy vọng cho đồng bào ông. Bác sĩ cho tưới lên những cồn cát chuyển động một thứ nhựa rẻ tiền, nhựa này làm dính các hạt cát với nhau, và ngăn cản được sự chuyển động của cát, đồng thời lại biến thành một thứ phân bón rất tốt vì trong đó chứa nhiều chất đạm. Sau một năm, chất đạm này ăn sâu xuống đất, cồn cát sẽ không còn chuyển động nữa và trở nên phì nhiêu. Cũng nên biết cát ở thế giới chiếm một diện tích gấp đôi Mỹ quốc. Cuộc thí nghiệm của Do thái sẽ mang lại cho người ta một số đất rộng lớn để trồng trọt.

THAY ĐỔI MÔI TRƯỜNG CỦA BIỂN CẢ

THEO ông White và Markin thì cần phải đặt hai trung tâm lò nguyên tử thật mạnh ở mỏm Alaska và Sibérie thì có thể làm cho bớt lạnh miền bắc cực. Làm như thế người ta sẽ đưa được 50 triệu thước khối nước nóng mỗi phút về miền địa cực. Nếu thực hiện được công trình này, thì những miền quanh năm tuyết phủ, băng đông như Sibérie thì quanh năm sẽ là mùa xuân bất diệt.

Trong cuộc chiến đấu với cái đói, nghề nuôi súc vật hiện đã mở một chân trời rộng lớn. Ở thế giới có tới hơn hai tỷ trâu bò, dê cừu. Những cánh đồng cỏ ở miền nhiệt đới, nếu được săn sóc khá hơn lên, thì con số hai tỷ trên có thể sẽ lên gấp đôi.

Ở Pháp, hồi 1870 một con cừu sản xuất được 6 kí pho mát, đến năm 1930 thì tăng lên 27 kí, 1960 lên đến 30 kí. Ở Hoa Kỳ, trước đây một thế kỷ số sữa bò sản xuất hàng năm là 600 lít; bây giờ trên 2000 lít.

Gương tốt đáng cho ta lưu ý là ở Do Thái chỉ trong vài năm, dân tộc này đã biến một miền đất cằn cỗi thành ruộng đất phì nhiêu. Bò Hòa Lan nổi tiếng mỗi năm sản được 4.000 lít sữa, thế mà vẫn thua bò Do Thái, mỗi ngày sản được trung bình 12 lít sữa.

Chúng ta đang ở vào thời đại của nghề đánh cá khoa học. Biển chiếm 71% diện tích trái đất. Thế mà theo tỷ lệ, cá chỉ

mới dùng được 1 phần trăm vào thực phẩm của con người. Ở Tích Lan, trung bình một dân chài kiếm được nửa tấn cá hàng năm trong khi ấy, một dân chài xứ Ý-nhĩ-Lăng kiếm được 65 lần hơn. Nghề nuôi cá ở hồ, ao cần phải khuếch trương mạnh mẽ, vì cá đem lại cho chúng ta rất nhiều đàn bạch sinh.

Thế kỷ XX, loài người đã tiến đến mức phóng lên không gian những vệ tinh nhân tạo, nhưng vẫn chưa làm sao thắng được các loài côn trùng. Côn trùng đã làm hại đến 20% sản xuất thực phẩm thế giới, 80% còn lại để nuôi gần 3 tỷ người. Nếu tìm cách trừ được các loại phá hoại, thì mỗi ngày người ta có thêm được 750 triệu khẩu phần nữa, Sự thiếu thốn về thực phẩm là một vấn đề nguy khốn nhất, hiện người ta có tìm cách giải quyết được phần nào chăng? Nhà côn trùng học Sckenking khảo sát trong ba mươi năm đã tìm ra được 750.000 loài côn trùng. Châu chấu tương đối coi là loài khỏe nhất. Một con châu chấu mỗi ngày ăn hết một số lượng cân bằng chính sức nặng của nó.

Người ta đã thấy có hàng đoàn châu chấu bay trong một khoảng 7200. cây số vuông, nghĩa là khoảng 99 cây số bề dài, 80 cây số bề rộng, và sức nặng của chúng chừng 50.000 tấn. Khi 50 ngàn tấn châu chấu tàn phá một vùng nào, trong một ngày, nó có thể ăn hết số thực phẩm của 5 triệu người. Đó là mới kể một đoàn châu chấu, trường hợp có hàng ngàn đoàn châu chấu tàn phá liên tiếp trong nhiều ngày đêm thì tình trạng sẽ như thế nào.

Giống cào cào thường bay nương theo luồng gió trung bình 17 cây số một giờ. Hồi 1945, theo lối nương luồng gió, một đoàn cào cào bay từ Maroc trong một ngày được 1700 cây số không nghỉ. Thường thường, cào cào bay mỗi ngày được 150 cây số.



ĐẾN ngày mà nguyên tử lực sẽ được dùng dưới hình thức như điện lực, thì nông nghiệp sẽ được cách mạng hóa. Lúc đó sẽ có khẩu hiệu « nguyên tử lực chống nạn đói. Chiến

tranh chống đói cũng có những khi giới bí mật đưa ra đề tiêu diệt một tai nạn lớn của nhân loại.

Người ta đang tìm cách chế ra một thứ máy gọi là (photosynthèse) » khiến cho cây cối lợi dụng sức nóng của mặt trời biến không khí và nước thành thực phẩm. Nếu một ngày kia thiên nhiên mở màn bí mật ấy cho ta, thì nhân loại phải cúi thấp xuống mà cảm ơn nhà bác học Robert Hill, người đang nghiên cứu thứ máy lạ lùng nói trên.

Dấu mình trong các miền bùn lầy, các ruộng đất hoang phế, các nhà bác học của tổ chức chống nạn đói quốc tế đang đem trí óc để khám phá, tìm tòi những phương pháp những đất đai, hầu đem lại sự no vui cho con người.

(Theo GEORGES ZOTTOLA)

HOÀNG LAN



SÁCH MỚI. — ĐÊM XUÂN TRĂNG SÁNG — Gồm tám truyện ngắn đặc sắc của nhà văn **Võ-Phồn** tác giả « Mưa đêm cuối năm » đoạt giải thưởng văn chương Toàn Quốc năm 1960. Sách dày 370 trang do nhà Nguyễn-Đình Vượng xuất bản. Một truyện ngắn để đọc suốt một mùa Xuân.



ĐỪNG QUYỀN EM. — Tập thơ đầu tay của nữ sĩ Thu Mai, bìa do họa sĩ Nguyễn Khắc Vinh trình bày, in trên giấy tốt, gần những bài thơ đặc ý của nữ sĩ.



HÀ NỘI NGÀY NAY. — Của Người Thăng Long. Đây là một hồi ký, trong đó tác giả thuật lại cuộc sống cơ cực của dân chúng Hà Nội dưới ngụy quyền Cộng sản. Sách trình bày rất đẹp, rất hữu ích cho những ai muốn tìm hiểu thực trạng miền Bắc.



VIỆT NAM DANH NHÂN TỪ ĐIỀN. — Của Nguyễn Huyền Anh, do Hội Văn Hóa Bình dân xuất bản, sách dày 350 trang in trên giấy tốt, khổ chữ rất công phu, lợi ích cho học sinh và sinh viên các trường. Văn Hữu cảm ơn các tác giả và ân cần giới thiệu cùng độc giả.

-
- Những Phật tử muốn học tập đúng lời Phật dạy, muốn góp phần chấn hưng nền văn hóa Phật giáo nước nhà
 - Những nhà nghiên cứu muốn tìm hiểu chân lý cao thâm của Đạo Phật
 - Những văn nghệ sĩ muốn bảo tồn quốc hồn, quốc túy trong công trình sáng tạo của mình
 - Những ai đang khao khát tìm một chỗ nương tựa tinh thần, một lý tưởng cho cuộc đời
 - Những ai muốn biết tin tức Phật giáo nước nhà và thế giới

HÃY XEM :

Liên hoa nguyệt san

- Có phát hành tại chùa Xá Lợi Ấn Quan Saigon và các chùa Phật giáo cùng các nhà sách lớn trong nước. Giá mỗi số 10đ,00

Tòa soạn đáp thư bạn đọc

Trong hai tháng qua, chúng tôi nhận được rất nhiều thư và sáng tác phẩm của quý bạn đọc. Văn Hữu trân trọng đáp thư quý bạn và rất mong bạn đọc xa gần tiếp tục gửi thư góp ý xây dựng cùng sáng tác phẩm về tòa soạn.



— **THƯỢNG TỌA THÍCH ĐỨC TÂM**, 66 Chi Lăng Huế. — Lời yêu cầu của ông, chúng tôi đã thực hiện trong số này và trân trọng cảm ơn quý tòa báo đã có nhã ý gửi biểu chúng tôi tập Liên Hoa Nguyệt San.

— **NỮ SĨ HOÀNG MAI** — Saigon. Chúng tôi đã gửi tiền nhuận bút bài « Những tia chớp Đầu Núi Xa » của cô cho bạn Tường Linh vì rất tiếc, chúng tôi không rõ địa chỉ của cô để cầm đến trao tận tay hoặc nhân cô đến tòa soạn lấy theo đúng nguyên tắc và phép lịch sự. Mong cô tiếp tục gửi bài và thi phẩm về.

— **ÔNG HOÀNG LINH HẢI** — Phan Thiết. — Chân thành cảm ơn bạn đã có lời khen ngợi nội dung hình thức trong thư. Chúng tôi sẽ cố gắng và nuôi dưỡng Văn Hữu sống lâu và càng ngày càng lớn mạnh. Chúng tôi đang xem bài thơ của bạn ; mong sáng tác mới của bạn. Đa tạ.

— **ÔNG VŨ VIỆT KHOÁT** — Qui Nhơn. — Cảm tạ những lời khen ngợi nồng nhiệt của ông ; chúng tôi nguyện cố gắng. Cũng như những lần trước, nay chúng tôi xin mách ông cách mua báo Văn Hữu : Vì báo in ra có hạn, nên không đủ phát hành sâu rộng trong toàn quốc nên ở địa phương bạn không có mặt của Văn Hữu ; vậy bạn nên liên lạc với Ty thông tin Bình Định (tại Qui Nhơn) hỏi mua hoặc gửi tiền về tòa soạn đặt mua (15 đồng mỗi số với tiền bưu phí). Trong thư ông đặt mua 8 số vậy ông gửi tiền vào tòa soạn đề lên ông Nguyễn-Cửu-Vĩnh, quản lý báo Văn Hữu — Đa tạ.

— **CÔ NGUYỄN thị THÌN** — Ty học Chánh Pleiku. — Đã nhận được tiền đặt mua sưu tập Văn Hữu. Chúng tôi đã cho đóng thành lập và đã gửi lên cho Cô — Nếu có sự chậm trễ là do phương tiện vận chuyển.

— **ÔNG THÁI VÂN PHONG** — 30 Nguyễn tri Phương Gia định —
Bài thơ « Không Đề » của bạn vào giờ chót, tòa soạn xét thấy không
thể đăng được vì một lý do về tác dụng của nội dung. Vậy mong bạn
vui lòng thông cảm tiếp tục gửi tác phẩm mới khác ; tòa soạn sẵn dành
cho ông một cảm tình đặc biệt. Thông cảm.

— **BÀ MỘNG TUYẾT** — Bình Dương. — Ý kiến xây dựng của bà
rất xác đáng, chúng tôi ghi lại để cố gắng thực hiện theo lời đề nghị
của bà. Về điểm thứ hai trong thư, bà đề nghị bỏ phần đặc biệt vì quá cao
đối với trình độ của độc giả bình dân, nhưng chúng tôi không thể bỏ phần
đó được vì chính phần đặc biệt đó làm cho Văn HỮU có một cá tính đặc
biệt. Chúng tôi chỉ có thể làm nhẹ nó bớt đi mà thôi. Mong bà thông cảm.

— Cùng qui ông : **LÂM VĂN TỬ** — **LÝ KIM PHIỆT** — **ĐOÀN MINH
TRIẾT** và một độc giả ở Hương Quảng : Văn HỮU gửi lời cảm ơn chân thành
đến qui bạn. Những ý kiến xây dựng của qui bạn làm chúng tôi thêm
phần phấn khởi và chúng tôi cố gắng thực hiện những đề nghị xác đáng
của qui bạn để Văn HỮU mỗi ngày thêm xứng đáng với lòng tin yêu của
bạn đọc bốn phương.

TÁC PHẨM NHẬN ĐƯỢC :

TÌM CHÂN LÝ (Thái-Vân-Phong) — **TAN TÁC** (Nghiem-Lệ-Quán) —
NGUỒN SỐNG (Ngô-Văn-Ban) — **XUÂN CA** (Hồ-Điệp-Tử) — **HƯƠNG
THƯỢNG** (Minh-Thành) — **VÀNG** và **MÁU** (Bạch-Tùng-Lâm) — **HÀ NỘI
MẾN YÊU** — (Phương-Giang) — Và một số thi phẩm khác.

Chúng tôi đang đọc và sẽ lần lượt đăng tải.

SĨ-TRUNG

Đính - Chính

Trong bài « Quê Hương Người Cộng Sản ở
Đâu ? », ở giòng 7 cột 2 trang 14 có một lỗi.
Thay vì : « Khi thì quốc gia lúc nước mình là tư
bản », xin đọc là : « Khi thì **PHẢN** quốc gia lúc
nước mình là tư bản. »

PHƯỚC LỘC THỌ TỬU GIA

TRƯƠNG-KÝ

55-59, TÂN-ĐÀ – CHỢ LỚN

Điện thoại số 36.225



Có ba loại cỗ tiệc giá :

800\$ — 1000\$ — 1200\$

Với 8 món ăn đặc biệt, sơn hào hải vị, và tráng miệng trái cây tươi.

HAI MƯƠI MẤY NĂM GIỮ MỘT

TÔN CHỈ DUY NHẤT LÀ :

- TÔN TRỌNG Ý CHỈ CỔ KHÁCH
- ĂN NGON, GIÁ RẺ, VỆ SINH
- ĐÓN TIẾP LỊCH SỰ

Chủ nhân kính mời

CUNG CHÚC TAN XUÂN

XƯỞNG DỆT



LIÊN-TÂN

46, Đường Bùi-Hiếu-Nghĩa — CHỢ LỚN

Bốn xưởng chuyên sản xuất nhiều áo thun, ĐẸP, BỀN, CHẮC, RẺ TIỀN, rộng vừa mặc không bó mình, đường may kỹ lưỡng, ai ai có xài đều công nhận sự kỹ lưỡng của xưởng chúng tôi. Đồng bào cần mua nên cần thận tìm cho được thứ nhãn hiệu như sau :

« 1 TRÁI ĐÀO » « 2 TRÁI ĐÀO » « 3 TRÁI ĐÀO »
trên có ghi hiệu xưởng dệt LIÊN-TÂN, để khỏi lẫn với những nhãn hiệu khác.

Ngoài ra Bốn Xưởng có sản xuất hai loại áo thun tơ hảo hạng hiệu « 2 TRÁI ĐÀO » và hiệu « 339 » để đền đáp lòng chiều cố của đồng bào. Ban Giám Đốc sẽ bán đại hạ giá 2 loại áo thun nói trên :

MUA MỘT TẶNG MỘT

Chủ nhân kính mời và nhắc nhở quý khách hàng nên thận trọng lựa chọn nhãn hiệu của bốn xưởng.



I viên

cửu-long-hoàn

bằng 10 thang

thuốc bổ

VUI VẺ, TRẺ TRUNG

YÊU ĐỜI NHỜ

cửu-long-hoàn



XE BUÝT

PHƯƠNG TIỆN

XÊ DỊCH

RẺ TIỀN

CÔNG QUẢN CHUYÊN CHỞ CÔNG CỘNG
Đ. TH. SÀI - GÒN

Văn-phòng : 120 đường Dương-công-Trung
PHÚ - MỸ (GIA - ĐỊNH)

Dầu BỒNG TIÊN

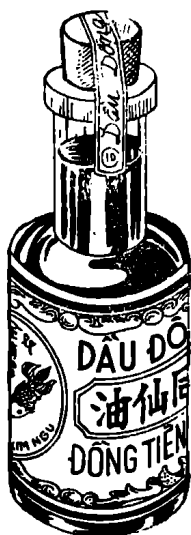
TRỊ VÀ NGỪA

BÁ CHỨNG

Tổng phát-hành

493, đại-lộ Đồng-khánh

CHOLON



- ★ BỒ HUYẾT
- ★ DƯỠNG SỨC
- ★ CƯỜNG LỰC

CỬU-LONG-HOÀN

V. Đ. Đ. Đ.

Đ. Đ. Đ. Đ.

126, đường Nguyễn-duy-Dương
CHOLON

